

THIỀN PHÁI TRÚC LÂM VIỆT NAM
BAN QUẢN TRỊ



KHÁNH THỌ BÁCH TUẾ
HÒA THƯỢNG TÔN SƯ

PL 2566

8/12 Nhâm Dần - 30/12/2022

KHÁNH THỌ BÁCH TUẾ HÒA THƯỢNG TÔN SỰ

PL 2566
08/12 Nhâm Dần - 30/12/2022

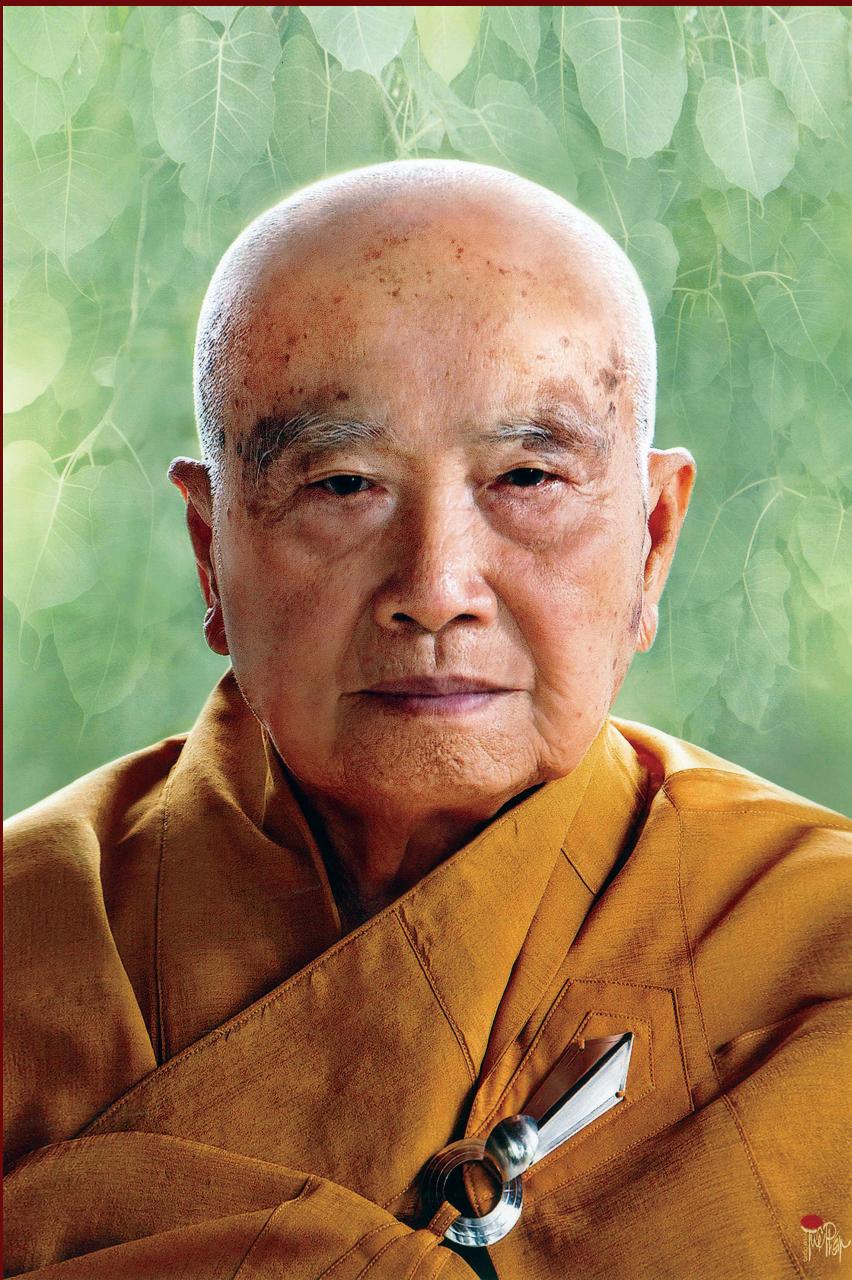
THIỀN PHÁI TRÚC LÂM VIỆT NAM
BAN QUẢN TRỊ



KHÁNH THỌ BÁCH TUẾ HÒA THƯỢNG TÔN SƯ

PL 2566
08/12 Nhâm Dần - 30/12/2022

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



THIỀN SƯ
THÍCH THANH TỪ

BAN BIÊN TẬP
KÝ YẾU BÁCH TUẾ HOÀ THƯỢNG TÔN SỰ

Chủ biên:

- HT. THÍCH NHẬT QUANG
- HT. THÍCH THÔNG PHƯƠNG

Thực hiện:

- HT. Thích Thông Thiền
- TT. Thích Tâm Thuần
- TT. Thích Tâm Hạnh
- TT. Thích Đạt Ma Viên Diệu
- ĐĐ. Thích Đạt Ma Chí Nhân
- ĐĐ. Thích Đạt Ma Nguyên Học
- ĐĐ. Thích Đạt Ma Quang Tuệ
- NT. Thích Nữ Như Đức
- NS. Thích Nữ Hạnh Nguyên
- NS. Thích Nữ Hạnh Chiếu

Lời dẫn

Ngót năm mươi năm, tôi vẫn còn nhớ lời Thầy: “Bây giờ các Tăng Ni trẻ nào hâm mộ tu thiền, muốn tu thiền thì theo tôi xuống núi, về Long Thành cạo đất mà sống và tiếp tục tu hành như sở nguyện của mình.”

Thế rồi, một số tăng ni trẻ đã tu học tại Chơn Không, Linh Quang, Bát Nhã và một số các vị hâm mộ tu thiền, học thiền, lục tục chuẩn bị hành trang theo Thầy xuống núi. Ngoài cái học Phật pháp, học thiền và luật nghi của người tu, bấy giờ chư huynh đệ còn phải học làm ruộng làm rẫy, trồng khoai trồng rau, tập sống một đời thuần phác lao động và giữ vững ý chí tu hành.

Thầy dạy phổ hiện pháp tu vào sinh hoạt hàng ngày, chỉ bảo một cách cụ thể là phải biết thương mình ráng tu. Một việc tu này không ai thay được, mình tu cho mình, không phải tu cho ai khác. Cố gắng phấn đấu, nhất là tranh đấu với các thói quen hèn nhát sợ cực sợ nhọc. Bấy giờ anh em cũng có vài vị kiệt sức, thoái lui. Tuy nhiên số thiền sinh còn lại chắc thực tiến lên, mở ra một sức sống vui trong sinh hoạt tu học, lao động. Một số văn nghệ sĩ Phật tử và nhóm văn nghệ bỏ túi của huynh đệ, góp vui vào cuộc sống mộc mạc thiền tăng thuở ban đầu.

Những ca từ: "Một ngày không làm là một ngày không ăn, dắt trâu ra đồng vừa làm vừa chăn. Trâu đen rồi đây sẽ là trâu trắng, chẳng phí đi kiếp người mới thật là tăng...", Thường Chiếu quê hương, Chăn trâu 1, Chăn trâu 2, Như nói với tôi, Cuộc sống vui... làm dấy lên phong trào vui tu, giúp anh em khuây khỏa phần nào lúc lao động nhọc nhằn. Huynh đệ cùng tiến tu, làm tốt tương đối các công việc khó khăn gian khổ ban đầu.

Tôi vẫn không quên hình ảnh mỗi lần thầy từ Chơn Không xuống, vào thẳng trai đường, ngồi trên chiếc ghế do anh em đóng bằng từng thỏi tre, đem từ rừng Viên Chiếu về. Hồi này Thường Chiếu mặc mạc đơn sơ lấm. Thầy ngồi đó thăm hỏi từng việc, sách tấn huynh đệ tu học và hướng dẫn làm việc, trôi tròn tất cả. Khung trời ấy đến bây giờ vẫn nguyên vẹn trong tôi tình thầy trò, nghĩa huynh đệ. Vui tu vui học.

Mặt tu thuận lợi, khởi sắc. Song song đó, mặt học tập cũng được bắt đầu. Người xưa ví học tập và làm việc như ăn cơm uống nước, hai thứ này thiếu trễ vẫn chưa đếnỗi phải chết. Chỉ có tu là như hơi thở, một khi thiếu hơi thở thì không thể nào sống được, có lẽ chết liền. Nói cho cùng vấn đề tu cần phải xem trọng, hơn cả hơi thở. Hơi thở còn là sự sống còn. Hơi thở dẫn đạo mọi thứ giữa đây. Nó quan trọng, trân quý, không thể nào vắng thiếu chừng trong giây phút. Đã vậy thì chúng ta phải bảo vệ nó, không thể lơ là, phải hít thở điều hòa để bảo vệ mạng sống. Cũng thế, ta phải tu làm sao, sống làm sao để bảo vệ được cái tâm của chính mình. Phải vững tiến việc tu học, bảo vệ việc tu học trong bất cứ giai đoạn nào, chính là vun bồi và bảo vệ tâm bồ-đề của chính mình.

Các huynh đệ thương tôi trong giai đoạn này, đã cùng chia sẻ công phu tu hành và mọi sinh hoạt trong thiền viện. Anh em cùng gắn bó dùi dẫu nhau qua những chặng đường dài, trong đó cũng không ít khó khăn trở ngại, nhưng nhờ ân đức và lòng từ mẫn của Thầy, mà chúng ta vượt qua tất cả. Tấm lòng này của chư huynh đệ, tôi rất trân quý và luôn tự khắc tự hứa, làm tốt việc bốn phận của mình một cách xứng đáng.

Phần tôi đã vậy, mong chư huynh đệ đồng tu đồng học, cũng phải tự khắc tự hứa bước lên khung trời tịnh thanh, xứng đáng hơn sự hiện diện của mình. Chúng ta nhất tâm nhất trí đồng hành vì đạo, vì con đường thiền tông Thầy đã dày công khôi phục, rộng mở, mà nỗ lực tu tập và lợi lạc quần sanh. Chỉ có như thế, chúng ta mới phần nào đền đáp được thâm ân cao dày của thầy tổ.

Nhờ hồng ân Tam bảo, phước duyên tăng thượng, năm này Thầy của chúng ta bước vào tuổi bách tuế. Toàn thể chư tăng ni Phật tử hàng môn hạ của Thầy cùng tụ hội về tổ đình Thường Chiếu, thành tâm hướng về Ân sư, chí thành chí kính chúc nguyện Thầy thân luôn điều hòa, tâm tuệ viên mãn, trụ thế dài lâu, là nơi nương tựa cho tăng ni tứ chúng vững tiến tu hành, thành tựu Phật đạo, lợi lạc quần sanh.

Tập Kỷ Yếu Kính Mừng Bách Tuế Tôn Sư ra đời, đây là chút lòng thành của toàn thể chúng đệ tử dâng lên cúng dường Thầy, tưởng nhớ đến thâm ân giáo hóa của Thầy. Cúi mong Thầy thương mà chứng tri.

TM. Ban Văn Hóa Thường Chiếu
HT. THÍCH NHẬT QUANG



ĐÈN THIỀN
SÁNG LẠI

THẦY HIỆN TRONG CON

Nhật Quang

Cung kính bạch Thầy,

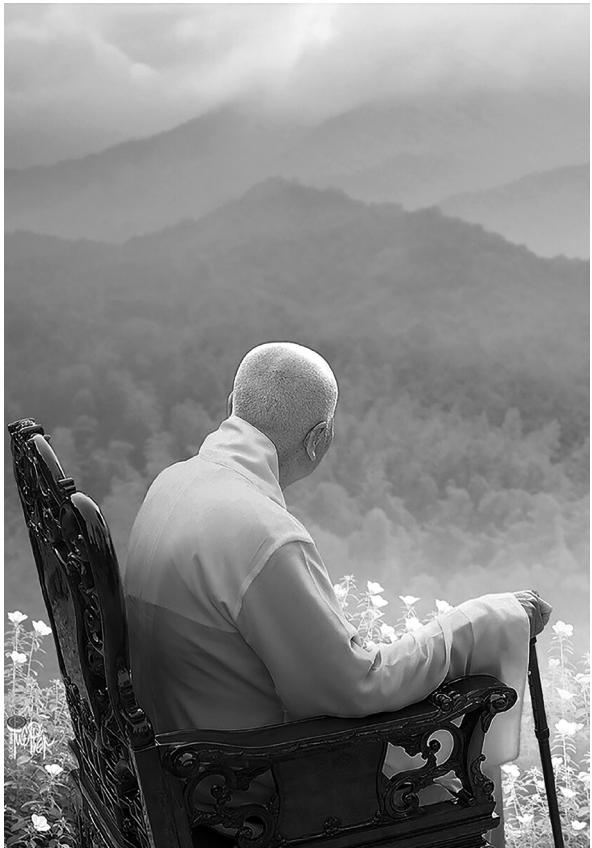
Hôm nay ngày mùng 08 tháng Chạp năm Nhâm Dần - 2022, là ngày truyền thống của Thiền phái Trúc Lâm, cũng là ngày Thầy tròn đầy tuổi thọ bách tuế, viên mãn phúc tuệ và công đức của một thiền sư nước Việt. Giờ này, trong niềm đại hoan hỷ, toàn thể chúng đệ tử thành kính đảnh lễ dâng lên tấc dạ chí thành, thương chúc bách tuế Ân sư, bậc Thầy tôn quý của tất cả chúng con.

Tăng ni Phật tử Thiền phái Trúc Lâm hết sức vui mừng khi Thầy trụ thế dài lâu, làm bậc tùng lâm thạch trụ cho Tăng-già thêm vững mạnh. Thầy là hiện thân của sự tiếp nối mạch nguồn Tổ tông, khiến cho dòng thiền nước Việt tuôn chảy mãi không ngừng, là bậc tông sư mô phạm cho Tăng ni tứ chúng theo về, siêng năng tu học.

Kính bạch Thầy,

Một thế kỷ có mặt trên cuộc đời của Thầy, chỉ như khoảnh khắc khảy móng tay của một tuổi thọ vô lượng không năm tháng. Thế nhưng, với ngắn ấy thời gian ở cõi tạm, cũng đủ để Thầy lưu lại trên trang sử Phật giáo Việt Nam một nét son đáng trân quý, thực hiện trọn vẹn sứ mệnh truyền đăng tục diêm của người con Phật, đánh thức giấc phù sinh, khai mở mắt tuệ cho chúng con và chúng sanh, đem lại ánh sáng đạo cho đời.

Thầy xuất thế năm Giáp Tý 1924 tại miền sông nước Hậu Giang mát ngọt phù sa. Ngày Thầy rời ngôi nhà nhỏ bé nơi dòng sông quê, cũng là ngày Thầy mở ra cho đời mình một dòng chảy mới, dòng chảy mang tính lịch sử ảnh hưởng đến cả dòng thiền nước Việt sau này. Thật là một đại sự nhân duyên!



Chúng duyên sâu dày
đối với Phật pháp, đã được
thể hiện nơi Thầy từ thuở
bắt đầu giong thuyền đại
nguyệt: Là những đêm
chong đèn đọc kinh Lăng
Nghiêm với những xúc
cảm mãnh liệt tại Phật học
đường Phật Quang xứ Bang
Chang Trà Ôn. Là đời tăng
lữ với những đoạn đường
tân khổ, vượt qua nội
chướng lắn ngoại duyên. Là
những nỗ lực không ngừng
trên hành trình tu tập và
phụng sự đạo pháp. Là trái
tim bi mẫn đều nhịp vì lợi
ích của tha nhân.

Vâng theo chỉ giáo của Ân
sư, Thầy bắt đầu thời kỳ thừa

hành các Phật sự, sau khi tốt nghiệp Phật học tại Phật học đường Nam Việt và tốt nghiệp Đại học Phật giáo. Ân Quang, Phước Hòa, Huệ Nghiêm, Vạn Hạnh... là những trung tâm giáo dục Phật giáo lớn, mà ở đó bầu nhiệt huyết và công đức hoằng hóa của Thầy, cùng chư tôn đức được thể hiện trọn vẹn nhất. Bước chân hoằng pháp của quý Ngài đến đâu là ánh sáng Phật pháp tỏ rạng đến đó. Tinh thần học Phật tại miền Nam bấy giờ ngày càng khởi sắc, ngọn đèn chánh pháp được thắp lên tận những miền quê xa xôi hẻo lánh.

Thầy trở thành bậc Thầy mẫu mực của Tăng ni từ những ngày ấy, thổi vào nền giáo dục Phật giáo một luồng sinh khí mới về tinh thần tu học, vừa nghiêm túc vừa cởi mở, để lại cho anh em chúng con những hình ảnh không thể nào quên. Nhớ lần đó, Thầy có giờ văn học Bát-nhã tại Học viện Huệ Nghiêm với

chúng lớn. Đáng lẽ đúng 1 giờ anh em phải có mặt đầy đủ, nhưng toàn lớp đến trễ. Vừa bước vào thấy Thầy đã ngồi đợi, anh em sợ không biết đi cửa nào. Mấy thầy lớn ngồi dãy bàn đầu khép nép lúng túng, còn đám nhỏ chúng con cứ lùi đại ra sau. Thầy nghiêm mặt.

Thế nhưng khi bắt đầu niệm Phật cầu gia bị thì Thầy lại vui lên. Giảng một hồi Thầy cười. Khi hỏi lại bài, một số vị lớn tuổi không trả lời được, Thầy cũng cười. Hỏi đến đám trung trung, Thầy kêu là con đứng dậy liền, nói trúng nói trật gì cũng nói. Thầy cười, cả lớp giảm nhiệt tức khắc, anh em cùng vui. Sau này con mới nhận ra một điều, khi Thầy hỏi mình cứ nói, Thầy vui vì thấy mình chân thật, chứ không phải nói đúng nói sai, nói hay nói dở. Tinh thần học tập này đã khắc sâu trong lòng chúng con, học ra học, tu ra tu, không thể có thái độ lưỡng chừng bê trễ. Và cũng từ đó, đạo tình thầy trò huynh đệ được Thầy nuôi dưỡng ngày một thắm thiết, ăn sâu vào lòng của mỗi học tăng chúng con.

Chiều Huệ Nghiêm vào một ngày hạ năm thứ tư, Thầy nằm vōng, thấy con rón rén gần đó, Thầy kêu lại hỏi:

- Năm này là năm cuối, chương trình sē học kinh Thủ-lăng-nghiêm. Chú có kinh chưa?

Con cúi đầu, thưa:

- Dạ, con chưa có.

Thầy nói rất khẽ:

- Thầy mới đem mây bộ Lăng-nghiêm xưa, từ Tổ đình Phước Hậu về đây. Cho chú một bộ, giữ lấy mà học.

Hai tay con đón nhận bộ kinh, cảm động không nói nên lời. Không chỉ riêng con, mà hầu hết huynh đệ cùng lớp, ai ai cũng đều nhận được tấm lòng này của Thầy. Kể lại những kỷ niệm, những ân tình từ Thầy, chúng con ý thức được một điều, nếu không có Thầy sē không có chúng đệ tử ngày hôm nay.

Kính bạch Thầy,

Nhân duyên theo Thầy học đạo, con là đứa học trò kết duyên sâu dày với Thầy. Nhớ năm xưa khi chúng con còn dự học ở Phước Hòa Vĩnh Bình, Thầy về thăm. Trưa hôm ấy chúng con chịu trách nhiệm hầu cơm Thầy, sau đó anh em quây quần bên mâm cơm, bất thắn Thầy xuống thăm. Nhìn con Thầy nói:

- Sau này Thầy mở trường, chú về học với Thầy.

Con cúi đầu nhận lời. Tuy nhiên không biết khi nào Thầy mở trường và trường gì, ở đâu? Thời gian sau, giáo hội có thông báo về việc mở lớp tại Học viện Huệ Nghiêm, Hòa thượng Vạn Đức ký đơn bảo lãnh và giao con tận tay Thầy, cho theo tu học. Con không quên lời Thầy nói với Hòa thượng năm đó: - “Chú ấy là học trò của con. Con đã chuẩn bị cho chú dự kỳ học này, lớp Cao Trung chuyên biệt”. Đây là tiền thân của trường Cao đẳng Phật học Việt Nam thuở ấy.

Sau kỳ thi tốt nghiệp ở trường này, một số anh em chúng con được Thầy chuẩn bị đưa vào Đại học Vạn Hạnh, đồng thời cho phép ở lại trường tham gia các công tác của giáo hội, dạy các lớp đàn em tại đây. Trong những lần chúng con hầu thăm Thầy, Thầy luôn nhắc nhở đời sống tu học và làm việc. Làm gì thì làm, cũng phải nhớ tu là gốc. Bởi vì tu như hơi thở, ngừng thở thì chết. Nhờ thế chúng con có được một định hướng đúng đắn trên bước đường tự lợi, lợi tha của một sứ giả Như Lai.

Năm 1966, sau khi ổn định công tác giáo hội, có được một số chư tăng kế thừa Phật sự tại các Phật học viện, Thầy thực hiện tâm nguyện duy nhất đời mình, lên núi tu thiền. Năm 1968, Thầy ngộ lý Sắc Không tại Pháp Lạc thất sau thời gian nhập thất. Đây là sự kiện trọng đại trong cuộc đời tu của Thầy, mở ra bước ngoặt lớn cho thiền tông Việt Nam cuối thế kỷ XX. Thầy hoan hỷ mở cửa thất và thành lập thiền viện Chơn Không, tiếp nhận thiền sinh khóa đầu tiên. Anh em chúng con thuở ấy vốn vẹn chỉ có 10 vị, nhưng dưới sự hướng dẫn tận tình chu đáo của Thầy, ai cũng vui tu, vững tin nơi chánh pháp, đặc biệt là thiền Đại thừa.

Nhận thấy số thiền sinh ban đầu có thể tu thiền được, lại thêm tăng ni và Phật tử quy hướng ngày một đông, Thầy mạnh dạn mở thêm các thiền viện. Thường Chiếu và các Chiếu lần lượt nối nhau ra đời. Ngày đưa chúng con về Thường Chiếu, Viên Chiếu, Thầy dạy cho Tăng ni biết thế nào là cạp đất mà sống mà tu. “Địa du cố mộc du kiên, gian nan giả phi khốn ngã dã, nhi trợ ngã giả dã”. Nghĩa là đất càng khô cây càng cứng, gian nan không làm ta khốn khổ, chỉ là trợ giúp cho ta đó thôi.

Ứng dụng thiền vào đời sống là một nghệ thuật siêu việt của thiền gia, mà từ ngàn xưa chư Tổ đã thể nghiệm qua. Giờ đây được Thầy thể hiện và hướng dẫn tăng ni hành trì khế thời khế lý. Nhờ thế Thường Chiếu ngày nay trở thành trung tâm giáo hóa thiền tông của Thầy, với một đội ngũ thiền tăng trẻ vui sống học tập và hành thiền an hòa, bình ổn. Các thiền viên lân cận cũng phát triển, chư tăng ni Phật tử quy hướng tu học ngày một đông. Con đường thiền tông bắt đầu mở rộng.

Năm 1993, thiền viện Trúc Lâm khai pháp. Nơi đây Thầy thực hiện lý tưởng tối hậu của đời mình, mong muôn tăng ni tu cho sáng đạo, để mạng mạch thiền tông được cửu trụ nơi đời, lợi lạc quần sanh. Thế là dòng thiền nước Việt sau 700 năm ngủ yên, đến đây bừng sống dậy trên đỉnh Phụng Hoàng. Khí vượng non Yên một thuở lâm liệt uy quang, danh chấn phuong ngoại, không ngờ lại hồi sinh nơi miền đất phuong Nam, lan tỏa khắp muôn nơi và đọng lại trong tâm khảm tăng ni Phật tử hữu duyên theo Thầy tu thiền là sự thức tỉnh quay về, là ánh sáng tự tâm, là Phật ở trong lòng.

Dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử là dòng thiền chính thống của người Việt Nam, do Sơ Tổ Đìều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông khai sáng. Sơ tổ Trúc Lâm, Nhị tổ Pháp Loa, Tam tổ Huyền Quang là linh hồn của thiền phái Trúc Lâm. Nhìn lại dòng lịch sử thiền tông từ ngàn xưa cho đến hôm nay, dù trải qua bao nhiêu cuộc biến đổi vô thường, nhưng mạch sống Phật Tổ vẫn âm thầm luân lưu trong tâm tư dân tộc Việt, tăng ni Việt. Đến cuối thế kỷ XX đâu thế kỷ XXI, sự ra đời và chấn hưng dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử của Thầy, càng khẳng định rõ mạch sống thiền

tông nước Việt luôn được tiếp nối, mãi mãi tiếp nối, vĩnh cửu trong lòng tăng ni Phật tử và dân tộc Việt Nam.

Cương lĩnh của thiền phái Trúc Lâm được Thầy chỉ dạy thật vô cùng giản dị: Biết có chân tâm hay chân tâm vô niệm. “Biết” là đủ. Đây cũng chính là chân tinh thần của Sơ tổ Trúc Lâm “đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền”. Vô tâm trong nhà thiền không phải là thái độ sống hờ hững thiếu trách nhiệm. Vô tâm là cái tâm sáng suốt, không vướng mắc đối đãi, thương ghét buộc ràng. Người vô tâm đến đi trong cuộc đời ung dung tự tại, không đắm nhiễm hệ lụy, làm tất cả việc nhưng không vướng mắc bất cứ việc gì. Tâm Không là tâm Phật, tâm Phật thì luôn hiện hữu, không cần phải tìm cầu đâu xa.

Thầy còn dạy chúng con thường xuyên tu tập “phản quan tự kỷ” trong mỗi mỗi hoạt động thường nhật, bởi vì đó là việc bốn phận chính của mình. Có lần, thiền sư Hương Hải được vua Lê Dụ Tông mời vào cung, hỏi: “Trẫm nghe Lão sư học rộng nhớ nhiều, xin thuyết cho Trẫm được giác ngộ rành rõ”. Ngài không dài dòng, chỉ nói cho vua một bài kệ:

**Phản văn tự kỷ mỗi thường quan,
Thẩm sát tư duy tử tế khan,
Mạc giáo mộng trung tâm tri thức,
Tương lai diện thượng đố sư nhan.**

Nghĩa là:

*Hằng ngày quán lại chính nơi mình,
Xét nét kỹ càng chớ dẽ khinh,
Trong mộng tìm chi người tri thức,
Mặt thầy sẽ thấy trên mặt mình.*

Muốn nhận ra mặt thật xưa nay, cần phải xoay lại khám phá nơi mình. Đây chính là đường lối tu của thiền tông Việt Nam “phản quan tự kỷ bốn phận sự, bất tùng tha đắc”, mà Tuệ Trung thượng sĩ đã trao cho Sơ tổ Trúc Lâm Phật hoàng Trần Nhân Tông từ thuở trước.

Ngày nay, dưới sự trì của Tam bảo, công đức giáo hóa của Thầy, các thiền viện và đạo tràng Phật tử trực thuộc thiền phái Trúc Lâm Yên Tử có mặt khắp nơi trong cung như ngoài nước, tăng ni Phật tử cùng nương tựa tu tập bên nhau. Niềm vui và niềm tin trong công phu, đã chuyển hóa tâm tư hành giả ngày càng rõ nét, đem lại ánh sáng trí tuệ và tình thương trong cuộc sống của mỗi người con Phật. Chân trời an vui giải thoát mở toang, mặc tình cho hành giả cất bước thênh thang. Điều này thể hiện sống động trong sinh hoạt tu tập của thiền sinh tại các thiền viện và đạo tràng thiền tông hiện nay.

Là đệ tử của Thầy, hậu duệ của thiền phái Trúc Lâm, chúng con ý thức mình không thể sơ suất bỏ quên di huấn của Tổ sư, suốt đời hành trì việc bốn phận, lấy giác ngộ làm mục đích tối hậu, lấy trí tuệ làm sự nghiệp, lấy hạnh nguyện độ sinh làm niềm vui bất thối chuyển. Đây chính là phương thức duy nhất để thể hiện tấm lòng biết ơn và đền ơn của hàng đệ tử môn hạ thiền phái Trúc Lâm.

Hôm nay, đối trước Thầy, toàn thể đệ tử chúng con xin dâng lên tấm lòng cảm bội thâm ân của Ân sư, bậc thầy đã suốt đời tận tụy hy sinh vì tác thành đạo nghiệp cho tăng ni tú chúng. Môn hạ đệ tử chúng con nguyện hết lòng đi theo con đường thiền Thầy đã khai sáng, cho tới ngày thành tựu viên mãn mới thôi. Tất cả công đức có được xin dâng lên cúng dường ngày bách tuế của Thầy, nguyện Thầy sống lâu nơi đời, mãi mãi là con thuyền đại pháp, đưa chúng con và tất cả chúng sanh rời bờ mê quay về bến giác.

Hướng về thiền phái Trúc Lâm, lịch đại Tổ sư nước Việt, vâng theo di huấn của Thầy, chúng con nguyện nhận lãnh trọng trách mỗi đèn tiếp lửa, thắp sáng ngọn tâm đăng Phật tổ, giữ gìn đạo mạch thiền tông nước Việt dài lâu. Nguyên Phật giáo Việt Nam cửu trụ nơi đời, ánh sáng đạo lan tỏa khắp muôn nơi, xua tan bóng tối vô minh, đem nguồn an vui hạnh phúc đến cho dân tộc và đất nước Việt Nam muôn đời. ■

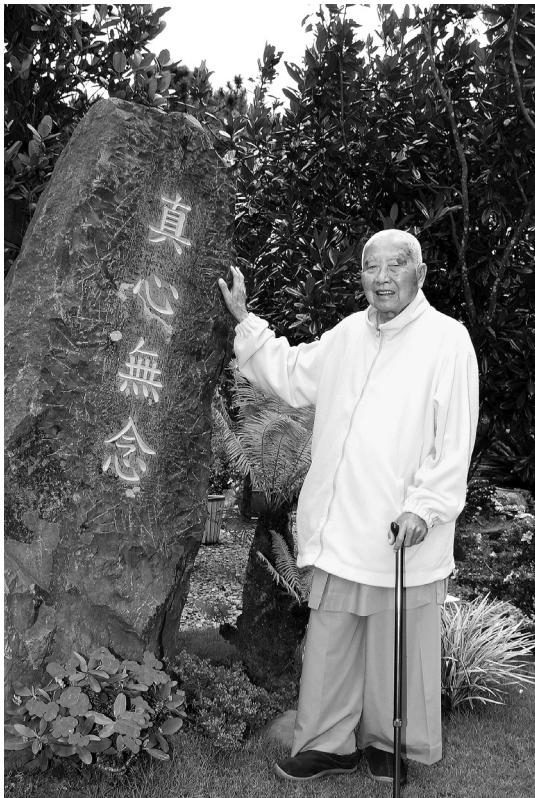
CHƠN TÂM VÔ NIỆM

Đắc Huyền

Trong thập niên 80 tuổi của Thầy, Thầy có cho làm một tấm bia đá, khắc lên dòng chữ “Chơn TÂM Vô Niệm” được dựng trước cửa thất Thầy.

Đó là tấm bia duy nhất được khắc bằng chữ Nho (真心無念).

Đây có thể coi như là lời dạy sau cùng. Theo hình ảnh Thầy đứng chụp chung với tấm bia, một tay Thầy vừa chỉ dòng chữ và miệng Thầy như đang đọc chữ Vô (無), để trở thành âm thanh “Vô Niệm”. Dù hiện nay Thầy không giảng dạy nữa, nhưng âm thanh vang động khắp muôn phương. Thầy đã khai thị cho bao nhiêu chúng đệ tử biết rằng cái “Chơn TÂM” là Vô Niệm. Nương vào đó mà ta có thể nêu lời trướ Ngài rằng: “Vô Niệm ấy Chơn TÂM”. Con có thể ngay đây mà tỏ rõ rằng cái “Chơn TÂM” chính là “Đời Sống Vô Niệm”. Vậy là vấn đề đã được sáng tỏ, có ra được đáp số mà bao nhiêu năm đã mày mò. Điều này có nghĩa: Muốn ngộ ra cái Chơn TÂM thì từ Vô Niệm mà hay ra, tức ngộ ra. Vậy đúng như lời đức Lục tổ Huệ Năng:



“Này Thiện Tri Thức, trí huệ quán chiếu trong ngoài sáng suốt, rõ tự Bản TÂM. Nếu rõ Bản TÂM tức là gốc giải thoát. Nếu được giải thoát tức là Bát-nhã tam-muội, tức là Vô Niệm. Sao gọi là Vô Niệm?

- Nếu thấy tất cả Pháp mà Tâm chẳng dính mắc ấy là Vô Niệm, liền biến khắp tất cả chỗ. Cũng chẳng bị dính mắc tất cả chỗ. Chỉ định Bản TÂM khiến sáu Thức ra sáu cửa ở trong sáu Trần mà chẳng nhiễm, chẳng rối loạn, đi lại tự do thong dong không dính mắc tức là Bát-nhã tam-muội, tự tại giải thoát gọi là hạnh Vô Niệm.

Nếu trãm vật chẳng nghĩ, thường khiến niệm dứt, tức Pháp bị trói gọi đó là “Biên Kiến”.

Này Thiện Tri Thức, người ngộ Pháp Vô Niệm thì muôn Pháp đều Không, ngộ Pháp Vô Niệm đó thấy các cảnh giới Phật, ngộ Pháp Vô Niệm thì đến địa vị Phật.”

(*Kinh Pháp Bảo Đàn - Lục Tổ Huệ Năng* 638 - 713).

Thầy đã dùng danh từ Chơn TÂM là một từ ngữ trong kinh Thủ-lăng-nghiêm. Danh từ này đã làm cho ngài A-nan đã rất là lúng túng. A-nan đã bảy lần hỏi Phật về cái Chơn TÂM này. Và cuối cùng rồi thì đức Phật cho biết cái Chơn TÂM là cái không 6 căn, không 6 trần, không 6 thức, không 12 xứ, không 18 giới. Như vậy không luôn cả tấm thân này. Đó là chỗ rỗng rang không trống, không tất cả tâm sinh diệt, tức là không tất cả Niệm (tâm sinh diệt = Niệm). Đó chính là “Đời Sống Vô Niệm”, nên Vô Niệm ấy là Chơn TÂM. Và như vậy Vô Niệm chính là TÁNH KHÔNG trong kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vậy Vô Niệm chính là TÁNH KHÔNG, là Đời Sống Vô Niệm.

Thầy nói: “Chơn TÂM Vô Niệm”, quả là lời khai thị chính xác. Đó là lời mà vẫn bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền. Lời khai thi này tuy là lời nhưng vẫn là vô ngôn. Vô ngôn mà vẫn vang vang khắp đại thiên sa giới suốt thời gian. Thế nên tổ Huệ Năng đã thốt lời: “Vô Niệm vi Tông”, đó là

cái gốc để ngộ ra cái “Chơn TÂM”, cái “Phật TÁNH”, gọi là Kiến TÁNH.

Nay Thầy không còn giảng dạy, tuy nhiên âm thanh và ngôn ngữ vẫn luôn đồng vọng khiến cho cõi lòng con được an bình biết mấy. Đây là một bài pháp “An Tâm” ở thế kỷ XXI và sẽ kéo dài hơn nữa.

“Chơn TÂM Vô Niệm - Vô Niệm, ấy Chơn TÂM”

Với Luận Đại Thừa Khởi Tín nói: “Nếu được Vô Niệm” thì gọi là “nhập Chơn Nhu”. Vô Niệm thì chứng Chơn Nhu, chứng Chơn Nhu thì Vô Niệm (Chơn Nhu đó chính là Chơn TÂM) _ Chơn TÂM thì Vô Niệm... Vô Niệm là đạt đến mức Chứng nhập Chơn Nhu (Chơn TÂM).

Ở sách *Bồ-đề-đạt-ma Ngộ Tánh Luận* nói:

Chẳng phải đuổi chi tìm nhọc lắm

Khá hay Vô Niệm mới thật cầu

(Chơn TÂM).

Kinh Viên Giác nói: “Lóng lòng Vô Niệm thì tuỳ thuận Viên Giác TÁNH”

Vậy nên điều Thầy khai thị: “Chân TÂM Vô Niệm”, thật không khác với lời Phật, với kinh luận Tổ, thật chính xác.

Ai hay kinh điển văn tự tràng giang ấy.

Chỉ tóm lại bằng bốn chữ thôi:

“Chơn TÂM Vô Niệm”

Các huynh đệ chúng ta hãy chiêm nghiệm thật nghĩa lời này. Thân ái mến trao nhau một kỷ niệm thoảng qua nhưng lại là xuyên suốt đến bến bờ vị lai. ■

Đây người chử Trúc Lâm

Thông Phương

Đây Trúc Lâm!
đây bao năm dài hoài bão,
Tưởng chừng nhu,
bỏ dở nửa chừng ngang.
Thì bỗng nhiên,
tin vui mừng mùa xuân đã đến.
Mang về cho,
người khắp chốn hân hoan.

Đường lên đây,
ban đầu nhiều gian khổ,
Vạch lối đi,
giữa cỏ rậm rùng hoang.
 Tay chống gậy,
người phăng phăng tìm lối.
Trở đây rồi,
nơi tụ nhóm thiền Tăng.

Lên chút nữa,
người đứng lại nói cười thoái mái.

Gậy trên tay,
người chống mạnh xuồng liền nơi đây.

*Thì ngay đó,
mái chùa vàng vút cong lên óng ánh.*

*Xa xa nhìn,
như muốn vượt khỏi hẳn tầng mây.*

*Bước sang kia,
tiếp theo đâu gập đó.*

*Tháp chuông kia,
sừng sững đứng vùng lên!*

*Mỗi chiều về,
hay đêm khuya yên vắng.*

*Tiếng vang xa,
làm giật mình kinh động núi rừng.*

*Nhưng anh muốn biết,
Người ấy hay chẳng?
Kia, cửa thất mở ra!*

*Thì ánh vàng,
hiện lên khắp chốn trời xa.*

*Đội nón lên,
cả pháp giới người tóm gọn trong ấy.*

*Năm gập vào,
người vững bước đạp lối hiểm đường trơn.*

*Sải chân đi,
người cuốn theo sau từng đoàn người lũ lượt.*

*Tiếng cười to,
người gột sạch cả lòng người bao náo nhiệt.*

*Đưa mắt nhìn,
người rời sáng thấu ngõ hẻm đường mê.*

Vẫy tay gọi,
đây đó cả thảy vội quay về.
Đầu gập tró,
ai nấy nín thở nhìn theo lòng im phắc.

Và giờ đây,
Người buông gãy xuống,
Tựa lưng ngồi nghỉ.
Thì muôn việc,
cũng theo đó trôi xuôi.
Rồi cuối cùng,
Người vào trong thất ngủ.
Thì bóng hình,
vắng bặt cả muôn nơi.

Đến thế này,
Dù mắt Phật sáng ngời.
Cũng đành chịu,
Không làm sao có thấy.
Vậy hỏi anh,
Có biết Người ấy hay chẳng?
Chớ nói lớn!
Hãy xích lại nghe giàn!
Bảo nhỏ với anh rằng:
- Là người chủ Trúc Lâm đấy! Đây!
Quát!
Trong ngoài đây đó bặt nguồn tin.

Buông Bỏ

Thông Phương

Xem đây!
Buông bỏ!
Rồi lại bỏ buông.
Để thành,
Tự do tự tại.
Thoát mọi buộc ràng,
Không sướng hơn sao?
Tôi chi phải mang vào,
Khiến dành chịu khổ đau.
Hỡi ai kia!
Là người trí tuệ,
Phải xét kỹ cho.
Chớ có mê lầm,
Theo đường ích kỷ.
Ban đâu,
Ta có gì đâu!
Cuối cùng,
Cũng nắm mồ sâu!

Ai ở trên cao,
Ai người dưới thấp.
Ai kẻ sang giàu,
Ai người cùng cực.
Ai quyền thế hét la,
Ai bẩm thưa lập cập.
Ai ăn trên ngồi trước,

Ai ngủ bụi ngủ bờ...
Rốt cuộc rồi,
Đồng một lối đi,
Thành cái tử thi,
Nằm dài cứng ngắt.
Anh còn chưa chịu,
Thúc Tỉnh hay sao?

Người xưa đã bảo:
Công danh cái thế màn sương sớm,
Phú quý kinh nhân giấc mộng dài.
Chẳng rõ xưa nay không một vật,
Công phu luống uổng một đời ai!
Một đời ai!
Thầm thía cuộc đời.
Chỉ là nhúi thế!

Thôi chớ chân chở,
Dứt khoát từ đây.
Sống theo chánh pháp,
Cho đời thơm lây!

Săn sàng buông xuống,
Vui vẻ bỏ ra.
Liền đó ha ha!
Cười lên sung sướng.

*Lẽ thật rành rành chờ đà mang,
Ôm vào nặng trĩu phải khóc than.
Sao bằng ngay đó liền đặt xuống,
Thì quá thảm thoi thật nhẹ nhàng.*

*Vui thay, pháp buông bỏ!
Từ nay nguyện vâng làm.
Tin sâu không thối chuyền,
Trở lại với nguồn Tâm.*

*Rỗng rang không một vật,
Chỗ nào dính bụi trần?
Lại cũng không chỗ để,
Được mất khỏi bận lòng.*

*Hay thay!
Đời ta vui quá!
Đến đi thong thả,
Không vướng chút gì,
Cười vang ha hả!*

*Vui rồi lại vui!
Cười vẫn lại cười!
Nói hoài chẳng hết,
Thích lăm người ơi!*

Mùa an cư năm Canh Tý (2020)
Phật lịch 2564

Ánh sao Bắc Đầu Thiên tông

Tâm Thuần

Mừng Bách Tuế chúng con đồng kính chúc
Người Sư ông luôn khỏe độ muôn loài
Ánh Thiên tông người chiếu rọi nơi nơi
Hoa Bát-nhã nở bừng trong vạn loại
Con như kẻ giữa bể khơi trời nổi
Lời Sư ông như một chiếc thuyền từ
Hình bóng kia con khắc kỹ tâm tư
Đến muôn thuở không nhòa trong ký ức
Sư ông dạy muôn đèn ơn chân thực
Thời nhận ra tánh giác ở ngay mình
Sống cho thuần xong cứu độ nhân sinh
Mới chính thực đáp đèn ân tái tạo
Biết bao kẻ lẩn mình trong mộng ảo
Nào hay trong thể đạo vốn vô sanh
Tim kiếm mình trong bóng nước khôn lanh
Không tự nhận chính mình ngay vạn tượng
Mừng Bách Tuế chúng con đồng liên tưởng
Người Sư ông như bắc đầu tuyệt vời
Trong vạn loài nương ánh nhật quang soi
Đồng sáng rực ánh Thiên tông chói lọi

MÀU XUÂN TRONG ÁNH MẮT

Thông Thiên

Tren vạn dặm đường đời nẻo đạo đã đi qua, con bắt gặp nhiều đôi mắt. Có những đôi mắt “u ẩn chiểu lưu lạc” làm con chạnh lòng, có những đôi mắt “đỏ ngầu như tóe lửa” làm con kinh sợ, có những đôi mắt “điên cuồng trong hoan lạc” khiến con khởi lòng bi mẫn, có những đôi mắt “thảng thốt kinh hoàng” trước cuộc sinh ly tử biệt khiến con thương cảm dạt dào. Khi tiếp xúc với Tam tang giáo điển, con thấy có câu “tử nhân thị chúng sanh” của chư Phật khiến con hâm mộ, nhưng ngại nỗi các ngài cách xa con quá. Thế nên, mắt thương gân gùi nhất, nhìn con hăng ngày, chính là đôi mắt của ân sư.

Nếu như nói “những cảm xúc, tâm trạng của con người được thể hiện rõ nét nhất qua đôi mắt” thì với con, đôi mắt của Thầy gây ấn tượng nhất. Đó là từ khi con lên Chơn Không đi tu cho đến bây giờ. Nhìn đâu con cũng thấy ánh mắt của Thầy, ánh mắt đó từng làm con khiếp sợ vì vẻ uy nghi, dù chưa cả mùa Xuân nhưng rất đỗi nghiêm khắc. Cả mùa xuân là vì theo Hán Tự Tô Nguyên, nguồn gốc chữ Xuân (春=舊) gồm 3 bộ phận: 曰 (nhật: mặt trời), 卦 (thảo: cỏ) và 雨 (đồn: tụ họp) nghĩa là nhờ nắng ấm mà mầm non trỗi dậy tức chỉ cho sự sống, niềm vui vẻ hân hoan và theo tinh thần Thiền tông, bậc tu hành đắc đạo là sống với mùa xuân miên viễn tức không rời sức sống mạnh mẽ dài lâu, tươi vui đó. Màu Xuân là màu xanh mơn mởn của lộc non nhụy biếc, tràn đầy sức sống, vừa nhìn thấy là có cảm giác tươi mát, khỏe khoắn. Cũng thế, mỗi lần nhìn Thầy, con cảm thấy hạnh phúc pha lẩn hồi hộp tim run. Hạnh phúc vì ánh mắt hàm chứa sự tươi vui;

hồi hộp vì sự mạnh mẽ ẩn tàng trong đó. Mãi cho đến bây giờ ánh mắt đó vẫn còn sức mạnh. Theo truyền thống đạo học Đông phương nói, nếu là người tu hành thiền định thâm sâu thì ánh mắt của các bậc ấy có thần. Quả đúng như vậy! Nội lực thâm hậu của Thầy toát lên đôi mắt khiến cho hàng đệ tử đệ tôn môn hạ thiền phái Trúc Lâm đều phải cúi đầu, kính nể. Cũng nhờ vậy mà tất cả đều tuân theo lời giáo huấn của Thầy một cách nghiêm túc.

Từ lâu con đọc được trên ánh mắt đó cả một khung trời hiểu biết mênh mông, một đại dương thương yêu bát ngát, nhất là một nhãn lực phi thường mà con nghĩ không chỉ riêng con mới cảm nhận được. Khi làm việc trong Ban Văn hóa Thường Chiếu, con thử thăm dò thì quý Ni trưởng, Ni sư đều có cảm nhận không khác gì con. Với hơn một trăm đầu sách, hơn ba trăm hội thuyết giảng thì quả là một bầu trời tri thức, một năng lực phi thường, ít ai làm nổi. Bên cạnh đó là nỗi gian lao trên tuyến đường giảng dạy từ Chơn Không xuống Thường Chiếu và các Chiếu trong thập niên 75-85, rồi từ Trúc Lâm đến Chơn Không, Thường Chiếu và các Chiếu khoảng thời gian 1995-2005. Động lực nào đã thúc đẩy bậc Thầy làm nên điều đó, nếu không phải là tình thương dành cho hàng hậu học như sông dài biển cả!? Đến nỗi khi thân bệnh nhiều, mặc dù ít nói nhưng Thầy vẫn giữ được phong thái tươi vui để giúp chúng con vững niềm tin tiến bước! Ôi! Nói sao cho hết tấm lòng của Thầy, ân sư của con!

*Thầy không nói bình yên ban pháp lạ
Con lặng thầm nghe Bát-nhã âm vang
Phương Thường Chiếu nắng ngồi trên hoa lá
Trời Chơn Không sương ngọt thấm vô vàn.
Thầy không nói nhưng mắt nhìn từ ái,
Tù thầm sâu của chiêu kích con tim
Con cảm nhận nên cúi đầu sụp lạy
Lòng hân hoan tiếp đuốc lửa hoằng truyền.*

Kính bạch Thầy,

Còn nhớ trong những lần chúng con xúm xít bên Thầy trong khi lặt đậu vào năm 1975-1976, Thầy có dạy: “Mấy chú phải hiểu biết cho tường tận việc mình đang làm, như đường lối mình đang học, đang tu chặng hạn.” Con rất tâm đắc câu nói này nên dành ra nhiều thời gian nghiên cứu lý thuyết và thực hành chủ trương của Tông môn, không làm việc gì khác dù cuộc đời trải qua nhiều đổi thay và con cảm nghiệm kết quả đúng như lời Thầy nói.

Hiện tại tuy Thầy không nói nhiều nhưng trong ánh mắt Thầy ẩn chứa, gửi gắm lầm đạo lý hay đẹp, thiền sinh nào có khả năng đọc được sẽ cảm nhận lợi ích. Nhìn vào ánh mắt Thầy, con luôn luôn tự hỏi lại lòng mình rằng: Mình có tu học tốt như lời Thầy dạy chưa? Nhu cầu hưởng dụng của thân tâm có vượt ngưỡng Thầy cho phép không? Đức hạnh mình có gì khiếm khuyết chăng? Bởi có duyên lành qua những tháng năm làm thị giả, con đã học hỏi được nhiều điều từ bậc Thầy gương mẫu, mực thước nên con thường lấy phong nghi của Thầy làm chỉ nam trên bước đường hướng thượng.

Trong nhà thiền hay dùng từ “Chánh pháp nhẫn” để chỉ cho trí tuệ vô sư, cũng chỉ cho mùa xuân miên viễn, và chúng con cảm nhận được mùa xuân này có nơi Thầy. Nhờ “Chánh pháp nhẫn” ấy mà đàn chim nhỏ chúng con mới có thể bay cao, bay xa đến khắp mọi miền đất nước, đôi khi đến tận trời Tây để mang niềm vui chánh pháp gieo rắc cho mọi người.

Con thiết nghĩ, sở dĩ bản thân tu hành được cho đến ngày nay, có những thành tựu nhỏ đóng góp vào Tông môn là cũng nhờ ánh mắt đó nên con hết sức cảm niệm ân đức bậc Thầy khả kính và nguyện cố gắng tu học cho đến nơi đến chốn ngõ hẻm tái hiện màu xuân trong ánh mắt giống bậc ân sư. ■

TRI HÀNH HỢP NHẤT

Thường Chiếu

1. DẪN NHẬP

Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử do Phật hoàng Trần Nhân Tông khai sáng trong khoảng cuối thế kỷ XIII. Đến thời Nhị tổ Pháp Loa, Thiền phái được phát huy rực rỡ lên một tầm cao mới, Phật giáo bấy giờ trở thành quốc giáo. Sau một thời gian, do nhiều nhân duyên khách quan khác nhau, Thiền phái gần như bị chìm lắng. Thời kỳ cận đại, trong khoảng thế kỷ XVII - XVIII, Thiền sư Chân Nguyên và Thiền sư Hương Hải đã cùng nhau trung hưng lại. Một thời gian sau, Thiền phái lại chìm mất đi một lần nữa. Thời kỳ đương đại, trong khoảng thế kỷ XX - XXI này, Hòa thượng Thiền sư thượng Thanh hạ Từ tự đặt cho mình trách nhiệm tiếp nối phục hưng. Hội đủ nhân duyên, việc tiếp nối phục hưng của ngài đã được thành tựu mỹ mãn, Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam đủ duyên sống lại mạnh mẽ. Hàng hậu học đầy đủ phúc duyên, được gọi nhuần trong suối Thiền Trúc Lâm tự ngàn xưa cha ông để lại.

Hòa thượng Tông chủ Thiền phái Trúc Lâm hiện nay đã khôi phục đầy đủ tất cả những yếu tố cần và đủ của một Thiền phái mà chư thiền tổ Trúc Lâm đã khai sáng. Cụ thể, từ lý thuyết đến thực hành, từ căn bản đến chuyên sâu, từ việc nắm vững đường lối công phu để ứng dụng tu hành cho đến kết quả - ngộ tâm. Ngài đã noi theo Thiền tổ Trúc Lâm, tiếp nối một trong những yếu tố trọng tâm, đó là “Tri hành hợp nhất”.

2. TRI HÀNH HỢP NHẤT

“Tri hành hợp nhất” nghĩa là sự thấy biết và thực hành, ứng dụng vào đời sống hằng ngày phải tương ứng, hợp nhất, không sai khác. Không phạm vào lỗi mọi người vẫn thường nói: “Nói một đàng, làm một nẻo”. Hành giả “Tri hành hợp nhất” sẽ không còn thấy việc hạ thủ công phu tu tập và đời sống

sinh hoạt khác nhau. Tu là ngay chỗ đang sống, sinh hoạt; và sống tức là tu. Nói điều mình làm chứ không nói điều mình hiểu; đã nói thì phải nỗ lực làm cho bằng được. Nói được làm được, đây chính là thực lực của một người có năng lực, cũng là lẽ sống của đời Thiền sinh để tiến đến khế hợp lời dạy Phật tổ “Hạnh giải tương ứng”.

Tổ Đạt-ma dạy: “Hạnh giải tương ứng, danh vi viết Tổ.” Nghĩa là chỗ thấy hiểu và hành động, việc làm, đời sống tương ứng nhau, được gọi là Tổ. “Giải” phải khế hợp ngôi vị Tổ. Chỗ thấy hiểu như thế nào, đến đâu mới được gọi là Tổ? Thiền tông chủ trương “Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”. Do đó, chữ “giải” ở đây là phải tỏ ngộ bản tâm bản tánh chính mình. Quốc sư Thông Biện, Việt Nam nói rõ chỗ này: “Rõ biết tâm tông của Phật, hạnh và giải tương ứng gọi là Tổ.” Cho thấy, chữ “giải” ở phương diện này phải là ngộ tột bản tâm, mới thông suốt và khế với tâm tông của Phật tổ. Đến đây rồi hành giả còn khéo bảo nhậm, sống và làm cho khế hợp tự tánh, mới có lúc thấu triệt chân nguyên, đạt đến diệu huệ vô thượng chiếu soi không cùng. Lúc này, tức tướng tức tánh. Làm việc, sinh hoạt, tất cả động dung, nhúc nhích đều là tánh này, không khác. Hiểu và làm tương ứng được như vậy mới xứng ngôi vị Tổ.

Thế nào là hạnh giải không tương ứng? Ngài Đức Hồng Giác Phạm nói: “Phàm nhơn bình cư nội chiếu, tắc thường hiểu liễu. Cập thiệp thế sự trì, tắc bội hồn dung.” Thông thường hàng ngày luôn phản tánh, soi chiếu thì thường rõ ràng mọi việc, nơi nơi tâm tánh rạng ngời. Đến lúc gặp việc nhiều thì thường chỗ thấy và làm, sự và lý không được dung thông. Đây chính là chỗ hạnh giải chưa được tương ứng. Do vậy, hành giả cần phải thực học, chuyên tu, có đời sống tri hành hợp nhất mới đạt đến cốt túy Phật tổ muốn chỉ bày, mới có phần tự do tự tại, không bị các trần sai sử, sanh tử chi phối.

3. SỰ THẬT CHÂN LÝ TRI HÀNH HỢP NHẤT

3.1. Không tri, không thể hành

Chưa tri, không biết rõ thì không thể hành đúng. Tổ Khánh Anh dạy: “Tu mà không học là tu mù.” Chúng ta chưa thể nhất thời có được trí tuệ thấy biết đầy đủ như Phật tổ. Do đó, cần phải học thông để nương vào trí tuệ quý ngài chỉ đường, biết cách hạ thủ công phu cho đúng, tránh các sai lạc. Tam tạng giáo điển còn ghi lại lời răn nhắc của các bậc Tổ đức: “Chẳng những ngoài Phật pháp dễ đi vào đường tà. Ngay cả người học Phật, nếu không xem kinh luận, không gặp minh sư, thường thường cũng hay đi vào đường tà mà chẳng tự biết. Hãy dè dặt! Hãy dè dặt!” Cho thấy, việc tri để hành quan trọng như thế nào.

3.2. Không hành, không thể tri

Sơ tổ Trúc Lâm dạy: “Đạt một lòng mới thông Tổ giáo.” Phải thực hành suốt tột bản tâm thuần nhất bất tạp thì tự mình sáng ra diệu chỉ Phật tổ muốn chỉ bày là gì nơi chính mình. Lúc này, hành giả tự mình sáng ra rất rõ, diệu chỉ ấy đang hiện bày rõ ràng bằng chính sức sống sáng ngời của mình hiện tiền trước mắt, không phải do hiểu biết hay qua suy nghĩ hoặc thấy cái gì khác. Lời Phật tổ dạy trong Kinh Luận như đang nói chuyện của chính mình hiện nay. Nếu không hành tột đến chỗ ấy, dù có được nghe giảng giải đến đâu đi nữa thì cũng chỉ nhận hiểu qua kiến thức sanh diệt trong đầu, không tài nào thấy ra được diệu chỉ Phật tổ muốn khai thị là gì (không thể tri).

Năm 1304, đức Điều Ngự Giác Hoàng (Sơ tổ Trúc Lâm) chống gậy đến chùa Sùng Nghiêm ở núi Linh Sơn để truyền bá Thiền tông. Mở đầu pháp hội, ngài niêm hương báo ân xong bước lên tòa. Vị Thượng thủ bạch chùy v.v... rồi ngài nói: “Thích-ca Văn Phật vì một đại sự mà xuất hiện giữa cõi đời này, suốt bốn mươi chín năm chuyển động đôi môi mà chưa từng nói một lời. Nay ta vì các ngươi lên ngôi tòa này, biết nói chuyện gì đây?” Chúng ta thấy ra điều gì? Nếu thiếu hành trì, không tỏ ngộ thì không thể thấy ra chỗ sâu xa này.

Khi Sơ tổ lên tòa, chưa nói gì, liền đó khéo nhận ra tánh này đã săn, không đợi nói mới có. Đây là chỗ Tổ Lâm Tế nói: “Ngay câu thứ nhất tiến được, mới cùng Phật tổ làm Thầy”. Vì trong chúng chưa có ai nhận ra cho nên Sơ

Tổ buộc phải nói: “Thích-ca Văn Phật, vì một đại sự mà xuất hiện giữa cõi đời này”. Tức là gợi ý, hiện nay ngài cũng vì một việc duy nhất ấy, chỉ bày cái thấy biết giác (tri kiến Phật) nơi mỗi người đang hiển hiện ngay đây mà thôi. Ngài nói tiếp: “Suốt bốn mươi chín năm chuyển động đôi môi mà chưa từng nói một lời”. Bởi cốt yếu chỉ đến chỗ rốt ráo chân thật ấy. Nay có đợi ngài nói, cũng chỉ nói đến chỗ đó mà thôi. Đó là ngài khéo gợi ý. Hành giả khéo léo, ngay đó nhận thằng, liền xong. Do chưa nhận ra nên bất đắc dĩ ngài phải nói tiếp bài kệ nữa để chỉ dạy, cũng chỉ bày việc ấy. Hiện nay, một đại sự đức Phật xuất hiện giữa cõi đời này là gì? Nghe giảng giải rồi cũng không biết đã nói gì, là do hành chưa tới chỗ Phật tổ muốn chỉ. Người đã hiểu thông hành tột thì không đợi nói, đã viên thông tất cả. Cho thấy, không hành thì không thể tri.

3.3. Tri hành hợp nhất

Không phải học hiểu vừa chừng để thực hành vừa sức mình. Như thế là còn trong phàm tình hoặc trong giới hạn của sở kiến. Phải nỗ lực học thông, hiểu thấu một cách đầy đủ nhất có thể. Ngày nào cũng đọc học để khai mở chỗ mê ngô khuất trong tâm. Song song đó, cần cố gắng nỗ lực quyết chí thực hành cho bằng được để suốt tột đến diệu chỉ Phật tổ chỉ bày cho chúng ta, mới đạt đến giác ngộ giải thoát thực sự. (Đã nói ý nghĩa đầy đủ và sâu xa tại mục “Tri Hành Hợp Nhất” ở trên)

4. CHUNG QUANH TINH THẦN TRI HÀNH HỢP NHẤT

Có nhiều tư tưởng triết thuyết chủ trương “Tri hành hợp nhất”. Với đạo Phật, tinh thần này có gì khác biệt?

• *Tri tiên hành hậu*

Có thuyết cho rằng: “Tri tiên hành hậu”. Tức là cần học hiểu để biết trước, kế đến mới thực hành sau. Cách học và tu trong đạo Phật thì không có trước và sau. Ngay tri đã hành, phải hành mới tri. Tổ Bá Trượng nói: “Phàm đọc kinh, xem giáo lý đều phải uyển chuyển xoay lại chính mình. Tất cả ngôn ngữ, giáo lý chỉ làm sáng tỏ tánh giác hiện nay của mình.” Khi học,

nghe lời Phật tổ dạy, tức TRI. Cần phải soi lại tâm mình để sáng ra những lời ấy đang chỉ thẳng bản tâm mỗi người hiện nay, là HÀNH. Đây là ngay tri tức hành, không có trước sau. Đồng thời, khi nghe (tri), phải soi lại chính mình (hành) thì mới thật tri lời Phật tổ dạy; là ngay hành tức tri, cũng không có sau và trước. Đây là học đúng cách học của đạo giác ngộ giải thoát, cũng chính là tinh thần tri hành hợp nhất của đạo Phật.

• **Tri dị hành nan**

Có thuyết thì bảo: “Tri dị hành nan”. Nghĩa là biết thì dễ, làm được mới khó. Với đạo Phật thì việc này không nằm trong dễ và khó. Bởi hai lý do:

Không biết thì không thể làm. Đồng thời, không làm thì không thể biết. Như vậy, tri và hành đồng thời hỗ tương, không có cái nào khó hơn cái nào cả. Cho nên không có khó và dễ.

Thứ hai, học Phật là học tốt đến diệu chỉ của Phật tổ, chính là phải ngộ bản tâm bản tánh hiện nay của mỗi người. Tâm tánh ấy ngay trước mắt, đã sẵn nơi mỗi người. Hễ nhớ lại, nhận ra thì gọi là ngộ. Người quên thì tạm gọi là mê, tu rồi cũng sẽ có lúc ngộ. Chỉ là nhận lại hoặc chưa nhận lại thôi, không có khó hay dễ.

• **Tri hành hợp nhất**

Cũng có nhiều thuyết chủ trương: “Tri hành hợp nhất”. Đạo Phật cũng nói như vậy. Chữ nghĩa thì giống nhau, nhưng nội dung trong đạo Phật chắc chắn không đồng. Nếu giống nhau hết thì tất cả đã đồng là một đạo, không có nhiều tên gọi khác nhau. Đã có nhiều tôn giáo khác nhau thì tất yếu mỗi tôn giáo phải có điểm đặc thù riêng của chính tôn giáo đó.

Muốn thấy rõ tinh thần tri hành hợp nhất của đạo Phật, chúng ta tự hỏi: “Tri là biết cái gì? Hành như thế nào? Và đạt đến đâu?”

Biết là biết tốt đến chõ không thể dùng cái hiểu để biết, là phải biết tốt bản tâm. Tâm ấy tự sáng biết chứ không phải biết về một cái gì hay điều gì đó bên ngoài. Hành là ngay đây nhận thẳng, giác liền xong, không qua thứ bậc. Nếu

chưa thể như thế, có thực hành phương pháp hành trì thì cũng phải hướng tánh như thế. Khi thời tiết nhân duyên chín muồi, tánh này bừng vỡ. Sống thẳng đó mới chân thật tu hành, mới được gọi là hành. Còn lại, việc dụng công tu hành còn trong tạo tác sanh diệt thì chưa khế hợp tự tánh nên không tính kể vào. Cuối cùng, tri hành hợp nhất phải đạt đến đâu? Phải ngộ tánh, đạt đến hạnh giải tương ứng như đã nêu ở trên.

Đến trong ấy, nhục nhích đều là diệu dụng được lưu xuất từ tự tánh. Tất cả đều không phải là việc gì khác. Ngay tự tánh vô tướng, đã bao gồm tất cả diệu dụng bất khả tư nghì. Tri và hành như thế, không có trước và sau, vượt trên khó và dễ, cùng hợp nhất trong tánh thể giác ngộ của mỗi người. Ngàn xưa chư Phật, nhiều đời chư vị Tổ sư, hiện tại những vị tu hành chứng ngộ cho mãi đến ngàn sau, hễ ai tu hành đắc đạo đều về trong ấy, đều đồng tâm thể chư Phật, không khác. Đây chính là tinh thần tri hành hợp nhất trong đạo Phật nói chung và Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam nói riêng. Muốn thế, chư thiền tổ đã hiện thực tinh thần này bằng việc làm một cách cụ thể, thiết thực, rõ ràng.

S. CHU THIỀN TỔ TRÚC LÂM XƯA KIA ĐÃ LẤY TRI HÀNH HỢP NHẤT LÀM KIM CHỈ NAM ĐÀO TẠO HÀNH GIẢ

Sau khi sáng đạo, khai sáng Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, Sơ tổ Trúc Lâm đã sống đời hạnh giải tương ứng của ngôi vị Tổ. Như người đến đỉnh thấy rõ mọi lối về, ngài đã thấy ra rất rõ việc dụng công, đời sống hằng ngày của một hành giả phải như thế nào thì mới đạt đến ngộ tánh, giác ngộ. Từ đó, Sơ tổ đã vận dụng phương châm tri hành hợp nhất vào trong việc đào tạo và hướng dẫn hành giả tu tập. Cụ thể, phần lớn chư tăng có khả năng tu hành miên mật, ngài sắp xếp ở trên sơn môn Yên Tử hoặc những tùng lâm có khung cảnh tu hành thanh tịnh. Ngài giảng dạy hướng dẫn cho chư vị thông suốt Kinh Luận để ứng dụng vào công phu tu tập. Học để thông suốt nghĩa lý Phật tổ chỉ bày, tu để nhận ra nghĩa lý ấy nơi chính mình, biến đạo lý thành đời sống sinh hoạt, đạt đến kiến tánh. Sơ tổ đã đào tạo như vậy cho nên mới có được những bậc long tượng nối nǎm mạng mạch Phật tổ.

Đến thời Thiền sư Pháp Loa kế ngôi vị Tổ, làm chủ sơn môn, ngài cũng đã kế thừa tinh thần tri hành hợp nhất này để đào tạo Thiền giả. Cụ thể, tại chùa Vĩnh Nghiêm và một số tự viện khác, ngài đã hướng dẫn pháp học và pháp hành, vừa học vừa ứng dụng thực tập công phu cho suốt thông, thuần thục. Sau đó, Nhị tổ cho hành giả vào những chốn tùng lâm u tịch để chuyên tâm hạ thủ miên mật hơn, mới cho ra làm Phật sự. Một trong những điểm điển hình như vậy là Hồ Thiên, một miền thâm u tịch mịch trong quần thể Yên Tử.

Học thông mới nương được trí tuệ Phật tổ dẫn đường. Quyết tu mới chuyển những điều đã học trở thành sức sống thường nhật, mới có lúc nhận ra và sống bằng ông chủ chính mình. Diệu lực ấy mới cho hành giả vô nhiễm, vượt thoát, nhẹ tênh. Học và tu như vậy, chính mình mới không lầm đường lạc lối, mới có phương tiện thiện xảo để giáo hóa độ sanh. Đạt suốt cả hai mới viên thông, hay vào tục để, chân để mà không rời đệ nhất nghĩa để để giáo hóa, làm lợi ích quần sanh một cách thuận đạo, hiệu quả, được quần chúng nhân dân đón nhận. Hành được như vậy là đã nêu cao tông chỉ, diễn xướng tông phong nhập thế của Thiền phái Trúc Lâm. Chư thiền tổ Trúc Lâm xưa kia đã đào tạo hành giả bằng phương châm tri hành hợp nhất như vậy.

Thời kỳ cận đại trong khoảng thế kỷ XVII - XVIII, Thiền sư Hương Hải và Thiền sư Chân Nguyên cũng tiếp nối tinh thần tri hành hợp nhất của chư thiền tổ Trúc Lâm. Cụ thể, Thiền sư Hương Hải đã chú trọng đến việc đào tạo đệ tử như thế cho nên sau ngài có nhiều bậc tăng tài nối pháp. Chúng ta có thể thấy rõ điều này qua ưu tư của ngài trước khi đến chùa Nguyệt Đường và những việc làm cụ thể lúc ngài đến trụ trì tại đây. Thiền sư Chân Nguyên cũng chú trọng trong việc này và đã có nhiều vị đệ tử tài ba tiếp nối ngài trong việc hoằng truyền Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử thời ấy.

6. THỜI KỲ ĐƯƠNG ĐẠI

Hiện nay, Hòa thượng Thiền sư thượng Thanh hạ Từ đã tiếp nối phục hưng Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam. Nối gót chư vị thiền tổ Trúc Lâm, ngài đã đặt nền tảng “Tri hành hợp nhất” làm cốt lõi trong việc đào tạo thiền sinh

tu học. Hòa thượng Tông chủ Thiền phái Trúc Lâm hiện nay đã cụ thể hóa tinh thần này một cách thiết thực vào trong việc đào tạo tổ chức tu hành nội chúng.

6.1. Cấu trúc của các thiền viện Thiền phái Trúc Lâm hiện nay

Hầu hết các thiền viện Thiền phái Trúc Lâm hiện nay có ba khu vực chính: khu ngoại viện, khu nội viện và khu thiền thất. Khu ngoại viện là nơi dành cho khách thập phương đến tham quan, lễ Phật, nghiên cứu. Nội viện là nơi chuyên tu của các thiền sinh. Ở vị trí thanh tịnh, cách biệt với thế giới bên ngoài, nội bất xuất ngoại bất nhập, thiền sinh ở trong nội viện không được phép đi ra ngoài. Du khách bên ngoài cũng không được đi lại tham quan trong khu vực nội viện. Cảnh quan trong này bình dị, gần gũi. Các công trình đơn giản, chỉ vừa đủ để phục vụ nơi ăn chốn ở và những sinh hoạt tối giản cho đời sống tu hành, không phí phạm. Sâu trong nội viện là khu thiền thất. Thiền sinh được sắp xếp thay phiên nhau nhập thất (bế quan). Vào thất, thiền sinh có được điều kiện thanh tịnh tối ưu để dồn toàn tâm vào việc hạ thủ công phu miên mật, chuyên sâu.

Hòa thượng Tông chủ đã dạy: “Người lãnh đạo trong thiền viện phải hết lòng thương và lo tạo điều kiện cho chúng tu tập. Chúng phải biết rằng mình đến đây là tìm cơ hội để tu.” Vào nội viện là vào nơi để được tu học, là còn trong thời gian đào tạo, thiền sinh sẽ được tạo điều kiện tốt nhất để chuyên tâm vào việc tu tập cao độ. Không có tài sản riêng, chỉ có những vật dụng cần thiết do thiền viện sắm cho. Không được giữ tiền riêng, không sử dụng điện thoại, không xem báo, nghe đài, không có Ti-vi, không mạng Internet. Tất cả tài sản, tiền bạc đều giao cho vị có trách nhiệm (Thủ bốn) giữ gìn. Khi có duyên sự bệnh nặng phải đi trị bệnh, hay những duyên sự khác thì thiền viện sẽ tạo điều kiện và phương tiện đầy đủ. Thiền sinh không đi đám tiệc, không tiếp khách, không tiếp cận bất kỳ thông tin gì bên ngoài... Mọi việc cần thiết đã có Ban lãnh đạo lo chu toàn. Những điều kiện này không ngoài mục đích giúp thiền sinh dành trọn thì giờ trong việc tu hành, tránh khỏi những lối nhở hoặc vô tình hay cố ý.

Hòa thượng Tông chủ thường dạy, giả sử thiền sinh A xuất thân từ nhà giàu, thiền sinh B thì không được khá giả. Nếu thiền viện không tạo điều kiện tổ chức sống đúng tinh thần lục hòa, mỗi người tự ý sắm sửa đồ đạc, giữ tiền tiêu xài riêng. Người giàu tiêu xài phung phí, người nghèo không đủ đồ dùng, hai thiền sinh ấy nằm cạnh nhau sẽ phát sinh ý thức hệ, không tránh khỏi mâu thuẫn. Tâm còn nặng vật chất, ý thức hệ này sinh thì không còn tâm hồn nào để tâm vào việc học đạo gì cao thượng hơn được. Ngài Tăng Triệu nói: “Chẳng chìm nơi cạn hẹp, liền thành cao xa”. Để tạo điều kiện cho thiền sinh thuận duyên tu hành, thiền viện lo hết mọi nhu cầu ăn, mặc, ở và phương tiện điều trị bệnh. Thiền sinh vào thiền viện không phải lo bất cứ duyên gì khác, chỉ còn một việc chuyên tâm tu học, quyết tâm hạ thủ công phu tu hành cho đến sáng đạo mà thôi.

Tại các thiền viện rộng lớn, có khu vực nội viện Tăng và nội viện Ni thì phải cách xa và riêng biệt tuyệt đối. Hòa thượng Tông chủ đã căn dặn chúng đệ tử: “Lâu nay Thầy quen chủ trương làm sao bên Tăng cũng như bên Ni đều có tính độc lập, không chịu lệ thuộc. Thiền viện Ni thì Ni lo, thiền viện Tăng thì Tăng lo, chứ Thầy không cho hỗn độn phức tạp.” Mỗi bên khu nội viện Tăng và Ni đều sinh hoạt riêng biệt, không liên hệ qua lại. Chư ni cũng có thể làm các công tác xây dựng, sơn tường, thợ hồ, thợ mộc... Chư tăng cũng làm được những việc như may vá, quét nhà, nấu ăn... Không có công việc nào hẳn là của nam, cũng không có công việc nào cố định của nữ. Hòa thượng chủ trương tạo điều kiện cho mỗi thiền sinh đều tự làm tất cả các công việc, không phụ thuộc và nhờ cậy, để rèn cho mình có khả năng tùy duyên thích nghi tốt với mọi môi trường, hoàn cảnh; đồng thời, tự thân mỗi vị có cơ hội phát huy được khả năng chính mình. Nếu cứ nhờ vả, không chịu nỗ lực tự thân, chúng ta sẽ quen cái tật hễ gặp việc là nghĩ đến người khác để nhờ vả hoặc trông mong điều kiện dễ dàng của trong mơ. Nếu khó quá không ai giúp đỡ thì ngồi đó chờ thời, cầu may trong lười biếng, nhát hèn, có khi đến vô vọng. Lâu dần như thế sẽ khiến cho con người trở nên yếu đuối, tiêu cực, nhỏ nhoi trong nếp nghĩ, lối sống, cách làm. Trong khi đó, cuộc thế ít chiều lòng người. Nếu cứ trông chờ, sẽ thất vọng. Hơn nữa, sống

nurse thế là chúng ta đã tự khép lại khả năng phát minh, đột phá của bản thân mà chính mình không hề hay biết. Người xuất gia là bậc cất bước đến phuơng trời siêu việt, thiền tăng là bậc xuất trần thượng sỹ, có chí khí xung trời thẳm, đâu thể an yên trong nhở nhoi của phàm tình yếu hèn như thế được!

Đức Phật Thích-ca-mâu-ni tự ngài tu tập thiền định mà được chứng đạo, đó là “phản quan tự kỷ”. Trọn đời ngài từ khi tu cho đến thành đạo, không cầu xin hay trông cậy vào bất cứ gì khác bên ngoài, đó là “bất tùng tha đắc”. Thời Trần, chư thiền tổ Trúc Lâm nêu cao Tông chỉ “phản quan tự kỷ bốn phận sự bất tùng tha đắc”. Hiện nay, Hòa thượng Tông chủ tổ chức nội chúng tu hành như trên, chính là đã khế hợp tinh thần này.

6.2. Thời khóa tu học tại các thiền viện

Trong các thiền viện, hằng ngày sinh hoạt tu tập nhất mực tuân thủ theo thời khóa nhất định đã được quy định trong Thanh quy. Mỗi tháng có lê Thính nguyện vào ngày 15 hoặc 30 (tháng thiếu, ngày 29).

6.3. Nội dung, tinh thần tu học và làm việc tại các thiền viện

Thiền sinh vào thiền viện sẽ được học thông nội điển và chuyên tâm hạ thủ công phu tu tập. Lấy thiền định, tọa thiền làm chính. Ngoài ra, trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi phải luôn luôn tỉnh giác, làm chủ, xoay lại sáng ra ông chủ chính mình trên mọi sinh hoạt. Cụ thể, các thiền sinh được hướng dẫn tu tập và rèn luyện qua ba phần cơ bản: tu, học và lao động.

• Tu nhu hơi thở

Không thở, mạng sống con người không thể tồn tại. Tương tự, nếu thiếu sự giác tỉnh thì đời sống tu hành sẽ vô vị, không còn có ý nghĩa. Tu là thực hành những điều đã được học để ngộ tâm, nhận ra cốt túy Phật tổ muốn chỉ bày. Thiền sư Tử Thuần bảo ngài Hoằng Trí: “Ông chẳng thấy nói, tạm thời chẳng còn thì như đồng với người chết hay sao?” Tức là phút chốc tạm quên tâm mình, liền đồng như người đã chết, cuộc sống trở nên nhạt nhẽo, không còn gì có ý nghĩa, ý vị; không mãn ý, xứng tâm.

• **Học như uống nước**

Cơ thể con người không thể thiếu nước. Đối với hành giả, việc học cũng cần thiết như vậy. Tổ Khánh Anh dạy: “Tu mà không học là tu mù. Học mà không tu thì như cái đây đựng sách.” Học để áp dụng thực hành chứ không phải học suông; là học để tu. Thực hành công phu tu tập phải nắm vững phương pháp hành trì chứ không phải tu mù sanh bệnh; là tu mà có học. Biết khéo léo điều hòa học và tu để nhận ra yếu diệu Phật tổ ngay nơi chính mình, là người khéo biết học Phật.

Ai vào thiền viện cũng được hướng dẫn, cho học thật kỹ để hoàn thiện đời sống căn bản của một thiền sinh. Đồng thời để hiểu thông Phật pháp, nắm vững phương pháp hành trì để ứng dụng vào công phu tu tập, không bị lầm đường lạc lối, thực hành sai.

• **Làm việc, lao động như ăn cơm**

Cũng như cơ thể con người cần được ăn cơm để duy trì sự sống, sự siêng năng cần cù trong công việc đối với thiền sinh cũng rất cần thiết như vậy. Các Thiền sinh tự trồng rau hoa màu để tạo nguồn thực phẩm sạch cho việc sử dụng thức ăn hằng ngày, hoặc xây dựng, chăm hoa kiểng, may vá... Tất cả các công việc trong bốn viện đều do thiền sinh tự túc.

Lao động vừa để vận hành, làm một số công việc cần thiết trong bốn viện; vừa cho thiền sinh có vận động để đảm bảo sức khỏe; vừa để chấn tâm, áp dụng công phu tu tập trên cảnh động. Song song những ý nghĩa trên, lao động còn để rèn luyện tự thân mỗi hành giả. Bậc cổ đức nói: “Tuy gấp người ác cũng lấy tâm từ hòa đối xử với họ, mới hay mở cửa lớn vào đời độ thoát khắp chúng sanh.” Nắng mưa, nóng lạnh không ngăn ngại. Khen chê, phải trái, đúng sai hay có bị oan ức đến mức nào đi nữa thì cũng chỉ có thế. Công việc nhọc nhằn hay cả những khi nhàn hạ cũng chỉ là bình thường. Hồi khi có thời gian rảnh rỗi tự do nhất sẽ làm gì, thì cũng chỉ làm việc hằng ngày thường làm đó thôi. Bởi mỗi mỗi không rời ngoài sức sống thiền đang sống, còn có gì khác để hỏi là làm gì? Sức sống này là sự sống thường nhật

của Thiền tăng. Đã là sự sống thì lúc nào cũng đang sống, luận gì là lúc nhàn rỗi hay bận rộn?

Như ăn no món ngon rồi thì món dở chỉ là bình thường, không còn sanh tâm ưa hoặc chán, lấy và bỏ. Thiền sinh khéo léo học tu và rèn luyện như thế thì mới có chút hơi hướm của Thiền tăng, mới nổi gót được chư thiền tổ Trúc Lâm, vào nhân gian làm lợi ích chúng sanh mà thần thái vẫn cao nhàn.

6.4. Tóm lại

Muốn chấm dứt khổ đau trong sanh tử, chỉ có giác ngộ, ngoài ra không còn con đường nào khác. Tất cả những gì Hòa thượng Tông chủ chủ trương hướng dẫn thiền sinh như vừa nêu trên, chỉ vì một mục đích tạo điều kiện tối ưu cho thiền sinh tu hành đến nơi đến chốn - sáng đạo. Do đó Hòa thượng thường sách tấn hành giả phải dán chữ “tử” (chết) trên trán. Phải quyết chí tu hành đến sáng đạo mới được. Nếu không sáng đạo thì ở trong nội viện làm phân cho các gốc cây... Ngài đã nói vô cùng thống thiết: “Hoài bão của Thầy đều gói gắm hết vào sự nỗ lực tu tập của tụi con. Tăng ni tu có niềm vui, sáng được việc lớn, đó là biết thương tưởng đến Thầy. Bằng ngược lại thì thật là Thầy chưa đủ phuớc để được vui trước khi nhắm mắt.” Thiền sinh vào thiền viện phải nắm vững tông chỉ thiền, dụng công tu hành đắc lực, cho đến khi tỏ sáng tự tánh, hoặc ít nhất phải vững niềm tin noi thiền, không còn thối chuyển thì mới cho đi làm Phật sự chứ không tính kể thời gian.

7. LỜI KẾT

Trong lần trả lời tham vấn tại Mỹ quốc, Hòa thượng Tông chủ đã từng nói: “Nếu muốn cho Phật pháp được vững mạnh, bền lâu thì phải có người tu hành sáng đạo.” Từ cách nhìn như vậy cho nên ngài luôn chú trọng đến việc đào tạo đệ tử tri hành hợp nhất mới có lúc tâm này bừng sáng. Chúng ta có thể nhận ra điều này trong đời sống tu hành của thiền sinh tại các thiền viện, hoặc những điều lệ ngài biên soạn trong Thanh quy Thiền phái Trúc Lâm. Từ cách tổ chức, giảng dạy, hướng dẫn tu hành cho đến cách thực hiện các Phật sự khác, ngài luôn chú trọng đến việc tu và học. Ngài đặt

việc tu sáng đạo lên hàng đầu, làm chủ đạo trong đời sống tu hành của các thiền sinh. Đúng với lời ngài đã nói tận trong tâm khám sâu thẳm của mình: “Muốn cho Phật pháp được vững mạnh, bền lâu thì phải có người tu hành sáng đạo.”

Muốn chống đỡ Tông thừa, không gì hơn phải đầy đủ hai điều kiện “Thuyết thông và Tông thông”. Muốn thuyết được thông thì phải học, muốn tông được thông thì phải quyết chí hạ thủ công phu. Thuyết thông tông thông, người này có nanh vuốt hướng thượng, tùy thời nhổ định tháo chốt, gọi là giáo hóa độ sanh. Hiện nay, chư tôn đức được ngài giao phó tiếp nối lãnh đạo Tông môn. Hòa thượng Trưởng ban và chư tôn đức lãnh đạo Ban Quản trị đã tiếp bước phát huy tinh thần tri hành hợp nhất này vào trong việc đào tạo thiền sinh tu học. Ban Quản trị Thiền phái Trúc Lâm hiện nay đã bắng tất cả thành tâm thành ý của mình để lo chu toàn trọng trách lớn lao mà thầy tổ giao phó. Cụ thể, vừa trôi tròn các Phật sự, vừa quan tâm tổ chức tốt cho các thiền sinh tu học nghiêm mật, ngõ hầu có những kết quả khả quan. Thâm nhập Phật pháp, thể hội thiền lý, tỏ sáng thiền tâm; hoặc những ai hữu duyên sẽ tiến sâu hơn, thâm nhập cốt túy thiền mà Phật tổ đã truyền trao. Được vậy, mới huy chấn tông phong, thiền quang sẽ tỏa sáng đời đời không dứt.

Song song với việc các thiền viện tiếp tục đi theo con đường Hòa thượng Tông chủ hướng dẫn, Hòa thượng Trưởng ban cùng chư tôn đức Ban Quản trị đã thành lập Trường Phật Học Trúc Lâm (trường Thiền tông môn) để đào tạo, hướng dẫn thiền sinh tu học. Thiền sinh vào Trường Thiền được hướng dẫn học đầy đủ nội điển Phật tổ chỉ dạy đã được Hòa thượng biên tập trong Thanh quy để hướng dẫn thiền sinh từ trước đến nay. Đồng thời, mỗi trường này còn có thời khóa chuyên tu, sống trong nội viện đúng như những gì của một nội viện chuyên tu trước đây Hòa thượng Tông chủ đã thành lập và hướng dẫn, đào tạo. Với mỗi trường thực học chuyên tu trong Trường Thiền, tiếp nối tinh thần tri hành hợp nhất của Thiền phái Trúc Lâm, mới hy vọng sau này có người tiếp nối để gánh vác trọng trách của thầy tổ để lại. ■

BIẾT VỌNG - LIỀN LÀ CHÂN

Trúc Lâm

1. DẪN NHẬP

Quên tâm này gọi là mê, nhận lại bản tâm gọi là ngộ. Chúng sanh quên bản tâm, thấy biết theo trần cảnh, Phật nói đây là “bối giác hiệp trần”. Người học đạo, quay lưng với trần cảnh để trở về nhận lại tánh giác chính mình, Phật dạy “bối trần hiệp giác”. Tất cả những gì chúng ta đang thấy biết đều thuộc về trần cảnh. Những vọng tưởng lăng xăng trong đâu là cảnh của tâm. Dù bên trong hay bên ngoài, tất cả cảnh duyên chưa thoát khỏi vô thường sanh diệt cho nên chúng đều thuộc về huyễn hóa. Việc tu tập chính yếu tựu trung xoay vọng về chân. Hòa thượng Tông chủ hiện nay phương tiện chỉ bày pháp “Tri vọng” để hướng dẫn hành giả tu tập, cũng trên chân lý Phật dạy như thế.

2. TRI VỌNG

2.1. Tất cả đều huyễn hóa

Có nhiều việc xưa kia cảm thấy quan trọng vô cùng, khiến cho chúng ta thất điên bát đảo. Nay giờ nhớ lại, chỉ là những việc bình thường. Những con điểm 9 điểm 10 cách đây mấy mươi năm cũng quan trọng, chi phổi khiến cho chúng ta vui buồn vô kể. Nhưng hôm nay chúng không còn giá trị, chỉ là câu chuyện của con nít tuổi học trò. Chuyện của ngàn năm trước chỉ là câu chuyện cổ tích của ngàn sau. Sự thật là bản chất cuộc đời không có gì thật. Thế giới thì thành trụ hoại không, vạn vật thì sanh trụ dị diệt. Con người, các chúng sanh khác đều phải bị chi phổi bởi quy luật sanh già bệnh chết. Bản thân nó không có chủ tể (không do một thứ làm nên) mà do nhiều yếu tố nhân duyên hợp lại mà thành. Đã do nhân duyên tụ hợp thì mong manh, không bền chắc. Có tụ thì có lúc phải rã tan, chưa rời vô thường sanh diệt.

Tất cả những tính chất trên đã có sẵn trong tất cả muôn sự muôn vật, cho nên chúng không thể bền chắc lâu dài. Tất cả đều thuộc về huyền hóa, rỗng tuếch, không thật.

2.2. Biết vọng không theo

Hòa thượng đã thấy rõ tường tận cho nên phương tiện chỉ bày phương pháp “Tri vọng”, để chúng ta hành trì tu tập. “Tri vọng” hay “Biết vọng không theo” là dùng trí tuệ biết rõ những niệm tưởng không thật, không theo, để trở về nhận lại bản tâm chân thật chính mình. Thấy rõ ràng ra, tất cả những gì bị chúng ta nhận biết đều thuộc bên ngoài mình, chúng chưa rời vô thường sanh diệt cho nên cũng thuộc về huyền vọng, đừng vin theo, nhiễm trước, không nhận nó làm mình.

a) Tại sao phải tri vọng (Biết vọng không theo)?

Sự thật nơi mỗi chúng ta ai cũng đang có vọng tưởng, trừ khi đã chứng ngộ. Nếu không khéo tu, lúc nào cũng đang sống trong vọng tưởng. Vọng là hiện thân của đau khổ. Trước mắt, vọng tưởng nhiều làm cho đầu óc căng thẳng, áp lực, trí tuệ u tối. Sâu xa, chính vọng tưởng khiến chúng ta tạo nghiệp đi vào sanh tử chịu khổ triền miên. Thiền sư Tông Mật nói: “Vọng tưởng vốn không, nhưng theo nó thì thành sự.” Do đó hành giả tu hành, cần biết rõ những tâm tưởng là vọng, không theo. Theo vọng, nó sẽ phá hoại tài sản pháp thân huệ mạng chính mình. Cho nên nhận vọng làm mình, đức Phật nói “nhận giặc làm con”. Do đây, hành giả tu hành trước tiên cần phải thấy rõ và hàng phục vọng tưởng. Đây là tính tiêu biểu và thực tế của pháp Tri vọng.

b) Vọng tưởng không thật

Vọng tưởng không thật, tại sao?

Vì nó không có chỗ được sanh ra cho nên sẽ có lúc hết, do đó không thật. Bởi nếu có chỗ thật sanh ra vọng tưởng thì chúng sẽ phải còn mãi, không có ngày hết. Nếu thế thì không có Phật tổ, bởi Phật tổ không còn

vọng. Nhưng trên thực tế thì có Phật tổ cho nên đã có người hết vọng. Vì có lúc hết vọng cho nên vọng tưởng không có chỗ được sanh ra. Do không có chỗ sanh ra, có ngày hết vọng do đó vọng tưởng là huyền hóa, không thật.

Nếu vậy, từ đâu có vọng tưởng? Tất cả chúng ta đều săn tánh thể; bất giác, quên tự tánh thì vọng có ra. Giác lại thì vọng dứt. Do bất giác mới tạm có, giác lại liền không cho nên vọng tưởng chỉ là cái bóng chập chờn, huyền hóa. Hơn nữa, chúng có nhiều thứ và thay đổi liên tục, luôn vô thường biến hoại sanh diệt. Từ các tính chất trên cho thấy vọng tưởng là huyền hóa. Ngôi lăng tâm lại, chịu thấy ra, sẽ rõ suốt, thấu tột vọng tưởng vốn rỗng tuếch, không thật.

c) *Pháp Tri vọng*

Với người chưa thuần thực, Hòa thượng dạy: “Ngồi yên, tĩnh giác. Nếu có niệm khởi thì biết nó là huyền hóa, không theo.” Hành giả đã thuần thực, ngài chỉ thêm: “Tâm lăng lặng, không khởi, nhưng tự sáng biết rõ ràng. Hành giả thấy rõ, chân và vọng đều từ một thể của tự tánh. Như sóng và nước tuy khác, nhưng đồng một tánh ướt.” Cụ thể, ứng dụng pháp Tri vọng vào công phu tu tập, hành giả lưu tâm mấy điểm sau:

Không rơi vào đối trị: Không kềm đè hay chú tâm như mèo rình chuột, cố làm cho vọng tưởng dừng dứt. Không quán chiếu, bởi đã rõ suốt bản chất của nó là huyền hóa rồi.

Không rơi vào tạo tác: Tức là không cần khởi cái biết để biết. Không biết về, biết theo vọng như là đếm vọng tưởng. Không làm thêm bất cứ gì để diệt trừ vọng tưởng. Cũng không khởi ý để mặc kệ.

Chỉ dùng trí tuệ thấu suốt vọng tưởng không thật, không theo nó. Sống bằng bản tâm chân thật lặng mà sáng biết.

Như vậy, sống bằng tâm lặng mà sáng biết, là đang tu. Nhưng không khởi tâm tạo tác hay làm thêm gì cả thì như là không tu. Đồng thời, công phu đến

đây rồi chỉ là không mê thì đang sáng, thành thoi, như là không làm gì cả, do đó giống như là không tu. Tuy nhiên, tâm vẫn lặng sáng, hiện tiền cho nên cũng là đang tu. Như vậy, “tu mà không tu, không tu mà tu”; đây là dụng công tu tập mà không chấp dụng công, dụng nhưng không có chỗ dụng, đạt đến vô tướng, vô tác, vô trụ như thế mới đắc lực, mới đạt đến chân thật tu hành. Nhị tổ Pháp Loa dạy: “Người tu tập thiền định không được chấp dụng công, dụng mà không có chỗ dụng, gọi là Thiền thượng thừa.” Cho thấy, dụng công “Tri vọng” như vừa nêu trên là đúng nguyên lý dụng công tu tập Thiền tối thượng thừa mà Nhị tổ Pháp Loa đã dạy.

Khi thực hành, có nhiều vị chưa khéo ứng dụng cho nên rơi vào vọng giác. Như vậy, biết vọng như thế nào thì “Biết vẫn còn là vọng giác”? Biết vọng thế nào thì “Biết là trí tuệ”?

Khởi biết để biết thì cái biết đó là vọng giác. Không khởi mà tự sáng biết thì ngay tánh sáng biết là trí tuệ. Nếu cho rằng cái biết vọng tưởng vẫn còn là vọng giác thì ai đang biết đó là vọng giác, nếu không phải là chân tâm đang săn đó? Buông luôn đi, liền đó tánh này hiển hiện, bắt dứt nghi ngờ.

d) Khi nào hết vọng?

Muốn biết khi nào mới hết vọng tưởng, chúng ta cần biết nguyên lý hết vọng.

Như trên đã nêu, vọng tưởng không thật có. Bất giác thì thoát có, giác rồi toàn không. Như người ngủ mê thì thấy có mộng, tỉnh dậy không còn. Cụ thể, tất cả chúng ta vốn ở trong tự tánh không vọng. Thế rồi bất giác, thoát quên, liền rơi vào thức mê, có vọng tưởng. Cái thức mê này duy trì cho vọng tưởng chập chờn không dứt. Nếu thức mê bắt dứt thì vọng tưởng cũng không còn. Như vậy, việc còn lại là không theo vọng tưởng và dứt trừ thức mê. Nhưng nếu có làm gì đó để dứt trừ thức mê, liền rơi vào phân biệt, có mình, có đối tượng thì thức mê càng tăng. Nếu để không, không làm gì thì gần vô minh, thức mê cũng càng mạnh. Phải tìm một diệu dược mà nó không chịu được thì thức mê mới hết. Diệu dược ấy là gì?

Khi chúng ta trấn tĩnh, giác sáng mạnh thì không mê. Cho thấy, khi giác sáng thì thức mê tự trừ. Theo thời gian công phu thuần thực, sức giác càng mạnh thì cản thức mê mờ càng yếu. Cho đến khi sức giác mạnh tột cùng thì cản thức cũng yếu tột độ. Không trước không sau, bất ngờ tâm giác vọt sáng lên, cản thức tự dứt bặt, vọng tưởng không còn. Cho thấy, giác là tu.

Năm vũng nguyên lý rồi thì vũng tâm, an lòng dụng công đúng pháp, công phu mới đắc lực. Nếu nôn nóng trông mong bao giờ mới hết vọng là đã can thiệp sâu trên vọng, quên tâm, sẽ càng bất an, rồi rầm thì vô tình lại càng làm cho vọng tưởng tăng thêm, trái với nguồn cơn mong muôn hết vọng. Chỉ là dụng công đúng pháp, đúng nguyên lý, sống thẳng tự tánh giác sáng, thời tiết nhân duyên chín muồi, tánh này bừng ngộ, vọng tưởng tự dứt trừ. Cho thấy, tu là khéo “Tri vọng” để giác ngộ tự tánh chứ không phải nhầm trên vọng để trừ dẹp vọng. Cụ thể, không theo, cũng không trừ dẹp vọng tưởng, chỉ sáng lại tánh mình. Không cần quá quan trọng hoặc quan tâm hay can thiệp gì trên vọng. Khi tánh này bừng ngộ, vọng tự dứt bặt, không cần trừ.

3. CĂN BẢN TIẾN ĐẠO

Tất cả các pháp từ thân, tâm sanh diệt cho đến cảnh giới, bản chất thuộc vô thường sanh diệt cho nên đều là huyễn hóa, tạm bợ, không thật. Chúng sanh không biết, lầm chấp cho là thật, do đó nhiễm trước, dính mắc, bị trói buộc, thêm lớn vô minh, tạo tác các nghiệp để rồi luồng chịu khổ đau triền miên trong sanh tử. Đức Phật nói rõ cho biết để không còn mê lầm, từ đó tu hành tiến đến giác ngộ, giải thoát.

Kinh Viên Giác Phật dạy: “Biết huyễn liền lìa, lìa huyễn liền giác, giác tức Bồ-đề.” Pháp Tri vọng Hòa thượng hướng dẫn hành giả tu hành cũng trên tinh thần như vậy. Một cách thực tế, ngay khi biết vọng, ai biết? Khéo nhận lại, liền đó tánh chân hiện tiền. Mới hay ra, biết vọng - liền là chân.

Cụ thể, đừng lầm vọng tưởng, không theo, ngay đó trả lại tự tánh giác sáng chính mình. Sống thẳng tự tánh ấy là tu hành. Hằng sống như vậy cho

đến khi công phu đắc lực, tâm này bừng ngộ, thông thống hoát toang, không ngôn từ nào tả xiết. Lúc này thấy biết như thị, vượt thoát căn và cảnh, sở và năng. Tiếp tục bảo nhậm cho thuần thực mới thấu triệt chân nguyên, mới có lúc diệu huệ vô thượng chiếu soi không cùng. Tức tướng túc tánh, tánh tướng thường trụ, vượt thoát không gian và thời gian. Lúc này tùy thời co hay duỗi, phá hoặc lập, đoạt hoặc cho một cách tự tại không ngăn ngại, mới có thể tùy thời nhổ định tháo chốt, gọi là giáo hóa độ sanh. Tâm đã viên diệu thì nhất cử nhất động đều là cơ huyền. Như thế, làm tất cả việc cũng không khác tánh này. Lắng lại, lặng yên, vẫn khéo tùy duyên hiện bày, không nơi nào thiếu vắng. Thể dụng hiện tiền, tùy duyên tùy thời tự tại tiêu sái.

4. KẾT LUẬN

Khi mê thì sống chìm trong thức. Ngộ rồi, thức chuyển thành trí. Cũng vậy, nếu mê chân tâm thì thấy biết phan duyên theo cảnh, nhiễm trước. Khéo nhận lại chân tâm thì ngay biết, trí giác hiện tiền; toàn thấy nghe biết đều là tánh sáng biết chân tâm lưu xuất.

Bất ngờ có con kiến đốt, chúng ta giật mình. Nếu mê thì đó là thức chấp ngã. Khéo tu, luôn săn một chân tâm đang giác sáng thì ngay đó lại là chân tâm giác biết hiện tiền. Chỉ tại tâm mỗi người khéo tu hay chưa, còn trong tình thức hay sống bằng trí tánh thanh tịnh mà ứng hợp. Đây là sự thật ẩn tại tâm, khéo tu sẽ thấy ra, rất thẳng tắp; không nằm trong khái niệm, quan điểm hay bất kỳ quy ước nào cả.

Đối với mọi hoàn cảnh, tình huống hay tất cả những thứ trong đời cũng vậy. Nếu mê tâm thì thấy biết trong sanh diệt. Hoặc trôi theo những thứ huyền hóa, hoặc biết huyền vẫn chưa rời huyền, bị các huyền chi phối, chịu các khổ đau. Khéo giác thì tất cả chỉ là một sự hiển hiện trong tự tánh chánh định chính mình, vượt thoát, an lạc. Chỉ tại khéo tu hay chưa, còn mê hay đã giác mà đưa đến kết quả khổ đau hay giải thoát, an vui, tự tại. Nhận ra rồi thì chỉ còn thẳng tiến, sẽ thấy Phật pháp cứu khổ thực sự, rõ ràng, bây giờ, nơi mỗi chúng ta. ■

Thiền tông Việt Nam

Tâm Thuần

THIỀN nhắc muôn loài tánh bất sanh
 TÔNG phong gợi nhớ thể viên thành
 VIỆT trung chư tổ nêu đường cõi
 NAM bắc người xưa hóa đạo lành
 THẾ sự xoay vần tâm hiển chiếu
 KỶ nguyên thay đổi trí trong thanh
 HAI bên dứt bỏ bày chân thật
 MUỖI (muôn) pháp tự không Phật hiện rành
 TRÚC biếc rừng thông kiến chủ ông
 LÂM sơn thanh thoát ngắm mây hồng
 THUỒNG nhiên bất động lìa sanh diệt
 CHIẾU sáng như như tuyệt có không
 NGỌN lửa sáng ngồi bày diệu dụng
 ĐƯỐC soi rạng rõ hiện chơn không
 THIỀN tăng vô sự nhìn suy thanh
 TÔNG tổ truyền trao chỉ rõ lòng

Nội thiền tông

CẢNH vắng rừng hoang núi chập chồng
 CHÂN tâm thanh tịnh chờ tìm mong
 KHÔNG nhơn không ngã vô sanh tướng
 NOI pháp tự yên vốn lặng trong
 XUẤT ý hăng hì mê với lưỡi
 PHÁT lời chẳng kẹt có cùng không
 TÔNG phong sáng mãi đưa người tới
 THIỀN vốn lặng yên khởi kiểm tâm

SUỐI NGUỒN BẤT TẬN

Trúc Lâm Bạch Mã

Thuở ấy, Linh Thúu Sơn rạng ngời ánh đạo. Trên tay Phật sen nở, tổ Ca-diếp mỉm cười. Lời Thế Tôn phó pháp vang rền, trời người chấn động. Mật ý mật ấn chư Phật, hiện bày rành rành trước mắt. Thiền tông từ đây lưu truyền diễn xướng, Tây Thiên tứ thất, Tổ Tổ trao truyền tiếp nối tâm đăng. Đến tổ Đạt-ma truyền sang Trung Thổ, vượt mây trùng khơi. Nhân duyên chưa ứng hợp, một khoảng lặng thầm nơi Thiếu Thất, bặt dấu, im hơi. Bỗng một sáng Thần Quang bặt dứt các duyên, rõ ràng thường biết. Ngọn Tung Sơn tuyết tan mây tạnh, trời Thiếu Thất bừng sáng hơn xưa. Không gì cản được, cứ thế, Thầy trò khế hội, nối đuốc mỗi đèn. Đông Độ nhị tam, nơi nơi tùy duyên bùa khắp. Để rồi một thuở, trời Đại Việt đất bằng dập sóng, Thiền Trúc Lâm vòi voi rạng ngời. Điều Ngự khai tông, Pháp Loa huy chấn, Huyền Quang nối năm mạng mạch. Phật giáo Thiền tông phát triển đỉnh cao, trở thành Quốc giáo. Nhưng rồi, lại có lúc lặng thầm như vắng bóng, ngót nhiều thập kỷ thất truyền. Nào ngờ, ở vào thời kỳ đương đại, thế kỷ XX, suối Thiền ấy lại được Hòa thượng Thiền sư thượng Thanh hạ Từ - Tông chủ Thiền phái Trúc Lâm khơi nguồn dũng xuất, tỏa sáng khắp cõi, soi rọi muôn nơi.

Sanh ra trong thời mạt pháp, không ai dám biết Thiền tông. Nhưng ngay từ thuở đầu xuất gia học đạo, Hòa thượng đã muôn tu Thiền. Trong lòng thô thiúc, muốn khôi phục Thiền tông Việt Nam, tự đặt cho mình trọng trách tiếp nối phục hưng Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Việc như vô tình ấy, nhưng lại là từ chủng duyên nhiều đời đã ẩn trong tâm. Một khuya đọc kinh Lăng nghiêm, đến đoạn thất xứ trưng tâm, bỗng dung rọi lệ. Túc duyên khải phát, tánh Phật đã chớm nở tung, một thoáng thăng duyên, cho sau này tâm khôi bừng sáng.

Nhân duyên phải hẹn, bao năm bạn với sách đèn, đứng lớp giảng dạy, để đợi đến ngày đầy đủ phúc duyên, thực hiện hoài bão bấy lâu nung nấu. Thế rồi ngày ấy đã đến, rằm tháng tư Mậu Thân¹, Pháp Lạc thất khép cửa, Thiền giả quả quyết: “Không có thời hạn, nếu không sáng đạo, chết hẳn trong thất, không ra.” Chí đã quyết, tâm đã về một mối, điều còn lại chỉ là tâm địa phát minh, không còn việc khác. Phật tổ không dối người, Phật pháp có thật nơi mỗi người chúng ta. Đưa tâm về một nơi, không việc nào mà không thành tựu. Quả vậy, sau gần bốn tháng miên mật², một khuya đang lúc tọa thiền, tâm ngài bừng ngộ, Bát-nhã hoa khai, thực tướng hiện tiền, tâm thiền rờ rỡ.

Nhớ lại xưa kia, Đạt-ma ấn tâm, truyền trao bốn quyền Lăng-già. Lư hành giả nhân nghe Kim Cang mà bừng ngộ, thành Tổ. Ra đời vắng bóng Tổ sư, không có Thiền sư ngộ đạo, Hòa thượng đã noi dấu Tổ sư, nhờ vào Kinh Luận ấn chứng. Giây trước đó xem kinh Đại thừa, đọc Luận, Ngũ lục như muỗi cắm trâu sắt, không tài nào hiểu được. Giây sau đó thông thống hoát toang. Đọc đến đâu, rõ sáng mồn một đến đó, như thể Phật tổ đang nói việc của mình, nơi mình đã sẵn bày ra đó. Vậy thì, năng lực nào đã cho ngài suốt thông tất cả, nếu không phải tâm thể đã hiện bày! Suốt thông tâm thể Phật tổ, mới tỏ suốt diệu chỉ quý ngài, mật ẩn mật ý chư Phật, toàn bày trước mắt! Đã ngộ thì tự như thế, tâm tự khế tâm. Băng chưa, như người đứng bên ngoài, không tài nào hiểu được. Việc ấn chứng này bình đẳng và khách quan là vậy. Thế thì, Kinh Luận không đủ để ấn chứng cho hành giả đã ngộ hay sao!

Sơ tổ Trúc Lâm đã khẳng định: “Đạt một lòng mới thông Tổ giáo”. Ngộ rồi sẽ tự thấy. Chưa ngộ phải lo tu, không thể khác. Đây là việc làm kỹ lưỡng, nghiêm túc của Hòa thượng Tông chủ đối với việc Phật tổ, không dám tùy tiện theo sở kiến hay phàm tình cá nhân. Con đường tiếp nối và phục hưng Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam bắt đầu từ đó. Từ bản tâm đã tỏ sáng, từ khi ra thất, và cũng là từ lúc ngài tuyên bố “Đã đến lúc bắt đầu làm Phật sự”. Cửa Thiền đã mở, Chơn Không một cõi thênh thênh. Nạp tăng chốn chốn nơi nơi, đủ duyên quay về tụ hội.

Đường đời vạn lối, nẻo đạo không thiếu những khúc quanh. Nếu không quy hàng, sau những khúc quanh là cả một bầu trời thênh thang, xán lạn. Đạo lực, trí tuệ cho đến các việc Phật sự đều như lột xác, đổi thay. Cuộc đời tu hành và giáo hóa của Hòa thượng Tông chủ cũng không thiếu những khúc quanh ấy, nhưng ngài luôn thấy đó là những thắng duyên, bởi đã đưa đến nhiều thành tựu.

Duyên tại Chơn Không tạm thời không thuận, xuôi về miền Long Thành, Đồng Nai dựng lập môn phong, Tổ đình Thường Chiếu trở thành trung tâm đào tạo tu học lớn nhất Thiền phái Trúc Lâm đương đại. Để rồi sau đó, đủ duyên chắp cánh Phụng Hoàng. Xứ cao nguyên, miền Đà Lạt dựng lập Thiền viện Trúc Lâm, làm nơi chuyên tu, thực hiện lý tưởng tối hậu. Rồng mây hội tụ, đêm ngày miên mật công phu. Nếu chưa sáng tâm, làm phân cho các gốc thông nội viện. Đã có hoa tâm nở rộ, Hòa thượng tuyễn bố, không cho an trú trong chỗ lặng trong, bắt đầu hạ sơn, bảo nhậm công phu trên động dụng. Trải qua thời gian ẩn náu, đến lúc ứng hiện, tùy duyên bay khắp muôn phương. Để rồi từ đây, khắp nơi trong nước, đến cả phương ngoại trời Tây, nơi nơi hữu duyên, đạo Thiền lan tỏa, mưa pháp rưới ban, tùy phần lợi ích.

Khải phát tiếp nối đèn thiền tại phương Nam, đầy đủ phúc đức nhân duyên, lại được quay về cội nguồn chốn Tổ. Nơi di chỉ chùa Lân, tôn tạo Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử. Từ đây suối nguồn Tổ xưa tuôn chảy, các đạo tràng Thiền viện lần lượt ra đời, có nơi cho kẻ tục người tăng hướng về tu tập.

Tùy thời co duỗi, nắm buông tự tại, biết rõ hành tàng, Hòa thượng tuyễn bố nhập thất. Để lại trọng trách, con cháu ngỡ ngàng, dù đã kỹ càng chỉ bảo. Ném xuống biển lớn, tự biết chống chọi thoát thân, cách dạy Thiền sư, ngài đã làm thành các bậc long tượng. Trong thất chân tâm chói lọi, ngoài kia con cháu lớn khôn. Từ bậc thượng thừa Phương trượng, cho đến phương ngoại tại gia, ngày đêm nối đuốc mỗi đèn, cho mạng mạch Thiền tông ngày càng quang huy xán lạn.

Vết nhạn lung trồi, 100 năm và còn nữa. Tuy chỉ là một vệt thị hiện như mộng ảo, ảo nhưng lại diệu vô cùng. Khai hóa biết bao nguồn tâm, sức tinh cơn mê, siêu phàm vượt thánh. Diệu dụng Phật pháp nơi bậc đã sáng nguồn tâm bất khả tư nghì như thế. Đến sẽ thấy. Nếu chưa, như kẻ bàng quan.

Ghi dấu bách tuế, mừng thương thợ Hòa thượng Tôn sư, hàng môn đệ tử tôn, từ trong tâm khám, bỗng vào công phu tu tập, mỗi người tùy phần tỏ bày tắc dạ, những mong đáp đền phần nào thâm ân giáo dưỡng cao vời trong muôn một.

Hôm nay, huân triêm pháp hóa, dưới sự gọt giũa đào luyện của ngài, đã có vị nhận ra mật ấn mật ý chư Phật. Bất động nhưng rành rành linh thông, trước mắt rõ ràng, ai che giấu được? Cành sen trên pháp hội Linh Sơn vẫn đang còn đó, nở rộ tỏa ngát tròn vòn, ai bảo pháp hội giải tán! Suối Thiền Yên Tử Trúc Lâm đang gội nhuân lan tỏa, sao lại dám bảo mất đi! Dòng Thiền nước Việt chính thức được tiếp nối phục hưng, sống dậy, khởi sắc rực rỡ. Con cháu đời sau tiếp bước huy quang, cũng từ mật ý mật ấn, từ mạch nguồn Thiền chưa từng chìm mất ấy.

Hãy nói hiện nay suối nguồn Thiền tông đang tuôn chảy là khởi nguyên từ mạch nguồn Linh Thủu, xuống đến Tào Khê, xuôi về đất Việt? Hay tất cả đang tự tuôn trào ngập tràn sẵn đó? Nếu không phát xuất từ đức Phật niêm hoa thì tại sao trước khi chưa gặp thầy tổ chỉ bày kích phát, chúng ta không thể tự ngộ? Nếu bảo từ Linh Sơn, Tào Khê, Yên Tử hay từ thầy tổ thì tại sao dòng Thiền ấy không tự tuôn chảy mà đã có lúc như chìm mất đi; mà thực tế hiện nay, có người nhận ra, cũng có lắm người chưa nhận? Đã sẵn thì tại sao không thể tự nhận? Nếu nhờ thầy tổ, tại sao lại có người nhận được, người thì chưa? Đừng suy nghĩ nữa! Dứt tâm tìm cầu bên ngoài, bắt hết các tướng đi - Không mê - Ngay đó toàn thể hiển hiện sáng ngời, mặc tình tiêu dao tự tại. ■

1. Rằm tháng Tư năm Mậu Thân - 1968.

2. Rạng sáng ngày 21 tháng Bảy (nhuận) năm Mậu Thân - 1968.

BẬC TÔN SƯ KHẢ KÍNH

Thông Huệ

Nhớ lại những năm tháng thời niên thiếu, từ ngày chúng con được phát tâm xuất gia tu học tại Tổ đình Sắc Tứ Thiền Lâm - Ninh Thuận, trong mỗi thời kinh khuya, đều thuộc nằm lòng mấy câu trong bài Sám Quy Mạng:

*“...Sanh phùng trung quốc
Trưởng ngộ minh sư
Chánh tín xuất gia
Đồng chơn nhập đạo.
Lục căn thông lợi
Tam nghiệp thuần hòa
Bất nhiễm thế duyên
Thường tu phạm hạnh...”*

Có lẽ do nhân duyên nhiều đời kết duyên lành với Tam bảo mà con đường xuất gia học đạo của chúng con luôn được may mắn gặp những bậc Thầy tôn kính, những bậc minh sư lối lạc dẫn đường chỉ lối theo đúng chánh pháp: Hòa thượng Bổn sư thượng Đỗng hạ Hải, Hòa thượng Luật sư thượng Đỗng hạ Minh - hai vị Thầy đã un đúc nền tảng sơ cơ cắn bản cho chúng con những bước đầu chập chững vào đạo; và đặc biệt là thâm ân giáo dưỡng của Hòa thượng Tôn sư thượng Thanh hạ Từ, tông chủ Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, người đã khai mở cho chúng con một tương lai mới trong tu học và hoằng pháp lợi sanh từ thuở ấy cho đến bây giờ. Trong niềm xúc cảm vô biên này, chúng con xin kính dâng lên Thầy - Hòa thượng Trúc Lâm đôi dòng bộc bạch tri ân sâu sắc.

Từ lúc còn tu học tại Tổ đình Thiền Lâm - Ninh Thuận, chúng con đã được nghe uy đức của Hòa thượng Viện chủ Thiền viện Thường Chiếu thời

bấy giờ, với thiền phong nghiêm tịnh, đạo tràng khai diễn, nên nuôi chí hăng mong được dự vào pháp hội Thiên gia. Được biết vào năm 1986, tại Thiên viện Thường Chiếu, Hòa thượng chính thức khai mở đạo tràng, trực tiếp hướng dẫn Tăng Ni, phật tử tu Thiền, khơi luồng sinh khí pháp nhũ lan tỏa mọi miền khắp chốn. Nhân duyên hội đủ, chúng con tác bạch xin phép Hòa thượng thượng Đỗng hạ Minh (cũng là vị Y Chỉ Sư của chúng con lúc bấy giờ) cho phép được nhập chúng tu học tại Thiên viện Thường Chiếu. Với thân tình pháp hữu Linh Sơn từ lâu, Hòa thượng rất hoan hỷ hứa khả, còn viết một bức thư gửi cho Hòa thượng Thường Chiếu (bấy giờ là Hòa thượng Trúc Lâm) để giới thiệu, gửi gắm chúng con được vào nhập chúng tu học Thiền như sở nguyện.

Giữa tháng 10 năm 1986, chúng con được thân mẫu dẫn đón tàu lửa đi từ Phan Rang vào Sài Gòn, sau đó bắt xe về Thường Chiếu. Cầm bức thư giới thiệu của Hòa thượng Luật sư trình lên Thầy, Thầy đọc xong, gật đầu, mỉm cười hoan hỷ thâu nhận con làm đệ tử Y Chỉ cầu pháp nhân duyên. Thầy nói: “Ở đây Thầy đặt pháp hiệu lấy chữ Thông, trùng hợp pháp tự của chú cũng chữ Thông, là Thông Huệ. Pháp tự đó thầy Bổn Sư của chú đặt hay rồi, có ý nghĩa lắm rồi, nên Thầy đặt lại thành pháp hiệu là Thông Huệ cho trùng tên luôn”. Gãm lại, chúng con tự cảm thấy mình thật diêm phúc biết bao, như đã kết duyên thầy trò từ nhiều đời nhiều kiếp, nay được gặp lại bậc Tôn sư khả kính, lòng càng ngưỡng phục, như có sự khế hợp tâm truyền ngay buổi ban đầu. Trí tuệ của con nhờ lòng từ của Thầy mà được khai mở thông suốt. Từ đạo ấy, đường học đạo của chúng con bắt đầu chuyển sang một trang mới, một phương trời mới với hoài bão giác ngộ giải thoát, thượng cầu hạ hóa của một Thiền giả thực tu, thực học.

Phước duyên hy hữu cho chúng con, sau khi nhập chúng được nửa tháng, Thầy chính thức mở khóa III đào tạo Thiền học, quy tụ hơn 100 thiền sinh chư tăng từ các nơi tập trung về Thường Chiếu nhập chúng tu học theo chương trình đào tạo bài bản từ sơ đẳng đến các bộ kinh luận đại thừa. Thầy đứng ra trực tiếp giảng dạy các bộ kinh lớn như Duy-ma-cật, Thắng Man, Lăng-nghiêm, Pháp Hoa... Bên cạnh đó, còn có các vị giáo thọ trong tông

môn tham gia giảng dạy như: HT. Phước Hảo, HT. Thiện Phát, HT. Nhật Quang, HT. Phước Tú... Khóa III Thiền học được đào tạo căn bản chính quy suốt năm năm không gián đoạn (từ năm 1986 đến năm 1991) như chương trình một trường Phật học thực thụ.

Bên cạnh đó, song song với việc trau giồi kiến thức nội điển, Thầy rất chú trọng đến sự công phu tu tập của các thiền sinh. Với phương châm “Thiền giáo song hành”, Thầy xây dựng cho các thiền sinh một môi trường thiền viện chuyên tu với nếp sống mẫu mực, giản dị tri túc, tinh giác trong mọi sinh hoạt hằng ngày, biến thiền học thành chất sống trong mỗi hành giả chứ không phải chỉ hiểu biết trên lý thuyết suông được học nơi giảng đường. Thầy thường nhắc nhở các thiền sinh lời dạy của Tổ Khánh Anh: “Tu mà không học là tu mù, học mà không tu là cái đãi đựng sách”. Thường Chiếu vào thời điểm đó, dưới sự hướng dẫn của Thầy được xem là một trong những trung tâm vừa tu vừa học uy tín bậc nhất, được chư tôn đức khắp mọi miền tin tưởng gửi đồ chúng về tham học rất đông đảo.

Thầy thường ân cần nhẫn nhủ cùng môn hạ: “Hoài bão của Thầy đều gởi gắm hết vào sự nỗ lực tu tập của tụi con. Tăng Ni tu có niềm vui, sáng được việc lớn, đó là biết thương tưởng đến Thầy. Bằng ngược lại thì thật là Thầy chưa đủ phước để được vui trước khi nhắm mắt. Bởi vì nguyện vọng khôi phục Thiền tông Việt Nam, đặc biệt là Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đời Trần của Thầy chưa thành tựu”. Với tấm lòng từ bi của một người cha, Thầy luôn tạo điều kiện tốt nhất cho các học trò của mình tu hành tiến bộ. Sự tu hành tiến bộ của học trò chính là niềm vui của Thầy. Nghĩ đến hoài bão ấy mà huynh đệ chúng con lúc bấy giờ, tuy hoàn cảnh đời sống vật chất thiếu thốn mọi bề, nhưng ai ai cũng cố gắng nỗ lực công phu tu tập và học pháp để xứng đáng là những Thiền tăng tiếp bước thầy tổ.

Ngôi chánh điện Thiền viện Thường Chiếu lúc ấy khiêm tốn đơn sơ, mái lợp tôn, tường gạch thô, vừa làm nơi tụng kinh, vừa làm thiền đường cho chúng tọa thiền. Hằng ngày, ngoài những thời khóa học tập trên giảng đường,

các buổi chấp tác “nông thiền”, thì vào buổi đêm, đầu hôm cuối hôm là thời gian công phu tu tập “phản quan tự kỷ” của các thiền sinh. Đích thân Thầy ra hướng dẫn các phương pháp tọa thiền và đi giám thiền cho đại chúng. Tọa thiền được xem là phương pháp điều phục thân tâm hữu hiệu nhất cho hành giả bước vào con đường của sự chứng đạt giác ngộ. Đức Phật cũng do ngồi thiền suốt 49 ngày đêm dưới cội cây Tất-bát-la, tự hàng phục nội ma ngoại chướng mà đạt được đạo quả Vô thượng Bồ đề. Người hành giả muốn sáng việc lớn thì trước tiên phải thể nhập thiền bằng trạng thái thân tâm hợp nhất, thực hành phương pháp tri vọng, làm chủ tâm hành thì mới khả dĩ đạt được kết quả viên mãn.

Một trong những nét đặc thù trong chương trình tu học của thiền viện do Thầy chủ trương đề ra, được xem là bản chất cốt lõi của thiền sinh là khoảng thời gian nhập thất chuyên tu, tự tâm quán chiếu, công phu hành trì để điều phục vọng tưởng, chuyển hóa thân tâm. Chính Thầy cũng nhờ thời gian nhập thất chuyên tu tại Thiền viện Chơn Không (núi Tương Kỳ - Vũng Tàu) mà liều ngộ lý sắc không, từ đó truyền dòng pháp nhũ tuôn chảy khắp nơi, ngọn đèn thiền tông được chiếu sáng, từ Chơn Không đến Thường Chiếu, Viên Chiếu, Linh Chiếu, Huệ Chiếu, Phổ Chiếu... chảy ngược lên đỉnh núi Phụng Hoàng, rồi tìm về cội nguồn Trúc Lâm trên non thiêng Yên Tử, nơi phát xuất dòng thiền mang đậm bản sắc của đất nước và con người Việt Nam do Phật Hoàng Trần Nhân Tông sáng lập cách đây hơn 700 năm trước, chư vị Tổ sư tiếp nối hoằng truyền. Con đường Thầy đã đi, đã tìm thấy, trở về cội nguồn Yên Tử, như con đường của mỗi hành giả tự quán chiếu để tìm về với “bản lai diện mục” của chính mình bằng quá trình tu tập tự nội.

Bằng kinh nghiệm của người đi trước, những lần chúng con được Thầy khuyến khích cho vào nhập thất chuyên tu, Thầy đặc biệt quan tâm đến thời gian hành trì công phu của những thiền sinh này. Thầy chống gậy đến thăm từng khu thất, hỏi han sức khoẻ và phương pháp dụng công của chúng con có được an ổn và hỷ lạc không, chăn trâu có điều phục được không, có gì trở ngại ách tắc trong quá trình công phu không, hoặc có sáng thêm những kiến giải gì chăng...? Mỗi mỗi Thầy đều ân cần thăm hỏi để biết rõ mà điều chỉnh

cho phù hợp hoặc sách tấn cho chúng con những khi nản lòng thối chí. Thật không khác gì tấm lòng từ mẫu, như gà mẹ cẩn thận ôm ấp, chăm chút từng quả trứng để chờ ngày gà con mở mắt chào đời. Mỗi hành giả ra thất với một trạng thái hoan hỷ, an lạc, có chút sở chứng nào, đó là niềm vui lớn nhất của người Thầy khi thấy những học trò của mình dụng công hành thiền có kết quả, nhờ đó mới có thể hoằng pháp lợi sanh bằng chính những kinh nghiệm tu tập. Bản thân Thầy có sự tu chứng nên sự truyền đạt của Thầy là sức sống rạt rào của Thiền phong, bằng sự thân hành của Thiền sư, chứ không phải chỉ là kiến giải bình thường mà có sức thuyết phục thính chúng đến như vậy.

Chúng con tự thấy thật có phước duyên khôn cùng khi được thăm nhuần ơn giáo dưỡng của Thầy. Nếu đời này không đủ duyên dự trong pháp hội của Thầy, có lẽ chúng con cũng chỉ là những gã cùng tử lang thang phiêu bạc khắp phố thị kinh kỳ, hoặc giong ruổi ngược xuôi theo những ngả đường mòn lối cũ, chỉ trở thành một học giả bình thường, hay ứng phú đạo tràng cho qua ngày đoạn tháng. Thầy đã đưa chúng con ra khỏi màn đêm tăm tối, biết rõ đâu là néo sáng để trở về, nhận lấy gia tài hăng có tự thuở nào. Chúng con được nương ngọn hải đăng của Thầy sáng rực, biết hướng tim vào bến bờ an vui. Thầy đã chỉ dạy cho chúng con biết công phu tu tập, chuyển hóa bản thân, sống được với những gì mình đã học, vừa là học giả, vừa hành giả, đem sở học sở tu của mình giáo hóa tha nhân, lợi lạc quần sanh, làm tròn bản nguyện của bậc Như Lai Thích tử. Đó cũng chính là hoài bão của Thầy. Hoài bão ấy, Thầy đặt niềm tin tưởng vào chúng con, những người thừa tiếp Thầy, thắp sáng ngọn đèn Thiền tông mãi mãi sáng ngời trên quê hương đất Tổ. Ngọn hải đăng luôn thắp sáng dù muôn pháp biến đổi vô thường, làm bừng lên ngọn lửa trong tâm mỗi người hữu duyên, trực nhận ánh bình minh hăng hếu của chính mình. Càng nghĩ càng thương Thầy, chúng con lại càng hổ thẹn, không biết có đủ xứng đáng với sự kỳ vọng Thầy đặt vào huynh đệ chúng con hay không? Tự nhủ lòng, phải nỗ lực hết mình, tu học và phụng sự để hoài bão của Thầy được thành tựu viên mãn.

Sau ngày thống nhất, đất nước trong giai đoạn 1986 - 1991 vẫn còn nhiều khó khăn thiếu thốn. Các cơ sở tự viện gần như phải kinh tế tự túc để nuôi

sống tăng ni. Với trách nhiệm người đứng đầu lãnh đạo các thiền viện, gánh nặng về sinh hoạt đời sống cho mấy trăm thiền sinh được an tâm tu học tại Thường Chiếu và các Chiếu ni lúc bấy giờ, khiến Thầy phải thao thức ưu tư. Do đó, Thầy đã khéo léo ứng dụng tinh thần nông thiền (thiền trong lao động nông nghiệp) vào đời sống tu tập của tăng ni với phương châm: “Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực” (Một ngày không làm, một ngày không ăn).

Tu, học và lao động trở thành ba yếu tố cần thiết quan trọng không thể thiếu của thiền sinh Thường Chiếu. Việc tu được Thầy cụ thể hóa như hơi thở, việc học như uống nước, lao động như ăn cơm. Sức sống ấy đã được các thiền sinh hăng hái chuyển tải từ trên đồng khô ruộng cạn, trên từng nhát cuốc đường cày, lúc đẩy xe kéo củi, khi đào giếng khoét mương... tạo nên một phương pháp tu tập thiền hiện thực trong lao động, cho tất cả thiền sinh thực tập cách “chăn trâu” trên ruộng rẫy.

Những gì Thầy dạy chúng con thì đích thân Thầy cũng đã làm gương, áp dụng phương châm ấy trước. Mỗi sáng Thầy đều đội nón, chống gậy ra đồng với huynh đệ chúng con, trực tiếp hướng dẫn chúng con cách cấy lúa, tỉa đậu, trồng rau... Thầy đi dạo thăm các ban làm việc (ban làm ruộng, ban làm vườn, ban trồng rau, ban trồng đậu, ban ép dầu, ban trồng nho, ban trồng tiêu, ban nhà trù...) động viên các ban nỗ lực để có đủ nguồn lương thực tự túc cho đời sống của chúng. Sự có mặt với nụ cười an nhiên, từ hòa của Thầy trong những thời lao tác như nguồn động lực vô biên cho đại chúng nỗ lực hăng say trong việc sản xuất kinh tế tự túc, đáp ứng cho đời sống của mấy trăm thiền sinh cùng tu học nơi ngôi Đại già lam Thường Chiếu thân thương thời bấy giờ, vốn còn rất khó khăn và thiếu thốn.

Lúc ấy, con được Thầy cho phép đem giống nho ở quê hương Ninh Thuận về trồng thí nghiệm tại đất Thường Chiếu. Tuy có khác biệt về thổ nhưỡng, khí hậu từng địa phương, song do chúng con có nghiên cứu về kỹ thuật trồng giống nho này nên đã đạt hiệu quả tốt, tạo nên một vườn nho (được xem là một trong những loại trái cây ngon, đặc sản tại Thường Chiếu ngày ấy, sau

đó các Chiếu khác cũng đến xin để nhân giống và trông ở các thiền viện Ni) tươi mát, sum suê bên cạnh khu thất của Thầy, tạo thêm sắc màu phong phú, đa dạng cho mảnh đất thiền trang Thường Chiếu thêm màu mỡ, xinh tươi. Những chùm nho chín đỏ mọng nước như những thành quả sau thời gian nỗ lực chăm bón được kính dâng lên trước tiên để cúng dường đức Phật và Thầy. Thầy đón nhận bằng niềm hoan hỷ và thân thương như thấu hiểu cho sự nỗ lực và tấm lòng hiếu kính của hàng đệ tử.

Thời ấy gian nan mọi bề, mỗi ngày lao tác buổi sáng, chiêu học, tối tụng kinh, công phu tạ thiền, nhưng đời sống tu hành của các thiền sinh rất siêng năng, tinh cần mãnh liệt. Huynh đệ yêu thương dùm bọc, sút cơm chia áo, ham tu ham học, hăng say lao động dưới sự dìu dắt của Thầy. Khắp trong anh em huynh đệ đồng môn, đâu đâu cũng hùng hồn vang vọng như một hành khúc nhiệt huyết của Thiền tăng:

*Một ngày không làm là một ngày không ăn
Đắt trâu ra đồng vừa làm vừa chăn
Trâu đen rồi đây sẽ thành trâu trắng
Chẳng phí đi kiếp người mới thật là Tăng...*

Một ưu ái đặc biệt mà Thầy dành cho chúng con nữa, là Thầy đã chỉ định cho Sư huynh Thông Phương và con tiến hành nghiên cứu và dịch thuật các tác phẩm trong Thiền Học Đại Thành. Huynh đệ chúng con sau khi dịch từ Hán sang Việt, sau đó cầm lên thất trình Thầy, đọc lại để Thầy kiểm duyệt từng chữ, xem chỗ nào chưa đúng thì chỉnh lại. Trong thời gian đó, con đã dịch được hai tác phẩm là: Bá Trượng Ngũ Lục và Khô Nhai Mạn Lục, được đích thân Thầy chỉnh sửa và chứng nghĩa. Qua đó, chúng con mới thấy được sự làm việc nghiêm túc, cẩn trọng và tỉ mỉ của Thầy khi biên soạn, dịch thuật các tác phẩm của chư vị Tổ sư, Thiền sư để làm phương tiện hoằng truyền chánh pháp cho các thế hệ kế thừa mai sau nghiên cứu.

Năm 1995, Thầy chấp thuận theo lời thỉnh cầu của đạo tràng Thái Tuệ (đạo tràng tu Thiền đầu tiên tại TP.Hồ Chí Minh; sau đó các đạo tràng Tuệ Tâm, Tâm Đức, Sen Xanh, Sen Hồng, Sen Trắng... lần lượt ra đời trên khắp

các miền đất nước), sắp đặt cho chúng con về giảng dạy Thiền cho các đạo tràng trong tông môn. Năm 1997, theo lời thỉnh cầu của các Phật tử tại Nha Trang, Thầy hoan hỷ hứa khả cho chúng con được về hành đạo tại miền thùy dương cát trắng Nha Trang - Khánh Hòa, đem dòng Thiền Trúc Lâm mà Thầy đã dày công phục dựng về mở mang tại các tỉnh miền Nam Trung Bộ (Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận). Nhờ uy đức và sự giáo dưỡng mười một năm trưởng (từ năm 1986 đến 1997) của Thầy, ân cần miệt mài huấn dục mà chúng con có được chút ít vốn liếng tu tập nơi Tổ đình Thiền viện Thường Chiếu, mà giờ đây khi ra làm Phật sự, chúng con hiểu rõ đâu là đường lối tu hành chân chính, giảng dạy, hướng dẫn Tăng Ni, Phật tử theo đúng chánh pháp và tôn chỉ mà Thầy đã chủ trương, kiến lập đạo tràng, xây dựng thiền viện... được thành tựu sở nguyện.

Mỗi mỗi Phật sự chúng con làm, dường như đều có ánh mắt từ bi dõi theo của Thầy, luôn soi sáng, che chở như người mẹ hiền dõi theo đàn con bay vào khung trời tự lập với những chông gai thử thách và cạm bẫy phía trước. Dù thành tựu hay chướng duyên, chúng con đều về trình lên Thầy, đều được Thầy hoan hỷ ân cần hỏi thăm, ngợi khen cho những thành tựu, hoặc động viên, sách tấn, chỉ dạy thêm cho bước đường hành đạo tiếp theo. Thầy dạy: “Thế gian dành cho chúng ta khá nhiều điều bất như ý. Chúng ta phải khéo tu để vượt qua những bất hạnh này. Những thay đổi đau lòng luôn đến với ta, khi chúng đến ta nên cười chẳng nên khóc, vì đó là quy luật của thế gian.” Đời Thầy là cả một kho tàng kinh nghiệm sống, Thầy đã sử dụng kinh nghiệm tự thân để dẫn dắt chúng con trên bước đường tu học và hoằng pháp lợi sanh. Những phút giây được ngồi dưới chân Thầy, nghe Thầy chia sẻ những kinh nghiệm trong cuộc đời tu tập và hoằng hóa của Thầy là những giây phút an lạc, bình an và vững chãi nhất. Chúng con như được tiếp thêm một năng lượng tràn trề từ sức mạnh nội tâm của Thầy, củng cố tâm bồ đề của chúng con càng thêm kiên định.

Thầy từng dạy: “Cuộc sống không có những người nghịch ta, mà chỉ có những người chưa hiểu ta”. Không phải tự dung chúng con có được sức mạnh tinh thần ấy. Sức mạnh phát khởi từ thâm sâu tâm thức, khi chúng

con nhớ lại công hạnh, đạo đức tỏa sáng nơi Thầy, tự nhủ thầm sẽ dũng mãnh vượt qua mọi chướng duyên, đứng dậy với một niềm tin mới để tiến bước, một sức mạnh mới để vượt thăng mọi gian nan thử thách của cuộc đời và lòng người, để mang dòng pháp nhũ của Thầy lưu hóa muôn phương, thực hiện hoài bão mà Thầy đã dày công khôi phục Tổ đạo và đặt trách nhiệm kế thừa lên vai hàng môn hạ chúng con. Thành quả này, tâm niệm này đều từ công đức pháp hóa và sự gia tâm hộ trì của Thầy, Người đã một thời lái đò đưa khách sang sông, giờ đây Thầy lại lèo lái con thuyền Bát-nhã đưa Tăng Ni từ chúng vượt sông mê hướng về bờ giác. Thâm ân ấy vô cùng vô tận, hàng môn hạ chúng con nguyện khắc ghi đáp đền trong muôn một.

Hòa thượng Ân sư luôn ôm ấp một tâm niệm: “Nếu tôi không thể làm một viên linh đơn cứu tất cả bệnh của chúng sanh, ít ra cũng là một viên thuốc bổ giúp cho người bót khoổ”. Công việc Phật sự tuy đa đoan, giảng dạy, đào tạo tăng ni, kiến lập đạo tràng, mở mang Thiền tông trên khắp mọi miền đất nước và hải ngoại, nhưng lúc nào Thầy cũng luôn tươi cười, ung dung cao nhàn, hăng hái nhiệt tình, lắng nghe trầm tĩnh. Cách sống khiêm tốn, hiền lành, giản dị của Thầy là bài học sống động về thân giáo cho hàng môn hạ chúng con hăng tham học. Giác ngộ muôn pháp đều “Huyền”, nhận chân tính hư ảo của các pháp hữu vi đều là “Mộng”, Thầy sống và làm việc bằng tâm không dính mắc. Hành trạng của Thầy được gặp nhiều nhân duyên hy hữu, nhưng cũng không ít lần trở ngại do thời cuộc xoay vần, nhưng Thầy đều lấy đó làm thăng duyên vượt qua một cách bình ổn an nhiên, chưa một lần thối tâm Bồ đề, lại càng tỏ rõ cái dũng của một Bậc Đại Sĩ, tùy duyên làm Phật sự như huyền.

Đối với sự nghiệp phục hưng dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử vốn bị mai một tại Việt Nam, Thầy để nhiều tâm huyết cho tâm nguyện tiếp nối ngọn đuốc Thiền của chư Tổ Việt Nam. Trải qua hơn 700 năm lâu bền, từ khi Sơ tổ Trúc Lâm Đìều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông khai sáng, Tổ Tổ trao đèn nối đuốc, dòng Thiền ấy được hồi sinh mạnh mẽ và tuôn chảy khắp nơi trên thế giới, dưới sự ra đời và chấn hưng của Thầy. Thiền viện và các đạo tràng tu thiền có mặt nhiều nơi trên khắp mọi miền đất nước

và ở hải ngoại. Thầy từng nói với môn đệ: “Mình là con cháu, phải tiếp nối bước đi của các bậc tiền nhân. Thiền tông Việt Nam là cội nguồn của Phật giáo Việt Nam. Chúng tôi không nỡ để cho sự nghiệp của tổ tiên bị mai một, không đành lòng nhìn thấy người con Phật bối rối quờ quạng không tìm được lối đi trên con đường giải thoát, nên tôi cố gắng cho ra đời những thiền viện, là chỗ đầy đủ thiện duyên cho những người quyết tâm tu hành cầu giải thoát.” Trong hơn 30 năm, từ thập niên 70 của thế kỷ trước, ngài đã không quản ngại tú đại khiếm an, phương trời cách trở, lần lượt thành lập các thiền viện trên ba miền Bắc - Trung - Nam và cả ở hải ngoại, để mạch nguồn Thiền tông Trúc Lâm Việt Nam ngày càng rạng rõ, làm nơi nương tựa tu tập cho Tăng Ni, Phật tử biết đâu là nguồn cội trở về, nhận chân “Phật tâm” sẵn đủ nơi mỗi chúng sanh.

Công đức của bậc Ân sư vô cùng to lớn, tâm nguyện lại càng to lớn hơn. Chúng con được hưởng phước tái sinh trên đạo lộ giác ngộ giải thoát, được sống trong pháp hội của Người, từng phút từng giây hít thở hương thiền. Hình ảnh vị Thiền sư ung dung, thanh thoát mà giản dị, đầy ắp từ tâm đã in sâu vào tâm thức, chan hòa trong nếp sống tu hành của từng tu sĩ xuất gia hay cư sĩ tại gia trong pháp hội Trúc Lâm. Huynh đệ chúng con nguyện cùng nhau nỗ lực tu học, thừa tiếp bước đường Thầy đã dày công vun đắp, không để cho đạo nghiệp của thầy tổ bị mai một. Dòng thiền nước Việt có còn hay không là ở thế hệ chúng con, những pháp tử, pháp tôn hàng môn hạ của Thầy hôm nay và mai sau, nguyên xứng đáng là một hành giả trong tông môn Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Kính bạch Thầy - bậc Tôn Sư khả kính!

“Vô sở tùng lai diệc vô sở khú”. Pháp thân thường trụ không đến không đi, thì có gì là sinh diệt còn mất? Dẫu mai này cơn vô thường chợt đến, Thầy xả bỏ báo thân về cảnh Niết bàn, thì dung nghi giải thoát, nụ cười an nhiên của Thầy vẫn luôn hiện diện ở khắp mọi nơi. Thầy có mặt trong từng chiếc lá cành hoa, trong từng đám mây tia nắng. Thầy có mặt trong mỗi chúng con, từng giòng máu, hơi thở luân lưu trong cơ thể mỗi Thiền sinh, trong

từng Phật sự mà sau này chúng con phải thay Thầy gánh vác trọng trách cho tiền đồ Thiên tông Việt Nam. Thân chúng con là sự tiếp nối, kế thừa của thân Thầy; và tâm chúng con, khi tinh lăng mà thường biết, vẫn cùng tâm Thầy tương ứng, có bao giờ vắng thiểu. Mỗi ý nghĩ, lời nói của chúng con đều có Thầy chứng minh, mỗi Phật sự chúng con làm đều có Thầy hộ trì, mỗi bước đi trên lộ trình tâm linh nhiều chông gai thử thách, chúng con đều có Thầy động viên sách tấn. Và dưới sự hiện diện chứng minh miên viễn của Thầy, chúng con nguyện sẽ tự đứng lên thắp sáng ngọn đuốc trí tuệ vô sú, bước đi bằng đôi chân của chính mình, luôn noi gương Thầy một đời cống hiến cho Đạo pháp và quần sanh không mệt mỏi, phục hưng dòng Thiên mang đậm bản sắc văn hóa ngàn đời của dân tộc Việt Nam.

Dù có ca ngợi Thầy trong muôn vàn lời hoa mỹ, vẫn không thể diễn bày hết ân đức Thầy đã dành cho chúng con, cho Phật pháp và nhân sinh. Chúng con nguyện đời đời được kết duyên gặp lại bậc Minh Sư tôn kính, được dự trong pháp hội của Thầy, được Thầy dùi dắt, cùng học cùng tu cho đến ngày giác ngộ, viên thành đạo quả.

Ngưỡng mong trên Thầy từ bi chứng minh cho tấm lòng thành kính của chúng con!

CHUYỆN THƯỜNG NGÀY

Tâm Hạnh

NHỔ HOA HAY NHỔ CỎ?

Hằng ngày, mỗi sáng và chiều, Hòa thượng chống gậy dạo quanh một vòng Thiên viện. Sáng ấy ngang qua một thiền sinh đang chăm đồi hoa vạn họ Thiên viện Trúc Lâm Đà Lạt, ngài dừng lại hỏi:

- Chú nhổ cỏ hay nhổ hoa?
- Bạch Hòa thượng! Hoa cỏ đều nhổ sạch.

Hòa thượng cười và bảo: - Tốt!

Rồi ngài đi về phương trượng.

Lát sau, vị tăng y áo chỉnh tề lên đảnh lễ sám hối. Ngài cũng cười và bảo:

- Về tu thêm.

Bài học:

Ông thầy này chỉ giỏi nhổ sạch tất cả mà chưa giỏi tùy thời nhổ hoặc trồng. Hãy nói, Hòa thượng bảo: “Tốt”, là chấp nhận hay chưa chấp nhận? Nếu đã chấp nhận thì tại sao ông thầy lại lên trượng thất sám hối, ngài bảo: “Về tu thêm”? Nếu chưa chấp nhận thì tại sao Hòa thượng lại bảo là: “Tốt”?

Là việc của ông thầy nhổ cỏ tại thời điểm đó. Không phải là câu chuyện của mãi mãi và cho tất cả. Thấy ra thì tự mình có phần. Không thấy thì trả lại cho ông thầy ấy đi.

Chỉ một chữ “Tốt” cũng đủ để rúng động, đánh tan kiến thức, kiến giải, sở kiến... “Tu thêm”, sẽ nhận ra tài sản vô giá chân thật nơi chính mình.

CÁI GÌ TÔN QUÝ NHẤT?

Một buổi chiều, trong lần đi quanh Thiên viện Thường Chiếu, Hòa thượng ngồi lại trên ghế đá tại Nhà mát cạnh Tây đường. Đại chúng vây quanh, ngài cười và nói:

- Có chú thưa rằng, tôi cứ nói chân tâm Phật tánh hoài, không có gì khác. Tôi bảo, nếu có bất kỳ một pháp nào vượt hơn Phật tánh chân tâm, tôi đều nói đó là huyền hóa, không thật.

Bài học:

Thủ tìm một pháp nào vượt hơn chân tâm Phật tánh xem?

Có pháp, liền là không thể sánh kịp chân tâm Phật tánh rồi, làm sao bảo vượt hơn!

Vừa khởi tâm tìm, đã trở thành pháp dù, che khuất chân tâm, làm gì biết để so sánh hơn kém!

Dứt tâm tìm cầu, về trong ấy, sẽ tự thẩm sâu giá trị chân tâm Phật tánh chính mình.

TÙ BI VÔ TẬN

Đang lao tác, một thiền sinh đẩy chiếc xe kéo¹ vô tình cán lên cây thông con mọc tự nhiên bên vệ đường. Vừa đúng lúc Hòa thượng đi đến, ngài quở:

- Sao tàn nhẫn quá vậy. Cây thông như vậy mà nỡ cán lên!

Lần khác, đi ngang qua thảm cỏ, Hòa thượng tránh qua một bên trong khi nhiều người giẫm đạp trên đó. Ngài bảo:

- Không nên giẫm lên cỏ.

- Bạch Thầy, cỏ này đẹp lên được, nó không chết.

- Tuy vậy, nhưng giẫm lên tội nghiệp nó.

Bài học:

Luôn săn một tâm giác sáng, quên bản ngã, bắt các tướng, sẽ có trí tuệ. Sống trọn vẹn và tích cực với những gì đang đối diện, không để kém

khuyết, sẽ từ bi. Không phải quan niệm hay nghĩ suy, khéo sống như vậy, lòng từ bi sẽ thênh thang, vô tận.

ỨNG XỬ BẰNG TÂM TỪ HÒA

Hứa khả lời thỉnh cầu của tăng ni và Phật tử hải ngoại, Hòa thượng chuẩn bị chuyến du hóa. Gần đến ngày đi, bất ngờ có cuộc điện thoại gọi đến can ngăn. Trước những lời lẽ có vẻ căng thẳng, nặng nề, tôi hầu việc bên cạnh chỉ trông thấy Hòa thượng nhẹ nhàng tươi cười hài hòa và chỉ với một câu: “Vâng, tôi cảm ơn nhiều.”

Sang đến nơi, vị ấy đã đến sám hối và thỉnh Hòa thượng thọ trai.

Bài học:

Phải luôn như thế thì khi gặp nghịch duyên mới được như thế.

Tổ đức dạy: “Tuy gặp người ác cũng lấy tâm từ hòa đối xử với họ, mới hay vào đời độ thoát, mở cửa lớn độ khắp chúng sanh.”

Hòa thượng từng nói: “Trước mắt tôi không có kẻ thù, chỉ có những người bạn đã thông cảm và chưa thông cảm.”

Các bậc sáng đạo, sống đạo, luôn gặp nhau trong đại đạo chân thật như thế.

LO TU THÔI

Có vị học giả tìm đủ mọi cách để nói điều không tốt đối với Hòa thượng. Huynh trưởng một đạo tràng lên xin ngài cho phép được đến gặp vị ấy để nói rõ mọi chuyện. Hòa thượng tươi cười rồi bảo: “Thôi, chỉ im lặng lo tu thôi chú.”

Bài học:

“Chỉ im lặng, lo tu thôi”, là việc chính, cũng là việc thường ngày của người tu hành. Những người tu hành làm được việc bình thường ấy trong một hoàn cảnh không bình thường thì mới làm tốt việc bổn phận của mình.

Kết quả, cuối cùng vị học giả kia cũng thật thà với bản thân và mọi người: “Vì Hòa thượng nổi tiếng, tôi nói xấu ngài thì nhiều người biết đến tôi, tôi cũng được nổi tiếng. Tôi làm như vậy chỉ vì muốn nổi tiếng như Hòa thượng.” Cũng là chuyện thường của cuộc đời, và giá trị của nó đến nay không còn ai biết đến. Nhìn nông nổi trước mắt thì mọi thứ mới có giá trị chi phổi. Nếu có trí tuệ, sẽ thấy rõ bản chất của tất cả đều huyền hóa. Sự thật, kết cục cuối cùng tất cả sẽ được đưa về đúng với bản chất của chúng chỉ có như vậy. Do đó, dù chuyện gì xảy ra, nếu chịu thấy đúng thì chúng ta luôn an yên trong ngôi nhà tâm tánh chính mình, mọi chuyện trong đời chỉ bình thường thôi!

LÀM NƠI NUƯƠNG TỰA

Có lần Hòa thượng dạy Ban lãnh chúng:

- Là người lớn, dù có gặp chuyện như thế nào cũng phải bình tĩnh, an nhiên thì mới làm nơi nương tựa trấn an cho những người nhỏ.

Bài học:

Ngay từ bây giờ, người nhỏ cũng phải thực tập như lời Hòa thượng dạy thì lớn lên mới có lực để bình tĩnh, an nhiên.

LỖI TẠI CHỖ NÀO?

Có một sự cố xảy ra, cả hai Thầy hành xử đều có lý, nhưng không đồng nhất nên không vui với nhau. Đến lễ thỉnh nguyện, hai Thầy ra sám hối. Hòa thượng bảo:

- Mấy chú biết lỗi chỗ nào không?
- Kính thỉnh Hòa thượng chỉ dạy cho chúng con.
- Cả hai đều đúng. Lỗi ở chỗ bất hòa.

Bài học:

Còn trong sanh tử thì không có gì giá trị. Đã bất hòa thì việc đúng cũng thành sai. Cần cái đúng, muốn hiệu quả mà đánh mất đi yếu tố con người thì tất cả không còn ý nghĩa.

CHỈ SỢ NGƯỜI LỚN BẤT HÒA

Buổi họp định kỳ tại Tuệ Tĩnh đường, nghe báo cáo mấy nhân viên có tâm ý trái ngược, có thể đưa đến chống trái nhau. Hòa thượng bảo:

- Tôi không lo người nhỏ chống trái, chỉ sợ người lớn bất hòa.

Bài học:

Phán đoán mọi việc qua bản thân thì sẽ có điều trái ngược, bất hòa, chống trái. Hòa tan bản ngã riêng tư vào đại sự thì mọi việc đến đâu cũng bình ổn, hài hòa.

Người xưa nói: "Người ta soi mình nơi dòng nước đúng chứ không ai soi mình nơi dòng nước chảy. Chỉ có những ai dừng lại rồi thì mới làm cho người khác dừng theo."

Nếu người lớn đã dừng và an thì người nhỏ cũng theo đó được an yên, thanh tịnh.

PHÀM TÌNH VÀ THÁNH TRÍ

Sau giờ học, một thiền sinh hỏi:

- Bạch Hòa thượng! Con đọc trong sách, thấy vào thời quá khứ lúc đức Phật còn thực hành hạnh Bồ-tát, ngài bối thí luôn cả vợ con. Ngày nay nếu làm như vậy là vi phạm nhân quyền. Thỉnh Hòa thượng chỉ dạy cho con?

Hòa thượng cười và bảo:

- Đừng lấy phàm tình so lường với lượng Thánh.

Bài học:

Như người nhắm mắt, bảo họ phải nhìn thấy mọi vật chung quanh thì không thể. Còn trong phàm mê thì khả năng thấy biết cũng chỉ ngang phàm tình. Khi chứng Thánh, sẽ khác.

Thời đức Phật, có vị cư sĩ nam Visàkha trong một lần nghe Thế Tôn thuyết pháp, ông chứng Tam quả A-na-hàm. Cô bạn đời là Dhammadinnà không biết. Về nhà, cô đưa tay ra đỡ lên gác, nhưng ông không nắm tay. Trong bữa ăn, ông cũng im lặng, không nói năng gì. Thấy lạ, cô gạn hỏi, ông nói không phải vì lỗi gì của cô. Do nay đã hiểu được Chánh pháp nên không còn những cùi chỉ như trước nữa. Ông trả tự do lại cho cô có quyền chọn lối đi mới. Cô này không theo thế tục mà xin Phật xuất gia. Một thời gian sau, cô chứng đắc Tứ quả A-la-hán, trở thành người thuyết pháp đệ nhất trong hàng các Tỷ-kheo-ni.

Khi ràng buộc thì thấy là sở hữu. Không muốn ràng buộc nữa, trả lại tự do cho nhau thì gọi là bồ thí (cho ra, buông ra). Bậc hành hạnh Bồ-tát không thấy biết trong đối đãi mình và người thì không còn ràng buộc trong hai bên, cho đến tất cả các pháp cũng không còn bị trói buộc. Trả các pháp trở về ngôi vị chính nó, tức đã bồ thí tất cả. Bồ thí của bậc Thánh vốn tự bình đẳng, không động, thanh tịnh và vượt thoát nhị nguyên như thế. Không có được mất, không xâm phạm hay can hệ đến ai thì làm sao vi phạm nhân quyền được? Phàm phu chưa tỏ trí tánh, chưa thể thấy biết như Bồ-tát cho nên làm gì cũng bị dính kẹt.

ĐỐN - TIỆM

Một thiền sinh đang công phu, bỗng đứng thấy mất hết thân tâm, hoảng hốt đắp y lên đánh lẽ thưa thỉnh Hòa thượng:

- Bạch Hòa thượng! Thân tâm con mất sạch. Hiện giờ con là gì, đang ở đâu?

Ngài cười và bảo: - Ai đang thưa hỏi?

Vị tăng liền đó nhận ra “cái mình chân thật” đang hiện sờ sờ. Đánh lẽ, hoan hỷ ngập tràn, lui ra.

Cũng một trường hợp tương tự, nhưng nghe lời khai thị của Hòa thượng, thiên sinh này không khéo nhận. Thưa hỏi thêm, Hòa thượng đành phải phuong tiện giảng giải:

- Đó chỉ là cái định mất hết thân tâm của buổi đầu mới vào Thiền, chưa ngộ tánh, cần phải khéo nỗ lực công phu thêm.

Thiên sinh nhận ra và sống được trong chổ thuần tịnh mình vừa đạt được. Cân có thời gian nỗ lực hạ thủ công phu thêm để vượt khỏi “ao trong” này, mới ngộ tánh.

Bài học:

Nhận thảng “Ai đang thưa hỏi” thì liền đó ngộ thảng tự tánh, không qua thứ lớp phương tiện, gọi là đốn ngộ. Đây đích thực là Tổ Sư Thiền. Chưa thể như thế thì rơi vào chổ mất hết thân tâm, là chổ thuần thanh tuyệt điểm của tạm thời. Phải nhảy khỏi bước chuyển tiếp này mới ngộ tánh. Khi ngộ, cũng chỉ là đốn ngộ, không khác. Nhưng nếu chủ trương hoặc cố tình chuyên vào chổ thuần tịnh thì tự động rơi vào tiệm thú. Tất cả đều ẩn tại tâm của hành giả, nhận như thế nào thì đưa đến kết quả tương ứng như vậy. Vị Thầy chỉ ứng theo căn cơ để khai thị, kích phát. Ngoài ra, Phật tổ cũng không làm gì thêm được trong đó.

Hiện nay, nếu có hành giả công phu tương ứng, đang nghe như vậy, sẽ rơi vào trường hợp nào? Cũng như hai thiên sinh trên. Công phu, khéo nhận như thế nào thì sẽ đưa đến diễn địa tương ứng như vậy. Đến đó, liền nhảy thảng vào. Việc này không nằm trong khái niệm hay quy ước nào cho chúng ta hiểu biết để vận dụng được. ■

1. Miền Nam gọi là xe cộ, miền Trung gọi là xe bò.

MỘT ĐỜI SỐNG ĐẠO

Tâm Hạnh

*Nhơn sanh bất mãn bách,
Thường hoài thiên cổ ưu.
(Hàn Sơn thi)*

Tôn giả Hàn Sơn nói, đời người sống chẳng bao lâu, lại đi lo việc thiên cổ. Là ngài khuyên chúng ta không nên lo lắng những việc xa xôi. Ngược lại, cuối đời Sơ tổ Trúc Lâm leo khắp các núi, tìm kiếm các hang động ở tại thạch thất để tạo cái kẽ lâu dài. Tức là ngài trông xa nhìn rộng, muốn tạo kẽ lâu dài cho hậu thế, cho Thiền tông. Qua hai sự thị hiện khác nhau của hai bậc Tổ đức, chúng ta học được gì? Ở vào đâu, nhắm chổ nào để thấy quý ngài?

Tôn giả Hàn Sơn bảo phải buông hết các duyên, nhưng ngài vẫn làm nhiều việc, thị hiện nhiều hạnh thức tinh chúng sanh, để lại nhiều tác phẩm có giá trị. Sơ tổ Trúc Lâm tạo kẽ lâu dài cho hậu thế, nhưng chỉ là sáng biết, nào có sanh tâm động niệm gì. Hãy nói, có làm nhưng vẫn không làm, hay ngồi yên mới không làm? Cả hai đều nhầm trên công việc để bàn luận, hiểu biết, là theo tướng, mê tâm, làm sao thấy được quý ngài? Chư Thiện tri thức tỏ sáng bản tâm, luôn sống bằng tâm thể để khéo léo tùy duyên trôi tròn việc đạo, việc đời bằng diệu lực được lưu xuất từ bản tâm như vậy. Thấy biết, làm nhiều, nhưng vẫn vô tướng, bất động. Đức dụng ấy không nằm trong hiểu biết của tình thức sanh diệt thế gian.

Hòa thượng Tông chủ một đời lo cho đạo pháp, cho Thiền tông Việt Nam cũng kế thừa tâm thể chư Phật, tiếp nối tâm Thiền Tổ sư như thế. Tâm huyết tiếp nối phục hưng Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam cũng nhờ “như thế” mà được thành tựu mỹ mãn. Hàng con cháu về sau thừa hưởng phúc trí của ngài, được tăm gọi trong suối nguồn Trúc Lâm Yên Tử. Tuy

làm được nhiều việc lợi đạo ích đời, nhưng ngài vẫn xem như huyễn mộng, vẫn như chưa làm gì, mới nỗi năm được việc lớn Phật Tâm Tông. Ngài nói:

... *Mộng tan rồi, Cười vỡ mộng.*
Ghi lời mộng, Nhắn khách mộng.
Biết được mộng, Tỉnh cơn mộng.

Không phải ở trong mộng để hiểu biết và nói về mộng. Hòa thượng đã “Mộng tan rồi, cười vỡ mộng”. Tức là hết mộng, đã tỉnh, đã sáng lại nguồn tâm minh để vào trong cảnh mộng dắt dẫn những người còn đang mộng như chúng ta. Đã tỉnh mộng mà biết mộng nên rõ suốt mộng ảo, làm các việc trong mộng để giúp người còn mộng được tỉnh, nhưng vẫn vô tướng, bất động; đây là “Như huyễn tam-muội”. Thiền sư Cứu Chỉ từng nói: “Chẳng rời cảnh nghiệp mà phương tiện khéo léo, ở trong cõi hữu vi hiện bày pháp hữu vi mà không phân biệt”, chính là điên địa này. Con cháu hữu duyên, nhiều vị đã nhận ra, thấu suốt và thừa đương tài sản vô giá như thế.

Như cánh nhạn ngang qua lồng trời, đã qua rồi nhưng bóng nhạn vẫn còn che mát. Hiện nay Hòa thượng đã nghỉ ngơi, không giảng dạy và làm Phật sự nữa, nhưng những vị hữu duyên vẫn đang thừa hưởng công đức pháp hóa của ngài. Dù ít hay nhiều, sâu hay cạn, tất cả cùng chung một cảm khái “Không ngờ!”. Không ngờ mình được gặp Hòa thượng, cuộc đời chuyển sang một trang sách mới, rạng ngời. Không gặp ngài, không biết cuộc đời của mình bây giờ trôi nổi về đâu! Không ngờ mình lại đủ phúc duyên gặp ngài, biết được giá trị Thiên tông Việt Nam để chuyển hóa bản thân và nhiều người khác. Cho đến dưới sự đào luyện, khai thị, kích phát của ngài, tâm mình bừng vỡ - Không ngờ! Và còn nhiều nữa.

Như cơn gió vô tình thoổi qua khóm trúc, gió đã qua rồi, vẫn còn đây âm vọng vang rền. Là hiện tại Hòa thượng không còn sách tấn, nhưng mỗi thiền sinh hằng ngày đang nỗ lực tiếp tục hành trình trở về cố hương chính mình mà ngài đã chỉ đường dẫn lối. Con đường ấy không hình tướng, nhưng mỗi ngày lại tiến bộ, mới tươi. Các Phật sự, trọng trách ngài giao phó lại, dưới sự nối nắm và chỉ đạo của Hòa thượng Trưởng Ban Quản trị, chư tôn đức Ban

Quản trị cung toàn thể hải chúng Thiên phái Trúc Lâm Việt Nam đang duy trì, phát huy làm cho ngày càng quang huy, xán lạn. Tất cả không ra ngoài ánh sáng chói lọi tâm thiền đã được Hòa thượng Tông chủ nối nǎm, truyền trao.

Chưa được khai tâm thì diệu chỉ Phật tổ vô cùng ẩn ý, bí mật. Bừng ra rồi, mới hay ra việc Phật tổ cũng là việc chính mình hiện nay. Trong chân trời ấy, thầy trò Mā Tố đã lưu xuất một trường hòa hội vô cùng sinh động. Thấy ra thì cùng nhau hợp xướng. Ngược lại thì dù chân trời ấy thênh thang không giới hạn, được mời vào cũng không chõ đặt chân.

Một đêm ngài Trí Tạng, Hoài Hải và Phổ Nguyên đang hâu Mā Tố ngắm trăng. Mā Tố hỏi: - Chính khi ấy thế nào? (Bây giờ, nên làm gì?)

Trí Tạng Tây Đường thưa:

- Chính nên cúng dường.

Bá Trượng Hoài Hải thưa:

- Chính nên tu hành.

Nam Tuyên Phổ Nguyên phủ áo ra đi.

Sư bảo: - Kinh vào Tạng, Thiên về Hải, chỉ có Phổ Nguyên “riêng siêu ngoài vật”.

Như vậy, ai hơn, ai kém?

Nếu cho rằng Kinh vào Tạng là thấp thì tại sao chư đại Thiền sư lại đọc Kinh, nói pháp? Nếu bảo Thiên về Hải là vẫn còn dấu vết tu hành, chưa rốt ráo thì tại sao đã thành đạo, lớn tuổi, đức Phật vẫn thiền tọa? Ngài Phổ Nguyên “riêng siêu ngoài vật”, cũng như Thiền sư Đức Sơn đốt kinh Kim Cang, nhưng Thiền sư Triệu Châu một bậc kiệt xuất tung lâm lại đọc kinh Kim Cang. Vậy thì đọc Kinh là phải, hay đốt Kinh mới phải? Nếu nhầm trên hiện tượng để thấy biết thì chỉ thấy biết dấu vết thi hiện bên ngoài của quý ngài, thấy thế nào cũng không ổn, bởi chưa thấu tột. Sáng lại tâm thể chính mình thì tự suốt thông tâm thể ba đời chư Phật, rõ suốt tất cả, vào ra tự tại. Vào Kinh, vào Thiền cũng “riêng siêu ngoài vật”. Như tổ Pháp Loa gánh vác sơn môn, làm nhiều Phật sự, nhưng ngài bảo cũng chỉ là việc “nǎm sừng thỏ,

nhổ lông rùa” mà “diệu huệ vô thượng chiếu soi không cùng”. Siêu vượt tất cả tức không ngăn ngại, vẫn hay tự tại vào Thiền, vào Kinh. Đường tịnh Sơ tổ Trúc Lâm ban đầu xả bỏ vương vị, tu hạnh đầu-dà. Khi tâm tánh đã hiện sờ sờ (riêng siêu ngoài vật) thì ngài lại tự tại tùy duyên vào nhân gian dạy Thập Thiện, tùy cơ khai thị, nhổ định tháo chốt, cho đến tính kế lâu dài, cũng đâu phải là việc gì khác bên ngoài?

Vào tất cả, vẫn luôn vượt thoát tất cả. Quýnh thoát tất cả, vẫn hay tự tại ra vào linh thông đến chủ động, nhưng vẫn bất động, không thấy có tướng vào ra. Một đời tu tập và làm Phật sự của Hòa thượng Tông chủ hiện nay cũng sống động đạo lý như vậy. Hòa thượng từng nói: “Muốn cho Phật pháp trường tồn thì phải có người tu hành sáng đạo.” Chính ngài đã sáng cho nên mới nhận ra giá trị của điều kiện cốt lõi cần thiết, tiên quyết không thể thiếu này. Đã trăm năm qua Hòa thượng lo cho đạo pháp, nhiệt huyết lo cho Thiền tông Việt Nam, muốn thực hiện đạt đến rốt ráo viên mãn, ngài không thể rời bản tâm sáng ngời này mà thực hiện được. Đây là bày cái thể trên động dụng. Thể ấy vô tướng, ai bảo có làm! Hiện tại ngài đã nghỉ ngơi, nhưng trông thấy liền biết, thưa thỉnh liền nghe, có duyên liền ứng hiện. Không động, lặng yên, nhưng động dụng linh thông đến chủ động không ngăn ngại; là ẩn cái dụng trong tánh thể. Dụng đang săn bày, nhằm chỗ nào thấy đã nghỉ ngơi? Đã như thế rồi thì dù trăm năm, ngàn đời, cho mãi đến ngàn sau cũng đều như thế. Bởi một khi đã thể nhập, tánh này không biến đổi. Nếu nhằm trên làm và không làm, nghỉ ngơi hay còn lo cho Phật sự, cho đến thấy Hòa thượng Tông chủ là như thế nào đó, tất cả đều nhằm trên dấu vết để bàn luận, thấy biết, chưa thể thật thấy quý ngài. Hiện nay, chúng ta nhằm chỗ nào để thấy biết và niệm ơn Hòa thượng? Trăm năm qua ngài đã nói rõ hết rồi. Những gì làm được, ngài cũng đã làm cho chúng ta hết rồi. Nay đây còn lại là việc mỗi người phải tự thấy ra, không một ai khác có thể làm thay được. ■

1. Sơ tổ từng nói: “Chơi nước biếc, ẩn non xanh, nhân gian có nhiều người đắc ý. Biết đào hồng, hay liễu lục, thiên hạ năng mấy chủ tri âm.”

2. Sơ tổ từng nói: “Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền.”

3. Ngũ Đăng Hội Nguyên Tiết Dẫn.

CỘI TÙNG NƠI ĐẤT VIỆT

Khế Định

I - DÂN NHẬP

Trong bối cảnh Phật giáo và xã hội Việt Nam đang trên đà phát triển phồn thịnh, thì nhu cầu tâm linh tu tập để chuyển hóa mọi phiền não khổ đau trong cuộc sống là một quy luật tất yếu, dù cho đó là ở thời đại nào. Không riêng người dân trong nước mà nếu người Tây phương muốn tìm hiểu tu Thiền tại Việt Nam, thì chắc chắn Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử chính là đại diện tiêu biểu trong quá trình hội nhập giữa muôn ngàn sắc màu các hệ phái Phật giáo đương thời. Hình ảnh hay tên gọi các Thiền viện Trúc Lâm không còn quá xa lạ đối với đại đa số quần chúng hiện nay. Có thể nói pháp môn tu thiền do vua Trần Nhân Tông - Sơ tổ Trúc Lâm từ thời Trần được khôi phục và tiếp nối trong hơi thở của thời đại mới chính là nhờ công lao to lớn của Sư ông Trúc Lâm, người đã khơi nguồn lại thiền tông trên đất Việt trong tinh thần thiền tông Việt Nam cuối thế kỷ XX, đánh dấu một bước ngoặc lớn trong công cuộc xây dựng lại Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đã ngủ yên gần 700 năm.

Với tinh thần đó, Sư ông Trúc Lâm đã lấy tinh thần “tiêu sai tùy duyên” của chư lịch đại tổ sư dòng thiền này tiếp tục xiển dương vận dụng để “nhập thế” phù hợp trong hoàn cảnh hiện tại. Truy nguyên về non thiêng Yên Tử để thấy rằng vị vua Phật hoàng của Đại Việt đã khước từ sự hưởng thụ của thế gian, sống ẩn mình nơi hoang dã, buông bỏ tình chấp ngã nơi thân tâm để một phen đột phá vào cửa thiền chóng ném mùi đạo vị. Trong Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca, ngài tự sự:

*“Học đời chư Phật
Cho được viên thành
Xuống khúc vô sanh
An thiền tiêu sai.”*

Sư ông Trúc Lâm từng nói: “Chúng tôi chủ trương khôi phục Thiền tông đời Trần, cốt yếu sử dụng tinh thần “khế cơ” của đạo Phật, hướng dẫn người Phật tử tu hành nhịp nhàng theo bước tiến của xã hội. Câu “tức tâm tức Phật” trong Thiền tông là đem lại sức tự tin mãnh liệt cho người Phật tử. Có tự tin, chúng ta mới có sức mạnh vươn lên, có tự tin chúng ta mới khẳng định sự thành công trong công tác của mình.”

Con đường thiền mà đức Phật khai sáng, Tổ Tổ tương truyền, đến Phật hoàng Trần Nhân Tông, giờ đây lại được Sư ông Trúc Lâm khơi lại mạch nguồn. Nhờ công lao to lớn của Sư ông Trúc Lâm mà hàng đệ tử, đệ tôn càng vững bước trên lộ trình mà Người đã khai sáng.

II - SUÔNG TRÚC LÂM VÀ ĐƯỜNG LỐI TU THIỀN CỦA NGƯỜI VIỆT

1. Quán triệt sâu sắc lẽ vô thường

Những năm tháng vào đời của Sư ông Trúc Lâm là thời buổi chiến tranh loạn lạc, lại trong cảnh hàn vi, Người luôn thầm thía sự thật của cuộc đời cũng chỉ là muôn vàn khổ đau. Có lẽ không phải tự nhiên mà do túc duyên tu tập nhiều đời nên khi lên 9 tuổi, Sư ông Trúc Lâm đã cảm nhận sự thanh thoát mà u tịch giải thoát trong niềm xao xuyến bồi hồi khó tả khi tình cờ được nghe tiếng chuông chùa hòa quyện trong đêm thanh vắng:

“Non đảnh là nơi thú lăm ai
Đó cảnh nhàn du của khách tài
Tiếng mõ công phu người tĩnh giác
Chuông hồi văng vẳng quá bi ai!”

Là đỗi cảnh sanh tình, hay “non đảnh” A-lan-nhã đánh thức chúng duyên hành giả đã nhiều đời ở trong thiền cảnh? Tuổi ấu thơ, Người đã biểu hiện cho thấy cẩn lành chung tánh Phật pháp sâu dày hiện đời không gì khác hơn là con đường tiếp nối đạo nghiệp từ thuở trước.

Cũng không phải ngẫu nhiên mà trải nghiệm sự đời của Sư ông Trúc Lâm có những điểm tương đồng kỳ lạ với một vị Thượng sĩ nhà Trần - Tuệ Trung bởi ông đã từng trải cuộc đời và cũng nếm mùi cay đắng của con người như thế:

*“Xăm xăm cắt bước vào bụi đời
Vàng óng đầu mi, mở khơi khơi
Xóm bắc rong chơi vào bụng ngựa
Nhà đông cười nói nhập thai lừa
Roi vàng đánh đuổi trâu sắt chạy
Dây sắt lói đầu cọp đá về
Rồi một ngày mai băng giá hết
Trăm hoa như cũ rộn xuân dài.”*

Cho nên, ngài cũng chọn cái thú non đanh làm chốn tiêu dao giữa cuộc đời ô trược này. Thượng sĩ diễn tả hình ảnh một lão già thâm hiểu giáo lý Phật, biết rõ thân vô thường tạm bợ, lui về ở ẩn chốn núi rừng, sống đời sống đạm bạc, buông xả mọi chấp trước phải quấy hơn thua để tâm được an nhàn tự tại:

*“Bìm, chuột không nhân mãi mãi xâm
Lui về, già gởi chốn sơn lâm.
Nhà tranh của gỗ đời thanh thoát
Không đúng không sai tự tại tâm.”*

Bởi vậy, Thượng sĩ đã “Khuyên Đời Vào Đạo” như “Tiếng mõ công phu” của “Người tinh giác” mà Sư ông Trúc Lâm từ nhỏ đã canh cánh trong nỗi niềm khao khát với chí nguyện xuất gia tầm đạo:

*“Thời tiết xoay vần xuân lại thu
Xăm xăm tuổi trẻ đã bạc đầu
Giàu sang nhìn lại một trường mộng
Năm tháng ôm suông muôn hộc sâu
Néo khổ luân hồi xe chuyển bánh*

*Sông yêu chìm nổi tơ bợt chùm
Gặp trường chảng chịu sờ lên mũi
Muôn kiếp duyên lành chỉ thế thôi.”*

Trong quyển “Hoài bão của tôi” được soạn lại từ bài giảng tại Thiền viện Thường Chiếu xuân Canh Thìn, Sư ông Trúc Lâm nhắc nhở:

“... Quý vị nhớ Thiền sư Huyền Giác, ngài sống được bao nhiêu? Sống có bốn mươi mấy tuổi thôi mà tới ngày nay, chúng ta vẫn học với ngài. Như Chứng Đạo Ca v.v... chúng ta phải học thuộc lòng những câu ngài nói. Còn những người thường ở thế gian sống cả trăm tuổi mà không có cái gì hay, không có cái gì sáng thì chúng ta học không? Đó, để thấy giá trị của con người là giá trị giác ngộ, giá trị tinh túc, chứ không phải là giá trị mê lầm...”

2. Muôn pháp từ tâm tạo

Trong Diễn văn khai mạc Thiền viện Chơn Không - Bát Nhã, khóa II năm 1974, Sư ông Trúc Lâm trình bày:

“... Trong thời mạt pháp mà chủ trương mở mang Thiền viện khôi phục Thiền tông là một việc rất khó khăn của chúng tôi. Bởi vì đại đa số quần chúng Phật tử Việt Nam đã chịu ảnh hưởng sâu đậm Tịnh độ tông. Họ có cảm nghĩ không tốt đối với Thiền tông, hoặc bảo rằng “Thiền là dành cho những bậc thượng căn thượng trí, còn chúng ta căn cơ trì độn làm sao tu nổi!” hoặc nói “Tu Thiền thì phải gia công tự lực, mình yếu đuối làm gì tu được!” v.v... Nhưng chúng tôi thường nói với chúng tăng ở đây “trong mùa đông vẫn có những ngày hạ, cũng như trong mạt pháp vẫn có chánh pháp, hoặc ngược lại”. Chúng ta không thể phủ nhận lời huyền ký của đức Phật, song chúng ta cũng không nên phủ nhận đức tự tín của chúng ta. Chính khi đức Thế Tôn còn ở đời, vẫn có những vị tăng hoàn tục, vẫn có những cư sĩ không muốn thấy Phật. Như thế, đối với những kẻ ấy đâu không phải trong chánh pháp có mạt pháp hay sao? Hiện nay cách Phật hơn hai nghìn năm nếu chúng ta nghe những lời Phật dạy trong kinh, liền thành kinh

tuân hành đúng mức, trong tâm hằng nhớ Phật chẳng quên. Thế là, đối với chúng ta hiện ở trong thời mạt pháp có khác gì với chánh pháp. Bởi đức Phật thường tuyên bố “kẻ nào y theo lời ta dạy tu hành, dù ở xa ta ngàn muôn dặm cũng như hầu bên cạnh ta; kẻ nào trái lời ta dạy chẳng tu, dù ở bên cạnh ta vẫn cách xa ta ngàn muôn dặm”. Chúng ta đừng bi quan bởi cách Phật quá xa, mà đáng bi quan hơn là lòng mình không cố gắng. Cách Phật tuy xa, mà chúng ta vẫn đầy đủ lòng tin, vẫn tinh tiến chẳng dừng, vẫn sống phù hợp với chánh pháp, thì lo gì không thấy Phật, không gần Phật. Cho nên, chúng ta phải gan dạ, phải cứng cỏi, phải dẻo dai, phải nỗ lực tiến tu, thì dù ở thời gian nào vẫn đẹp, nơi chốn nào cũng tốt. Tóm lại, chánh pháp hay mạt pháp, gần Phật hay xa Phật, gốc tại lòng mình. Chúng ta đừng lệ thuộc thời gian, không gian, mà phải vững tin nơi tâm mình. Chỉ chuyển đổi được tâm mình thì mọi việc đều tươi sáng cả. Đó là chủ trương của Thiền tông tức tâm tức Phật.”

Một lần nữa, Sư ông Trúc Lâm chủ trương phát triển Thiền tông Việt Nam cuối thế kỷ XX theo đường lối “tức tâm tức Phật” của Phật giáo đời Trần. Tâm mê là chúng sanh, tâm giác là Phật. Chẳng cần tìm Phật nơi nào khác vì chính cái tâm hằng tri hằng giác này là tâm Phật. Trong bài Phật Tâm Ca, Tuệ Trung thượng sỹ thể hiện rõ quan điểm này:

“*Phật! Phật! Phật! không thể thấy!
Tâm! Tâm! Tâm! không thể nói!
Khi tâm sanh túc là Phật sanh,
Bằng Phật diệt là lúc tâm diệt.
Diệt tâm còn Phật chuyện không đâu,
Diệt Phật còn tâm bao giờ hết.
Muốn biết tâm Phật, tâm sanh diệt,
Hãy chờ Di-lặc sau sẽ quyết...*”

Muôn sự muôn vật trong thế giới này, đều biến dịch không ngừng theo một nguyên lý nhất định của chu kỳ nhân quả. Song trong sự biến chuyển ấy chúng đều phát khởi từ cơ cảm của nghiệp quả và trong chiêu sâu thẳm

tâm thức của chúng sanh.

*"Ngày ngày khi đối cảnh
Cảnh cảnh từ tâm sanh
Tâm cảnh xưa nay không
Chốn chốn ba-la-mật."*

Cho nên, Sư ông Trúc Lâm dạy chuyển hóa tất cả tâm mê loạn, chỉ còn tâm thanh tịnh sáng ngời, tâm này là Phật. Sự tu như vậy rất thực tế, vì thấy rõ cái gì nên bỏ cái gì nên theo, nắm vững sự thành công ngay trong tay mình chứ không mong cầu trông đợi vào năng lực bên ngoài.

3. Nêu cao tinh thần tự lực

Nói đến Thiền tông tức là nói đến tinh thần tự lực của chính mình. Như trong kinh A-hàm, Phật dạy: “Này các thây Tỳ-kheo! Các thây hãy tự làm hòn đảo cho chính mình, hãy tự nương tựa chính mình đừng nương tựa một cái gì khác, hãy tự thắp đuốc lên mà đi. Thắp với cái gì? Thắp lên với chánh pháp.”

Thiền là phương pháp tu chính thống của đạo Phật, lịch sử đã ghi nhận nhờ 49 ngày đêm thiền định dưới cội bồ đề mà đức Phật đã thành tựu đạo quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Không phải ngẫu nhiên mà chùa thường được gọi Thiền môn. Vì Thiền là phát minh vĩ đại của đức Phật, là gia tài mà ngài đã để lại cho chúng ta và chư tổ lại tiếp tục truyền thừa. Thiền là niềm hạnh phúc an lạc cao thượng mang lại nội lực tự tâm mà hành giả tu tập có thể đạt được. Sư ông Trúc Lâm nhận định:

“Thuở xưa đức Thích-ca do tu Thiền mà ngộ đạo, chư tổ sư từ Ấn Độ đến Trung Hoa cũng do tu Thiền mà thành Tổ... Chúng ta nhìn ngược dòng lịch sử, sẽ thấy Thiền tông chẳng những làm rạng rõ cho Phật giáo, mà còn gầy dựng cho một quốc gia hùng cường. Ngót bốn thế kỷ (1010-1400) dưới hai triều đại Lý - Trần, nước Việt Nam đã tỏ rõ là một nước độc lập hùng cường. Chính khi ấy, Thiền tông đang truyền bá sâu rộng duy nhất trên lãnh

thổ Việt Nam. Chẳng riêng ở Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản cũng thế. Thời Đường, Tống, Thiền tông thịnh nhất ở Trung Hoa. Chính lúc văn hóa Trung Hoa lên cao tột đỉnh. Sang Nhật Bản cũng thế, người Nhật chịu ảnh hưởng Thiền tông rất sâu đậm, cho đến thuật đánh kiếm, uống trà, cắm hoa... đều mang sắc thái Thiền. Người dân Nhật Bản đến hiện giờ tinh thần tự tin rất cao, đó là nhờ truyền thống Thiền tông chẳng măt.”

Chính vì thế, việc Sư ông Trúc Lâm khôi phục Thiền phái Trúc Lâm, một phần là để phục hưng và phát huy truyền thống Phật giáo dân tộc Việt Nam, mặt khác cho thấy rằng chư Tổ Việt Nam tu thiền cũng có nhiều vị chứng đạo chứ không riêng gì các Tổ Trung Hoa. Theo dòng lịch sử, tinh thần thiền còn thể hiện ở chỗ chẳng những các vị vua, các bậc anh hùng dân tộc là Phật tử thầm nhuần tư tưởng yêu nước mà chính các Thiền sư thời đại này cũng không bao giờ đi ngược lại nguyện vọng độc lập của cả dân tộc. Bởi vì Thiền đời Trần đã góp phần tích cực bảo vệ đời sống dân chúng Đại Việt được ấm no hạnh phúc, tham thiền sống đạo nhập thể tích cực, song vẫn rất bình dị mà tràn đầy hạnh phúc và an lạc:

*“Trong nhà ngồi chẳng lặng không lời,
Sợi khói Côn Lôn ngắm thảm thời.
Tù đó mỏi rồi lòng tự tắt,
Tham thiền nghiệp niệm chẳng lỗi thôi.”*

Do đó, với tinh thần tiêu sái nhưng đầy nội lực, Tuệ Trung thượng sĩ luôn luôn cổ vũ cho tinh thần tự lực. Vì nếu không tự mình “phản quan tự kỷ” mà mãi vô minh điên đảo “bối giác hiệp trần” thì chúng ta đành xa cách quê hương muôn thuở của chính mình:

*“Thôi tìm Thiếu Thất với Tào Khê
Thể tánh sáng tròn chẳng từng mê
Nào ngại xa gần trăng vẫn chiếu
Thấp cao gió thổi chẳng ưa chê
Ánh thu đèn trăng tùy duyên hiện
Sen nở hương nồng chẳng dính nhơ*

*Khúc nhạc xưa nay nên gảy hát
Chớ tìm nam bắc với đông tây.”*

4. Định hướng tu hành cho tăng ni

Trong buổi nói chuyện cùng với tăng ni tại Thiền viện Trúc Lâm Phụng Hoàng ngày 01-01-2000, Sư ông Trúc Lâm dạy đại chúng:

“Phật giáo còn là do sự tu chứng của tăng ni. Vậy thì tu chứng mới truyền bá được đạo. Nếu tu không ra gì thì giữ đạo là giữ bằng cách nào? Cho nên phải tu cho đạt đạo thì đó là giữ được mối đạo... Cho nên, cái trọng tâm là muốn duy trì, bảo vệ Phật pháp, không gì hơn là phải tu. Tu là cái gốc để duy trì Phật pháp, bảo vệ Phật pháp...”

Như vậy nhiệm vụ của người tu không phải làm từ thiện, không chỉ nghiên cứu kinh điển, sách vở để giảng dạy mà mục đích chính vẫn là đi sâu vào nội tâm của mình, đem cả thân tâm ra mà tu tập chuyển hóa phiền não và ném được ít nhiều hương vị giải thoát. Đó chính là chất liệu, là nguồn năng lượng “từ hông ngực” lưu xuất mà chư vị Thiền sư thường nói đến.

Trong kinh Tạp A-hàm thuật lại câu chuyện:

“Một thời đức Phật ở tại Câu-tát-la du hành trong nhân gian; một đêm nọ dừng chân lại trong rừng sa-la.

Bấy giờ, cách rừng sa-la không xa có một Bà-la-môn làm nghề nông. Sáng sớm thức dậy vào trong rừng sa-la, từ xa nhìn thấy Thế Tôn đang ngồi dưới một bóng cây, tướng mạo oai nghi doan chánh, các cẩn thanh tịnh, tâm ý tịch tĩnh, thành tựu đầy đủ chỉ quán đệ nhất. Thân ngài sắc vàng ánh sáng chiếu suốt. Thấy vậy, đến chỗ ngài, bạch rằng:

- Bạch Cù-đàm, tôi làm nghề nông ở gần đây, nên thích rừng này. Bạch Cù-đàm, có nghề nghiệp gì ở đây không, mà thích ở trong rừng này?

Rồi nói kệ:

*Tỳ-kheo ở rừng này
Vì có nghề nghiệp gì?
Nên một mình chỗ vắng*

Thích ở trong rừng này?

Bây giờ, Thế Tôn nói kệ đáp lại:

*Vô sự ở rừng này
Rẽ rừng chặt từ lâu
Nơi rừng, lìa thoát rừng
Thiền tư, trù bất lạc.*

Sau khi Bà-la-môn nghe những gì Phật nói, hoan hỷ tùng hỷ, làm lễ ra về.”

Đức Phật cho rằng người tu cần phải sống nơi tịch lặng thiền tập để quán chiếu nội tâm, giảm bớt việc thế sự. Ngày nay xã hội văn minh phát triển, các nhu cầu kéo theo cũng nhiều, gần như chiếm hết thời gian công phu của người tu sĩ, điều này vô tình lại đi ngược với quan điểm tu hành mà đức Thế Tôn khuyên răn. Bởi vì khi công việc Phật sự quá nhiều bận rộn khiến Tăng Ni mệt mỏi ảnh hưởng ít nhiều đến công phu hàm dưỡng nội lực nghiệp niệm để đạt được định tĩnh và trí tuệ sáng suốt chân thật.

Tổ Tuyên Luật Sư từng nhận xét: “... Hiện sách vở Phật pháp tràn đầy. Sách vở càng nhiều, càng tạo ra sự xuống dốc, vì học chỉ để nói. Đức Phật dạy: “Đạo của ta để thành chứ không phải để nói.” Học Phật để nói cũng như là những thư ký ngân hàng thôi, không lợi ích gì. Phật giáo có hưng thịnh hay không là có người chứng ngộ hoặc còn giữ giới hay không. Nếu không có người tu hành chứng ngộ thì đó là hiện tượng suy thoái trầm trọng của Phật giáo...”

Bởi những lý do trên, Sư ông Trúc Lâm thấy thành lập Thiền viện là điều cấp bách. Các Thiền viện ra đời đã góp phần mình vào trong ngôi nhà Phật giáo Việt Nam, khiến cho Tăng sĩ Việt Nam thấy rõ đường hướng tiến thủ của mình, đem lại cho hành giả đường lối tu tập vững chắc trên nền tảng “Thiền giáo đồng hành”. Nghĩa là học kinh để chứng minh sự tu thiền, tu thiền để hiểu rõ lời Phật dạy trong kinh. Sự tu hành kết hợp nhuần nhuyễn giữa pháp học và pháp hành như vậy không bao giờ sai lạc con đường chư

Phật, chư tổ đã đi.

III - KẾT LUẬN

Thật diễm phúc thay cho hàng Tăng ni Phật tử chúng con đã ngót bao nhiêu năm dài bị chìm vào quên lãng với giáo pháp Thiền tông. Mai cho đến gần cuối thế kỷ XX, Thiền tông mới được sống lại trên mảnh đất Việt Nam này, phần lớn là nhờ công đức sâu dày của Sư ông Trúc Lâm. Trong suốt hành trình hoằng hóa đạo Thiền cho đến ngày nay, Người vẫn là cội tung che mát cho hàng hậu học từ chúng nương tựa, nhờ đó mà chúng con mới được cảm nhận chất sống thanh khiết của người tu Phật với sức sống thiền khai mở tâm trí như nhiên. Người đã hiến dâng trọn cả cuộc đời chỉ dạy mọi người xoay lại để thấy rõ chính mình cũng như tông chỉ “Phản quan tự kỷ” mà dòng thiền nhà Trần đã soi đường cho lịch sử dân tộc hàng thế kỷ qua. Vì Người tin rằng chỉ có Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, với vị tổ là Trúc Lâm Đại đầu-đà chính thật là người Việt Nam - nhờ vậy pháp tu mới đáp ứng được tâm tư, nguyện vọng, phong tục tập quán của Đại Việt.

Bản hoài, sở nguyện của Sư ông Trúc Lâm khôi phục Phật giáo Thiền tông đời Trần không ngoài lý tưởng góp phần vào giá trị Phật giáo Việt Nam hiện nay. Hoài bão đó của Người cũng thể hiện sự thấm nhuần tình yêu quê hương đất nước và dân tộc được tưới tắm trong bản chất hiền hòa của người con sinh ra từ miền đất Trà Ôn, Vĩnh Long ngày ấy.

*Bao năm kinh sử miệt mài
Khổ công tu luyện đêm ngày xá chi
Thiền tông nguồn sống Tăng Ni
Phát tâm khởi lại có gì quý hơn.*

Với đạo hạnh thanh khiết, Sư ông Trúc Lâm mãi mãi là tấm gương sáng cho chúng con nương theo tu tập. Sư ông Trúc Lâm với tâm lão bà bến bờ và kiên nhẫn sẵn lòng chỉ dẫn cho những người cần cầu học đạo dù họ thuộc bất cứ trình độ nào. Người luôn nhiệt tâm, nhẫn耐, khoan dung dạy bảo và hướng dẫn chúng con chuyển hóa những hành vi, lời nói và tâm ý sai quấy, vì Người biết rằng chúng con chưa phải là những người hoàn hảo và còn nhiều tâm thái nhiễu loạn như tham chấp, sân

giận nên còn phạm phải sai lầm.

Chúng con sẽ là những “cùng tử lang thang” không biết mình đang có “gia bảo” nếu trong đời này không được tu tập trong pháp hội của Người. Kinh nghiệm tu hành mà Sư ông Trúc Lâm để lại cho hàng hậu học chúng con quả là một gia tài vô giá - áp dụng tu trong mọi hoàn cảnh, tự làm chủ lấy mình không để các pháp trần lôi kéo, khéo buông bỏ những niệm tưởng loạn động sẽ nhận ra con người chân thật của chính mình dù trong khoảnh khắc nào, như kinh Pháp Cú, đức Phật dạy:

*“Dù sống một trăm năm
Ác giới không thiền định
Tốt hơn sống một ngày
Trì giới tu thiền định.”*

Từ đó mang lại lợi ích cho bản thân và cho mọi người. Người làm chủ được mình không bị ngoại duyên lôi kéo thì đó là giải thoát hiện tiền ngay trong cuộc sống này - người sống được với cái thực thể chơn thật rồi, thì đó mới thật là sống thực. Và đó mới chính là sống với con người thật của chính mình như Sư ông Trúc Lâm đã từng dạy.

Hôm nay, nhân kỷ niệm bách niên khánh tuế của Sư ông Trúc Lâm, chúng con tạm viết vài dòng thành kính dâng đến Ngài, một bậc “tùng lâm tông tượng” thị hiện đại phuơng tiện thiện xảo thể nhập vào chốn ta-bà, mà Ngài vẫn ung dung tự tại siêu thoát như một áng mây huyền thoại trên bầu trời của dân tộc Đại Việt. Đó là hình ảnh của Sư ông Trúc Lâm.

*Gá thân mong
Đạo cảnh mong
Mộng tan rồi
Cười vỡ mong.*

Cuối cùng chúng con thành kính hướng về Sư ông Trúc Lâm phát nguyện cố gắng tu tập như ngài. Dẫu đời này không làm được một bậc “tùng lâm tông tượng” như Sư ông Trúc Lâm, song chúng con vẫn cố gắng làm viên thuốc bổ cho đời, ngõ hầu xoa dịu những nỗi khổ đau của kiếp nhân sinh trong vòng vô minh tăm tối và để cùng nhau tay trong tay hòa quyện trong cõi vô thường đầy ảo mộng này. ■

BIẾT CÓ CHÂN TÂM

Thể Nguyên

Hòa thượng Tôn sư thượng Thanh hạ Từ, Tông chủ Thiền phái Trúc Lâm đã tiếp nối phục hưng Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam, cho pháp Thiền nước Việt sáng lại trong thời kỳ đương đại của thế kỷ XX - XXI này. Ngài uyển chuyển lập bày phương tiện, giúp nhiều người trên mọi miền đất nước và khắp nơi trên thế giới biết đến Thiền tông Việt Nam, quy hướng tu tập, đạt được những lợi lạc nhất định. Đến nay, thiền được phổ cập, nhiều người thầm nhuần thiền cho nên rốt sau ngài nói thẳng “Ngay thấy nghe biết, chân tâm đang hiện tiền”.¹

1. THẤY NGHE BIẾT ĐỀU TỪ CHÂN TÂM

Hòa thượng Tông chủ dạy, bằng tâm trong lặng sáng biết, hành giả nhận ra rõ ràng, mắt biết thấy là chân tâm, tai biết nghe là chân tâm... Ý biết pháp trân là chân tâm. Tóm lại, ngài khẳng định ngay mọi thứ đang đối diện, chúng ta lặng sáng, thấy biết rạng ngời nhưng không động, mỗi mỗi thấy, nghe, biết..., chân tâm đang hiển hiện rõ ràng.

Khi đã thuần thực, cái biết chân tâm luôn hiện tiền thì chuyển qua giai đoạn “Thể nhập chân tâm”. Đến đây hành giả thể nhận rõ chân tâm “Vốn tự không động, thường biết rõ ràng mà không cần khởi niệm phân biệt. Thênh thang còn mãi, vốn tự như vậy”.

Sự thật, nhờ chân tâm cho chúng ta thấy, nghe, biết (kiến văn giác tri). Do đó, ngay thấy, nghe, biết, chân tâm đang hiện tiền, chưa thiếu vắng bao giờ. Nhưng do không nhận ra, sống theo vọng, trên vọng mà tu nên bỏ sót chân tâm. Vì vậy Hòa thượng khẳng định và nói cho hành giả biết “Ngay thấy, nghe, biết; chân tâm đang hiện tiền sẵn đó”. Nghe dạy, hành giả đã nhận biết rồi, khéo dụng công, nhận ra và sống thẳng bằng chân tâm.

Thiền sư Sư Nhan (Ngạn) khi đến Đan Khuỷ, suốt ngày ngồi trên thạch bàn như kẻ ngu, thỉnh thoảng tự gọi: “Ông chủ nhân”, lại ứng thanh: “Dạ.” Bèn bảo: “Tỉnh tỉnh lấy! Về sau chó bị người gạt.” Thời gian sau, bốn chúng ngưỡng mộ đức của Sư, thỉnh Sư trụ trì tại Thuy Nham, học lữ nghe danh đua nhau kéo đến. Hòa thượng Tông chủ hiện nay dạy thiền sinh thường nhắc “Mắt biết thấy là chân tâm…” để xác quyết, trừ mê, cho thiền sinh nhận lại tâm mình, cũng tương tự.

Khi tự nhắc để mình nhớ và nhận rõ “Ngay thấy nghe biết là chân tâm”, là để khẳng định cho hành giả nhận ra rằng, ngay khi chúng ta thấy nghe biết, chân tâm sẵn đủ đó. Khi đã tin chắc, khẳng định rồi thì hằng sống như vậy chứ không nhắc nữa.

Như vậy, theo lời Hòa thượng dạy như trên, mục đích để khẳng định, xác quyết ngay thấy nghe biết, chân tâm sẵn đó. Hành giả khéo dụng công miên mật, theo thời gian thuần thực, tiến đến nhận ra chân tâm chính mình và thể nhập, sống bằng chính nó. Tu tập nhận ra chân tâm như thế không phải là việc tự kỷ ám thị. Bởi tự kỷ ám thị là lặp đi lặp lại một việc bên ngoài nhiều lần để bị ám thị, biến thành cái của mình. Còn việc nhắc biết có chân tâm là khẳng định để xác quyết cái chân thật nơi chính mình và hướng tánh chân thật ấy để tu tập. Khi thuần thực, sáng ra tâm tánh chính mình, ông chủ chính mình hiển hiện chứ không phải nhận cái bên ngoài để ám thị làm cái của mình.

2. CHÂN TÂM VÔ NIỆM

Tu tập cho đến khi hết vọng niệm mới ngộ chân tâm? Hay khi ngộ chân tâm thì hết vọng niệm, được vô niệm? Ví như người ngủ say, thấy các cảnh

trong mộng. Mơ cho tròn hết cơn mộng mới được tỉnh dậy? Hay bất cứ lúc nào tỉnh dậy thì hết mộng? Nếu phải mơ trọn câu chuyện trong giấc mộng mới tỉnh thì đã là người tỉnh rồi, đâu còn mộng nữa? Thực tế, bất cứ lúc nào tỉnh dậy thì liền hết mộng.

Cũng thế, bất chợt ngộ tâm, vọng tự bất. Khi ấy, vượt cả không gian và thời gian, không có trước sau. Không có thời gian hay không gian nào cho tình thức phân biệt kịp chen vào để nhận ra vọng niệm dứt bất trước rồi mới ngộ chân tâm, hay ngộ chân tâm rồi vọng niệm mới dứt bất. Khi chưa ngộ tâm thì có làm gì, vọng vẫn hãy còn. Ngộ rồi, vọng tự dứt bất. Như ngủ say, nằm mộng thấy đủ thứ. Tỉnh dậy, toàn không. Biết vậy, hành giả chỉ dụng công đúng pháp, không quan tâm đến vọng. Thời tiết nhân duyên chín muồi, tâm tự bừng sáng, các vọng tự dứt bất, vắng lặng, sáng rõ; chứ không mong ngóng hay làm thêm gì cả. Nếu càng mong muốn hết vọng, là đã can thiệp sâu trên vọng, đồng nghĩa đã quên tâm. Như thế, sẽ càng bất an, rối rắm. Mới hay ra, càng trông mong hết vọng thì lại càng tăng thêm vọng, là đã trái với nguồn cơn mong muốn hết vọng, sẽ không hết vọng được.

Tất cả cảnh trong mộng bản chất không có thật. Nhưng nó lại có giá trị chi phối đối với người ngủ mê, đang say mộng. Cảnh trong sanh tử cũng tương tự. Thực chất, tất cả chúng đều không có giá trị gì. Nhưng do chúng ta tạm mê nên bị chi phối. Sáng lại chân tâm, tất cả đồng thời lặng trong, tiêu mất; như người thức giấc, cảnh trong mộng không còn giá trị gì.

Sự thật, chân tâm vốn vô niệm. Nhưng chúng sanh bất giác, chợt quên, sống trên nó mà bỏ sót, quên nhận lại nên niệm nương vào thức mê mà sanh khởi và tồn tại. Khéo nhận lại chân tâm thì căn thức mê dứt bất, niệm tự vắng lặng. Hành giả thể ngộ tự tánh, liền tự hay ra: “Chân tâm vốn tự không niệm” đã lâu lắm rồi. Nếu còn đang trên đường dụng công tu tập thì cần biết có chân tâm, hướng tiến chân tâm tu tập. Hành giả khéo bắt dứt mất hút các tướng, sáng lại tánh mình, tu trong vô tu, mới chân thật tu hành. Cụ thể, có pháp nhưng không kẹt vào tướng của phương pháp để tạo thành tướng pháp, không kẹt vào tướng dụng công, bắt các dấu vết của tâm; không ở trong chỗ

rỗng không mà lập phân hạn, sở đắc, hoặc làm bất cứ gì tạo thành dấu vết. Như thế, tự như không làm gì, nhưng không mê thì tánh tự sáng biết. Sống thảng tánh ấy là tu hành, là tu trong vô tu. Khi thời tiết nhân duyên chín muồi, tâm tự bừng sáng, toàn thể hiện bày, niệm vốn tự không, bắt dứt nghi ngờ, không cần phải nhọc nhăn cố bàn nói thêm gì trong ấy.

Như vậy, nói “Chân tâm vô niệm” là nói thật về thể của chân tâm vốn không có niệm lự. Hành giả nhân đó biết được hướng tiến, khéo léo dụng công để khế hợp chân tâm như vừa nêu trên. Sẽ có lúc tâm này bừng sáng, sẽ tự mình thấy ra “Chân tâm vô niệm”.

3. CHÂN TÂM VÔ NIỆM - VÔ NIỆM CHÂN TÂM

Ngô chân tâm, tâm ấy vốn vô niệm. Nhưng đạt đến vô niệm, chưa hẳn đã ngộ chân tâm. Cụ thể, Thiền sư Cảnh Sầm nói: “Chớ bảo vô tâm gọi là đạo, Vô tâm còn cách một lớp rào.” Nhưng Sơ tổ Trúc Lâm thì bảo: “Trong nhà có báu thôi tìm kiếm, Đối cảnh vô tâm chớ hỏi Thiền.” Cùng là vô tâm, nhưng hai nghĩa này khác nhau. Một bên “Vô tâm chưa phải đạo”, bên kia thì ngược lại. Chúng ta thấy ra gì về nghĩa vô tâm?

Thiền sư Cảnh Sầm nói: “Chớ bảo vô tâm”, tức là ngài thấy đang có người cảm nhận về vô tâm, có một cái được gọi là vô tâm (tâm không) để giữ lấy. Đã là có thì dù có cái gì đi nữa, kể cả cái tâm không, cũng không phải bản tâm chân thật vốn không một vật chính mình. Cái vô tâm ấy là làm cho được vô, chứ không phải bản tâm tự rỗng thênh, vốn không một vật. Ngài gọi đây là đầu sào trăm trượng. Vì vậy trong một bài kệ khác, ngài bảo: “Đầu sào trăm trượng thêm bước nữa, Mười phương thế giới hiện toàn chân.”

Thiền sư Phật Nhān nói: “Không nên ở trong chỗ rỗng không, không bờ mé mà lập phân hạn. Nếu lập phân hạn, tức đó chỉ là cái rỗng không, không bờ mé, bèn bị rơi kẹt.” Nghĩa là ngài nhắc, không nên nhầm trong chỗ rỗng không, thẩm thấy có một cái tâm không để cảm nhận, giữ gìn. Đây chính là chỗ vô tâm mà Thiền sư Cảnh Sầm đã nhắc, chớ bảo đó là đạo.

Sơ tổ Trúc Lâm bảo: “Trong nhà có báu thôi tìm kiếm, Đối cảnh vô tâm chờ hỏi Thiền.” Ngay câu trước ngài đã nhắc: “Trong nhà có báu thôi tìm kiếm”. Nghĩa là cần nhận lại của báu vốn sẵn trong nhà (bản tâm) thì bản tâm ấy vốn tự không (rỗng thênh), chứ không phải do cảm nhận được; hay do làm gì đó để được không.

Cho thấy, cùng là vô niệm, vô tâm, nhưng nếu đã ngộ tánh thì tánh ấy tự không. Bằng chưa ngộ thì mới chỉ ở trong chỗ thuần tịnh, rỗng không, không bờ mé. Thiền sư Pháp Thành ở Hương Sơn nói: “Dù cho thuần thanh tuyệt điểm vẫn còn là chơn thường lưu chú.” Hành giả thấy mình sạch sành sanh, không còn vết bợn nào, nhưng trong ấy vẫn còn sự trôi chảy nhỏ nhiệm trong tự tánh chơn thường mà chính mình không nhận ra. Cho đến khi ngộ tánh mới biết trước kia chưa phải.

Việc này phụ thuộc vào cách dụng công của hành giả. Nếu quý vị lanh lợi, ngay đây nhận thảng tánh sáng biết, không can hệ trên niệm và các cảnh có hay không, không liên can đến các thứ lớp của động và tĩnh, tu và chứng thì tâm tánh hiện tiền. Tâm ấy tự rỗng rang, thênh thang, không nơi nào thiếu vắng; ngay đó là đạo. Ngược lại, nếu hành giả công phu theo hướng hàng phục vọng tâm hoặc quét sạch tất cả thì sẽ đi đến điền địa chuyển tiếp của thuần tịnh, là còn cách lớp rào, chỗ này chưa phải đại đạo chân thật.

Thiền sư Tông Mật nói, Nhất hạnh tam-muội còn gọi là bản tâm. Lục tổ đứng trên Nhất hạnh tam-muội làm cơ sở lập trường để lập ra phương tiện tam vô, trong đó có vô niệm. Hành giả y đây tu hành, trở về nhận lại Nhất hạnh tam-muội. Qua lời ngài dạy, chúng ta có thể nhận ra vô niệm trong tam vô chính là phương tiện cho hành giả hành trì, là con đường để đi đến đích Nhất hạnh tam-muội (bản tâm). Khi hành giả trực ngộ bản tâm, liền hay ra chân tâm vốn tự vô niệm.

4. CHÂN TÂM LÀ BIẾT HAY KHÔNG BIẾT?

Chân tâm không thuộc về biết cùng chẳng biết. Khởi biết, thấy có cái biết là đã thành tướng biết, đó là vọng giác. Nếu không biết thì rơi vào vô

ký. Chỉ khéo mắt hút các tướng, không mê mờ thì liền đó trả lại bản thể chân tâm, tâm ấy tự sáng biết. Không cần sanh khởi, không phân biệt, vẫn bất động, nhưng tự sáng biết một cách chủ động, linh thông rành rẽ rõ ràng hơn cả sự phân biệt lanh lợi của ý thức. Chính vì bất động nhưng tự sáng biết, không biết về biết theo cảnh vật, không đợi có vật mới biết, chính nó sẵn tự sáng biết do đó chân tâm không nằm trong “Biết cùng chẳng biết” theo kiểu tìm hiểu, học hỏi, nhận biết một cái gì đó bên ngoài. Hành giả ngộ ra, liền tự thấy ra rất rõ, tất cả hiện tiền trước mắt. Nếu chưa ngộ, còn dụng công thì cần lưu ý rằng, không nên thấy có một cái biết để chúng ta nhận rõ hoặc nắm giữ nó. Chỉ là khéo vắng bặt, mắt hút dấu vết và không mê, ngay đó chân tâm tự sáng biết.

5. BIẾT CÓ CHÂN TÂM

Thiền sư Phổ Chiếu nói: “Biết không sanh tử, chẳng bằng thể không sanh tử. Thể không sanh tử, chẳng bằng khế không sanh tử. Khế không sanh tử, chẳng bằng dụng không sanh tử.” Cho thấy, biết rõ cái không sanh tử, sanh tử không can hệ, không đến kịp, đó là chân tâm, như thế đã được Thiền sư Phổ Chiếu chứng minh xác quyết vào hàng biết rõ tự tánh chính mình. Và “Biết được chỗ không còn sanh tử” chính là “Biết có chân tâm”.

Sự thật, nếu chưa đủ duyên nghe giảng, khai thị hay tu tập để nhận ra, chúng ta không hề biết mình có chân tâm. Khi được thiện tri thức chỉ bày, khai thị, chúng ta sực nhận ra, sáng lên, như thế là đã có duyên với thiền tông, sẽ có lúc nhận lại, bừng ngộ bản tâm chân thật này.

Trưởng lão Định Hương xuất gia tham học nơi Thiền sư Đa Bảo. Một hôm Sư hỏi thầy mình: “Làm sao thấy được chân tâm?” Thiền sư Đa Bảo đáp: “Là ngươi tự nhọc.” Sư hoát nhiên tỉnh ngộ, thưa: “Tất cả đều như vậy, đâu phải riêng con.”

Ngộ chân tâm, không phải ngộ ra một chân tâm như thế nào đó; mà chỉ là trả lại chính nó, tâm ấy tự bừng ngộ. Lúc này hành giả tự mình nhận

ra rất rõ, tất cả diệu lực đều tự mạnh lên, đúng như chính nó đã săn. Chân tâm đã săn đủ nơi chính mình, chỉ khéo nhận lại, liền sáng ra, hiển hiện. Nếu thấy được chân tâm thì chân tâm đã trở thành đối tượng bên ngoài bị thấy, không phải chính nó. Như thế, không khéo đã biến chân tâm thành tướng, là đã vụng về trong thể chân tâm vô tướng vốn săn kia. Ngài Định Hương muốn tìm thấy được chân tâm, khởi tìm để thấy được chân tâm, cho đến tu hành mong thấy được chân tâm thì càng bị ngăn cách, xa nó. Vì vậy, Thiền sư Đa Bảo nói: “Đó là người tự làm nhọc mình”, không thể thấy. Ngay đó, ngài Định Hương sức nhận lại, liền hay ra, chân tâm hiện tiền, liền thưa: “Tất cả đều như vậy, đâu phải riêng con.” Ngài nhận ra và ngạc nhiên, tất cả ai ai cũng đều đã săn vậy lâu lăm rồi, không phải của riêng ai. Nhưng tại sao cũng giống như mình trước đây, lâu nay sống trên nó mà đi tìm bên ngoài, nhọc nhằn vô ích, luống chịu các khổ não không đáng có.

Nếu hành giả lanh lợi, bén linh hơn, ngay đây thoát nghe liền nhận, sẽ hay ra chân tâm săn đó từ lâu lăm rồi, ai cũng đủ, chưa từng thiếu vắng. Dám tin và sống thẳng bằng chính nó, lâu dần sẽ thuần thực, lực dụng hiện tiền, đạt đến viên thông. Ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi khi đến gặp Tam tổ Tăng Xán đang lánh nạn trong núi Tư Không. Tam tổ không nói gì. Lặng yên trong khoảng trâm ngâm, ngài chợt sáng ra tâm này. Tổ dạy về phương Nam giáo hóa. Ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi bảo nhậm, viên thông, khai thị, truyền thiền, trở thành vị Tổ của một dòng thiền tại Việt Nam mang đạo hiệu ngài. Không làm gì nhiều, một nhận, dám sống, liền xong. Đây là gương sáng cho chúng ta tự tin, xác quyết mình cũng có phần. Tổ Tỳ-ni-đa-lưu-chi đã làm được như vậy, nếu chúng ta tự tin, quả quyết thì phần mình không thiếu.

Sự thật, không phải trải qua tu hành tạo tác mà chỉ là khéo nhận lại liền xong. Nếu chưa thể như thế thì bất đắc dĩ phải tạm thời hàng phục vọng tâm, phải tu hành nhiều công sức vậy thôi. Biết vậy để chúng ta mạnh dạn dám nhận thẳng tâm này, việc tu tiến sẽ rõ ràng hơn rất nhiều.

Tăng hỏi Tào Sơn Bổn Tịch:

- Thế nào là mênh mang bát ngát chuốc họa ương?

Sư đáp: - Chỉ là cái ấy.

Thiền sư Huyền Giác nói: “Thoạt đạt không, bác nhân quả. Mênh mông bát ngát chiêu ương họa.” Vị tăng đem việc này hỏi Thiền sư Bổn Tịch, Sư đáp: “Chỉ là cái ấy”. Nghĩa là, dù ở trong chỗ ngoan không, hay vọng thức mênh mang bát ngát, hoặc đã chiêu lấy họa ương vào trong sanh tử, nhưng tâm tánh mình (cái ấy) không thiếu vắng. Như người ngủ mê, nói mơ, nhưng thân vẫn nằm bất động trên giường. Khéo nhận lại, mới hay ra cũng chỉ là chính nó, liền thoát khỏi ngoan không, vượt thoát sanh tử.

Tăng hỏi: - Làm sao khỏi được?

Sư đáp: - Biết có liền được, dùng khỏi làm gì? Chỉ là Bồ-đề, Niết-bàn, phiền não, vô minh v.v... (tất cả các pháp đối đai hai bên) thảy đều chẳng cần khỏi. Cho đến việc thô trọng ở thế gian cũng thế, miễn biết có là được, chẳng cần khỏi; khỏi tức đồng biến dịch (dời đổi) rồi.

Ngài Tào Sơn khẳng định, chỉ sáng lại tánh này, biết có chân tâm liền được, không vụng về tạo tác thêm gì trong ấy. Cụ thể trong công phu, hành giả không can thiệp hay làm thêm bất cứ gì trên vọng, trên các tướng; chỉ là không theo, không mê thì tánh tự thấy biết, vô tướng - sáng ngời. Khéo nhận, dám sống, liền đó hay ra rõ ràng. Không biết có, quên tánh này, liền rơi vào các tướng, tạo tác sanh diệt, tu hành vô lực.

6. CHÂN TÂM THẤY BIẾT TẤT CẢ, VƯỢT THOÁT TẤT CẢ, NHƯNG TỰ TẠI HAY VÀO RA TẤT CẢ

Thiền sư Cứu Chi (Việt Nam) nói:

Tuy thấy tất cả pháp mà không có chỗ thấy, tuy biết tất cả pháp mà

không có chỗ biết. Biết tất cả pháp lấy nhân duyên làm gốc. Thấy tất cả pháp lấy chánh chân làm tông. Tuy chuyên nơi thật tế mà rõ thế gian đều như biến hóa. Rõ thấu chúng sanh chỉ là một pháp, không có hai pháp. Chẳng rời cảnh nghiệp mà phương tiện khéo léo, ở trong cõi hữu vi hiện bày pháp hữu vi mà không phân biệt. Tướng vô vi là do hết dục, dứt ngã, quên niệm mà nhận lấy vậy.

Phàm phu thấy biết phan duyên. Khi thấy biết là phải thấy biết về cái gì đó; tức là có chỗ thấy biết, bỏ quên tự tánh. Bậc đã đạt ngộ, tâm cảnh nhất như, vốn tự sáng biết, không khởi phân biệt, không đợi có vật mới biết, không tìm vật để thấy biết; Thiền sư Cứu Chỉ nói, tuy thấy biết tất cả mà không chỗ thấy biết. Cụ thể, khi tâm cảnh nhất như, thấy biết tất cả một cách rõ ràng, linh thông và chủ động hơn cả sự thông minh của ý thức, nhưng bất động, vượt thoát, suốt qua tất cả, không dừng trú; nên nói không có chỗ thấy biết. Nếu vậy, bậc đạt ngộ thấy biết tất cả như thế nào?

Lúc này, biết rõ các pháp đúng như thật, tất cả đều do nhân duyên sanh. Vì do nhiều yếu tố hợp lại mà thành cho nên các pháp đều huyền hóa. Quý ngài sống thẳng tự tánh sáng biết không động, vượt thoát các vận hành, không bị các sanh diệt chi phối để thấy biết; chứ không phải biết theo các pháp để chìm trong ấy, bị lưu chuyển hoặc cuốn theo vô thường sanh diệt, tụ tán, hợp tan. Nên nói, biết tất cả pháp lấy nhân duyên làm gốc. Điểm chính yếu ở đây là hành giả sống bằng chân tâm, thấy biết như thi, không động, ngay chánh, không thiên lệch để thấy biết tất cả; không chiêu uốn theo phàm tình hay bị vọng động. Nên nói, thấy tất cả pháp, lấy chánh chân làm tông.

Không rời tự tánh vắng lặng, sáng rõ (thật tế, mé thật), nhưng rõ biết thế gian biến thiên, được biến hóa ra. Tức là không phải quay lưng, ngoảnh mặt hay lảng tránh, chỉ dùng trí tuệ thấy biết các pháp đúng như thật mà không cần khởi phân biệt. Biết đúng các pháp là huyền hóa, nhưng vẫn bất động,

đây là Như huyễn tam-muội. Thiền sư Cứu Chỉ nói, tuy chuyên nơi thật tế mà rõ thế gian đều như biến hóa.

Lúc này thấy rõ tất cả chúng sanh đều có chân tâm; đây là pháp thứ nhất. Nhưng do bỏ quên, cho nên bị trôi trong sanh tử; đây là pháp thứ hai. Hành giả ngộ tâm, không thấy có hai việc sai khác. Cụ thể, nhìn thấy tất cả chúng sanh, ai cũng chỉ là một tâm chân, nhưng do mê nên tạm thời bị che khuất. Có trôi trong sanh tử thì sanh tử cũng không thật, tánh sáng biết vẫn sẵn đó, chỉ là sống trên nó mà bô sót, bị quên. Nếu ai sáng lại tâm này, liền đó hay ra Tâm - Phật - chúng sanh, bình đẳng, không sai khác như thế. Sẽ rõ thấu chúng sanh chỉ là một pháp, không có hai pháp.

Ví như không cần khởi, không động mà cánh tay vẫn cử động linh hoạt, không ngăn ngại. Đây là sống động, linh thông đến chủ động, nhưng vẫn không động. Cũng thế, không cần khởi, vẫn sáng biết. Ở trong ấy, tự tại hiện bày các pháp lợi mình lợi người không ngăn ngại. Các bậc có đại lực lượng thì thị hiện, tự tại vào trong các cảnh nghiệp sai biệt làm lợi ích chúng sanh, nhưng không bị nghiệp sai sứ. Đây là chỗ Thiền sư Cứu Chỉ nói: "*Chẳng rời cảnh nghiệp mà phương tiện khéo léo, ở trong cõi hữu vi hiện bày pháp hữu vi mà không phân biệt.*" Nhờ diệu lực của định tuệ từ chân tâm, lưu xuất diệu dụng bất khả tư nghị cho hành giả tự được như vậy, chứ không có tác dụng cố gắng hay làm thêm gì trong đó.

Cuối cùng, Thiền sư Cứu Chỉ khẳng định: "*Tướng vô vi là do hết dục, dứt ngã, quên niệm mà nhận lấy vậy.*"

Đây là ngài nói thẳng, rất thật và gần. Muốn đạt đến "Thực tướng vô tướng" thì chỉ nên ngay ba việc này để kiểm chứng công phu và bảo nhậm: "Hết dục - Dứt ngã - Quên niệm". Không mong cầu hay hy vọng trông mong gì bên ngoài, sẽ hết dục. Rỗng rang, không phân biệt ngã và pháp, ta và người, liền dứt ngã. Không can thiệp trên niệm, không cố thấy hoặc quan tâm niệm còn hay đã hết, chỉ sáng lại tâm mình; đúng nghĩa quên niệm. Hay sống như

thế, ngay đó liền được sạch trọi trơn, bày trơ trơ. Khéo nhận lại ngay, liền sống dậy, chân tâm hiện sờ sờ, hay ra xưa nay chưa từng thiếu vắng.

Hành giả sống bằng chân tâm thuần thực, đắc lực, sẽ đạt đến thể dụng luôn hiện tiền mà không cần phân biệt đây là thể, kia là dụng. Lúc này, diệu dụng tự phát huy bất khả tư nghì, tùy duyên thị hiện các hạnh, làm tất cả việc lợi mình, lợi người không thể kể hết.

7. CHÂN TÂM CHO HÀNH GIẢ TỰ TẠI TRONG SANH TỬ

Chúng sanh trôi lăn trong sanh tử, nhưng giác tánh chưa từng sanh tử. Như mộng thấy bị sai khiến mà thân vẫn nằm yên. Như nước đóng thành băng mà tánh ướt không bị biến đổi. Nếu ngộ ra ý chỉ này, liền đó trả lại bản tâm sáng tịnh, chân tâm hiện tiền. Tiếp tục bảo nhậm, sống thẳng bằng chân tâm chính mình, tùy duyên tiêu dung tập khí, tập nghiệp, đạt đến thấu triệt, viên mãn, diệu lực bất khả tư nghì. Chính diệu lực từ chân tâm cho hành giả tự tại, tiêu sái, hay vào ra tất cả mà vượt thoát tất cả. Với sanh tử cũng vậy.

Nếu chưa thể như thế thì việc dụng công tu tập bằng cách: Hằng ngày lấy cái rỗng lặng làm thân, không chấp sắc thân huyền hóa. Lấy cái chân tri làm tâm, không theo vọng tưởng. Trên mọi cảnh duyên, luôn săn một tâm giác sáng. Gặp cảnh duyên nào cũng luôn công phu tu tập như thế. Lâu dần thuần thực, lực giác sẽ mạnh lên, sẽ cho chúng ta không mê lầm hay bất giác trên bất kỳ cảnh duyên nào; sẽ có nội lực, định lực để làm chủ bản thân, vọng niệm và hoàn cảnh. Theo thời gian, công phu thuần thực, đắc lực, lực dụng của trí tuệ giác sáng hiện tiền. Nhờ vậy, lúc sắp mạng chung, cảnh nghiệp có hiện ra, nhưng do công phu thuần thực và đã có nội lực nên cũng sẽ thấy biết bằng lực giác sáng như thế, không theo chúng hay mừng sợ gì. Lát sau, tất cả cảnh nghiệp tự tan biến hết, tâm giác sáng thường còn, chúng ta muốn đi đâu hay làm gì đều được tùy ý, tự tại.

Tóm lại, hằng ngày luôn sống bằng chân tâm. Biết rõ, tất cả các cảnh chung quanh cho đến cảnh nghiệp đều do tâm biến hiện cho nên chúng đều là huyễn hóa, không thật. Sự thật, tất cả đều do tâm mê biến hiện, mới có ra. Nếu giác sáng đúng mức thì tất cả đều trở nên lặng trong, không còn gì chi phối. Giống như do chúng ta nhầm mắt lại mà tự thấy có cái bóng. Mở mắt, toàn không. Tâm cần vững vàng, tự tin và kiên định với công phu, sống bằng sức giác sáng lặng trong chính mình, không thấy biết theo cảnh duyên và không thèm sợ hãi gì cả. Nên buông thư, thơ thới, thả lỏng, bình thường, không gắng gượng hay quan tâm bất kỳ cảnh duyên nào, sẽ tự trở lại chân tâm vô tướng. Lực của tâm tự phát huy sức mạnh, cho chúng ta tự chủ, tự tại, giải thoát.

8. KẾT LUẬN

Thể nhận chân tâm tự trung có hai lối. Hoặc là ngay đây trực nhận. Nếu chưa thể như thế, hành giả khéo đúng như pháp để tu tập dần. Hàng phục vọng tâm, theo thời gian, nhân duyên chín muồi, cũng sẽ bừng ngộ. Dù ngộ hay chưa, nếu khéo hướng tánh tu tập, không can thiệp hay kẹt vào các tướng, hành giả sẽ thoát khỏi mê lầm nhận huyễn làm chân, đều có những tự chủ, lợi lạc nhất định. Đi trong sanh tử, có chân tâm làm thầy, hướng đạo, cho chúng ta không lâm đường lạc lối. Lớn hơn, chính tâm này giúp hành giả tiêu sai, tự tại. Hòa thượng Tông chủ đã từ bi chỉ thảng cho chúng ta ngay thấy nghe biết, chân tâm đang hiện tiền, không thiếu vắng. Khéo tin nhận, dám sống thảng là chân thật dụng công, sẽ tự mình nhận ra những vi diệu sâu xa khó thể nghĩ bàn. Một kiếp tu hành, mãn tâm, xứng ý. ■

1. Ngài đã nói rõ về “Pháp tu thiền biết có chân tâm”.

THỈNH PHẬT TRỤ THẾ

Đạo Tâm

Sanh ra đời gặp Phật là khó, được nghe chánh pháp còn khó hơn. Ngài Huyền Trang, một cao tăng đời Đường Trung Hoa, từ Đông Độ sang Thiên Trúc thỉnh kinh. Khi đến đất Phật, ngài xúc động toàn thân, cảm lệ thốt lên:

*Khi Phật ra đời con trầm luân,
Khi Phật nhập diệt con ra đời.
Tự nghĩ thân này nhiều nghiệp chướng,
Chẳng thấy kim sắc thân Như Lai.*

Nay là thế kỷ XXI, cách Phật 2600 năm, lại xuất hiện một bậc Tôn sư, đó chính là Sư ông thượng Thanh hạ Từ. Sư ông ra đời là hiện thân của sự giác ngộ, thừa bi nguyện hoằng truyền chánh pháp Thế Tôn, khiến người người ân triêm pháp lạc.

Con được biết Sư ông hồi tuổi còn rất nhỏ. Năm mươi sáu tuổi, hàng tuần đạp xe gần hai mươi cây số từ nhà đến Thường Chiếu nghe Sư ông giảng kinh Pháp Hoa, được Sư phụ tặng quyển kinh Pháp Hoa do Hòa thượng Vạn Đức dịch, hồi đó được quyển kinh Pháp Hoa lòng vui mừng vô kể, một kỷ niệm trong đời khó quên. Càng nghe Sư ông giảng, con càng thấm nhuần lời kinh, “Đức Phật ra đời vì một đại sự nhân duyên, khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật tri kiến.” Được gặp Sư ông, được học pháp từ Sư ông là phúc duyên vô cùng to lớn, không khác nào được gặp Phật. Từ duyên lành ấy, con nguyện phát tâm xuất gia nương theo Sư ông tu học.

Năm 1992, con đến trước bàn thờ Phật, thắp ba nén hương, lê Phật và phát ba lời nguyện:

Một, dù có bệnh nặng thà chết ở Thiền viện, quyết không trở về.

Hai, tu cho đến khi ngộ đạo mới ưng.

Ba, sau khi ngộ đạo, nguyện xả thân độ sanh.

Xong, từ giã ba mẹ đến Thường Chiếu xin xuất gia, được Sư phụ từ bi tế độ, con chính thức được làm tăng đạo ấy.

Năm 1993, Sư ông xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Phụng Hoàng. Với hoài bão khôi phục Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX, và tạo điều kiện tốt cho tăng ni yên tu, với lý tưởng tối hậu, “Tu phải sáng đạo”. Sư ông tuyển chọn một số ít thiền sinh tại Thường Chiếu như thầy Thông Phương, thầy Tuệ Giác, thầy Tuệ Tĩnh... cho về Trúc Lâm.

Lúc ấy, con mới xuất gia được hai năm, lòng nôn nức muốn được về Trúc Lâm chuyên tu, thế nhưng điều kiện Sư ông đặt ra là phải ở Thiền viện ba năm trở lên, học hết giáo lý cơ bản, ngồi thiền hai tiếng... so lại thì mình không có phần. Phải làm sao đây?

Nhớ lại thuở ấy thật ngây ngô, mỗi đêm ngồi thiền con đều niệm danh hiệu Sư ông như niệm danh hiệu Phật vậy, nguyện Sư ông thâu nhận con vào Trúc Lâm tu. Lòng thành tha thiết, cảm ứng đạo giao nan từ nghì, một buổi chiều, Sư phụ đang nằm trên chiếc võng bên hành lang, con đến ngồi bên cạnh. Bất chợt Sư phụ hỏi: “Đạo Tâm có muốn lên Trúc Lâm không?” Nghe xong, con vui mừng muốn rơi nước mắt, đúng ngay lòng đang mơ ước của mình, con liền nói con muốn lắm, Sư phụ bảo: “Vậy tháng này Sư ông về, Đạo Tâm lên xin đi.”

Lời gợi ý của Sư phụ, có phải chăng đây chính là Phật tổ chỉ bày. Sư ông từ Trúc Lâm về Thường Chiếu, con liền đắp y đến đánh lê xin Sư ông cho con được về Trúc Lâm tu. Nhìn Sư ông trang nghiêm, lòng con rất hồi hộp, rất lo sợ Sư ông không chấp nhận.

Đầu tiên, Sư ông hỏi:

- Chú ở Thiền viện được mấy năm rồi?

Con thưa:

- Dạ, bạch Sư ông con ở Thiền viện hai năm.

Sư ông hỏi tiếp:

- Chú ngồi thiền được hai tiếng chưa?

Nghe Sư ông hỏi câu này, thật tình lúc này con ngồi chỉ hơn một tiếng, nếu trả lời ngồi chưa được hai tiếng chắc Sư ông không cho. Con liền nghĩ ra cách đáp:

- Con cố gắng ngồi sẽ được hai tiếng.

Sư ông trầm ngâm giây lát liền bảo:

- Chú xuống đi, để Sư ông tính lại!

Nửa mừng nửa lo. Nếu không nhận, Sư ông liền nói dứt khoát, đằng này Sư ông nói “Để tính lại!”

Tháng sau, Sư ông từ Trúc Lâm về, con tiếp tục đắp y đảnh lễ thưa lại. Sư ông liền gật đầu. Quá vui mừng, ngày mùng 2 Tết năm 1994 cùng 14 Thầy lên xe về Trúc Lâm.

Sau ngày Khánh thành, ngày mùng 08 tháng 02 năm Giáp tuất, Sư ông liền họp chúng tuyên bố khép cửa Nội viện, chư tăng áp dụng sống tu theo Thanh quy Thiền viện Trúc Lâm. Từ đó, nội bất xuất, ngoại bất nhập, hàng ngày ngồi thiền ba thời, mỗi thời hai tiếng, được Sư ông tận tình kiểm thiền, đại chúng trang nghiêm tiến tu. Lúc đầu gặp rất nhiều khó khăn, chưa thích nghi với khí hậu Đà Lạt, khuya 3 giờ thức dậy vào nhà bếp làm trị nhứt, vo gạo rửa rau, bàn tay tiếp xúc với nước lạnh buốt tái tê. Buổi chiều chỉ uống bột, những chàng thanh niên trai trẻ vừa uống một ca bột vào một tiếng sau nó chạy mất tiêu. Tối ngồi thiền

nghe bao tử kêu ột ột. Mỗi ngày ngồi thiền ba thời, mỗi thời hai tiếng đâu phải dễ, đi đêm mới biết thấm lạnh. Nóng cháy cả da bàn chân, hết tê rồi lại đau, có lúc đau âm ỉ, có lúc đau thấu xương. Sư ông dạy phải làm chủ được mình, dần dần cung vượt qua.

Chủ trương của Sư ông “Tu quyết tử”, không có lý do gì xin phép đi đây đi kia, thật tình người có tâm hướng ngoại không cách gì ở yên một chỗ tu được. Ngoài việc ngồi thiền, mỗi tháng Sư ông có hai buổi giảng về những tác phẩm Thiền Việt Nam, Sư ông tâm huyết khôi phục Thiền tông Việt Nam, muốn cho Thiền tông Việt Nam sau này được truyền bá rộng khắp. Sư ông dạy chư tăng ni phải học thuộc lòng các bài kệ, thi, phú của các thiền sư đời Trần. Chúng con nhất nhất y giáo phụng hành. Nhờ đó, chúng con được hiểu cái hay đặc sắc Thiền Việt Nam. Cảm khái tinh thần khôi phục Thiền Trúc Lâm Yên Tử, lúc ấy con có cao hứng làm câu đối:

**Trúc địch xuy chi, chấn hưng Việt Nam Thiền tông,
vĩnh kiếp tuyên đăng tục diệm.**

**Lâm manh khởi địch, khôi phục Yên Tử Tổ đạo,
thiên niên đức hóa lưu phuong.**

(Sáu trúc thổi lên, chấn hưng Thiền tông Việt Nam,
muôn kiếp trao đèn nối đuốc.

Chỗi rùng trỗi dậy, khôi phục Tổ đạo Yên Tử,
ngàn năm hương đức lưu truyền.)

Sư ông luôn mong mỏi chư tăng ni tu hành sáng đạo, là niềm vui lớn, là lý tưởng tối hậu của Sư ông. Có lần Sư ông nói thật tâm lão bà: “Tôi ngồi trông đợi từng ngày, nghe có chú nào tu sáng việc trình cho tôi biết... Bây giờ chỉ có mình tôi giảng nói, sau này có trăm người thay tôi.” Nghe lời

này như trút cả tâm can. Con nguyện với lòng sē cõ găng, cõ găng. Chính vì thế, lúc đó con có làm câu đói để tự nhủ lòng:

*Trúc Lâm quyết tử, kiến tánh minh tâm,
thừa đương Tổ đạo miên trường.*

*Thường Chiếu xiển dương, thương thừa đốn giáo,
tiếp dẫn chúng sanh vĩnh cửu.*

(*Trúc Lâm quyết tử, minh tâm kiến tánh,
đảm đang Tổ đạo lâu dài.*

*Thường chiếu xiển dương, đốn giáo thương thừa,
tiếp dẫn chúng sanh mãi mãi.*)

Sư ông cả đời tu hành, tiếp chúng độ tăng, giáo hóa chúng sanh. Chúng con thật hữu duyên, sanh ra đời tuy gặp Sư ông muộn, nhưng nhờ gieo trồng hạt giống Phật nhiều đời, nay được Sư ông hóa độ, được Sư ông chắt chiu nuôi nấng, tận tụy dạy dỗ. Sư ông đã cứu cuộc đời con, mỗi lần nghĩ đến việc này là con rơi nước mắt. Không có Sư ông, cuộc đời con đen tối mù mịt, si mê tạo nghiệp, chưa biết lang thang phiêu bạt phuơng trời nào!

Trăm ngàn lần đảnh lễ Sư ông. Ngàn vạn lần đảnh lễ Sư ông. Cầu Tam bảo luôn gia hộ cho Sư ông sống lâu nơi đời, là chõ nương tựa cho chúng con tu học. Thừa hành nguyện Bồ-tát Phổ Hiền:

Thỉnh Phật trụ thế! Thỉnh Phật trụ thế! Thỉnh Phật trụ thế!

Nhất tâm cung thỉnh. ■

DUYÊN LÀNH VỚI SƯ ÔNG

Viên Diệu

Con có duyên lành nương theo Thầy chúng con xuất gia tu học. Tuy là chúng con ít được gần gũi Sư ông, nhưng qua những gì Thầy chúng con chỉ dạy, cũng như có nhiều lần vào phuông truong đánh lê Sư ông, được nghe Sư ông chỉ dạy, làm cho chúng con phát khởi niềm tin vững chắc vào pháp môn thiền tông. Đồng thời chúng con cũng cảm nhận được sự quyết tâm khôi phục lại dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử của Sư ông, dù cho có trải qua bao gian lao vất vả cũng không bao giờ chùn bước. Năm nay sư ông vừa tròn trăm tuổi, con xin ghi lại một vài đoạn nhân duyên khi được vào thăm Sư ông.

Có lần Sư ông từ Đà Lạt về Thủ ơng Chiểu. Tối hôm ấy, Thầy dạy chúng con vào thăm Sư ông. Ông đang nằm chơi trên võng, chúng con đến quây quần một bên, người thì bóp tay, người thì bóp chân cho Ông. Bất chợt Ông hỏi:

- Mấy chú ở đây tu hành có thấy vui không?

Chư huynh đệ thưa:

- Dạ vui.

Ông hỏi:

- Vui sao nói cho Ông nghe coi?

Chư huynh đệ thưa:

- Dạ! Bởi vì ở đây chúng con học được và tu được, cho nên cảm thấy rất vui.

Ông nở nụ cười vui vẻ. Một lúc sau, có huynh đệ hỏi:

- Bạch Sư ông! Giữa thức phân biệt và trí phân biệt khác nhau như thế nào?

Ông nói:

- Thức phân biệt là do mình khởi tâm động niệm phân biệt đẹp xấu vv... ; còn trí phân biệt là phân biệt xuất phát từ thể, tuy là có sự phân biệt nhưng mà không hề khởi tâm động niệm gì cả. Cho nên thiền sư Huyền Giác nói: “Phân biệt mà chẳng phải ý”.

Lại có huynh đệ khác hỏi:

- Bạch Sư ông! Khi được trí phân biệt rồi thì tâm mình có đạt đến cảnh giới tình thương bình đẳng không?

Ông nói:

- Khi nào thành Phật thì mới có được tình thương bình đẳng.

Thật diêm phúc thay khi chúng con nghe được những lời chỉ dạy của Sư ông, đơn giản mà thiết yếu, ngắn gọn mà thâm sâu khôn lường. Ngoài ra Sư ông còn đặc biệt quan tâm đến sự tu tập của chúng con.

Con nhớ mỗi lần ra thất, Thầy dạy huynh đệ chúng con vào đảnh lễ và thưa trình sự tu tập từng người lên Sư ông, để Sư ông chứng minh chỉ dạy, cũng như tháo gỡ những vướng mắc trong công phu tu hành của chúng con.

Sư ông ngồi trang nghiêm trên ghế, chúng con quỳ trước Sư ông. Lần lượt từng người thưa trình, Sư ông luôn chăm chú lắng nghe. Có huynh đệ thưa:

- Bạch Sư ông! Khi con vào thất, từ tuần thứ nhất đến tuần thứ tư rất là yên ổn, nhưng bước qua tuần thứ năm, thứ sáu thì vọng tưởng ở đâu quá nhiều, làm cho con hoảng sợ không biết phải làm sao?

Sư ông dạy:

- Mấy chú mới tu là như vậy đó, có lúc trước yên sau loạn, có lúc trước loạn sau yên, nhưng điểm quan trọng là chớ có hoảng sợ, mà chỉ cần biết rõ ràng lúc nào có vọng thì biết có vọng, lúc nào không vọng thì biết không vọng. Ứng dụng tu tập như thế thì từ từ tâm được yên lặng mà thôi.

Một vị huynh đệ khác thưa:

- Bạch Sư ông! Khi con ngồi thiền, có những chuyện quá khứ từ xa xưa chưa từng nghĩ tới, nó lại hiện ra trong lòng con, làm cho con luôn cảm thấy bất an. Con muốn buông bỏ mà nó không lặng, vậy con phải làm sao?

Sư ông dạy:

- Vì tâm maryl chú được hơi yên một chút, nên chuyện xa xưa chưa từng nghĩ tới nó mới hiện ra. Nếu muốn buông bỏ nó thì phải quyết tâm kiên trì liên tục, không lầm lẫn, không chạy theo, trải qua thời gian thì nó không còn.

Như thế, tuân tự trải qua chín huynh đệ trình bày. Đến vị thứ mười thưa:

- Bạch Sư ông! Khi ở trong thất, tâm con được lặng yên không còn gì hết, lúc ấy con không biết phải làm sao nữa? Kính mong Sư ông chỉ dạy.

Sư ông chỉ nói:

- Tiến nữa.

Lúc ấy huynh đệ chúng con nghe Sư ông chỉ dạy, tất cả đều ngạc nhiên, không biết tiến như thế nào đây, tiến đi đâu nữa, tâm đã được yên lặng rồi mà. Nhưng khi chúng con có được chút ít hiểu biết thì mới cảm nhận được tấm lòng cao cả của Sư ông, đã móc hết ruột gan phơi bày cho con cháu rồi.

Kính bạch Sư ông! Chúng con là cháu trong pháp hội của Sư ông, cảm thấy hạnh phúc khi được làm thiền sinh Thiền viện Thường Chiếu. Chúng con sống và tu học theo sự hướng dẫn của Thầy chúng con, luôn luôn lúc nào cũng noi theo chủ trương đường lối mà Sư ông một đời đã khổ công dày dặn, ngõ hâu không có phụ tóm lòng thương tưởng của Sư ông đến với tất cả chúng con. Hôm nay, mừng ngày Sư ông vừa tròn trăm tuổi, chúng con xin ngưỡng nguyện mười phương Tam bảo, luôn gia hộ cho Sư ông sống đời với tất cả chúng con. ■

BIÊN TỪ BAO LA

Như Tịnh

Thiền viện Linh Chiếu chúng tôi có nhân duyên được sống tu học gần Thầy. Trước kia còn khỏe, Thầy đem hết tâm huyết để hướng dẫn và giảng dạy cho tăng ni các Thiền viện tu học. Đồng thời Thầy còn tra tìm sử sách, rồi lần theo dấu Tổ mà khôi phục lại dòng thiền Trúc Lâm Việt Nam. Thầy còn nghĩ thương những người ở xa không đủ điều kiện đến nghe pháp, nên nhận lời thỉnh mời đi hoằng pháp khắp các nơi. Những khi về Thường Chiếu, mỗi chiêu Thầy đều chống gậy đi qua Linh Chiếu để khuyến tấn đại chúng tu hành. Sau này tuổi thọ cao, sức khỏe kém, Thầy về ở tại Tổ đình Thường Chiếu, thỉnh thoảng vẫn ngồi xe điện sang Linh Chiếu.

Tuổi Thầy đã vào hàng thượng thọ, vậy mà con cháu trong tông môn vẫn còn đầy đủ phúc duyên, được cung kính đánh lễ vấn an sức khỏe Thầy. Huynh đệ ở các Thiền viện xa thì tranh thủ, được dịp là trở về thăm Thầy. Còn chúng tôi, những Thiền viện ở gần, cứ mỗi tuần vào ngày thứ ba, các vị trong Ban lãnh đạo lại tụ hội về bên Thầy. Trong niềm hạnh phúc vô biên, chúng tôi những đệ tử đã thuộc vào hàng lão, mà mỗi lần được quỳ dưới chân Thầy, vẫn như trẻ nhỏ. Với tấm lòng kính thương Thầy vô bờ, người dâng chút rau, người chút trái, hoặc ca hát, hoặc đọc thơ cúng dường... Tất cả đều vì muốn Thầy vui, mong Thầy được khỏe. Nhìn đàn con vây quanh, Thầy gật đầu hiền lành từ ái, im lặng mỉm cười.

Tám huynh đệ chúng tôi được theo hai Thầy, Hòa thượng Huyền Vi và Hòa thượng Thanh Từ, xuất gia tu học từ nhỏ. Nhờ ân pháp hóa của hai Thầy, mỗi vị đều được tu học vững vàng, vâng lời Thầy dạy mà tùy theo nhân duyên đắm đang Phật sự. Trong tám huynh đệ thì có ba vị cùng chung vai gánh vác Phật sự tại Thiền viện Linh Chiếu: Ni trưởng Như Hạnh, Ni

trưởng Nhu Thành, Ni trưởng Nhu Tịnh.

Các vị còn lại thì mỗi người pháp hóa một nơi:

- Ni trưởng Nhu Hải, Trụ trì chùa Tam Bảo ở Hà Tiên.
- Ni trưởng Nhu Thông, Trụ trì chùa Phước Anh ở Quận 8 - Tp. HCM
- Ni trưởng Nhu Hương, Trụ trì chùa Long Thạnh ở Vĩnh Long.
- Ni trưởng Nhu Tâm, Trụ trì Thiền viện Trúc Lâm Ni ở Đà Lạt.
- Ni trưởng Nhu Trường trụ trì chùa Hương Nghiêm ở Bến Tre.

Tám huynh đệ mới ngày nào theo hai thầy xuất gia tu đạo, bây giờ đều đã vào hàng Ni trưởng, vài vị cũng đã theo duyên vô thường. Các huynh đệ còn lại, mặc dù sức khỏe yếu kém cộng thêm Phật sự đa đoan, nhưng luôn luôn dành thời giờ để về vấn an sức khỏe Thầy.

Do theo Thầy đã lâu nên chúng tôi có rất nhiều kỷ niệm về Thầy, mỗi lần kể lại thì thân giáo và khẩu giáo của Thầy lại in đậm trong tâm trí chúng tôi. Tôi còn nhớ vào năm 1973, khi đang theo học tại Ni trưởng Dược Sư - Gò Vấp, lúc đó Ni trưởng Trí Hòa đang làm Giám thị. Ni trưởng là đệ tử của Sư ông Thiện Hoa, tức là huynh đệ với Thầy tôi, nên chúng tôi thường gọi bằng Sư chú. Vào khoảng 3 giờ chiều ngày 19 tháng 12 âm lịch, Sư chú từ giảng đường đi nhanh sang phòng chúng tôi, kêu: "Mấy Huệ ơi! Sư ông nhập viện rồi, mấy đứa đi với Chú vào bệnh viện Đồn Đất thăm Sư ông nhanh lên." Nghe vậy chúng tôi lập tức lấy y áo, rồi cùng Sư chú đón xe đến bệnh viện.

Vừa đến bệnh viện đã thấy Sư bà Vĩnh Bửu đang đứng trước phòng Sư ông, Sư chú và chúng tôi đến chào. Sư bà nói: "Thầy Thanh Từ ở Chơn Không đã về, đang ở trong phòng với Hòa thượng." Chúng tôi nhìn qua lớp cửa kính, thấy Thầy lặng lẽ đi tới đi lui, thỉnh thoảng đứng lại nhìn Sư ông đang nằm trên giường bệnh. Trông nét đăm chiêu đượm buồn trên gương

mặt Thầy, chúng tôi thầm biết bệnh tình của Sư ông đang rất nguy kịch, nên tất cả đều im lặng không dám mở lời. Vì bệnh viện không cho vào bên trong, chúng tôi đành ngồi bên ngoài chờ tin tức.

Trời càng lúc càng tối dần, trông chờ mòn mỏi Sư bà Vĩnh Bửu phải nghỉ lunger tạm trên băng ghế, còn Sư chú và chúng tôi thì nằm dưới nền gạch ngoài hiên. Đến khuya, chúng tôi đang ngủ bỗng nghe tiếng Sư chú thảng hốt kêu lên: “Sư ông tịch rồi, mấy đứa vào đánh lẽ mau đi!” Chúng tôi vội choàng dậy, nhẹ nhè bước vào quỳ xuống bên giường. Sư ông nằm yên thanh thản, Thầy đứng bên chắp tay im lặng, Sư bà và Sư chú vừa lạy vừa khóc. Sau đó, nhục thân Sư ông được rước về chùa Ân Quang.

Trong suốt thời gian lễ tang Sư ông, Thầy luôn túc trực bên kim quan. Qua nét trầm lắng của Thầy, chúng tôi cảm nhận được Thầy đang trân quý từng sát-na còn lại, để được hầu cận bên Sư ông, dành trọn tấm lòng của một người đệ tử đối với bậc thầy đã khai mở giới thân huệ mạng cho mình. Trông thấy Thầy thương kính Sư ông như thế, chúng tôi không dám đến gần, chỉ len lén nhìn Thầy rồi lắng lặng cùng nhau lo tròn trách nhiệm của mình.

Từ đó, cứ vào ngày 20 tháng chạp mỗi năm, Thầy đều thiết lễ cúng dường Sư ông. Lúc ở tại thiền viện Chơn Không - Vũng Tàu, ngày húy kỵ Sư ông Thầy cúng thật đơn giản, nhưng rất trang nghiêm và ấm cúng. Huynh đệ chúng tôi đồng tụ hội về núi, quây quần bên Thầy. Tất cả cùng chung tay nhau, kẻ cơm người nước... dâng lên cúng dường, hầu bày tỏ tấm lòng của hàng con cháu đối với Sư ông.

Trước án tiền hương trầm thoảng nhẹ, Thầy ngược nhìn di ảnh Sư ông, rồi quỳ xuống cung kính dâng hương bộc bạch:

Nguõng vọng giác linh Thầy!

Hôm nay là húy kỵ lần thứ 9, ngày Thầy viên tịch. Tất cả đệ tử chúng con

đồng tâm thiết lê cúng dường Thầy, cúi mong Thầy chứng minh cho lòng thành của chúng con. Sanh dường thân chúng con là cha mẹ, mở sáng mắt trí tuệ chính nhờ Thầy. Thân này chỉ sống mấy mươi năm rồi hoại, mắt trí tuệ một phen mở thì vĩnh viễn thoát khỏi trầm luân. Công ơn pháp nhũ của Thầy đối với chúng con, thật thênh thang như trời biển. Chúng con nguyện tiếp nối ngọn đuốc trí tuệ từ Thầy, để soi sáng cho mình và truyền trao mãi mãi, giúp mọi người thoát khỏi trầm luân. Kính mong Thầy thương tưởng, chứng minh cho lòng thành của chúng con!

Giọng Thầy nghẹn ngào đứt quãng, tôi đưa tay lau vội dòng nước mắt, nghe huynh đệ quỳ phía sau cũng đang thút thít như mình. Mỗi năm ngày húy kỵ Sư ông, Thầy đều xúc động như thế. Trong quyển Gương Hạnh Thầy Tôi, có đoạn Thầy viết: “Tôi tận mắt chứng kiến hình ảnh Hòa thượng theo Phật, nên rất xúc động mỗi khi nhắc đến.”

Năm 1986, Thầy rời Chơn Không về Thường Chiếu. Hằng năm đến ngày 19-20 tháng chạp, lễ giỗ Sư ông được Thầy thiết cúng tại Tổ đình Thường Chiếu. Từ khi Thầy về Thường Chiếu, do công đức pháp hóa của Thầy mà Thiền tông lan rộng khắp nơi. Vì vậy, ngày giỗ Sư ông cũng được tổ chức lớn dần theo sự phát triển của Thiền phái. Vào ngày đó, tăng ni và Phật tử trong tông môn Trúc Lâm đồng trở về Tổ đình Thường Chiếu. Thầy trò cùng lo chuẩn bị hương hoa, bánh trái... dâng cúng Sư ông.

Sáng ngày 19, Thầy lên Chánh điện dâng hương rồi xuống Tổ đường, đứng cúi đầu trước di ảnh Sư ông, chắp tay tưởng niệm. Xong rồi Thầy chống gậy đi một vòng ra nhà khách, xem đệ tử đệ tôn gói bánh tét bánh ít. Vừa thấy Thầy đến, mọi người đều dừng tay đứng dậy chào Thầy. Không khí nhà bếp rộn rã hẳn lên, hân hoan vui vẻ. Mọi người đua nhau khoe thành tích với Thầy, người xách một chùm bánh tét, người bưng rõ bánh ít, có người còn bưng cả thúng bánh đem đến khoe với Thầy: “Thưa Thầy, thưa Sư ông! Tụi con gói bánh đẹp lắm!” Thầy gật đầu cười hoan hỷ, rồi chống gậy đi tiếp sang các khu vực khác. Chu tảng từ xa trở về sớm, dẫn

theo các đoàn Phật tử rất đông đến chào Thầy. Trên gương mặt mỗi người đều hiện rõ nét vui tươi rạng rỡ, giống như những đứa con xa quê hương lâu ngày, nay được trở về gặp lại cha mẹ cùng người thân của mình. Lẽ giỗ Sư ông long trọng, trang nghiêm và thấm tình đạo vị như thế.

Thầy đối với Ân sư chu toàn, song vẫn không quên bốn phận làm con. Thầy thường dạy: “Hiếu thảo là bước đầu tiên trên nấc thang đạo đức.” Lời dạy và việc làm của Thầy luôn đi đôi với nhau. Thế nên khi nghe tin thân mẫu bệnh nặng, Thầy từ chùa Ân Quang - Sài Gòn, tức tốc về quê để lo cho bà. Đó là vào năm 1956, chúng tôi chưa xuất gia. Từ quê nhà Trà Ôn, Thầy đưa Bà qua Trà Vinh trị bệnh. Lúc xe chạy ngang qua Cầu Kè, Thầy cho dừng nghỉ ở nhà của một Phật tử, nhờ vậy mà chúng tôi đủ duyên được gặp đảnh lễ Thầy và thăm Bà.

Thời gian không lâu thì Bà mất, Ông cụ lên Sài Gòn ở với em trai của Thầy. Vì muốn đáp đền công ơn sanh thành dưỡng dục, nên sau khi sắp xếp mọi việc ở Chơn Không được ổn định thì Thầy rước Ông về phụng dưỡng. Để tiện việc chăm sóc và hướng dẫn Ông tu tập, Thầy cho Ông ở ngôi thất nhỏ cạnh bên thất Thầy. Đến năm 1975 thì Ông mất, Thầy nói: “Tuy Ông mất nhưng Thầy không buồn lắm, vì Ông có thời gian tu tập. Nghĩ thương bà cụ mất sớm, lúc mới 59 tuổi, nên Thầy chưa giúp bà tu tập được bao nhiêu.”

Hiếu hạnh của Thầy càng cao thì việc lo cho tăng ni lại càng tận tụy. Vào những năm đất nước mới hòa bình, đời sống tại các Thiền viện rất khó khăn vất vả. Vì thế các thiền viện có mặt lúc bấy giờ, là: Thường Chiếu, Viên Chiếu, Linh Chiếu, Huệ Chiếu, Phổ Chiếu... đều được Thầy trực tiếp dẫn dắt. Mỗi tháng Thầy từ Chơn Không về Thường Chiếu một tuần, để giảng dạy giáo lý sách tấn đại chúng tu học, đồng thời hướng dẫn chư tăng ni cách trồng cây, khai mương cấy lúa, lập vườn làm ruộng, làm tương v.v... Những năm Thầy giáo hóa ở Thường Chiếu chúng tôi thật hạnh phúc, vì đây là khoảng thời gian đại chúng Linh Chiếu được gần Thầy nhiều nhất.

Nơi cầu Song Chiếu bắc qua suối Thường Linh, chúng tôi rất vui được chờ đợi đón đưa Thầy. Đầu đận ngày hai buổi sáng chiểu, trên con đường đất cát được che mát bởi khu vườn dừa, Thầy đầu đội nón lá, tay chống gậy, ung dung từng bước dạo qua Linh Chiếu. Mỗi chiểu tại Thư viện, Thầy ngồi vông thong thả uống từng ngụm nước, nhìn quanh đại chúng rồi tùy nghi nói một thời pháp ngắn. Qua từng lời giảng bình dị, Thầy khéo léo răn dạy đại chúng tu học. Kết thúc thời pháp thoại, Thầy thường hỏi lại và bảo chúng tôi trả lời xem hiểu thế nào. Mỗi ngày qua pháp âm của Thầy, chúng tôi như người đi trong sương móc, dần dần thấu hiểu sâu hơn lời Phật tổ chỉ dạy.

Trong hoàn cảnh cơm không đủ no, áo không đủ mặc, thấy đại chúng lao động cực nhọc, Thầy thường dẫn lời người xưa để động viên: “Gian nan giả phi khốn ngã dã, nhi thành ngã giả dã” - Gian nan đó chẳng phải làm khốn đốn ta, mà chính là làm thành cho ta ấy vậy. Chính những lời khích lệ ấy đã tiếp thêm sức mạnh cho chúng tôi, những đứa con gái Như Lai đang tu học tại thiền viện Linh Chiếu này, ngày càng vững lòng tin và kiên định hơn trên con đường tu học đầy gian nan thử thách.

Thầy dành cả cuộc đời của mình để phụng sự Tam bảo và luôn mang tâm nguyện cứu khổ chúng sanh. Vì thế, không những lo cho tăng ni tú chúng tu học đúng với chánh pháp, mà Thầy còn hết lòng quan tâm đến từ thiện xã hội bên ngoài. Thuở ấy, người dân quanh vùng Phước Thái này, đời sống còn lắm khó khăn, nhiều người già yếu bệnh hoạn nhưng thiếu điều kiện chữa trị. Do đó vào năm 1988, Thầy cho thành lập Tuệ Tĩnh đường đặt tại Thiền viện Linh Chiếu, với mong muốn xoa dịu phần nào nỗi đau khổ sanh lão bệnh tử của kiếp người. Thầy đã mang bi nguyện của mình truyền dạy cho chúng tôi hạnh vị tha, góp chút bình an giúp mọi người cũng chính là hướng xã hội đến cuộc sống chân thiện mỹ.

Mỗi sáng qua Linh Chiếu, Thầy chống gậy ráo bước quanh vườn chùa xem chư ni lao tác, rồi đến thăm Tuệ Tĩnh đường, thấy các cụ già đang ngồi

chờ vào khám bệnh, Thầy lại gần hỏi thăm bệnh tình và an ủi khuyên họ chịu khó đến châm cứu, hốt thuốc uống cho mau hết bệnh. Trong các buổi họp nội bộ Tuệ Tĩnh đường hằng tháng, Thầy lắng nghe báo cáo kết quả làm việc của các ban, rồi ôn tồn nhắc nhở: “Người có bệnh thường nóng nảy, khó tánh, nên các con phải dùng lòng từ bi mà điều trị cho họ. Phải nhẹ nhàng, ân cần, kiên trì giúp người bệnh được an ổn vui vẻ. Nhớ luôn luôn tinh táo sáng suốt, đừng để các thứ ma phiền náo quấy nhiễu. Có như vậy thì tự con tuy trị bệnh cho người, mà bản thân mình vẫn tu được.”

Với tâm của một bậc thầy hướng đệ tử đến giác ngộ giải thoát, Thầy thường nhắc nhở chúng tôi “Tu trong bận rộn”, đừng vì việc chữa bệnh mà xem nhẹ sự tu hành: “Chư tăng ni phải tự độ mới có thể độ người, mình có giác ngộ giải thoát mới có thể giúp người giác ngộ giải thoát, vì vậy đối với việc chuyên tu không thể lơ là. Chúng ta đi giảng dạy giáo hóa hay làm việc từ thiện xã hội, cũng chỉ vì lòng từ bi muốn cứu khổ ban vui cho người. Chỗ cứu cánh của hàng tu sĩ là phải thực hiện hoài bão tự giác giác tha, an vui giải thoát ngay trong đời sống hiện tại này.”

Pháp âm Thầy vang đến đâu thì nơi đó an lạc, bước chân Thầy đi qua nơi nào thì chốn ấy bình yên, cỏ cây cũng được xanh mát. Nhìn lại đoạn đường đã qua, nhờ dòng sữa pháp của Thầy nuôi dưỡng mà Linh Chiếu từng bước trưởng thành. Một số huynh đệ đã đủ khả năng gánh vác Phật sự tại vài Thiền viện, như: Ni sư Hạnh Diệu, Ni sư Hạnh Nguyên, Ni sư Hạnh Chiếu v.v... Còn ở tại Linh Chiếu thì số chúng lớn cũng đã đảm đang được Phật sự, giảng dạy kinh điển cho chư ni lớp nhỏ.

Những thành tựu ấy, đều nhờ thâm ân giáo dưỡng của Thầy. Thầy như cội đại thụ cành lá sum suê, luôn tỏa bóng râm che mát cho cả tăng ni tú chúng. Chúng tôi được tắm gội trong dòng suối từ bi của Thầy, nhờ Thầy giáo dưỡng và khai mở mắt đạo mà chúng tôi biết được lối về. Ân đức của Thầy thật cao lớn biết bao!

Về già, Thầy thường nhắc chúng tôi: “Thầy dạy bao năm rồi, mấy đứa con đa phần đều đủ niềm tin đối với Phật pháp. Thầy đã tròn bốn phật, bây giờ phần còn lại là của tụi con. Mỗi đứa đều biết rõ, ngay thân từ đại huyễn hóa này có cái chân thật. Vậy thì tụi con hãy cố gắng buông xả vọng tưởng, dứt trừ tập nghiệp phiền não để sống trở về với chân tâm hiện tiền của chính mình.” Lời Thầy dạy cho thấy tâm huyết và hoài bão, mà một đời Thầy cưu mang trong lòng đối với tăng ni tú chúng. Có thể nói, cuộc đời hành đạo của Thầy luôn gắn liền với sự nghiệp giáo dục và hoằng pháp trong ngôi nhà Phật giáo Việt Nam. Ánh sáng trí tuệ cùng hạnh nguyện tự lợi, lợi tha của Thầy luôn tỏa sáng cho hàng hậu học noi theo.

Giờ đây, khi các Thiền viện đều được trang nghiêm, tăng ni tú chúng đồng biết Phật pháp tu hành thì Thầy tuổi hạc đã cao, thân tú đại trải qua nhiều năm lao nhọc, nay có chút bệnh duyên lại thêm nhọc nhăn. Chân yếu gối mòn, nhưng Thầy vẫn vì đàn con mà hiện hữu, bình thản trong đau bệnh. Những lúc thấy Thầy không khỏe, chúng tôi chỉ biết lặng thinh ngồi nhìn, không dám mở lời. Thầm cầu nguyện Thầy được khỏe, Thầy sống lâu ở đời cùng với chúng con. Cầu mong là như vậy, nhưng chúng tôi vẫn biết các pháp luôn luôn biến chuyển. Nhưng dù thế nào đi nữa thì chúng tôi, hàng tăng ni tú chúng đệ tử đệ tôn môn hạ của Thầy, vẫn giữ vững ý chí tu học, kiên trì nguyện lực, quyết xứng đáng với tâm ân pháp hóa của Thầy. Nguyện tu theo Chánh pháp, nguyện thắp tiếp ngọn đèn Thiền mà Thầy đã khơi dậy và sẽ truyền trao mãi mãi không để lu mờ. ■

An Sứ

Như Thành

Con gặp Thầy lúc còn thơ bé,
 Chưa hiểu gì giáo lý Phật-đà.
 Lòng từ bao la, Thầy độ lượng,
 Từng bước dắt diu con bước qua.
 Vượt bến mê sang lên bờ giác,
 Vạch đường tưởng tận, chỉ lối ra.
 Bằng tất cả tấm lòng từ mẫn,
 Sợ chúng con lạc hướng quê nhà.
 Hằng nhắc nhở “các con phải nhớ,
 Sống trở về bản thể chơn nhu.”
 Bao lời dạy con nguyên ghi khắc,
 Cố thực hành cho xứng với người.
 Rồi từ đó mắt con tỏa sáng,
 Trí khai thông nhờ đức bao la.
 Ân huệ mạng nguyện mong đền đáp,
 Vâng lời Thầy, tự lợi lợi tha

Trở Về

Trở bước non Yên cảnh thanh nhàn.
 Về nơi đất Tổ cõi lòng an,
 Nguồn tâm lồng lặng thôi phiêu lãng.
 Cội thiền tỏa bóng khắp trần gian.
 Trúc biếc tùng xanh dương sắc khí.
 Lâm viên hiển hiện ánh trăng rằm,
 Yên ắng chuông chùa chiểu buông nhẹ,
 Tử tú sanh sanh chẳng ngại ngần.

ÂN THẦY

Thuân Nhất

Kính dâng Thầy, bậc Ân sư khả kính!

Dòng thời gian thăm thoát trôi qua, mới đó mà đã hơn nửa thế kỷ con được phước duyên làm đệ tử của Thầy, được nương tựa đức trí của Thầy. Nhờ đó mà con được gội nhuần ơn pháp nhũ và vị thiền dần thẩm cho con niềm vui trong đạo.

Kính lê Thầy.

Trước hết con xin chắp tay nguyện cầu Tam bảo gia hộ cho Thầy tú đại luôn nhu hòa, bi trí luôn sáng ngời. Thầy mạnh khỏe an vui, trụ đời dài lâu với chúng con. Không có niềm vui nào đánh đổi được, khi huynh đệ chúng con cùng quây quần bên Thầy, ấm áp và an lạc biết bao! Cảm xúc trào dâng thật thanh thoát đạo vị, dù có diễn tả thế nào cũng không hết được niềm hỷ lạc của chúng con. Để hôm nay muôn viết về Thầy, con cảm thấy ngôn từ quá hạn hẹp, không biết làm sao nói lên hết được ân đức cao vời của Thầy.

Con may mắn hội nhập cùng quý Ni trưởng bảy Huệ, đệ tử của Thầy, nên con được theo về núi thăm Thầy từ những ngày đầu phá núi, dựng am. Đến lúc nương Thầy xuất gia tu học, con lại được cho làm thị giả, rồi thư ký cho Thầy và cuối cùng được trở về hành đạo chốn xưa. Hôm nay ngồi ngẫm lại, quả là duyên lành rất lớn cho con trong đời này.

Cuộc đời Thầy gắn liền với đạo pháp, khi nói về Thầy là nói đến Thiền tông Việt Nam. Con còn nhớ thuở đầu khai phá dựng Chơn Không, núi Tương Kỳ không có phụ người đại chí. Thầy quyết tâm hạ thủ công phu. Tre gai sỏi đá phải cúi đầu và Pháp Lạc thất được dựng lên cùng với lời thề nguyện: "Lần nhập thất này không thời hạn, nếu đạo không sáng quyết không ra thất." Sự quyết tâm đó đã đưa Thầy đến kết quả. Ánh sáng tuệ giác mở ra, dòng thiền Tâm tông tuôn chảy. Chơn Không bừng sáng, hội chúng đồng vầy. Pháp âm

Thầy vang dội bốn phương, người người được nếm pháp vị từ Thầy mà chuyển hóa bao nỗi khổ niềm đau. Ân Thầy đã lớn, đức Thầy càng sâu, chúng con bạc đầu vẫn thấy mình non trẻ, bởi công hạnh và trí đức của Thầy quá cao vời!

Thầy, một bậc chân nhân, nối tiếp bước chân của Phật tổ, một minh vạch lại lối xưa, gạn đục lóng trong chỉ cho người Bản lai diện mục. Lối xưa cỏ đã phủ đầy, đâu dễ dàng gì dấn bước. Thế mà Thầy vẫn kiên trì bền chí, giữ vững lập trường vượt qua tất cả định kiến đương thời. Trải bao chông gai thử thách, Thầy vẫn một lòng vì đạo pháp. Thế sự thăng trầm, đâu bể đổi dời, từ núi rừng Chơn Không u tịch Thầy đưa chúng về Thường Chiếu tu học. Sự thay đổi này ảnh hưởng rất lớn đến việc hoằng pháp của Thầy và đời sống của các thiền sinh, đang yên tu chuyển qua cuộc sống nông thiền, vừa lao tác vừa tu học, mọi thứ lại bắt đầu. Dù thế, Thầy vẫn không quản ngại vất vả, mỗi tháng đội nắng dầm mưa, từ Núi Lớn - Vũng Tàu xuống Long Thành, đều đặn đi về để chỉ dạy cho tăng ni tu học. Thầy đã nuôi lớn tâm thiền, khơi nguồn tuệ giác, để ngày nay bao bậc tùng lâm thạch trụ tiếp bước chân Thầy, mang trống pháp gióng khắp nơi nơi.

Quả thật, có ném trái cây của vườn Pháp Lạc mới thấy tâm từ của Thầy rộng lớn vô biên. Khi vừa ngộ lý sắc không, Thầy liền chan rải niềm an lạc ấy. Và từ đó, mỗi ngày của Thầy là mỗi ngày vì người, lợi lạc cho người. Buổi sáng, sau giờ tọa thiền, thể dục, điểm tâm xong Thầy bách bộ quanh truong thất vài vòng, rồi đâu đội nón lá, tay cầm chiếc kéo đi xuống vườn, vừa cắt tia cành cây vừa hướng dẫn chư tăng làm việc. Đến mùa trái chín, Thầy trò cùng hái về đem chia đều cho các am thất. Thầy là như vậy, từ vật chất đến tinh thần, Thầy không giữ niềm vui cho riêng mình mà đem chia sẻ cho mọi người cùng được lợi lạc.

Buổi chiều, Thầy chống gậy xuống Viên Phước, đây là thời gian Thầy dành cho chư ni thưa hỏi đạo lý. Dùng chút sữa chiêu, Thầy hỏi thăm sự tu học của ni chúng, rồi tùy vào chỗ thưa thỉnh mà nhắc nhở, chỉ dạy thêm trong công phu thiền tọa. Niềm vui nhân đôi, khi cùng được quây quần bên vũng Thầy, được nghe Thầy động viên răn dạy. Như trẻ thơ nún bóng mẹ hiền, chị em vui

cười ríu rít, cảm nhận niềm hạnh phúc bình an lan tỏa. Bóng chiêu dần tắt, Thầy lại chống gậy theo đường Thạch Đầu trở về trượng thắt nghỉ ngơi. Bóng áo vàng ung dung trong hoàng hôn đồi núi, nhẹ nhàng như làn gió thoảng, không vương vấn không bận lòng.

Tâm từ của Thầy đã thể, hạnh kham nhẫn và ý chí bền bỉ của Thầy lại càng đáng nể phục. Vào giai đoạn đó, đường lối tu học của Thầy là một sự bứt phá khác hẳn đương thời. Nhằm làm sáng tỏ đường lối tu hành cho tăng ni và minh chứng cho việc làm của mình không khác Phật tổ, Thầy ngày đêm miệt mài nghiên cứu Tam tạng, dịch thuật Thiền sử... để làm tư liệu cho thiền sinh tu học và lưu lại cho người sau hiểu rõ lời Phật ý Tổ, mà hành trì theo bước Như Lai.

Khi làm thị giả hầu Thầy, con học được rất nhiều từ thân giáo của Thầy, con chưa bao giờ thấy vẻ hấp tấp hay lo lắng hiện trên gương mặt Thầy. Thầy rất nhiều việc, với trách nhiệm Viện chủ chăm lo đời sống và hướng dẫn tăng ni tu học tại các Thiền viện, nhưng Thầy luôn đặt công phu lên hàng đầu, dù bằng cách mấy Thầy vẫn không bỏ một thời thiền nào. Thầy thường dạy, chõi thiết yếu tu hành là biết trở về chính mình. Ngay khi không phải thời khóa, Thầy cũng để tâm vào pháp hành, không cho lơi lỏng. Thầy nói, phải tu trong mọi lúc mọi nơi chứ không phải đợi lên bồ đoàn mới tu. Thầy đã khẳng định rõ ràng, mục đích tu là để thoát ly sanh tử. Thế nên, suốt một đời Thầy chỉ chuyên tâm tu thiền và nghiêm trì giới luật thanh tịnh. Thầy thường dạy chúng, ngay khi không khởi niệm, đó là giữ giới thanh tịnh. Với nguyện lực và bi lực mà ngày nay, sự hoằng pháp của Thầy đã lan rộng khắp nơi, từ trong nước cho đến hải ngoại. Nguồn tuệ giác đó trở thành suối pháp an lạc tuôn chảy qua bao thế hệ, mà trong đó có chúng con, tăng ni Phật tử ở bốn phương trời cùng nương về tu học, cùng thực hành lời Phật dạy.

Thầy, một đời sống có mục tiêu và lý tưởng rõ ràng. Mục tiêu của Thầy là giải thoát, lý tưởng của Thầy là hoằng pháp độ sanh. Thầy chủ trương là một tu sĩ Việt Nam thì phải phát huy được tinh ba của Phật giáo Việt Nam, mà muốn phát triển Phật giáo Việt Nam thì phải dùng phương ngữ để giáo hóa

nhân sinh, nên Thầy đã Việt hóa kinh sách để cho tăng ni Phật tử dễ hiểu. Song song đó, lần theo dấu vết Tổ sư, Thầy đã lặn lội tìm về chốn Tổ, khôi phục lại dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử, một dòng Thiền riêng biệt của Phật giáo Việt Nam, do ngài Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông sáng lập.

Ngày nay Thầy gần trăm tuổi, huynh đệ con ai cũng bạc đầu. Vậy mà mỗi khi cùng nhau về thăm Thầy, được xúm xít bên Thầy, chúng con dường như quên đi tuổi tác, vẫn nhỏ dại hồn nhiên an yên bên Thầy, bậc Thầy khả kính của chúng con.

Ân đức của Thầy cao vời vợi mà ngôn từ thì hạn hẹp không thể nào nói hết được, chúng con chỉ biết kính cẩn cúi mình quỳ dưới chân Thầy với trọn lòng quý kính. Nguyện mười phương chư Phật gia hộ cho Thầy luôn mạnh khỏe, trụ thế lâu dài lợi lạc quần sanh, trí rạng ngời, từ quang chiếu rọi muôn nơi. Dù trong cuộc sống còn nhiều bận rộn, nhưng con luôn nhớ lời Thầy dạy, mọi thời mọi lúc đều là công phu, quay lại chính mình không để sáu trần chi phối thì cái biết hiện tiền. Con nguyện nương theo phước duyên lành này, quyết tiến tu cho đến bao giờ thành Phật mới thôi.

Cung kính đảnh lễ Thầy!

Cúi lạy Ân sư, dạ chí thành,
Đời Thầy truyền dạy rạng sủ xanh.
Dòng Thiền nước Việt
khơi nguồn mạch,
Tuôn chảy muôn nơi được mát lành.

Cúi lạy Ân sư, đức sáng ngời,
Pháp lành chan rải khắp muôn nơi.
Người nghe thấu lý tâm khai mở,
Phiền não xa rời được thảm thoái.

Cúi lạy Ân sư, bi trí đầy,
Lòng từ búa rộng khắp đông tây.
Chỉ thảng tâm người nhận được tánh,
Phật chẳng tìm đâu, tại nơi này.
Cúi lạy Ân sư, kính nguyện Thầy
Tứ đại nhu hòa trụ mãi đây.
Bi trí sáng ngời từ quang chiếu
Lợi lạc quần sanh, hạnh nguyện Thầy.
Cúi lạy Ân sư, nguyện đời đời,
Theo Người học đạo chẳng buông lời.
Tự lợi, lợi tha đều viên mãn,
Niết-bàn đạo quả quyết đến nơi.

THIỀN VIỆN TRONG TÔI

Như Đức

Khi tôi về tới cổng thiền viện đã bảy giờ tối. Đại chúng vừa xong thời sám hối, những bóng y vàng thoảng đi về liêu phong, khoác theo bên mình một chút tĩnh mặc. Tôi hít thở nhẹ, buông xuống tất cả xôn xao của đoạn đường giong ruổi. Nằm nghỉ một chút xíu, tiếng chuông báo hiệu thời tọa thiền, mọi người im lặng đem bộ đoàn tọa cụ lên thiền đường. Khung cảnh ban đêm của thiền viện có một chút tự do vì không bị làm việc gấp. Đó là thời khắc tĩnh tọa rất cần thiết để nạp năng lượng. Tôi rất quý trọng giờ tọa thiền buổi tối, buổi khuya. Hiểu rằng chư Phật chư Tổ thiết lập giờ giấc của đêm có lý do xua tan buồn ngủ, để trí yên lặng trong khuôn khổ thời khóa. Tiếng hô thiền ngân vang:

*Canh một nghiêm trang ngồi tĩnh tu
Tinh thần tịch chiếu đồng thái hu.*

Bài hô canh một, bản dịch của Hòa thượng theo Thiếu Thất Lục Môn, đưa về một thời Tổ sư nghiêm hùng như núi. Ánh mắt chiếu soi dũ dội, không nhân nhượng từ bi. Để làm gì? Anh hãy buông xuống những do dự vẫn vơ làm mệt nhoài một đời. Bài kệ của ngài Tịch Thiên cũng nói:

*Khi không - có hết khởi lên
Trong tâm vắng lặng một miền bao la
Không còn duyên pháp gần xa
Chúng nên cảnh giới rất là tịch nhiên.*

Hai câu tiếp theo hơi nhanh, nhắc nhở ngừng lặng mọi tìm kiếm:

*Muôn kiếp đến nay chẳng sanh diệt
Đâu cần sanh diệt, diệt gì ư?*

Chuông đỗ hồi chấm dứt một đoạn kệ. Trong sanh diệt tiếp nối có tính lắng nghe thường trụ. Đêm đã xuống trong vùng quê không đèn vàng mờ ảo, không rộn ràng xa mă. Chòm cây đêm hơi phất phơ gió nhẹ, hương ngọc lan thoảng như một lời thì thầm. Chim cũng im bặt, giấu mình trong vòm lá kín. Chút cỏ rối bao ngày dịu dàng phủ xanh miền đất.

Gãm xem các pháp đều như huyền

Bản tánh tự không đâu dụng trù.

Giọng hô thiền tiếp tục, vừa ngân theo nhịp chuông trước chậm, sau mau rồi dứt. Tôi có thể đoán ra hôm nay ai hô chuông, bao năm ở trong chúng vẫn hăng nghe quen. Có người vừa hô kệ vừa đánh chuông nhịp nhàng, có người phải mượn phụ tá đánh giùm hồi chuông cho phù hợp với dòng kệ và tiếng ngân. Có thể giọng hô đã dứt mà chuông vẫn điềm dài. Vì lớn tuổi, dùi chuông thì nặng, đã cố gắng lên giọng thì không đủ sức đỗ chuông cho đẹp. May là có mic và loa tiếp sức để âm thanh vang xa. Không gian tĩnh mịch nhuộm đầy âm thanh thiền. Các pháp như huyền mộng, có lao xao đi qua đi lại rồi cũng rơi rụng, mất hút.

Nếu biết tâm tánh không tướng mạo

Lặng yên chẳng động tự như như.

Một hồi chuông kết thúc, như thường lệ, tiếng niệm Phật cung kính, tiếng đáp đồng vang lên từ thiền đường “Nam-mô Phật Bổn sư Thích-ca-mâu-ni”. Tôi luôn luôn yêu thích ba hồi niệm Phật, dị khẩu đồng âm. Tất cả đại chúng đang ngồi rất yên. Đêm phủ xuống màu đen thắm. Không gian rất tĩnh, rất từ bi với từng dáng ngồi ngay thẳng, trầm mặc, tự mỗi người trở về với chính mình. Trước tiên là không động thân khẩu, tay chân xếp đúng mực trên bô đoàn. Tâm sẽ lang thang vòng vo, có thể bay bổng trời phương ngoại, hay đôi lúc mơ hồ ngủ quên. Hôn trầm, vọng tưởng là hai bệnh thường xuyên. Nhưng được ngồi yên với chính mình cũng là nhân duyên lớn. Buổi đầu tập ngồi với thân tâm, con đường tu thiền là ngồi yên, đến một lúc mình và cảnh tự như.

Ban đêm là thời khắc nguy hiểm, mọi thứ chung quanh đen như mực. Có những hoạt động mờ ám rình rập. Sẽ có những sa sút lạc lối, tâm hoang dang như khỉ vượn tha hồ hoạt động. Phải có sự canh chừng, tinh thức, sợi dây thiền tọa làm khuôn phép mẫu mực, mấy tên khỉ con có leo trèo thế nào đi nữa cũng không ra khỏi vòng rào kiểm soát.

Lời huấn thị của Hòa thượng, ngữ lục, sách tấn của Tổ sư luôn đưa chúng tôi về. Con đường được soi sáng, tự tâm mình phải thắp lên, xuyên thấu vọng tưởng, tự điều chỉnh. Như lời thiền sư Cư Hối, “*Một đời chỉ dạy chỉ để sửa tay chân cho ngay ngắn*”. Theo Hòa thượng học rất nhiều, bao năm cẩn mẫn bên Thầy, cũng chỉ để tay chân xếp nghiêm chỉnh trong giờ thiền. Được như vậy tâm sẽ ngoan phần nào. Từng giờ ngồi thiền đi qua, chiêu tối, sớm khuya cố gắng với chính mình. Nghiêm xét câu:

***Phong đình ba thượng dũng
Lý hiện niệm du xâm.***

*Gió dừng, sóng chưa yên
Lý hiện, niệm vẫn dày.*

Vọng tưởng đến và đi như trò đùa, có một người biết ngồi tĩnh.

Thời đâu khi chúng tôi lên núi học thiền, đặt tên cho Chơn Không là vùng đất hứa. Tuổi trẻ mê truyện Kim Dung, nói lén với nhau Thầy là thiền hạ võ công đệ nhất. Tìm mọi cách thi vị hóa một cõi thiền đã mở ra con đường sống. Ngồi trên xe đò đi Vũng Tàu đã thấy lòng hân hoan. Bước theo con đường dẫn lên tu viện, đặt xuống gánh nặng ưu tư. Cho đến bây giờ mỗi khi đi lại con đường bắt đầu lên dốc, trong tôi vẫn đầy cảm xúc. Các bộ sách thiền, sách Krishnamurti, sách triết hiện đại dẫn chúng tôi đầu quân về với Thầy. Nhưng bước vào cổng tu viện, dừng hòng mang theo một cuốn nhỏ. Chỉ có những giờ học với Thầy, theo chương trình kinh, luận, sử thiền. Thầy giảng dạy với trọn vẹn tấm lòng, dẫn người về quê cũ, trong âm thanh có nắng ấm, trong tiếng cười có sự khinh khoái, xem mọi việc vốn nhẹ như không.

Con đường từ hang Ông Hồ dẫn lên cổng tu viện, qua một đoạn dốc hơi cao, hai bên trông khuynh diệp, lá thuôn dài chao động nhẹ. Gió núi thì lúc nào cũng đầy. Chúng tôi đặt tên là “con đường trăng khuyết”. Vào những ngày có trăng bóng lá in mỏng manh trên đường dốc. Đường lên tu viện trong sáng, mát lạnh và hơi mờ ảo - như thơ:

*Cửa động
Đầu non
Đường lối cũ
Nghìn năm thơ thẩn bóng trăng chơi.*
(Tân Đà)

Hàng tràm hai bên thiền đường, cũng lá khuyết nửa chừng, nhưng chúng tôi không dám vọng tưởng đặt tên vớ vẩn. Nơi đây vừa uy nghiêm, vừa đơn sơ, lặng thinh, hùng lực đến từng gốc cây bờ đá. Vào những ngày Thầy dạy, thỉnh chúng ngồi quanh thiền đường, hoặc ngồi dưới các tán lá tràm chăm chú lắng nghe. Không thể có sự xao lãng, ai cũng sợ tâm tư mình vụt bay nửa chừng. Bài pháp nghe lần đầu rất mới lạ. Những bộ kinh luận có thể chúng tôi từng học ở trường, nhưng lời giảng của Thầy có sự khích lệ tin tưởng, trang kính bỗng trở nên mới. Như hoa từng nở, lá từng thay mầm chồi, mà một hôm thiền sư thấy hoa nở nhận lại chính mình:

*Ba chục năm qua tìm kiếm khách
Bao phen lá rụng lại thay chồi.
Từ khi chợt thấy hoa đào nở
Rõ ràng hiện tại chẳng nghi ngờ.*
(Thiền sư Linh Vân)

Cân lột sạch vọng tưởng che mờ để mắt thấy tai nghe rõ ràng. Thầy dẫn chúng tôi bước vào cửa thiền qua thơ kệ Tổ sư, quen dần các sự tích thi vị. Nhìn Chơn Không bằng con mắt thích thú, nơi nào cũng bay bổng, có thể vì vui nên đôi khi quá đà. Những bông hoa sứ trắng rụng bên đường nhà khách, đám lá điêu bời bời ngổn ngang quanh sân, nét u tịch thanh nhã không làm bận lòng khách đang nằm phơi râu tóc ngủ.

**Hoa lạc gia đồng vị tảo
Điều đê sơn khách du miên.**

*Hoa rụng, trẻ nhà chưa quét
Chim kêu, khách ngủ còn say.*

Thơ thiền Lý Trần đâu thiếu những hình ảnh thi vị. Giá như mình được làm tiểu đồng ở đây. Một thời Chơn Không trôi qua như mộng. Có một cõi cũng đất núi cây rừng, nhưng hình như ở đâu đó trên mây. Không có nhiều kỳ hoa dị thảo, chỉ khi gần tết mấy cây đào rừng nở vương vãi, mây tím chầm chậm trôi qua. Ở bên Thầy, chúng tôi thưa thỉnh những điều vụn vặt. Không biết rằng giờ phút này rất quý. Chỉ vì đám bụi hư vọng thích đùa cợt kẻ sơ cơ.

Một dấu ấn trong đời khó phai. Sau này khi Chơn Không được trả lại đất, Thầy rất vui xây dựng lại, và dạy chúng tôi về Bát Nhã, làm mấy cái thắt để về già có chỗ nghỉ dưỡng. Khí hậu Viên Chiếu không bằng miền biển. Thầy không nói nhiều nhưng chúng tôi hiểu, lòng Thầy luôn quan tâm thương. Nhưng nếu Thầy còn ở Chơn Không, chúng tôi sẽ bon chen về núi, đi lên đi xuống những đoạn đường dốc quanh co, không ngại gì cất tiếng cười vang như thuở nào.

Chúng tôi học bài học mới khi về Viên Chiếu, nếu tính ra thời gian lâu hơn rất nhiều khi ở Bát Nhã. Thầy dạy cách dọn rừng. Đứng trước những gốc cây to sừng sững, cành nhánh chằng chịt, không phải một lúc nhổ lên dễ dàng. Tỉa bớt cành nhánh, đào chặt rẽ bằng, mỗi ngày một ít. Coi chừng mầm chồi mới mọc, hễ thấy cành non phải lặt liền. Thầy lấy đầu gậy khẽ một cái chồi non gần tay, “Đó thấy không! Nó rót liền. Nếu không để ý, lâu ngày khó dọn dẹp.” Chúng tôi nghĩ tới những mầm chồi trong tâm, không biết mặt để canh chừng sẽ có ngày biết tay nhau. Đứa nào cũng hùng hực khí thế, dán chữ tử lên trán, ngữ lục cơ phong viết đầy tập. Vui làm ruộng rẫy vì có Thầy. Mùa lúa đầu tiên, Thầy đi thăm ruộng, chỉ cho chúng tôi thấy

nhành lúa cong gọi là cong trái me, sắp chín. Khi lúa chín, những hạt già bắt đầu cuộn xuống, gọi là lúa đở đuôi, chúng tôi trầm trồ trước bài học về ruộng đồng. Ngày gặt, Thầy đến rất sớm, chúng tôi sắp hàng theo Thầy ra ruộng. Thầy một tay cầm liềm, một tay đỡ những cọng lúa chín, chỉ cách gặt gọn gàng nhanh nhẹn. Ruộng lúa mùa, bông lúa nằm ngả nghiêng không thứ lớp, phải biết lựa chiều của cây lúa để cầm, lưỡi liềm hướng vào thân mình, coi chừng đừng cắt nhầm tay.

Mùi lúa, rạ thơm vương vấn, áo Thầy luôn đầm mồ hôi. Bao giờ thị giả cũng chuẩn bị áo để Thầy thay đổi. Thành quả đầu tiên của những ngày xuống đồng, Thầy còn phải nhắc lời Tổ sư, “*Ngày ngày đều gặt hái, giờ giờ kho lâm không*”. Luôn làm việc, thâu hoạch, phát huy tác dụng nhưng không cắt chúa. Bài học của mùa vụ cũng là bài học của đời tu.

Giờ nghỉ giải lao, Thầy ngồi trên chiếc vũng cột giữa hai cây rừng, chúng tôi lót guốc dép ngồi quanh. Một bầy vịt trời đi đâu về, tắm táp rìa lông huyên thuyên dưới con suối nước đở quạch. Chúng tôi cũng huyên thuyên kể chuyện mùa màng, ít khi để Thầy được thong thả nghỉ ngơi. Thầy lại đọc cho nghe thơ kệ thiền sư, một bài học ngắn:

*Một năm xuân trọn một năm xuân
Cỏ nội hoa đồng mấy độ tươi.
Trời sáng không do chuông trống động
Trăng soi đâu bởi khách đi đêm.*

(*Thiền sư Bổn ở Vân Cái*)

Thầy thong thả giải thích. Với người thấy mùa xuân thì đâu đâu cũng là xuân, dù hoa đồng cỏ nội có nở có tàn. (Chúng tôi nhìn quanh rừng Viên Chiểu, cỏ gai và lau sậy rất hoang vu, nhưng không một chút ngán sợ vì có Thầy ngồi kia. Chúng tôi an ổn bên Thầy như có mùa xuân.) Đừng vội đem bản ngã của mình gán vào sự vật, tiếng trống tiếng chuông không phải làm cho trời sáng, trăng sáng tự sáng không phải soi đường cho người đi đêm.

Giọng Thầy an nhiên như không có gì quan trọng, dạy học trên núi, dạy học giữa rừng như nhau. Ngày đó, chúng tôi ghi chép biết bao nhiêu thơ kệ, đêm xuống còn ngồi bên đèn dầu, ghi nhớ lời Thầy để nhận ra phút giây này không dễ gì có trong đời.

Thầy vẫn nói mình như người đi trong rừng, giữa những lối ngang dọc rậm rạp, bất chợt khám phá ra con đường thoát khỏi nguy hiểm. Thầy đường rồi, đáng lẽ một mình trở về nhà nhanh hơn, nhưng thương những người còn loanh quanh chưa biết lối đi, nên trở lại nắm tay để chỉ đường.

Ngày tháng trôi qua như mộng.Ần nửa thế kỷ ở một nơi này. Viên Chiếu thay đổi như mơ, người đến người đi khen tấm tắc, chụp hình góc nào cũng đẹp. Những con chim cu đất, mắt đen loáng nước, thong thả gật gù đi bên chúng tôi khi vắng khách. Đó là người bạn không mời thỉnh. Ban rãy than phiền là gieo hai đợt bắp giống, đều bị lũ chim mổ ăn hết. Nó không sợ gì mình, kể cả khi bị mấy cô cầm trên tay, buông xuống nó lại mổ hạt tiếp. Có biết rằng ân lớn của Hòa thượng bao trùm trên từng tấc đất, nuôi dưỡng lòng thương đến muôn loài.

Những đợt cải lên xanh tốt, nhà bếp ăn không kịp, mấy cô gọi điện cho bạn hàng ngoài chợ. "Có bao nhiêu cô cứ gửi cho con, rau chua trồng người ta thích mua, đem ra là hết liền." Thiết lập mối thân tình quanh hàng xóm, các em thiếu nhi tụ họp mỗi chủ nhật ca hát giõn cười. Có biết trong ly sữa, cái bánh của các em có sự chăm nom của Hòa thượng từ những ngày đầu khai sinh Thiền viện Viên Chiếu.

Thế hệ chúng tôi đã già, lớp đệ tử sau chợt thấy có người mang kiếng lão. Ủa! Mới ngày nào còn thanh niên trẻ mạnh, thế sao tóc chợt đổi màu nhanh vậy? Trong biến thiên có thường tại, vẫn y nhiên tọa thiền dù mưa nắng qua nhanh. Sự tỉnh thức Hòa thượng ân cần trao gởi, chúng tôi nuôi dưỡng cho sự nghiệp chính mình. ■

Mừng Thầy Bách Tuế

Mỗi Khi Thầy Về

Hạnh Huệ

Mỗi khi Thầy về chốn này,
Chúng con mừng chưa hề thấy.
Xùm xít ngồi quanh bên Thầy,
Chúng con cần gì nữa đây?
Tuy rằng chúng con không nói,
Nhưng lòng chúng con rất vui.
Cuộc sống tràn đầy ơn phước,
Chúng con có Thầy trong đời.
Cha mẹ cho con gia tài,
Là mong hạnh phúc tương lai.
Nhưng dù có xài thoải mái,
Nhiều nhất xài trong một đời.
Còn con vốn liếng Thầy cho,
Xài đến muôn đời không hết,
Dù không nòi nào chúa cất,
Chẳng hề đượm chút âu lo.
Tâm này có bao giờ mất,
Gặp đâu xài đó không ngờ.
Cuộc sống tràn đầy ơn phước,
Từ khi có Thầy đến giờ.

Chúng con thường tự dặn mình,
Đừng phụ công Thầy hy sinh,
Chịu biết bao nhiêu cay đắng,
Nhắc nhớ mình bớt vô minh.
Bây giờ con đường Thầy đi,
Là đường mọi người quay về,
Dù muốn dù không cũng phải,
Nhận Thầy là bậc tiên tri.
Dù có bao lời tán tụng,
Cũng không trải hết lòng con,
Kết quả ngày nay có được,
Còn hơn muôn lời ví von.
Nay Thầy đã vừa trăm tuổi,
Thời gian không ngừng đi tới,
Thân thể tuy có yếu già,
Nhưng tâm hồn luôn rất mới.
Chuyện đời có thể dừng đứng,
Nhưng Thầy đã sống hết lòng,
Chúng con nhất tâm xin hứa,
Quyết nối chí Thầy không ngừng.
Mong cho mọi người nhận ra,
Mỗi giây chẳng tìm đâu xa,
Hằng sống với tâm luôn mới,
Với tâm xưa nay không già.
Còn có gì gì thì cũng,
Sẽ như thủy nguyệt không hoa,
Xin được luôn luôn cười mỉm,
Vì đời vốn như thế mà.

TRÍ VÔ SỰ SIÊU VIỆT

Thuần Giác

Hòa thượng tôn sư xuất gia với Sư ông thượng Thiện hạ Hoa và được ngài dạy tu niệm Phật theo Tịnh độ tông. Song, Hòa thượng học kinh, luận, sử... thấy Thái tử Tất-đạt-đa tu Thiền mà được giác ngộ, các vị thánh tăng do tu Thiền mà chứng quả, chư Tổ cũng do tu Thiền mà sáng đạo. Nghi vấn này khiến Hòa thượng suy nghĩ và tìm hiểu tu Thiền. Phải chăng đây là chặng tử nhiều đời của Hòa thượng.

Sau khi vâng lời Sư ông làm một số Phật sự, Hòa thượng thấy phần nào đáp đền ơn giáo dưỡng của Sư ông trong muôn một, nên ngài quyết chí rời Phật học viện ra Vũng Tàu cất thắt chuyên tu. Hành trang đem theo là bộ Đại tạng, để nương kinh, luận, sử mà thực hành. Hòa thượng vào thắt với quyết tâm: “Nếu không sáng đạo quyết không ra thắt”.

Qua thời gian công phu Hòa thượng liều ngộ lý sắc không của Bát-nhã. Sau đó ngài ra thắt dạy tu thiền.

Năm 1971 Hòa thượng lập Tu viện Chơn Không, tuyển chọn mười vị tăng cho nhập chúng tu học chính thức, đa số là các vị xuất thân từ Phật học viện Huệ Nghiêm. Số tăng ni còn lại tuy rất mong được học tu thiền với Hòa thượng, nhưng chỉ được dự thính ở ngoại viện, chờ đến khóa II mới được nhận chính thức.

Suốt ba năm, mười thầy được đào tạo nghiêm túc, vừa học vừa tu. Sau đó Hòa thượng cất thắt trên núi vắng cho các thầy nhập thắt miên mật công phu. Nhờ cắt hết duyên ở một mình không tiếp xúc với ai, nên các thầy “phản quan tự kỷ” chuyên sâu

hơn. Đa số các vị thể ngộ được tâm tông đều ở trong từ trường này. Đây là phần chủ đạo của Tu viện. Hòa thượng rất quan tâm việc này, nên tạo điều kiện tốt tối đa và trực tiếp hướng dẫn sát sao để quý thầy tu được kết quả tốt.

Tháng 04 năm 1975 Tăng ni từ Chơn Không, Bát Nhã xuống Phước Thái, Long Thành để lao động sản xuất, đa số là học trò chẳng ai biết cấy lúa, trồng khoai, tía đậu, đào giếng, phá rừng, lấp suối... Thế mà xuống đây các vị phải làm tất cả và làm việc suốt ngày, có khi phải làm cả ban đêm, ăn uống thì thiếu thốn, thường thì ăn khoai củ, bo bo... Lại ở xa Thầy, giờ học và ngồi thiền rất giới hạn, vì vậy Hòa thượng dùng mọi phương tiện giúp cho tăng ni giữ vững đạo tâm để tu ngay trong khi làm việc. Hòa thượng chỉ dạy tường tận từng chút; có khi phải lội ruộng, qua suối để trực tiếp hướng dẫn đệ tử làm cho kịp thời vụ. Từ tâm vô ngã vị tha, bằng bi trí, Hòa thượng đã vượt qua mọi khó khăn trong việc giáo hóa ở xã hội mới này.

Khi Thiền tông bắt đầu trở lại miền Bắc sau thời gian chiến tranh, thầy Trúc Thông Giác làm việc với các trường Đại học ở Hà Nội, Viện nghiên cứu Hán Nôm... sắp xếp mời Hòa thượng giảng dạy Thiền cho nhân viên, sinh viên, Phật tử ở Thủ đô nghe...

Rồi chùa Sùng Phúc được hiến cho Hòa thượng để có nơi chư tăng tới lui giảng dạy thiền. Hiện tại thiền viện Trúc Lâm Sùng Phúc là cơ sở của Thiền phái Trúc Lâm tại thủ đô Hà Nội, Phật tử tu học rất đông có tới hàng ngàn người. Thầy Thích Tâm Thuần làm trụ trì.

Chùa Lân dưới chân núi Yên Tử ngày xưa có một thời gian ngắn Phật hoàng Trần Nhân Tông tu ở đây, cũng được hiến cho

Hòa thượng. Hòa thượng xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử có quy mô lớn, tầm cỡ di tích quốc gia. Hiện tại có rất nhiều đạo tràng được thành lập và có rất nhiều Phật tử về đây để nghe pháp và tu thiền. Thầy Thích Thông Phương làm trụ trì.

Năm 1994 Hòa thượng xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt cho tăng ni tu vì khí hậu nơi đây mát mẻ, ngồi thiền dễ an tĩnh. Xây dựng xong, Hòa thượng làm lễ khánh thành thiền viện, đối trước tăng ni, chính quyền và Phật tử, Hòa thượng nói lên tâm nguyện khôi phục Phật giáo đời Trần của ngài với những lý do:

Phật hoàng Trần Nhân Tông là người Việt Nam, là một ông vua anh minh tài đức tu thiền sáng đạo, lập ra phái Thiền hoàn toàn độc lập Việt Nam phù hợp với tâm tình, nguyện vọng, phong tục tập quán của người Việt. Nhờ thế mà Phật pháp dễ đi vào lòng người, nhất là không bị ảnh hưởng phong tục tập quán của người Hoa, người Án.

Nâng cao giá trị người tu Phật hiện nay, dẹp tan ý niệm sai lầm đánh giá đạo Phật quá thấp. Nếu đạo Phật dung thường, người tu ẩn dương nương Phật thì sao vua Trần Nhân Tông là một ông vua anh minh sáng suốt, dám bỏ ngôi vua để tu theo Phật và được ngộ đạo thành bậc Thánh tăng.

Thiền Trúc Lâm đơn giản thực tế dễ thực hành đối với tất cả mọi người từ vua quan đến thứ dân ai cũng tu học được. Ngài dạy, “Tâm mê là chúng sanh, tâm giác là Phật”. Ngay nơi tâm mình khéo trừ nhân ngã, dứt tham sân si thì tâm thanh tịnh sáng suốt hiện tiền, tâm này là tâm Phật của chính mình, thật đơn giản và thực tế. Tích cực hơn, đường đường là một ông vua tài đức, anh minh, trước đã bỏ ngôi vua đi tu, giờ đây lại đi vào nhân gian tiếp cận với dân dã để dạy họ xả bỏ mê tín dị đoan hướng tâm

đến chánh tín, giữ năm giới không tạo nghiệp bất thiện mà tạo nghiệp lành bằng cách tu thập thiện giúp người chuyển khổ thành vui, chuyển phàm tục mê tối thành thánh hiền sáng suốt. Nhất là thiền Trúc Lâm tích cực sử dụng tinh thần khế lý khế cơ của đạo Phật giúp vua quan lão thứ dân sống nhịp nhàng ngay nơi hoàn cảnh hiện tại của đất nước rất thành công.

Sau khi xây dựng chùa Lan - thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, ngày 01 tháng 11 âm lịch là ngày viên tịch của Phật hoàng Trần Nhân Tông, Hòa thượng làm lễ tưởng niệm để nhớ ơn. Rồi năm nào tăng ni Phật tử thuộc Thiền phái Trúc Lâm đều về đây để dự lễ. Và bây giờ vào ngày này các Ban trị sự giáo hội Phật giáo tỉnh trong cả nước đều trân trọng làm lễ tưởng niệm vị minh quân an dân trị nước và giữ nước lối lạc trong lịch sử nước nhà, một Thiền sư vĩ đại tu ngộ đạo, lập ra phái Thiền độc lập Việt Nam, phù hợp với tâm tình cẩn cõi người Việt tu học lợi ích rất thiết thực.

Qua hành trạng của Hòa thượng, ngài tu thiền không Thầy chỉ dạy, nhưng quyết tâm tu, quên mình vì đạo nên tâm đạo của Hòa thượng tự sáng ra thấu suốt được LÊ THẬT. Từ trí vô sự, ngài đã xử lý bao nhiêu sự việc, từ nuôi dạy đồ chúng xuất gia đến giáo hóa Phật tử tại gia vững lòng tin với thiền, có được niềm vui trong công phu tu tập. Đáng kể là vượt qua mọi thách thức trở ngại của xã hội khó khăn một cách nhẹ nhàng hòa vui. Ngai khôi phục lại Phật giáo đời Trần dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử mấy trăm năm bị phai mờ. Các thiền viện được xây dựng và hướng dẫn tu thiền rất tốt, chư tăng ni có năng lực tu học sâu xa vững vàng, giáo hóa Phật tử hướng về tu tập, mang lại phúc lành cho xã hội. Từ trí vô sự của Hòa thượng chủ đạo nên tất cả đều hoàn mĩ tốt đẹp. ■

Con xin cảm niệm ởn Thầy

Tinh dâng Thầy

Con xin cảm niệm ởn Thầy,
Thầy đã dạy con cách thở
Điều hòa hơi thở ra vào
Một vào tân hồn mát mẻ
Thở ra phèn nǎo nhẹ dần.

Con xin cảm niệm ởn Thầy
Thầy đã dạy con cách sống
Tự bi hỷ xả bao dung
Tháp minh ăn cần giúp đỡ
Thương yêu tất cả mọi người.

Con xin cảm niệm ởn Thầy
Thầy đã dạy con nhẫn nhục
Quốc cảnh trái ác nghịch lồng
Binh tâm gìn long không giàm
Cảm tử trái rồng mộng mộng.

Con xin cảm niệm ơn Thầy

Thầy dạy con thường tinh giác
Luôn luôn xét thấy lỗi mình
Thân thành ăn năn sám hối
Ngưỡng cầu chư Phật chứng minh.

Con xin cảm niệm ơn Thầy

Thầy đã khuyên con tu ái
Thương yêu dù đã kể thu
Vì ai cũng là quyền thuộc
Trải qua bao kiếp trầm luân.

Con xin cảm niệm ơn Thầy

Thầy đã dạy con tinh tấn
Phải luôn nỗ lực hành trì
Chờ đê tháng ngày luồng nắng
Trôi qua không lời ích giò.

Con xin cảm niệm ơn Thầy

Thầy đã dạy con chánh niệm
Chờ đê tâm ý buông lung
Đảm nhiệm tần gian tinh sắc
Quên mất bản lâm nhà mình.

Con xin cảm niệm ơn Thầy

Thầy đã dạy con buông xả
Không còn mang nặng cái ta
Luôn tại Tịnh Kinh Bát Nhã
Làm hành trang đến quê nhà.

Con xin cảm niêm ôn Thầy

Thầy đã dạy con luôn nhớ
Ôn sâu Tam Bảo, ôn Thầy
Ôn của mẹ cha, tín thi
Công ôn khắp cả mày người.

Con xin cảm niêm ôn Thầy

Thầy đã dạy con đừng vong
Cố về Bàn thề chôn lâm
Không chạy theo bao cuồng vong
Trần gian huyền mong vui gi?

Con xin cảm niêm ôn Thầy

Thầy đã dạy con Dao lý
Song sas cho vẹn nghĩa tình
Chó tranh hòn thua phải quay
Tình taon chí nghi đến minh.

Con xin cảm niêm ôn Thầy

Suốt cả một đời lâm lụy
Đãy công khai phục Chiết lồng
Mang đến niềm tin vững chắc
Biết rằng Phật ở nơi kâm.

Con xin cảm niêm ôn Thầy

Bao năm hoằng truyền chánh pháp
Pháp âm lan khắp gần xa
Phó Thầy muốn người giác linh
Mừng vui lòng thấy quê nhà.

Con xin cảm niệm ơn Thầy
Quy biết rõ thường sẽ đến
Thầy và thế nhân Cảnh Không
Ma sao lòng con triu nặng
Nỗi buồn sau thảm mênh mông.

Con xin cảm niệm ơn Thầy
Giờ con chỉ biết vâng theo
Lời vâng lời sứ chỉ dạy
Trái bao năm tháng để lòng
Đem hết tâm thành tu học
Phung sự, đèn dầu ơn Thầy
Mong Thầy từ bi chứng giám
Con nguyện kiếp kiếp đời đời
Chỉ lui không hề lay chuyển
Kiếp nỗi theo bước chân Thầy
Cho đến cuối đường giác ngộ.

Kính lạy Thầy,
Để lui Chuẩn Tội
T.V. HUỆ CHIỀU

THEO CHÂN THÂY

Hạnh Diệu

Năm tháng lạnh lùng dần qua như dòng sông mãi trôi về biển cả. Người lái đò năm nào vẫn mải miết chèo thuyền đưa khách sang sông. Bao lượt khách đã lên thuyền xuồng bến, có người còn nhớ nhân duyên một thuở trở về thăm lại chốn xưa, có người vẫn còn tha phượng quen đi những năm tháng khốn khó đã được Người đưa tay chỉ đường dắt lối. Bến cũ người xưa còn đó, hoặc đã một thời như sư tử hống gầm vang hoặc giờ lặng im như Thánh, dù ứng hiện cách nào bằng mọi phương tiện Người vẫn thầm lặng trợ duyên cho những kẻ lang thang biết đường về lại cố hương. Sức giáo hóa của Người mãi luôn lan tỏa khắp nơi.

Con là một trong những người khách phong trần được Thầy dày công chỉ dạy cách tự chèo chống tự bơi lội, hoàn thiện bản thân, lướt qua mọi cơn sóng gió để về lại bến bờ, sống một đời có ý nghĩa. Thầy không nắm tay dùi dắt con trên con đường trải gấm thêu hoa mà luôn tập cho con đi những nơi đầy gai góc sỏi đá, một mình phấn đấu một mình vượt qua, để có lúc mệt quá con phải thầm than “Đường tu của mình sao mà khổ vậy!” Và con đã cố gắng rất nhiều để không bị gục ngã, để mỗi ngày mỗi kiên cường mỗi vững tiến.

“Nam nhi tự hữu xung thiên chí”. Đó là ý chí trượng phu của các bậc cổ nhân, bình sanh đã tự khám phá bản thân, khai mở chí cao khoát nghiêng trời lở đất, bước đi vững vàng phẳng phẳng trên con đường gập ghềnh. Tùy duyên đến tùy duyên đi mà không xa rời bản ý Phật tổ, như gà lạnh lên cây vịt lạnh xuống nước. Thầy đã rèn luyện chúng con ý chí hướng thượng mạnh mẽ như vậy đó.

Tuy nhiên, dù có chí đội trời đến đâu thì hành trình cũng không thể xa rời mặt đất. Con người qua lại chốn nhân gian đều phải tùy thuận các pháp

nhân duyên. Nhân duyên đã chi phối muôn loài muôn vật cả hai đường thuận nghịch. Nhân duyên có muôn màu muôn vẻ, thiên hình vạn trạng, quá khứ vị lai trùng trùng điệp điệp, không có trí tuệ như Phật tổ thì không thể biết hết được. Chỉ nhìn hiện tại của mỗi đời người để biết được ít nhiều nhân duyên từ quá khứ, vậy thôi.

Nhân duyên con đến với đạo Phật, gặp được Thầy không nhiều cung không ít, vừa đủ để trở thành thăng duyên. Sau khi ba con bệnh nặng qua đời, trong lúc đau buồn, con được một chị bạn đưa cho quyển sách “Vài Văn Đề Phật Pháp” của Thầy. Duyên xưa gặp lại, đọc xong con như được bừng sáng thấy rõ đường đi của mình, nên dù chưa được phép con cũng thầm tự nhận mình là đệ tử của Thầy. Từ đó ấy, trong con có cái gì đó luôn thôi thúc nên quyết tâm lên đường đi tìm minh sư.

Vào những năm 1976-1977, ở quê con rất hiếm người biết đạo nên cũng ít ai biết Thầy. Nhờ duyên lành đưa lối, con được gặp một sư cô trước đã từng tu học ở tu viện Bát Nhã trên núi Tương Kỳ. Được sư cô khuyến khích, hai chị em con lặn lội đường xa tìm đến tu viện Chơn Không để được quy y với Thầy, để được thấy được nghe những điều xưa giờ chưa từng được thấy nghe.

Sau lễ quy y, hai chị em con lên đảnh lễ Thầy. Lúc đó, Thầy đang ngồi trên tảng đá to trước thất, vừa gặp chúng con, Thầy liền hỏi: “Tụi con đi đâu? Đi xin xuất gia phải không?” Con lặng người, thầm nghĩ “Chắc Thầy có thân thông nên biết được ý mình”. Quả là chúng con đang có ý định này nên khi nghe Thầy hỏi vậy liền “Dạ!” Thầy hỏi thăm gia cảnh, được biết gia đình con đạo Cao Đài, Thầy bảo “Trước Thầy cũng theo đạo Cao Đài.” Nghe vậy con cũng yên tâm, không còn mặc cảm mình là người ngoại giá, không biết có tu Phật được không. Cũng trong lần này Thầy đã hứa sẽ cho chúng con xuất gia, khi nào Thầy lập một thiền viện mới, chúng con sẽ là những người chúng đầu tiên ở đó. Tuy không biết ắt giáp gì nhưng con vẫn luôn tin vào lời hứa đó.

Sau lễ giỗ của Sư ông Viện trưởng ở Phước Hậu, Thầy về thăm thiền viện Sơn Thắng, chúng con được theo cùng. Thầy đã gọi chúng con lên phòng khách, giới thiệu quý ni trưởng trong Ban điều hành thiền viện mới, được đặt tên là thiền viện Linh Chiếu và ấn định ngày mùng tám tháng tư năm sau sẽ cho chúng con xuất gia.

Sau lễ xuất gia ở Chơn Không, Thầy dạy ba huynh đệ chúng con - xuống thiền viện Linh Chiếu nhập chúng tu học. Ni trưởng thị giả hỏi: "Sao gấp vậy Thầy?" Thầy bảo: "Xuống phụ người ta xây dựng." Thế là chúng con khăn gói quả mướp xuống núi, bắt đầu cuộc sống của một thiền sinh chân lấm tay bùn, bắt đầu một cuộc hành trình mới đầy gian nan nhưng cũng lấp điệu thú vị: lúc bắt đầu chính là lúc trở về.

Kể từ khi con được xuất gia, được theo chân Thầy, tuy vất vả nhưng luôn hoan hỷ trong biển pháp mênh mông như người đang khát mà được uống nước trong mát vậy. Để rồi từng lúc hạt giống lành vô thuỷ nở con từ từ bén đất nảy mầm, mỗi ngày đượm nhuần thay da đổi thịt thành con người mới tinh khôi. Cứ như vậy, con âm thầm lặng lẽ theo chân Thầy, mặc nhiên không một chút suy nghĩ đắn đo.

Những tháng ngày tu học ở thiền viện Linh Chiếu là thời gian tôi luyện. Thầy đã không xem chúng con là nữ nhi thường tình mà mài giũa theo kiểu nam nhi chí, việc gì cũng phải tự lập tự làm. Ngay như việc cất nhà mà chỉ nhờ thợ dựng kèo cột, khung sườn còn phên vách thì chúng ni trẻ phải tự mày mò chè tre đóng nẹp, rồi đập đất trộn rơm để trét. Công việc dưới đất thì không nói gì, đến chuyện lợp nhà cũng phải tự lợp lấy mới là đáng nể. Lần đầu ngồi vắt vẻo trên nóc nhà có những cây đòn tay làm bằng tre, nhìn cảnh chênh vênh giữa trời mây không nơi nương tựa đó con vừa run vừa sợ, nhưng cũng nảy sanh chút khí tự hào "Kia đã là trượng phu thì ta đây cũng vậy" có gì phải sợ. Lần hồi, huynh đệ con đã thành những tay thợ khéo lão luyện, lợp nhà, làm vách nhuần nhuyễn hết ngôi nhà này đến ngôi nhà khác trong khu thiền viện mới.



Không phải làm việc gì Thầy cũng chỉ dạy cặn kẽ, có khi Thầy bảo làm nhưng cách làm thì phải tự học tập, tự tìm cách, sao cho có kết quả là được. Những ni trê vừa mới quăng cây bút, cạo tóc vào chùa liền phải đâm đương gánh vác những công việc xưa nay chưa từng biết. Con đúng là điếc không sợ súng, nên liên tục nhận vai trưởng ban ruộng, trưởng ban vườn, ban tiêu, ban nho, công việc nào với con cũng lạ lẫm, cũng bắt đầu bằng số không. Vậy nên kết quả khi được khi thất, không có gì chắc chắn, vậy mà cũng phải ráng làm, chứ không dám bỏ cuộc. Thầy đã lập ra trận pháp và bắt chúng con muôn sinh tồn thì phải tự tìm cách phá giải. Trận chiến sanh tử nếu không có đủ ý chí, nghị lực, trí tuệ sắc bén thì làm sao để đối địch? Thầy là vậy đó, một vai gánh vác trọng trách trông người, biến kẻ ngu thành người trí, luyện kẻ yếu hèn thành dũng sĩ lâm trận bất bại. Chúng con luôn biết ân Thầy đã cho chúng con dũng khí ngất trời, dám liều mình chiến đấu với bọn ma sanh tử mà chỉ được quyền thắng chứ không được thua.

Lúc con làm trưởng ruộng, biết con chưa rành công việc, Thầy chỉ dạy bước đầu cho đỡ bỡ ngỡ, còn những công đoạn sau đó con phải ra đồng học các nhà nông mọi thứ từ cuốc lật đất, vô nước, rồi thay sức trâu kéo cào bừa đất cho bằng phẳng để cấy lúa, cấy rồi phải chăm bón thế nào cho có kết quả. Lúc đó con lờ ngớ không có chút kiến thức gì về ruộng vườn, những công việc có thể rất tầm thường với người khác nhưng với con thật

là chẳng dễ, nhưng cũng không hiểu tại sao Thầy bảo con làm mà con lại dám làm. Tuy có lo lắng, sợ mình không kham nổi nhưng con cũng không có can đảm chối từ. Vậy nên con luôn tự nhắc nhở “Cố gắng đừng để Thầy thất vọng”. Có lẽ cả đời con đều sống chết với điều “Không để Thầy thất vọng”, không chỉ về mặt làm việc mà luôn cả phần tu, học của mình.

Hết làm ruộng Thầy bảo làm vườn, con cũng mặc nhiên vâng làm mà không có chút thắc mắc hay do dự. Mọi thứ cũng được bắt đầu từ không. Đầu tiên là không biết làm, sau đó lại phải học cách. Thầy ở Chơn Không thi thoảng gửi các hạt giống nhãn, măng cầu dai, vú sữa... cho con trồng. Cứ vậy lần hồi cũng có được khu vườn với nhiều loại cây trái. Vườn tạm ổn, Thầy bảo giao cho huynh đệ khác, con lại bươn chải với vườn nho, vườn tiêu cho tới ngày Thầy đặc cách cho lên chức Giáo thọ, con mới hết những ngày tháng lên bờ xuống ruộng, nếm đủ mùi thành công thì ít mà thất bại thì có thừa.

Đi tu, làm đệ tử Thầy là phúc duyên lớn nhất của đời con. Ở bên Thầy, con luôn được thử thách bản thân. Có thể những công việc được Thầy giao phó, con đã làm hết sức, cống hiến hết mình đó hiện giờ đã không còn chút dấu vết gì, nhưng những kinh nghiệm rút tia được trong những năm tháng đầy vất vả khó khăn ấy đã đúc thành vốn sống giúp con được vững chãi, kiên cường hơn để có thể làm tròn trách nhiệm của mình. Những cảm xúc chân thành về tình thương, sự che chở của Thầy, mãi đọng lại trong con những nỗi niềm khó tả, khó phai mờ. Tình Thầy thật thiêng liêng cao quý, ân Thầy như trời cao bể rộng, lời quê ý vụng không đủ sức tán dương công đức sâu dày đó.

Muôn lời như một lời đầy chân thật, sâu mênh của Thầy đã thấm dần vào máu thịt những tâm hồn non dại, khiến chúng con buông dần những gánh nặng ưu phiền, những lối lầm quê vụng. Chúng con đã được Thầy dùu dắt từ những bước đi chập chững như vậy, để rồi dần dần như trăng ra khỏi mây, càng ngày càng sáng tỏ con đường tu của mình, để tự đảm đương dám thừa nhận mình là con ông trưởng giả, chấm dứt những ngày tháng nghèo cùng lang thang. Nếu không có Thầy, giờ đây chúng con sẽ luôn bị nǎo phiền thiêu đốt như người ở giữa bầy kiến lửa, đứng yên hay cựa quậy, nhất cử nhất động, loay hoay kiểu gì

cũng đều bị chúng tấn công. Thầy đã hiện thân ở chốn nhân gian này để cứu vớt bao tâm hồn tiêu tụy đầy khổ đau đưa đến bờ giác an vui.

Sau năm 1986, cuộc thế đổi thay Thầy xuống núi rồi về Thường Chiếu cho tới khi lên Trúc Lâm, con có duyên được phụ với ni trưởng làm thị giả Thầy. Những khi Thầy ra Bắc vào Trung giảng hay khi ra nước ngoài, có khi con cũng được theo Thầy. Chứng kiến những nỗi vất vả, tất bật như con thoi chạy tới chạy lui nơi này nơi nọ của Thầy, con đã thầm nghĩ không biết sức nào mà chịu nổi. Con đường hoằng pháp đâu phải lúc nào cũng dễ dàng xuôi thuận, có lúc cũng gặp trở gió nghịch buồm, người thương kẻ ghét, nhìn Thầy con rất đau xót, nhưng Thầy vẫn an nhiên vô úy như chẳng có chuyện gì. Không có trí tuệ và lòng từ bi rộng lớn thì làm sao kham nhẫn trước những cơn sóng to gió lớn trong biển trần mênh mông này. Ở bên Thầy, con thấy mình thật tầm thường bé bỏng như con ốc khờ dại giữa lòng đại dương. Con cứ học học mãi nơi Thầy mà vẫn chưa hoàn thành bài học, Thầy ạ!

Khi Thầy thành lập thiền viện Trúc Lâm, Thầy dạy con phụ với ni trưởng công việc điều hành Nội viện ni. Đối trước một trọng trách như vậy, con biết mình còn nhiều thiếu sót chưa đủ sức đảm đương, nên đã nhiều lần từ chối nhưng thấy Thầy không vui con lại phải cố gắng nhắm mắt đưa chân vội. Những ngày đầu thật gian khổ, chúng con vừa lo xây dựng cơ sở, vừa lo điều chúng theo đúng Thanh quy, quả thật quá khó khăn. Có những lúc nản lòng con xin rút lui, Thầy động viên “Đất càng khô cây càng cứng, gian nan đó không phải làm khó ta mà chính là trợ giúp cho ta vậy”. Tôn trọng quý kính Thầy, con lại phải tiếp tục ráng nuốt cho trôi bài học thật khó này.

Ngày tháng dần trôi, mọi việc trong Nội viện ni cũng tạm đi vào quỹ đạo, Thầy lại giao cho chúng con những trách nhiệm khác, con lại phải tất tả đi làm nhiệm vụ mới. Làm Phật sự ở xứ lạ quê người, xa thầy tổ, đơn thân độc mã không có đại chúng trợ giúp, lại thêm có nhiều người chưa hiểu, chưa thông cảm với mình nên công việc càng vất vả gấp nhiều lần. Đã vậy còn có lăm le điều dị nghị, đàm tiếu, có miệng mà chẳng thể nói nên lời, nhưng Thầy vẫn tin con, khích lệ con phải hoàn thành công tác Thầy đã giao phó,

rồi mọi việc sẽ qua, đó cũng là tu hành. Với Thầy công việc không chỉ đơn thuần là việc mà thông qua đó phải học cách tùy duyên, mài giũa tập khí, trui rèn ý chí, kham nhẫn chịu đựng để từ cục đất sét vô dụng nỡi chốn bùn lầy trở thành pho tượng xinh đẹp hữu dụng, được bao người kính trọng. Con luôn thầm biết ân Thầy vì những điều đó. Cho dù bao người quay lưng lại với con, chỉ cần Thầy tin con là đủ, vì năng lượng đó là chất liệu an bình giúp con tăng thêm sức mạnh để tiếp tục kiên trì. Con đã từng hỏi Thầy “Sao đường đi của con lại nhiều gian truân vậy?”, Thầy nói nhẹ nhàng: “Vậy mới thuộc bài kinh Bát-nhã”. Như bao lần khác con lại mặc nhiên chấp nhận cái duyên khổ của mình và tiếp tục bước đi khập khiêng trong những khó khăn mới. Để rồi trong cái khó ló cái khôn, con đã thu lượm được nhiều hoa trái đẹp để một đời sống được với hai chữ “thanh nhàn”.

Các huynh đệ được Thầy giao trọng trách thường nói đùa: “Thầy đẩy thuyền ra khơi, để mình phải tìm cách chèo chống, ai chống không nổi thì bị chết chìm ráng chịu”. Vậy nên ai không muốn chết chìm đều phải tập bơi và cố gắng chèo. Đó cũng không khác cách “Ăn trộm dạy con” của chư Tổ ngày xưa. Nhờ vậy mà huynh đệ chúng con được lớn khôn thành người hữu ích và có thể phần nào thay nhọc cho Thầy.

Thầy thường nói “cây trái sai, cành dẽ gãy”. Con như đọc được sự mệt mỏi và đuối sức trong câu nói đó. Nhưng con thiển nghĩ Thầy tuy nhiều trái nhưng cành rất vững chắc và trái rất đẹp. Hổ phụ sanh hổ tử, sau Thầy các đại huynh, đại tỷ đã kế thừa hạnh nguyện của Thầy một cách xuất sắc. Riêng con không có chí lớn, không làm được điều gì nổi trội như chư huynh đệ của mình, chỉ thầm lặng bước theo chân Thầy, tùy duyên làm những điều cần làm, làm một người tu bình thường cơm cháo, để mỗi ngày được sống là chính mình, với con vậy là quá đủ. Nếu là ngày xưa, nghe con nói vậy chắc Thầy sẽ quở con một trận: “Tre già măng mọc. Tre già măng chưa mọc thì lấy ai để kế thừa, mầm rang giống chín!”

Mỗi lần nhìn tấm biển “Đức hóa lưu phuơng” trước cửa nhà Tổ, con thật chạnh lòng. Con biết Thầy đã gửi gắm trong đó bao nhiêu kỳ vọng

nơi những mòn đồi của mình. Nên luôn tự hỏi mình đã làm được gì cho đạo, cho chúng sanh để xứng đáng là đệ tử của Thầy. Thật là hổ thẹn! Công đức pháp hóa của Thầy quá rộng lớn, duyên độ sanh của Thầy cũng trải khắp, chúng con chưa thể sánh muôn một. Cho dù năm tháng có làm cho từ đại Thầy mòn mỏi nhưng hạnh nguyện thấp sáng ngọn đèn thiền, đưa người sang bờ giác của Thầy chưa từng nhạt phai. Tấm gương sáng đó luôn soi rọi, tăng sức cho con những lúc quá mệt vì vòng xoáy cuộc đời.

Những năm tháng đầu ở Trúc Lâm, chúng con cảm thấy rất diễm phúc, vì luôn được tắm mình trong mưa pháp nhũ, luôn được ấm áp trong tình thương che chở của Thầy. Giờ đây non cao phủ đầy sương lạnh, chùa xưa vẫn sừng sững uy nghiêm giữa rừng thông gió reo mây quyện. Cảnh đẹp như tranh, trăm hoa khoe sắc, sơn thanh thủy tú, bầy chim rừng sáng sảng ríu rít gọi nhau, từ đỉnh núi xa mặt trời luôn sớm thức dậy, mỗi ngày tiếp nối mỗi ngày. Nhưng con vẫn thấy thiếu vắng một hình bóng ngày ngày dù nắng hay mưa đâu đội chiếc nón lá rộng vành, chống cây gậy thong dong dạo khắp vườn chùa. Con nhớ như in cây gậy trong tay Thầy giơ lên cao, quơ qua quơ lại thấp thoáng dưới bóng tùng mõi khi chúng con tiễn Thầy về thết. Nhìn dấu hiệu đó, chúng con biết là lúc phải mau chóng quay về nơi chốn của mình. Không biết cây gậy này có giống gậy Văn Môn không, nhưng với chúng con nó hàm chứa bao điều kỳ diệu mà đương nhiên chỉ có cảm chú không thể nói được. Chính cây gậy này đã chỉ ra đầu đường hướng thượng, để chúng con mỗi người tùy sức tự thừa đương.

Ở buổi hoàng hôn của cuộc đời Thầy vẫn luôn hết lòng vì tú chúng, luôn tranh thủ thời gian để hoàn thành tâm nguyện mở ra một trang mới cho dòng thiền Việt Nam, làm sống dậy Thiền tông đời Trần, khơi mạch nguồn ngàn xưa, gợi cho mọi người biết được tài sản vô giá của lịch đại Tổ sư, để soi chiếu tự kỷ nhận ra diện mục xưa nay của mình. Suốt thời gian Thầy ở Trúc Lâm, cho dù thời tiết ẩm lạnh thất thường, dù khỏe mạnh hay ốm đau, thậm chí có những hôm Thầy bị cảm rất nặng chúng con khẩn xin Thầy nghỉ ngơi cho khỏe, Thầy vẫn nhất mực không bỏ buổi giảng nào.

Ngồi nghe Thầy giảng, giọng khàn đục gắt sức, ai nghe cũng xót, thương Thầy thật nhiều nhưng càng kính phục Thầy vì đạo xả thân. Con người ở khoảnh khắc xế chiều, từ đại mệt mỏi rã rời, mấy ai dám quên mình vì người như vậy. Mới trách những kẻ còn sức trẻ mà luôn tính toán lời lỗ thiệt hơn, không dám ra công cống hiến phụng sự.

Trong chúng có một chị được đặt bí danh là “mít ướt”. Mỗi khi nói về Thầy chị đều xúc động rưng rưng. Ngày xưa ở bên Thầy, con chưa hình dung ra khi vắng Thầy những đứa đệ tử của Thầy đều trở thành mít ướt mỗi khi nhớ đến hay nói về ân sư của mình. Có lần huynh đệ ngồi lại bên nhau, kể chuyện xưa kia được ngồi bu quanh Thầy, tíu tíu kể cho Thầy nghe những chuyện trên trời dưới đất, nói nhiều thành quá đà, Thầy kiên nhẫn ngồi nghe một hồi, liền phán hai chữ “tào lao”. Lúc đó nghe Thầy quở vậy cả bọn cùng cười, ngày nay nhắc lại thì cả bọn chúng con đều khóc. Những ngày tháng ấy giờ đã xa rồi, chỉ còn là những ký ức một thời.

Có một Phật tử nói “bây giờ về Trúc Lâm thấy hơi lạnh”. Không lạnh sao được, khi ngày xưa khắp mọi nơi đều có bóng dáng Thầy. Bước chân Thầy đã in đậm trên những con đường cao thấp, bàn tay Thầy vung gậy khắp nơi, gậy tới đâu thì thiên đường hiện tới đó, cây xanh hoa kiểng... thi nhau đua sắc nên nay vắng Thầy sao không lạnh được! Nhưng với con, Thầy luôn hiện diện như chưa từng xa cách. Có lẽ vì chúng con đã từng được uống no dòng sữa pháp ngọt ngào của Thầy. Và giờ đây, mỗi buổi sáng chiều pháp âm Thầy vẫn còn vang vang trên đỉnh Phụng Hoàng. Tiếng cười tự tại của Thầy vẫn luôn phảng phất ở đâu đây, mọi thứ vẫn như tồn tại trong mỗi chúng con, chưa hề thiếu vắng.

Khi ngồi biên tập lại những lời Thầy sách tấn tăng ni Trúc Lâm trong những buổi Thỉnh nguyện và những câu chuyện gần xa đầy đạo lý trên băng đá mỗi chiều, con cảm thấy thấm thía những lời ân cần tha thiết của Thầy, nhất là những năm Thầy chuẩn bị nghỉ ngơi, trao trọng trách Tông môn cho chư huynh tỷ. Trong những lời sách tấn đó, nửa như gởi gắm niềm tin, nửa như dặn dò hậu bối phải kế thừa chí nguyện của Thầy, đừng xao

lãng, đứng sai lệch. Con thiết nghĩ, huynh đệ chúng con những người đã chịu ân giáo dưỡng của Thầy sẽ không quên lời Thầy răn nhắc, sẽ không cõi phụ sự kỳ vọng của Thầy. Dù ai có đi đông đi tây thì hành trang vẫn là những lời dạy tâm huyết một đời của Thầy, sẽ không dám thay màu đổi sắc, sẽ không đến đỗi đi quá xa như người đệ tử sau cuộc bôn ba phong trần, trở về chùa cũ mà đứng ngắn ngơ, ngậm ngùi trước đôi cánh cửa gài, không biết đường nào về lại chốn xưa.

Ngày nay chúng con mỗi người mỗi phương, dù đang ở đâu hay làm gì thì ánh sáng chân lý Thầy hết lòng soi rọi cho những tâm hồn non dại ngày nào đã dần được trưởng thành, vững vàng trong mỗi hành trình. Thời gian dần trôi, một số đệ tử của Thầy đã trở thành những cội tùng bách trong tòng lâm thì sức lực của Thầy cũng hao mòn vì những tháng năm tận tụy ươm mầm Phật pháp, để kế thừa Tổ nghiệp. Chúng con càng khôn lớn thì công đức giáo hóa của Thầy càng sâu dày. Non cao biển rộng còn có khi mòn, khi cạn nhưng tình Thầy vẫn uy nghi bền vững thách thức thời gian. Thầy đã cho chúng con tất cả mà không ra điều kiện nhận lại. Công ơn Thầy chúng con biết làm sao đáp đền đây?

“Thầy là bóng cây che mát chúng con. Thầy là ánh sáng dắt dùi đàn con. Thầy là con thuyền thanh lương đưa chúng con đến bờ thơm hương. Thầy theo hạnh nguyện Pháp vương treo gương tròn sáng soi đời con...” Dù tán thán bao nhiêu lời vẫn không nói hết được trí tuệ vô biên, công hạnh rộng lớn, lòng từ bi bao la đã dưỡng nuôi, chỉ lỗi cho bao thế hệ tăng ni, Phật tử về lại gia hương, đã thắp sáng ngọn đèn thiền chiếu soi bao tâm hồn lạc lỗi, bao mảnh đời bất hạnh. Lời nào nói hết ân đức tái sanh của Thầy, ngôn ngữ trần gian như chiếc thùng lủng đáy không thể đong đầy công ơn pháp nhũ của Thầy. Con kính mong Thầy tuổi hạc niên cao như cội tùng già uy nghi tỏa bóng rộng khắp che cho muôn loài, trong đó có đàn hậu học chúng con. Con nguyện đời đời luôn được làm đệ tử Thầy, được như chim con lặng lẽ bước theo chân phụng hoàng, cất cánh bay cao để viên thành tâm nguyện xuất trần thượng sĩ của mình. ■

ÁNH TRĂNG THANH

Hạnh Nguyên



Xuuyên qua từng khóm cây
kẽ lá, ánh trăng rọi sáng
sân thiền, bàng bạc tĩnh lặng.
Gió nhẹ lay cành, những chiếc
lá cuối thu chao mòn rơi rụng
chạm trên sỏi đá, âm thanh
xào xác hòa vào cõi không vô
tận. Trăng mười sáu đẹp lạ kỳ!
Trong cõi tịch rỗng êm đềm, lòng
kẻ lảng du chạnh nhớ cha già,
bậc thầy chỉ đường dẫn lối, dắt
đàn con ra khỏi chốn bụi mù.

Có thể nói, cái thuở mà chân
vừa chạm đất Chơn Không,
bỗng nghe lòng ngập tràn hạnh
phúc, chính là dấu ấn in sâu
vào trong tâm trí của chúng
con, những đứa đệ tử nhỏ của
Thầy mà quý Ni trưởng vẫn gọi

thân thương bằng cụm từ “mấy Hạnh”. Mỗi lần có dịp ngồi lại bên nhau, những câu chuyện về Thầy cứ miên man không dứt. Rốt rồi, trong mớ bòng bong vọng tưởng ấy, bất chợt một lời thốt lên: “Nếu không gặp Thầy thì sao?” Dường như bâng quơ, dường như tự hỏi. Ấy mà tất cả bỗng dừng chùng xuống, trả về không gian tĩnh mặc. Không có câu trả lời nào thốt ra nơi cửa miệng, nhưng sâu thẳm bên trong lòng cung kính và biết ơn vô hạn tràn dâng.

Ánh trăng trên hội Linh Sơn chiêu rọi muôn phương, ngọn đèn phương Nam mồi tận bao miền cô lăng. Trên dòng sông Phước Hậu, chiếc thuyền cõi chở ánh trăng xưa đêm theo nguyện cũ: “Nếu không là linh đơn thì cũng là viên thuốc bổ, mang lợi ích cho người.” Thầy đã gá thân như mộng, dạo qua bao cảnh mộng. Vậy mới hay, duyên pháp hóa của Thầy chắc hẳn đã huân sâu bao kiếp, nên khi ngọn đèn Pháp Lạc bùng lên, Từ quang tỏa sáng, viên thuốc bổ trở thành thần dược. Từ đó, chốn vô ngôn mở cửa, gậy trúc hóa làm thiền trượng, biến núi rừng thành Thiền viện trang nghiêm. Nơi hữu ngôn vẫy tay, tiếp đón lăng tử hồi đầu, lay kẻ mộng “thức dậy đi còn chân chờ gì nữa!”

Trong thất vắng trên ngọn Tương Kỳ, Thầy ngồi đó nơi chiếc tự nhở, cặm cụi bên những trang kinh, hầu mong đem lời Phật ý Tổ soi sáng cho tăng ni tú chúng. Sáng sáng chiêu chiêu, giữa hai hàng cây đại (hoa sứ) nối liền đường Tiêu Dao thẳng tắp, Thầy thong thả dạo đi trên từng bậc đá mòn. Đến đồi Tự Tại, Thầy ngồi xuống dừng nghỉ, trông xa ra biển Vũng Tàu, ngắm nhìn trời cao biển rộng, phố xá người xe qua lại. Áo vàng lộng gió, Thầy an nhiên mỉm cười giữa bao ôn ào náo động. Rồi nhẹ nhàng đứng lên, cất bước thong dong vòng qua Viên Phước, men theo lối đá Thạch Đầu rêu phong trơn trượt, lần lên Trượng thất. Trên phiến đá to phía trước Thầy xếp bằng an tọa, đàn con như chim non ríu rít kẽ bao điều vụn vặt. Im lặng lắng nghe, rồi bằng lòng bi mẫn Thầy trao cho từng lời huấn dụ. Pháp âm bình dị đó đã thẩm thấu tận tâm túy, khiến cho những chú trâu hoang ngang ngạnh bao đời, dần dần thuần phục biết được lối về.

Vô thường biến dịch, cuộc thế xoay vần. Vào một ngày trời cao lộng gió, Thầy rời Tương Kỳ về Thường Chiếu. Vậy là pháp thiền từ Chơn Không thổi mát xuống đồng bằng, Thường Chiếu như thay áo mới. Mảnh đất ngày nào khô cằn cát sỏi bung biển lầy lội, bỗng biến thành đất lành chim đậu. Mỗi ngày trên con đường tràm đầy bụi đất, Thầy chống gậy men theo bờ đê, xắn áo lội bùn trao tay từng viên kẹo cái bánh, bày cho các thiền sinh còn ngơ ngác biết cách gieo mạ, tia đậu, chăm sóc ruộng vườn. Cây trái mọc lên, mít điêu khoe sắc, đồng cỏ tranh cắt đứt tay gầy, giờ trở thành

ruộng lúa trĩu hạt. Gậy Thầy vung tới đâu, mầm xanh vươn theo tới đó. Cuộc sống nông thiền rộn rã tiếng cười, hồn nhiên trong sáng.

Mỗi chiều nơi trai đường Linh Chiếu, bên chiếc võng nhẹ đong đưa, đại chúng vây quanh đón nhận từng lời huấn thị. Thầy hỏi han việc tu học, hoặc bảo đọc lại một đoạn kinh sử rồi giảng giải cho nghe. Từng lời dạy nhẹ nhàng nhưng có sức chuyển hóa thâm sâu, khiến cả chúng tăng thêm nghị lực, đủ vững chãi mà tiến bước. Chiều muộn, chúng con cùng nhau tiễn Thầy về. Đến cầu Song Chiếu tất cả dừng lại cung kính xá chào, rồi đứng đó dõi mắt nhìn theo đến khi bóng áo vàng khuất hẳn mới chịu quay lên, luýnh quýnh y áo cho kịp thời kinh tối. Ngày ngày như thế, đều đặn như thế. Những đêm trăng sáng, Thầy chống gậy cùng thầy thị giả đi bộ sang xem chúng ngài thiền thế nào. Áo hậu trang nghiêm tay cầm thiền bảng, Thầy nhẹ nhàng chỉnh sửa những đứa ngồi lệch hoặc đánh thức những đứa đang lờ mờ chìm trong mê muộn. Và, khi chúng con vẫn đang yên lành thiền tọa thì bóng Thầy đã in dài trên lối sỏi Thường - Linh, trở về trượng thất.

Một chặng đường vừa tạm yên, thuyền lại lay chèo theo ánh trăng thanh tìm về chốn Tổ Việt. Chân lắn bước trên thềm đá rêu phong, thoảng cảm tịch liêu chạnh lòng xưa cũ, quyết tâm khêu sáng đèn thiền, phục hưng ấn Tổ. Vậy là gậy trúc chống lên dựng dậy những gì đã bị ngã đổ, khai quang rừng rậm, khơi thông bít lấp khiến cho mạch thiền tuôn chảy âm âm, từ Linh Thủ đến Tung Sơn, qua Tào Khê đổ vào Ngọa Vân Yên Tử. Thiền Trúc Lâm bừng dậy, y vàng tô điểm núi rừng, chuông mõ trầm hùng rền vang hang động. Chim muông reo mừng, cổ tung nảy lộc. Trước tháp Tổ, Thầy đưa tay sờ từng chữ trên bia ký, cúi đầu đánh lễ, mắt ngắn lệ mừng vui.

Thời gian qua nhanh, những thiền sinh ngày nào mặt mũi lấm lem, tay chân ướp mùi bùn đất, nay tóc đã đổi màu. Chúng con trưởng thành tới đâu, thân tứ đại của Thầy cũng hao mòn dần tới đó. Xưa Thầy một mình một bóng mở lối dẫn đường, khơi mạch nguồn thiền tông thắp sáng tâm đăng. Nay tông phong theo gió vươn xa, đệ tử đệ tôn y vàng

rợp lối, thiện nam tín nữ lớp lớp vây quanh, bắn nguyện tròn đú. Thầy điêm nhiên lặng im nhìn phù thê nổi chìm, lắng nghe tiếng trăm năm thoảng qua như giấc mộng.

*Chân không thể bắt biển,
Huyền hưu thường đổi thay.
Khói mây bợt bóng nước,
Tan hợp cuộc vần xoay.
Linh lung trăng rọi biển,
Xanh biếc núi im lìm.
Ngút ngàn mặt bể cả,
Thắm thẳm bầu trời xanh.
Đường phố xe qua lại,
Sông biển tàu tới lui.
Dòng đời duyên biển đổi,
Bệ đá đạo nhân ngồi.*

Như ánh trăng sáng soi biển rộng, linh lung bàng bạc. Giữa dòng đời biển đổi, đạo nhân an nhiên tĩnh tọa nhưng vẫn không quên bản hoài “nhẫn khách mộng, biết được mộng, tĩnh cơn mộng”. Cuộc đời Thầy là một vầng trăng tỏa rạng chiếu soi, chúng con dù có lầm ngôn từ xưng tán, cũng là theo dấu chim bay. Điều có thể nói được, chỉ là “Chúng con thật hạnh phúc, vì chúng con có Thầy”. Kinh nói: “Thân người khó được, Phật pháp khó nghe, Minh sư khó gặp”. Nếu có thân người mà không gặp Phật pháp thì đâu thể phân biệt chánh tà, được gặp Phật pháp nhưng thiếu Thầy sáng thì làm sao rành chân vọng. Phúc báu lớn nhất của chúng con là được trú dưới tàng cây bi trí của Thầy, được nhìn thấy ánh trăng thanh chiếu rạng, được lắng nghe tiếng pháp từ sông Hằng vọng lại. Và ngay đây, được nâng cao đầu hướng về núi rừng Trúc Lâm Yên Tử, cảm nhận hạnh phúc mình là cháu con của dòng thiền đất Việt.

Ô hay! Phút tao phùng hạnh ngộ bậc minh sư. Lời có thể nói ư! Ân có thể đền ư! Trong thịnh lặng, cúi đầu con kính lẽ. ■

CON NƯỚC RẠCH TRA

Hạnh Chiếu

Năm nay Thầy bước lên tuổi 100, “thế thượng nan phùng bách tuế nhân”. Một thế kỷ, một đời người, một dòng đại nguyện rong chơi. Dài, rộng và nhiều khúc quanh. Có những khúc chảy ngang dòng thiền nước Việt và trở thành bất diệt. Ở đó Thầy gặp gỡ Phật tổ, chư thiền sư, các bậc long tượng trong Phật pháp và cả chúng đệ tử xa gần. Thầy vui mừng, cảm động, tri ân... Để rồi từ đó dòng thiền nước Việt cuối thế kỷ XX ra đời, tiếp tục tuôn chảy nuôi dưỡng bao mầm xanh.

Nghĩ về đạo Phật Việt Nam, thiền tông Việt Nam, Thầy trăn trở, ôm ấp hoài bão về một tiền đồ xán lạn cho Phật giáo quê nhà. Những vui buồn nhỏ nhoi đời thường khép lại, khó khăn trở ngại trên bước đường du tăng, chạm phải ý chí và tâm nguyện thiết tha tu hành của Thầy, tất cả bỗng hóa thành diệu dược, không chỉ nuôi dưỡng thân tâm Thầy tịnh tại, mà còn trị liệu bệnh tật cho tất cả chúng con.

Con còn nhớ, có lần Thầy nói “Nếu tôi không thể làm một viên linh đan cứu tất cả bệnh cho chúng sanh, ít ra cũng là một viên thuốc bổ giúp cho người giảm bớt khổ đau”. Lời này vẫn còn lại, mặc cho dòng thời gian trôi đi. Giờ thì, con nước Rạch Tra không còn nhỏ bé, róc rách chảy như ngày xưa, mà là rộng hơn và mạnh hơn nhiều, bạch Thầy. Dòng nước ngọt phù sa sông Hậu dẫn về nuôi dưỡng mây hàng măng cùt đỏ trái trước nhà, mà hồi nhỏ Thầy rất thích, giờ đã là nơi soi bóng cho ngôi phạm vũ huy hoàng.

Từ đường Trúc Lâm, cội tung trampus trượng mọc lên giữa rừng công đức trăm năm, tưởng như lạ mà lại rất thân quen. Bởi vì ở đó là mảnh đất chôn rau cắt rốn của Thầy, có con nước sáng lớn chiều ròng, thủy chung trông đợi hình bóng Thầy về. Ngày rời quê lên chùa Phật Quang, Thầy đã gởi lại lời hẹn ước quy hương. Và ngày trở về, không chỉ một mình Thầy mà còn có chúng đệ tử. Đong vui. Cả nhà Trúc Lâm tụ hội sum vầy, đồng hướng đồng hạnh, đồng vui tu dưới sự hướng dẫn của Thầy. Bà con láng giềng Rạch Tra biết quy y Tam bảo rồi, thưa Thầy. Xóm mình trở thành xóm đạo. Hắn là Thầy rất vui.

Về quê rồi tình nghĩa thiêng chi,
Nhìn nhân loại như mình nào khác.

Thầy đã viết lời này, nhưng quê hương bấy giờ không chỉ có bến nước con đò, mảnh trăng, cành trúc sau hè, mà là:

Tịch tịch Lăng-già nguyệt,
Không không độ hải chu,
Tri không, không giác hữu,
Chánh định mặc thong dong.
(Thiền sư Huệ Sinh)

Thầy dịch:

Trăng Lăng-già vắng lặng,
Thuyền Bát-nhã rỗng không,
Biết không, không giác có,
Chánh định mặc thong dong.

Diệu lực của lời thơ con chưa hiểu hết, nhưng vẫn thấy dường như mình có mặt trong ấy. Còn sung sướng nào bằng!

Rời bến Rạch Tra trên 70 năm, Thầy ra đi để trở về. Qua những chặng đường tu học, có khi khóc, lăm lúc cười, tất cả đều trở thành di sản quý báu, không chỉ của riêng Thầy mà là của tất cả chúng con. Thân giáo, khẩu giáo, ý giáo, Thầy truyền dạy hết cho tăng ni Phật tử bằng tất cả tấm lòng phung sự đạo pháp và tha nhân. Con đường thiền là con đường vừa rất riêng của Thầy, vừa rất chung cho thiền khách hữu duyên được Thầy khai sáng.

Để có thể xuống núi vào đồi như Điều Ngự Giác Hoàng, đến đi như Tuệ Trung thượng sĩ, Thầy đã nỗ lực không ngừng cho cuộc chiến nội tâm lắn ngoại cảnh. Từ những ngày đầu vào đạo, Thầy chong đèn đọc kinh Thủ-lăng-nghiêm mà nước mắt chảy ròng. Từng trang kinh chiếu soi trang lòng, đọc tới đâu khóc tới đó, cảm trọng công đức vô lượng của chư Như Lai. Chân như, tự tánh... quên lửng quên lơ, bỗng đâu ừa về tràn ngập khắp thân tâm, nhảy nhót trên từng con chữ vỡ lòng. Mừng mừng tủi tủi nói không thành lời, Thầy hiểu ra và từ đó nuôi dưỡng tâm nguyện tu thiền mạnh mẽ hơn.

Trải qua những đoạn đường tu tập và thừa hành các Phật sự do Sư ông chỉ dạy, cuối cùng Thầy cũng được về núi, mở cửa Chơn Không. Tháng 07 năm Mậu Thân (1968), trên đỉnh Tương Kỳ bừng ngộ lý sắc không, Thầy uy dũng bước ra khỏi giấc trường mộng tử sanh. Nguồn thiền tuôn chảy từ đây, con đường thiền giáo đồng hành được mở ra, khởi đầu cho đại sự nhân duyên khôi phục thiền tông Việt Nam cuối thế kỷ XX. Một dòng thiền mang bản sắc Việt: trực chỉ, thi vị, tùy duyên.

Chơn Không, Thường Chiếu, Trúc Lâm và hàng loạt các thiền viện nối nhau ra đời. Tuệ đăng thắp lên, ánh sáng trí tuệ và tình thương chan hòa. Có thể nói ba trung tâm lớn này là khúc ruột chuyển hóa huyết mạch thiền tông của Thầy. Mỗi chặng đường đi qua là mỗi thể nghiệm quý báu, đưa Thầy lại gần hơn với chính mình và tăng ni tử chúng, để lại cho đời những bài học vô giá không chỉ bằng lời.

Tuy nhiên, Thầy vẫn thường nhắc nhở chúng đệ tử, Phật sự không hoa, đạo tràng thủy nguyệt. Sự viên mãn của một đời sống tâm linh, không quan trọng ở những thành tựu bên ngoài, mà là niềm an ổn tĩnh tại bên trong, cho nên hãy quay về lại nhận và sống với chính mình. Thầy từng tâm sự:

... Muốn cho đạo pháp được lâu dài, bền bỉ và sáng tỏ để mọi người hướng theo thì không gì hơn là tạo điều kiện cho tăng ni tu được sáng đạo. Có sáng đạo thì chánh pháp mới trường tồn. Sở nguyện của tôi muốn duy trì thiền tông Việt Nam lâu dài, nên tôi đã cố gắng tạo thiện duyên cho tăng ni tu. Vì vậy, những vị tăng hay ni nào theo tôi tu thiền, phải ráng tu cho sáng đạo. Nếu tu lùng chừng lấy cô phụ chính mình, mà cũng là cô phụ tấm lòng của thầy tổ. Đó là hoài bão của tôi.

Kính bạch Thầy,

Chúng con từ chốn hẻ lụy, đà mang nghiệp thức mà có mặt trong cuộc đời, đến đi như mộng. Được Thầy chỉ dạy hãy dừng bước phiêu trầm, quay về nhận lại gia bảo nhà mình. Cung kính đảnh lễ Ân sư, cảm bội thâm ân giáo hóa của Thầy, chúng con xin vâng lời.

Kính nguyện Thầy mãi là ánh sáng soi đường cho vạn loại sinh linh lìa bờ mê quay về bến giác. ■

ÂN SÂU GIÁO HÓA

Chân Giác

Thời gian thấm thoát trôi qua nhanh, nhớ lại những ngày đầu năm 1999, do lòng mến mộ Phật pháp, muốn tu tập theo Thiên tông Việt Nam do Hòa thượng Ân sư chỉ dạy, nhưng ở quận Cam nói riêng và trên đất Mỹ nói chung chưa có thiền viện tu theo tông chỉ của Ngài. Với lòng tín thành, tha thiết muốn được cùng nhau tu tập theo con đường thiền tông nên bốn huynh đệ: Huệ Thường, Huệ Nguyệt, Huệ Thuần và Huệ Tài đã hùn tịnh tài mua một căn nhà nhỏ ở Chapman Ave., Garden Grove, CA để tu tập và phát hành kinh sách, băng giảng của Hòa thượng Ân sư. Tiếng lành đồn xa, sau một thời gian Phật tử về tu tập, thỉnh băng, kinh, sách ngày càng đông. Chúng con đã xin Hòa thượng cho phép dựng lập thiền thất làm cơ sở để cùng nhau tu thiền và hướng dẫn Phật tử cùng tu. Hòa thượng Ân sư đã từ bi hứa khả và ban hiệu là thiền thất Ngọc Chiếu.

Sự ra đời của thiền thất Ngọc Chiếu như là sự tiếp nối ánh lửa thiền từ các “Chiếu” ở Việt Nam sang Mỹ. Với sức vóc nhỏ nhoi Ngọc Chiếu đã góp chút phần trong bước đầu Hòa thượng Ân sư gầy dựng, mở mang thiền tông Việt Nam ở hải ngoại.

Năm 2000, Ân sư qua Mỹ lần thứ hai, từ ngày 13 tháng 10 đến 23 tháng 11 với các Phật sự:

- 1- Khánh thành thiền viện Quang Chiếu ở tiểu bang Texas.
- 2- Thuyết giảng theo sự thỉnh mời của Phật tử.

Chuyến đi lần hai này, Hòa thượng đi 18 chỗ, đến nhiều tiểu bang để giảng dạy Phật pháp. Thời gian này tuy đã có rất nhiều người kính mộ nên quy y và một số vị đã phát tâm xuất gia, thọ giới với Ân sư nhưng

cũng còn rất nhiều người chưa hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng cũng như ý chí xuất trần thượng sĩ của Ngài, do vậy chuyến đi này đã gặp nhiều khó khăn từ những người chưa hiểu, có những lời thị phi về Phật sự của Ngài, nhưng với tinh thần vô úy, tấm lòng từ bi vô lượng, Ân sư vẫn như nhiên vượt qua mọi thử thách gian nan.

Chuyến đi này tuy gặp nhiều trắc trở nhưng qua những buổi thuyết giảng, tiếng trống pháp càng vang xa, Hòa thượng đã để lại nhiều dấu ấn sâu sắc, tốt đẹp cho Phật tử và cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Nhất là khi phóng viên đài truyền hình Little Saigon thuộc quận Cam, bang California phỏng vấn, tập trung vào 12 nội dung, Ân sư đã tuân tự trả lời, giải thích khiến cho mọi vấn đề hiểu lầm, xuyên tạc đều được sáng tỏ. Trong đó có câu hỏi “Hòa thượng có thái độ thế nào khi có sự chống đối từ cử tọa nơi Ngài thuyết giảng?”, Hòa thượng đã có câu trả lời: “Trước mắt tôi không có kẻ thù, chỉ có những người bạn đã thông cảm và chưa thông cảm. Nếu có ai phản đối tôi thì tôi chỉ coi đây là những người bạn chưa thông cảm.” Có lẽ không chỉ riêng chúng con mà với tất cả những ai đã nghe, sống và càng trải nghiệm mới thấy được những lời Ân sư dạy đạo đức thâm sâu biết chừng nào. Lời nói chỉ đơn giản vậy thôi, mà lại sâu xa, quý giá vô cùng, khiến cho mọi người cảm phục và hiểu được đường hướng tu tập, sự chỉ dẫn tăng ni và Phật tử của Ngài chỉ thuần nhất theo đúng chánh pháp không pha trộn thị phi thế tục.

Tại thiền thất Ngọc Chiếu, phóng viên Đinh Quang Anh Thái biên tập viên báo Ký Con đã phỏng vấn Hòa thượng Ân sư. Buổi phỏng vấn được đưa lên mạng truyền thông toàn cầu.

Theo ý của Ân sư, các buổi phỏng vấn là cơ hội tốt để Ngài có cơ hội nói lên tâm tư và lập trường của mình:

- 1- Học hiểu giáo lý Phật pháp cho tường tận.
- 2- Sau khi hiểu được giáo lý ứng dụng tu cho đến nơi đến chốn.
- 3- Khi hiểu và tu được rồi, đem giảng dạy cho tăng ni và Phật tử cùng tu.

Các buổi phỏng vấn đó đã giải tỏa được những nghi ngờ, thị phi về quan điểm của Ân sư. Hòa thượng đã nêu rõ lập trường, đường lối tu hành cũng như bản nguyện bất di bất dịch cho suốt cuộc đời hoằng truyền Phật pháp của Ngài. Đây là tấm gương sáng cho hàng hậu học chúng con, đã là người xuất gia dù ở bất cứ phương trời nào đều phải lấy lý tưởng giác ngộ giải thoát làm đầu. Nếu có duyên hướng dẫn mọi người cũng phải thuần túy chỉ bày chân lý Phật dạy, cho người nghe được thức tỉnh tu hành thoát khổ, chứ không pha tạp chuyện hờn thua, đắc mệt... của thế gian.

Nhìn thấy Ân sư đối diện với chướng duyên, nghịch cảnh mà vẫn ung dung tự tại đi giữa vòng tay thương kính của những người con Phật, với tâm lặng lẽ chẳng hề móng khởi nghĩ suy tìm phương đối phó mà chỉ một bế làm tròn bốn nguyện, rót dòng sữa pháp ngọt ngào của Phật tổ cho hàng Phật tử đang khát khao tìm về. Chúng con mới thấy rõ lòng từ bi, công đức Ngài quá lớn và chở diệu dụng sâu mênh của Phật pháp đã cảm hóa bao người lạc lối. Những lời nói, hành động của Ngài là những bài học, là những lời khai thị thiết thực, là hành trang vô cùng quý giá mà chúng con mang theo suốt cả cuộc đời hành đạo của mình.

Thiền thất Ngọc Chiếu là hội không hưởng lợi tức (non profit organization), có đủ điều kiện bảo lãnh tăng, ni từ Việt Nam qua Mỹ làm Phật sự nên chúng con đã làm giấy tờ bảo lãnh thầy Tuệ Giác và thầy Tuệ Tĩnh qua Mỹ. Duyên lành từ đó, thiền viện Đại Đăng được thành lập năm 2001 dưới sự chấp thuận và chứng minh của Hòa thượng Ân sư.

Năm 2001, Ban sáng lập đã đồng cúng thiền thất Ngọc Chiếu cho Ân sư. Ngài nhận và đổi tên là thiền tự Ngọc Chiếu. Ân sư đã chỉ định Ni trưởng Như Tâm và Ni sư Hạnh Diệu (thiền viện Trúc Lâm Ni) chịu trách nhiệm quản lý và điều hành thiền tự Ngọc Chiếu. Nhưng do biến trần ai sóng xô dồn dập, lòng người mênh mông nhiều ẩn khuất khó dò khó hiểu,

Ni sư Hạnh Diệu đã từ chức hội trưởng đương nhiệm, tia sáng hy vọng đã vụt tắt, cuối cùng thiền tự Ngọc Chiếu không đủ duyên lành để tồn tại.

Tuy đường đời gian nan, đường đạo cũng không kém phần vất vả, nhưng được tâm minh trong chánh pháp, được nghe lời sách tấn của Ân sư, mỗi ngày đều được sống trong an vui nên dù gặp cơn sóng dữ chúng con vẫn vững tay chèo. Năm 2003, chúng con Huệ Nguyên, Huệ Thuần, Huệ Tài đã không bỏ cuộc, quyết tâm gầy dựng cơ sở mới ở Fullerton, CA để tiếp tục dâng cúng cho Hòa thượng Ân sư. Ngài đổi tên mới là thiền viện Chân Giác, đồng thời cũng giao cho Trúc Lâm Ni quản lý như tâm nguyện trước sau của chúng con. Trúc Lâm Ni đã cho quý sư cô sang Mỹ để trực tiếp giảng dạy cho Ni chúng và Phật tử tại thiền viện Quang Chiếu và thiền viện Chân Giác (Ngọc Chiếu cũ). Chúng con rất mừng vui vì cuối cùng sau nhiều biến cố thiền viện ni ở vùng đất có nhiều người Việt sinh sống cũng đã hồi sinh. Chúng con hiểu ra, muốn làm một Phật sự cho vuông tròn thật không dễ dàng gì, phải trải qua bao gian nan vất vả, nếu không có lòng tin, quyết tâm và sự dũng cảm vượt qua mọi thử thách thì khó mà thành tựu. Vì mến mộ thiền tông, vì lòng thương kính Ân sư, vì học theo gương hạnh của Ngài, chúng con sẽ cố gắng hết sức cho đến hơi thở cuối cùng, quyết đi theo con đường Ân sư đã khai mở.

Nhờ ân đức của Hòa thượng, về sau Phật tử đến Thiền viện Chân Giác tu tập ngày càng đông. Cơ sở mới tuy có phần rộng rãi, khang trang hơn Ngọc Chiếu cũ nhưng vì nằm trong khu dân cư nên không được phép tụ tập đông người, sinh hoạt hàng tuần và các buổi lễ lớn bị trở ngại. Thiền viện không có đủ chỗ đậu xe, bị City cảnh cáo do đậu xe trái phép nên chúng con quyết định mua cơ sở mới rộng rãi hơn.

Vì nhu cầu tu học của Ni chúng và Phật tử, năm 2015 Chân Giác một lần nữa dời đến cơ sở lớn hơn ở vùng Orange County, 11442 Dale St. Garden Grove, CA 92841.

Thiền viện Chân Giác tuy nhỏ, nhưng đã nhiều lần được vinh hạnh đón tiếp quý Hòa thượng, quý Ni trưởng và chư tăng ni trong tông môn từ Việt Nam qua thăm viếng, làm lễ quy y, giảng dạy, tu trì tẩm thêm lòng tin, sự tinh tấn trên con đường tu Phật của những người con xa xứ. Chúng con tuy tài hèn đức mọn, nhưng vẫn luôn duy trì sinh hoạt, giảng dạy cho Phật tử mỗi tuần. Tuy khe suối không sánh nổi cùng đại dương nhưng sự góp nhặt nhỏ nhoi đó cũng có chút phần giúp cho mạch nguồn Thiền tông âm thầm tuôn chảy nơi vùng đất cũ mà mới này.

Chỉ có một điều đáng tiếc là khi thiền viện Chân Giác qua được những gian truân vất vả, mọi Phật sự dần được ổn định tốt đẹp, chúng con luôn mong mỏi được một lần cung đón Hòa thượng Ân sư, nhưng do thời gian đó Ngài tuổi già sức yếu nên đã không được như nguyện. Thiền viện Chân Giác có cơ may xuất hiện rất sớm trên đất Mỹ nhưng lại kém duyên lành như thế. Tuy vậy, chúng con cũng thấy mình quá may mắn hơn bao giờ cùn đang lang thang chưa biết nơi đâu là chốn quay về. Được gặp Ân sư, được thọ nhận những lời chỉ dạy ân cần, cẩn kẽ của Ngài để biết đường về nhà là duyên lành, là phúc báo tích tụ nhiều đời của chúng con. Nếu không có Ngài, chúng con không biết mình sẽ trôi lăn đến nơi nào. Vậy nên mỗi nốt thăng trầm, khổ nhọc chúng con đã vượt qua được đều nhờ công đức giáo hóa của Ngài. Chúng con luôn tri ân bậc Tôn sư đáng kính và nguyện đời đời được theo Ân sư tu học cho đến ngày thành tựu viên mãn.

Thời gian trôi nhanh, Hòa thượng Ân sư giờ đã bách niên, bốn phận hàng đệ tử nơi đất khách quê người chúng con luôn cố gắng thực hành theo những gì Hòa thượng đã dạy, tự mình tiến tu và dùu dắt những người hữu duyên, góp chút ít nhỏ nhoi vào việc thắp sáng ngọn đèn Thiền nơi hải ngoại để đền ơn thầy tổ trong muôn một. ■

ĐUỐC THIỀN CHIẾU SOI

Tịnh Chúng

Vòng xoáy vô thường của cuộc đời đánh tan đi cái mà con người ta gọi là hạnh phúc trong từng sát-na. Vừa mới sanh ra đã chuẩn bị cho ngày chết sắp đến, công danh sự nghiệp, tiền tài, địa vị nay được mai mất. Có những người thân vừa mới nói cười trước đó, giờ lại khóc tiễn đưa. Hết đời này đến đời khác, cứ mãi xoay vần như thế đâu thể không khiến con người điêu đứng, hoang mang rồi bơ vơ, lo sợ. Đau khổ vô cùng.

Đời trước sự đau khổ và hạnh phúc tạm bợ của cuộc đời, biết làm sao để thoát ra?

Và có lẽ chúng duyên tu hành đã thôi thúc chúng con đi tìm hạnh phúc đích thực, lâu dài, miên viễn, vượt lên trên dòng xoáy khốc liệt đó. Cứ đi, đi tìm mãi và quyết định dừng lại khi gặp được pháp môn của Sư Ông.

Chúng con từ nhiều phương, xuất phát từ nhiều hoàn cảnh nên động lực đến với đạo cũng khác nhau. Không ai giống ai. Thế nhưng, chúng con cùng gặp nhau dưới pháp hội của Sư Ông, dám tin lý Thiền thượng thừa thì đâu thể chỉ mới một đời này, mà át hẳn từ nhiều đời đã có duyên với Thiền tông.

Từ buổi ban sơ Sư Ông lên Núi Lớn-Vũng Tàu cất một cái thắt lá, đê tên Pháp Lạc thắt. Một mình tìm đường lối tu, tự nỗ lực công phu, không thầy, không bạn, không người chung chí hướng. Việc làm đơn độc mà cay đắng đã mấy lần Sư Ông phải khóc trước bàn thờ Phật. Nhưng với tinh thần sắt đá quyết tâm vì sự nghiệp giác ngộ giải thoát, Sư Ông đã tỏ rõ lời Phật ý Tổ. Từ con số không Sư Ông đã gầy dựng và mở mang con đường Thiền tông cũng gặp không ít khăn và trắc trở mới được thành tựu như ngày hôm nay. Nhờ công ơn to lớn ấy của Sư Ông mà ngày nay



nhiều người hữu duyên mới đủ phúc duyên gọi nhuần trong suối nguồn ấy.

Theo đường hướng của Sư ông đã hướng dẫn, chúng con có được đời sống tu học, căn bản theo Thanh quy của Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam.

Học thi nội dung đi thẳng vào trọng tâm chính yếu hỗ trợ cho việc tu. Tu thi dụng công đúng pháp, hướng thẳng tự tánh. Chư huynh đệ cùng chung sống trên tinh thần đời sống Lục hòa, luôn tích cực, hoan hỷ. Tất cả chúng con dẹp sạch duyên trần, một

lòng quyết chí tiến tu để sớm có ngày nhận lại ông chủ. Như lời Sư ông đã chỉ dạy: “*Tụi con nên nhớ, ở đây điều Thầy trông chờ tụi con là một tiếng “À!” lớn, cười to*”.²

Cầm trong tay tấm bản đồ mà Sư ông đã trang bị, trải thời gian công phu tu học, chúng con nhận ra mình được lớn lên từng ngày trong ngôi nhà Thiền tông. Kinh, luận, ngữ lục của Phật và chư tổ, chúng con đều có thể thấu hiểu và dần nhận ra những lời Sư ông chỉ dạy là gì nơi chính mình. Thiền không còn là một điều khó hiểu và xa lạ như xưa nữa, mà trở thành sức sống ngày càng mãnh liệt hơn trong mỗi Thiền sinh.

Trên cảnh động sinh hoạt hàng ngày, những tiếp duyên xúc cảnh rộn ràng sẽ không dễ cho mỗi Thiền sinh nhận ra và sống được với ông chủ của mình trọn vẹn. Vì vậy, trong Thiền viện có khu Thiền thất để mỗi Thiền sinh thay phiên nhau nhập thất. Khi được vào thất, chính là lúc mỗi người tự đối diện với chính mình. Là cơ hội để những vị đang còn

công phu nhìn rõ và hàng phục những tâm niệm còn lăng xăng; hoặc những vị đã nhận ra được chính mình có thể sống với ông chủ miên mật hơn. Từ kinh nghiệm được rút ra trong những lần nhập thất cho chúng con thêm nội lực, để ra thất sống cùng chư huynh đệ, với những đỗi duyên xúc cảnh trong cuộc sống mỗi người luôn nhớ không theo duyên mà quên mình.

Ngoài việc học, việc tu, trong đời sống rèn luyện, lao động sinh hoạt, mỗi Thiên sinh đều được uốn nắn cẩn kẽ sao cho mỗi hành vi, cử chỉ, việc làm trong đời sống thường nhật phải luôn toát lên nét sống đạo sáng ngời. Nơi đây, tại Thiền viện Trúc Lâm Bạch Mã chúng con đã có đủ phúc duyên được tổ chức mọi phương tiện tu, học, rèn luyện một cách viên dung nhất để mỗi Thiên sinh nỗ lực tiến tu sẽ đạt đến Đạo, Học, Hạnh, Nghi đầy đủ. Sẽ trở thành ngọn đuốc sáng đủ tư cách là người truyền trì mạng mạch Thiền tông Việt Nam mãi đến về sau không dứt.

Như trong tác phẩm Hoài Bão Của Tôi, Sư ông có chỉ dạy: “Tôi muốn Phật pháp hay là con đường của Thiền tông, ngọn đuốc của nhà Thiền sẽ soi sáng, soi sáng mãi không dừng tắt. Chẳng những soi sáng một nơi mà soi sáng trùm hết.” Và Sư ông mong mỏi từ Sư ông là một ngọn đuốc, tất cả hàng con cháu về sau sẽ mỗi từ ngọn đuốc của Sư ông để tiếp tục sứ mạng truyền đăng tục diệm của mình, để giữ gìn chánh pháp, đưa ánh sáng Thiền tông chiếu soi muôn đời. Để làm được điều Sư ông mong mỏi, hàng hậu học chúng con biết rằng mỗi người phải tự ý thức bốn phận của chính mình là nỗ lực tiến tu đến sáng đạo mới có thể tiếp nối sứ mạng ấy.

Thời gian trôi qua, chư huynh đệ chúng con được chung sống cùng nhau, cùng chia sẻ những công phu tu học. Có người cũ, người mới, tuy còn đó một chút khó khăn trong công phu tọa thiền, nhưng nhờ những lời chỉ dạy của Sư ông, mỗi chúng con lại được soi rọi, hun đúc thêm ý chí phấn phát tu hành. Tùy theo công phu của từng người mà chúng con có được những tiến bộ khác nhau. Có vị được niềm vui trong buổi đầu vào đạo, có vị cảm nhận được lợi lạc khinh an trong công phu, có người

thâm nhận được con người chân thật mà Sư ông đã chỉ thảng cho chúng con. Mỗi vị một niềm vui, nhưng tất cả cùng chung một sự hoan hỷ trong nguồn pháp nhũ của Sư ông, niềm an vui trong chánh pháp, trong thiền duyết đến không ngờ.

Chỉ có thực học, thực tu, thực sự nếm trải, thực sự nỗ lực sống cho được với những gì Phật tổ và Sư ông đã dày công chỉ dạy, mới có thể cảm nhận được hết giá trị của hạnh phúc chân thật là gì. Và chỉ có tu tập thực sự mới nhận ra diệu chỉ của Phật tổ hay còn đây, bây giờ, luôn hiện hữu chưa từng thiếu vắng.

Trên bước đường tu tập, mỗi bước đi là một sự tiến bộ, mỗi ngày trôi qua là sự cảm nhận thấm nhuần sức sống đạo, cảm nhận niềm an vui chân thật, nhận chân rõ về con người thật xưa nay chúng con đã bỏ quên. Càng như thế, chúng con càng cảm bội niệm ân sâu sắc của Sư ông, người đã một đời vì sự nghiệp mang chánh pháp soi rọi cho thế gian được an vui hạnh phúc.

Chúng con biết rằng, đối với ơn lớn mà Sư ông dành cho chúng con chẳng thể viết hết thành lời. Khắc ghi lời Sư ông dạy, biết thương mình, tự tu, ráng tu cho đạt đến kết quả mà Sư ông muốn chỉ, và chỉ dạy lại cho người sau cùng tu. Tự lợi, lợi tha, hoàn thành công hạnh đời tu của mình, chính là báo đáp phần nào thâm ân giáo dưỡng của Sư ông.

Nguyện cầu hồng ân Tam bảo gia hộ Sư ông luôn mạnh khỏe, cửu trụ nơi đời, để làm cội tùng che mát cả tùng lâm, cho đàn hậu học chúng con được nương trên phúc trí của Sư ông, thầy tổ và hải chúng Thiền phái Trúc Lâm tu học cho đến ngày viên mãn thành Phật. Nguyện cho chúng con đời đời sanh ra luôn được là con cháu trong nhà Thiền, là con cháu của Sư ông, đồng chung pháp hội, đồng thành Phật đạo. ■

1. Quý Ni sư Nội viện ni Bạch Mā.

2. Trích Thanh Từ Toàn Tập, tập 43, trang 105.

Mạch Ngầm

Hạnh Huệ

1- *Bồ-đề-đạt-ma vượt sóng qua Đông
Truyền riêng ngoài kinh chỉ Phật chân tông.
Thiếu Thất chín năm ngồi yên bất động
Bài pháp an tâm vẫn còn xa ngần.*

*Kìa ai đứng giữa tuyết rơi
Dâng bàn tay khí ngắt trời
Vầng hồng lên, thần quang chiếu sáng soi.*

*Trên núi Linh ngàn xưa,
Thế Tôn nâng cành hoa
Mắt sen xanh nhìn quanh
Đưa lên không một lời
Muôn trời người ngóng đợi*

*Đại Ca-diếp hé môi cười
Y bát ấy trao cho người
Vì sao Mai hôm nào
Lại bừng sáng giữa trời trong
Bóng tối vừa tan, cung ma chợt nghiêng.*

2- *Hoàng Mai một đêm mật thất ẩn tâm
Thuyền trôi lặng êm tiên trò sang sông
Mắt dấu kín hơi, ẩn thân rừng rậm
Rồi gió phướn bay, muôn người tâm khai.*

*Người đeo đá, giã thóc suông
Ai ngờ đâu trí xuất trần
Muôn vật không mà y bát đến tay.*

*Theo suối trong Tào Khê
Tổ sứ tâm truyền tâm
Hết lên như trời long
Nhập môn liền ăn gậy
Môn đình cao vời vợi.*

*Nhiều cơ phong khai tâm người
Ngàn công án vang trong đời
Bặt ngôn ngũ, không tâm hành
Tuyệt dấu vết mất hành tung
Thấy sắc nhận tâm, vung tay mà đi.*

*3- Phượng Hoàng đầu non một mái Trúc Lâm
Thầy trò bên nhau quyết truyền tâm tông
Đất nước gió mây không ngoài tự kỷ
Đèn pháp cao nâng chiếu tròn muôn phương.*

*Ngày xưa đó chốn núi cao
Nghe lòng đau, nhớ Lý Trần
Thầm cầu mong thiền tông sê hưng long.*

*Chân Không khơi nguồn chân tâm
Linh quang hăng chiếu miên trường
Gặp bao mây mù giảng lỗi
Văn sáng rạng ngồi muôn năm
Văn chiếu tròn đầy tam thiên.*

TRI ÂN THẦY

Liễu Đức

Thời gian trôi đi nhanh quá! Nhớ hôm nào Sư ông lặng lẽ quang lâm đến Thiên viện Liễu Đức, dáng uy nghiêm thanh thoát với chiếc áo tràng nâu giản dị, ngài đi dạo quanh thiền viện mà đại chúng không hay biết trước để vân tập cung nghinh. Hình ảnh bất chợt đó chúng con cứ ngỡ là đang mơ. Nhưng không, đó là sự thật! Người đến thỉnh linh như vậy, khiến chúng con không kịp “chuẩn bị”, phải chăng đây là việc làm của các vị thiền sư muốn xác chứng “công phu tu tập” nghiêm mật hay buông lung của hàng đệ tử.

Khi ấy, đại chúng một số người đang thâu gom bánh tráng sau khi đã phơi khô, một số thì đang lau dọn thiền đường. Chẳng ai bảo ai, vui mừng hớn hở đồng loạt “chạy ùa” đến xá chào Sư ông, rồi xúm xít lēo đēo theo sau. Người cứ vậy bước đi khoan thai, thi thoảng quay lại nhìn đại chúng với ánh mắt đại từ, với nụ cười đại bi. Ni chúng lúc này trông ai cũng tươi tắn như những đóa sen thanh rạng rỡ ngoài sân. Chúng con vừa mừng vừa tủi như những đứa trẻ “bơ vơ” từ lâu, nay được gặp lại mẹ hiền. Rồi Sư ông đến ngồi trên chiếc ghế mây đặt ở hậu tổ mà Thiên viện chúng con đặc biệt dành sẵn cho Người. Sư ông đưa ánh mắt tràn đầy từ ái, nhìn khắp Ni chúng đang ngồi vây quanh mình, Người mỉm cười, giọng trầm ấm: “Liễu Đức sinh sau, thành lập muộn nên Thầy có phần lo lắng. Tuy bận rộn ít ghé, nhưng Thầy thường để tâm đến Liễu Đức. Các con cần gì thì cứ lên Thường Chiếu mà thưa thỉnh, đây với đó cũng gần. Về việc tu tập thì mấy đứa con nhớ tụng kinh ngồi thiền điều đặn, vừa lao động chấp tác vừa dụng công tu tập nghiêm mật, lúc nào cũng chăn trâu, đừng để nó giẫm lúa mạ người... Được vậy là Thầy vui rồi!” Rồi Sư ông nhắc nhở câu chuyện con sâu đục thân. Sâu đục thân dụ cho ba độc tham, sân, si luôn tiềm ẩn trong mỗi chúng ta, tu tập là dứt trừ tận gốc loài côn trùng này. Vốn vẹn chỉ vài lời đơn sơ mà sâu lắng như vậy, chúng con nghe xong thật vô cùng xúc động và tỏ rõ một niềm kính tin vô hạn. Toàn bộ ni chúng trong hội chúng lúc này dâng trào cảm xúc hơn lúc nào hết, thầm quyết tâm đi đúng con đường Sư ông chỉ dạy. Bởi sự quan tâm lo lắng

và những lời sách tấn của ngài là nguồn năng lượng thâm cho chúng con “*phản quan tự kỷ*”, củng cố niềm tin, vững tâm bền chí trên con đường “*tác Như Lai sứ, hành Như Lai sứ*”.

Khi đại chúng tiễn chân Sư ông ra đến cổng tam quan, ngài bảo chúng con trở vào, nhưng chúng con vẫn còn bịn rịn, đứng nhìn theo chiếc xe bốn chỗ màu nâu nhạt đưa Sư ông dần dần khuất dạng trong ánh nắng chiều... Không ai nói lời nào trên lối vào Thiên viện, nhưng chúng con nhận rõ trong tự tâm của mỗi huynh đệ đã thấm đượm niềm pháp lạc vô biên.

Trở lại với “thực tại”, con thật diêm phúc được diện kiến Sư ông hôm nay. Sự hiện hữu của Người là nguồn năng lượng vô biên truyền đến cho tất cả tăng ni và chúng sanh. Chúng con thầm nguyện Sư ông luôn sức khỏe, cho chúng con thêm diệu pháp trong đời, làm thạch trụ giúp chúng con vững tiến trên đường đạo.

Một hình ảnh thật ấn tượng trong buổi lễ này là con thấy Hòa thượng trụ trì Tổ đình Thường Chiếu cẩn trọng dâng lên Sư ông một tràng hoa vạn thọ để kính mừng sinh nhật lần thứ 96 của Người. Quỳ bên Sư ông, Hòa thượng trụ trì nhẹ nhàng đưa tay mân mê vạt áo Sư ông một cách tự nhiên thâm tình, tràn đầy niềm quy kính. Và rồi chúng con chợt thấy đôi mắt Sư ông rực sáng mỉm cười nhìn quanh hội chúng.

Có lẽ Sư ông thị hiện thân bệnh chính là di huấn vô ngôn tối hậu để nhắc nhở chúng con nhìn lại cuộc đời mình, phải biết nỗ lực công phu thiền định, tĩnh lặng tu tập với tâm cầu đạo tha thiết miên trường, không thể chần chờ lơ đãng, bởi vì sanh, già, bệnh, chết vốn không khoan thứ một ai.

Chúng con chí thành đánh lễ tri ân Tam bảo đã gia hộ cho Sư ông được nhiều sức khỏe, trí tuệ viên mãn. Cung kính đánh lễ tri ân Sư ông đã từ bi trụ thế lâu hơn vì chúng con, vì những lữ hành tha phương đến muộn.

Giờ đây, chúng con quỳ dưới chân Sư ông, lòng thầm phát nguyện luôn vâng theo lời Sư ông chỉ dạy, dốc chí tu tập cho đến khi thành Phật mới thôi. ■

NHỚ MÃI ÂN THẦY

Như Ánh

Sau khi tốt nghiệp lớp Trung đẳng Chuyên khoa, tôi rời mái chùa Được Sư thân yêu, về mảnh đất thánh địa Đại Tùng Lâm. Nơi đây, Sư bà Vĩnh Bửu, Thầy tôi lập Nông trại Thiền Đức và giao lại cho tôi. Nhờ nhân lành ấy, mà tôi đủ duyên được về Tu viện Chơn Không Vũng Tàu học Thiền với thầy Viện chủ, mỗi tháng một tuần lễ.

Tôi có duyên với pháp môn Thiền của Thầy, nên luôn tìm cách đến học. Có lúc phải đi bách bộ từ Đại Tùng Lâm đến Thường Chiếu, Viên Chiếu để nghe Thầy giảng. Nhờ thấm nhuần pháp vũ của Thầy, mà tôi lúc đó biết được hướng đi của mình, nhận ra đâu là chơn, đâu là vọng. Nếu không gặp được Thầy thì chắc hẳn giờ này tôi còn là chàng cùng tử lang thang.

*Bao năm làm khách phong trần mãi,
Ngày một xa quê muôn dặm trình.*

Ôi! Phước duyên thay! Được gặp Thầy.

Thời gian trôi qua, tôi luôn thầm nghĩ “Mình phải làm gì để lợi ích cho Phật pháp”. Tôi muốn đem một chút vốn liếng tu học của mình trong bao năm qua để hướng dẫn người sơ cơ, thì mới mong đền đáp phần nào công ơn chư Phật và thâm ân Thầy Viện chủ cũng như tâm nguyện của Sư bà Thầy tôi.

Tôi ước nguyện được lập một thiền viện, và được Thầy chấp nhận. Thầy lấy tên của một vị thiền sư đặt cho Viện với danh hiệu là Phổ Chiếu. Lúc này, mỗi tháng được Thầy về thăm và luôn dạy chúng rằng: “Các con phải sống đúng với tinh thần lục hòa, luôn tỉnh giác, đừng để trâu ăn lúa mạ người. Người tu không phải tu chỉ để mà tu thôi. Nuôi

đuống kiên trì và tinh tấn liên tục cho đến ngày nhăm mắt, thấy sinh tử không còn bận tâm. Đó mới là giá trị quý báu của chữ Tu.” Những lời Thầy răn nhắc luôn tạo cho chúng tôi có thêm sức mạnh và cố gắng nỗ lực tu tập nhiều hơn.

Qua bao năm làm việc, tôi được Thầy cho người về thay, để nhập thất một năm, làm người vô sự, được sống lại với chính mình nhiều hơn. Nhờ uống được dòng nước Tào Khê trong mát từ Thầy, tôi có được sự an lạc và niềm tin vững mạnh. Nếu không có Thầy, bậc Ân sư quý kính đã mở lòng từ hướng dẫn chúng tôi thì làm sao Phổ Chiếu có sự an lạc, và đầy đủ niềm tin như hôm nay.

*Ân sâu Thầy chỉ lỗi,
Con vượt thoát lâm mê
Đèn Thiền luôn tỏ rạng
Soi bước con trở về.*

Ngọn đuốc Thiền tỏa sáng trong lòng mỗi Thiền sinh Phổ Chiếu. Ánh đuốc ấy lan tỏa mãi, để soi đường không còn lạc lối. Thâm ân của Thầy không sao kể xiết. Người từng dạy rằng: “Đèn ơn chẳng đèn”. Tôi cung kính vâng lời, cố gắng công phu giải quyết sanh tử. Nếu chúng tôi làm được việc này,ắt không phụ công Thầy dạy dỗ và tin tưởng vào sự tiếp nối của chúng tôi.

Hôm nay Thầy đã tròn bách tuế, tôi ghi lại một đoạn nhân duyên của Phổ Chiếu với bậc Thầy khả kính. Người đã một đời hết lòng dạy dỗ, hướng dẫn và thắp sáng đèn Thiền, để chúng tôi tỏ lỗi trở về quê cũ.

Tôi nguyện luôn vun bồi trí tuệ, hằng sống với bản tâm hiện hữu chân thật, đem hết khả năng phụng sự Tam bảo và hướng dẫn người sau, để không có phụ tấm lòng của bậc Ân sư. ■

KỶ NIỆM VỀ HÒA THƯỢNG ÂN SƯ

Hạnh Nhã

Nếu cuộc đời tôi không gặp được Ân sư, bậc đại thiện tri thức, không biết rồi sẽ đi về đâu, tới cõi nào và làm con gì!? Mỗi lần nghĩ tới, tôi không khỏi rùng mình, hướng về Hòa thượng Ân sư thâm thầm tri ân, đánh lě!

Sau khi ra trường, đi dạy, tôi thường xuyên lui tới bệnh xá của chị ở Vũng Tàu, nhất là dịp hè. Thế là, tôi được Phật tử Diệu Thinh lúc đó chưa xuất gia, hướng dẫn chị em chúng tôi đi nghe pháp Hòa thượng giảng ở Chơn Không. Có lần Hòa thượng giảng về “Thất xứ trưng tâm”, trong kinh Lăng-nghiêm. Kinh này quá cao so với Phật tử sơ cơ như tôi. Khi Hòa thượng đưa tay lên hỏi đại chúng: “Quý vị thấy gì? - Dạ! Thấy tay Thầy đưa lên.” Hòa thượng lại rút tay về, hỏi: “Đại chúng thấy chăng? - Dạ! Không thấy!”

Nhân đây Hòa thượng giảng về tánh thấy, tánh nghe, hằng hữu nơi mỗi chúng sinh. Tôi bị rúng động, cứ vẩn vơ trong lòng, dù chẳng hiểu gì sâu sắc, một chút xíu ánh sáng nội tâm, một chút hối hận vì đã đem vọng tưởng so đo nghĩ về những điều xấu xa cho người! Phật tâm của tôi bắt đầu khởi sắc! Năm 1974 Hòa thượng mở lớp giảng Thiền ở chùa Linh Quang và chúng tôi đã mau mắn quy y Tam bảo và xin xuất gia với Hòa thượng.

Tôi được vào nhập chúng Bát Nhã, nơi đây chỉ việc lo tu học; thời gian lao động dường như một vài tiếng cho có sức khoẻ. Khi đất nước sang trang, Hòa thượng dạy Thiền sinh trẻ chúng tôi xuống rừng canh tác làm ruộng!



Chúng tôi hăng hái thêm phần mơ mộng qua các chư vị Tổ sư, tu hành ở rừng núi, ăn trái dẻ, uống nước suối, ngồi an nhiên thị tịch, tự tại muốn đi, ở tùy duyên!... Mới học kinh Kim Cang, kinh Bát-nhã, tú đại giai không mà! Đã nghe lóm bóm kinh Lăng-nghiêm, hãy sống với chân tâm, không được vọng tưởng!!!

Lần đầu tiên xuống miền rừng núi, từ lộ chính vào nông trại, không một bóng người, không một ngôi nhà... Vắng ngắt! Con đường mòn nhỏ phủ đầy lau lách! Đến nông trại, đấy là căn nhà nhỏ, không quá bốn mét rộng. Thế mà mười huynh đệ chúng tôi, vừa ngủ, vừa ăn, vừa làm chõ nấu nướng, vừa tọa thiền! Thật đúng là nhà của ngài Duy-ma-cật! Như thế mà không một thiền sinh nào than phiền!

Nông trại Viên Chiếu, nói cho oai, ngoài căn nhà không quá bốn thước vuông, toàn là tre gai, chằng chịt, phải đi theo đường mòn một đỗi xa mới tới đát ruộng, cỏ lúa mịt mù, sương rùng dày đặc! Những thiên sinh trẻ, tay chưa ráo mùi mực, nay phải xuống đồng ruộng. Chúng tôi chưa phân biệt được đâu là lúa, đâu là cỏ, cứ thấy cây nào ngoi cao cao là cắt, (chúng tôi làm cỏ bằng liềm, cắt trước, mọc lại sau, còn sum suê hơn trước). Hòa thượng xuống thăm, kiểm tra, thấy chúng tôi cắt lúa chưa cỏ (Vì có loại cỏ giống y hệt lúa, chúng tôi không thể nào phân biệt được). Hòa thượng lấy tay vạch gốc lúa chỉ dạy: “*Các con hãy nhìn xem! Cây lúa có gốc trắng, lá xanh mềm; còn cỏ, lá cứng hơn, gốc có màu tím.*” Nghe dạy, chúng tôi đứng lên xem. Ôi thôi! Chúng tôi đã cắt hết lúa, lại chưa cỏ!!!...

Hòa thượng dạy tiếp: “*Cũng vậy các con! Lúc chúng ta mới tu, không phân biệt đâu là vọng, đâu là chọn. Khi niệm khởi là vọng, khi không khởi niệm, tâm yên bình là chọn!*”

Bài học sơ cơ đầu tiên Người đã huấn thị cho chúng tôi. Chúng tôi từ đó, chuyên tâm thực hành, nên chẳng lầm lúa và cỏ nữa. Và cũng biết cách chăn trâu, không dám để chạy vào lúa mạ của người.

Có lần Hòa thượng dạy chúng tôi bưng chuối ra trông. Trước tiên Hòa thượng cầm thuồng, xắn xuống bốn phía cây chuối xong, nạy cây chuối lên, lấy thuồng xắn ngang cái đuôi (gốc).

Tôi ngạc nhiên hỏi: “Thưa Thầy, chặt như thế, cây chuối sống được không, thưa Thầy?”

- “*Sao con dại thế! Chặt như thế, nó lại mau ra rẽ, mau lên cây chút! Cũng giống như, khi chúng con phát tâm xuất gia tu hành, phải chặt hết tất cả các duyên quá khứ, tất cả những ràng buộc, dây mơ rẽ má, chặt hết, không nên để nó lai vãng tới lui, nó sẽ làm chướng ngại việc tu tập của chúng con. Chỉ khi nào chúng con gan dạ buông bỏ tất cả, thì việc tu hành mới có kết quả tốt!*”

Lại bài học vỡ lòng cho hàng sơ cơ chúng tôi! Chúng tôi “Dạ!”, để rồi mỗi người tự tư duy mà thực hành!

Thanh quy Hòa thượng chỉ cho một thiền sinh được ba bộ đồ vật khách. Hai bộ thay đổi hằng ngày, một bộ để đi ra ngoài; một áo tràng ngồi thiền lê Phật; một áo nhật bình đi đường và thọ thực (tùn băng vải thô thường).

Khi xuống nông trại, chưa đầy một tháng, áo quần chúng tôi phải vá nhiều lớp, hết mình mẹ, tới mình con, tới mình cháu, mình chắt! Ai cho vải vụn nào thì vá thứ ấy, do đó, giống như một đám tắc kè bông.

Mỗi tuần Hòa thượng xuống dạy dỗ động viên chúng tôi. Sau dần dần thấy chúng tôi yên ổn Hòa thượng mới thưa bớt đi! Đấy! Bài học mà Hòa thượng dạy chúng tôi là những bài học thực tế, không trường lớp, nhưng nó tác động vào tâm thức và sự tu tập của chúng tôi biết bao! Huynh đệ chúng tôi, ban ngày vất vả với ruộng vườn, nhưng ban đêm, chị em cũng tích cực sám hối, tạ thiền không xao lâng.

Dù vụng về mấy, đến lúc lúa cũng chín. Tôi lên trình Hòa thượng và xin cắt lúa.

Hòa thượng dạy: “Ngày mai Thầy xuống!”

Lúc Hòa thượng ra đồng, ôi thôi! Ruộng nước mênh mông! Hòa thượng dạy chúng tôi đem dao, rựa, phảng, dọn cỏ chung quanh, làm thành những đường rãnh thoát nước. Ruộng khô, mới có thể cắt được!

Hòa thượng lại dạy: “*Tu hành cũng vậy đó con! Phải biết cách dụng công thì mới có kết quả! Nếu không, lúc đầu hăng hái, sau rồi đâm ra chán nản, thối tâm Bồ-đề!*”

Những bài học thực tế, nhỏ như thế, chúng tôi chỉ biết im lặng cúi đầu, tư duy để thực hành.

Hòa thượng thương chúng tôi, vất vả trong rừng sâu, nên chúng tôi thừa dịp mà nghêu ngao ca hát, Hòa thượng cũng không rầy! Chúng tôi cũng thương

Thầy, vất vả vì các con, nên huynh đệ chúng tôi rất hòa thuận, chỉ biết tu, học và lao động. Thầy dạy không biết chống trái. Mặc dù lúc ấy là chúng nhỏ trong thiền viện, bị làm Trưởng ruộng, vậy mà khi tôi cắt công tác, quý Sư cô đều phụ giúp, góp ý không hề có thái độ tự cao!

Có lần, Hòa thượng nhǎn chúng tôi về, tôi lo lắng, “*không biết mình có làm bạn lòng gì Hòa thượng không?*” Về tới Tu viện Chơn Không, quý thầy chỉ cho tôi một mâm cỗ nói:

- Thầy đợi cô từ trưa tới giờ và dạy chúng tôi chưa đồ ăn cho cô!
- Hú vía! Chắc là không có việc gì?

Dùng cơm xong, tôi mặc áo tràng lên thất Hòa thượng. Vừa thấy tôi Hòa thượng dạy:

- Sao con về trễ vậy?
- Bạch Thầy, con vừa chuẩn bị đi, thì có công an đến, nên tất cả chúng con phải có mặt để họ kiểm tra!
- Thầy cho con số tiền này để về lo mướn nhân công làm ruộng. Phật tử nước ngoài mới gởi về cho Thầy thùng thuốc, Thầy dạy Phước Hảo đem đổi được bao nhiêu đó!

Cầm lấy số tiền mà tôi muốn khóc, bao nhiêu Thầy cũng dành dụm cho các con. Trong thời buổi kinh tế khó khăn, trong vườn nhǎn, māng cầu, Thầy chăm bón, tới mùa, Thầy bán rồi gởi tiền về cho các chõ thiếu thốn, còn lại trái vừa vừa Thầy gởi về các thiền viện dùng.

Các thiền viện (nông trại), mỗi năm có hai thời vụ là lúa và đậu phộng. Tới mùa thu hoạch đậu phộng, Hòa thượng cũng xuống Thường Chiểu, hái trái, lặt phụ với các thiền sinh.

Nói kỷ niệm về Hòa thượng, không bút nào kể hết, thật nhiều, nhiều lắm! Ân sư đã cho các con những bài học quý báu trong cuộc đời tu hành và làm Phật sự.

Sau mười bốn năm, Viên Chiếu bắt đầu khởi sắc, Hòa thượng dạy chúng tôi về Trụ trì Huệ Chiếu. Lại là vấn đề cam go! Trước tôi, toàn là những đại tỷ, đạo lực thâm hậu, Hòa thượng dạy về làm Trụ trì mà không ai chịu ở Huệ Chiếu. Nay Hòa thượng dạy tôi về làm trụ trì Huệ Chiếu, trong khi đó tôi lại nhỏ hơn hai cộng sự với mình, là những vị kỳ cựu, có nhiều công lao với thiền viện trước rồi! Tôi khóc đến không thấy đường đi, mà không dám trái lệnh Thầy, khóc đến nỗi hai Hòa thượng Thường Chiếu và Hòa thượng Giác Thiên (lúc đó là Thượng tọa), ngược mặt lên trần nhà, mắt đỏ hoe, giấu đi những cảm xúc của mình! Thế ấy, mà Hòa thượng cũng không thay đổi ý định!

Sau này, Phật tử xin tôi về xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Giác Tâm tại đảo Cái Bầu - Vân Đồn. Hòa thượng dạy tôi đi! Nhờ vâng lời Thầy, thăng duyên do những trải nghiệm trước, nhờ ân đức của Hòa thượng, nhờ Thiền phái Tông môn vững chắc, thương tưởng đến chúng con. Nhờ thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Chúng con làm được một chút xíu Phật sự nơi vùng xa xôi biển cương hải đảo này, cũng nhờ bóng mát của quý ngài và huynh đệ trong Thiền phái thương tưởng đến.

Hoài bão chúng con là muốn hướng dẫn ni chúng và Phật tử tu tập theo đường lối của Thiền phái Trúc Lâm, tu tốt, học tập tốt, có niềm tin vững chắc với pháp môn và được an lạc nội tâm.

Chúng con nguyện Thiền phái Trúc Lâm lâu dài, để không cô phụ công khôi phục của Hòa thượng Ân sư.

Nguyện Hòa thượng Ân sư, sống lâu nơi đời, trí tuệ viên mãn, để tất cả hàng hậu học chúng con hướng về! Ngày nào còn thấy bóng của Thầy, chúng con thấy ấm áp, hòa hợp và tràn đầy niềm tin!

Nguyện đời đời kiếp kiếp, chúng con được làm đệ tử Sư phụ, cho đến ngày viên mãn thành Phật mới thôi. Xin Sư phụ chứng minh cho chúng con! ■

THẦY TÔI

Hạnh Bình

Năm nào cũng vậy, đến ngày lễ Phật thành đạo, tất cả chúng tôi, những người đệ tử của Thầy ở khắp bốn miền đất nước, trong nước và nước ngoài đều trở về Tổ đình Thường Chiếu và có mặt đầy đủ trong khuôn viên Thiền thất của Thầy... Thật hạnh phúc biết bao khi được nhìn thấy Thầy vẫn còn hiện diện ở đó hồng hào, mạnh khỏe, rồi tiếng nói đâu đó vang lên thật to: “Thầy là Thầy của chúng con, chúng con là đệ tử ngoan của Thầy.”

Ông nội tôi chỉ có hai người con trai: Thầy và Ba tôi. Có lần Ba tôi muốn về quê sinh sống, nhưng Thầy muốn tạo điều kiện cho mọi người ở gần Thường Chiếu để có điều kiện tu tập. Có việc, Ba tôi thường thưa thỉnh Thầy chỉ dạy. Vì thế, chúng tôi cũng thừa hưởng được phúc trí từ Thầy.

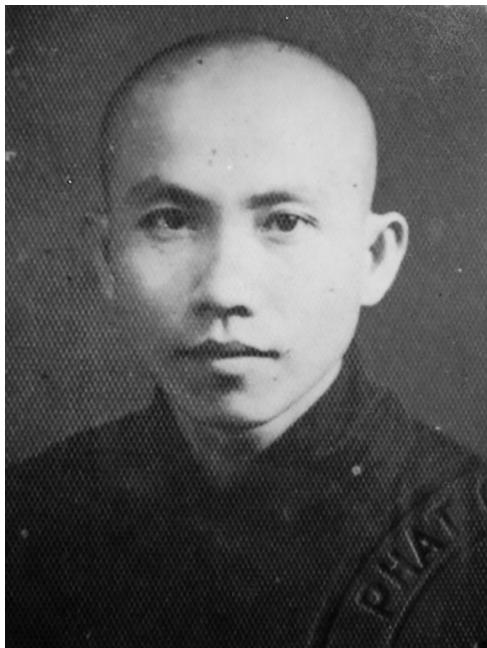
Đúng như tổ Quy Sơn đã dạy: “Như người đi trong sương đêm, tuy không ướt áo, nhưng cũng thấm lạnh”. Năm 1980, dưới sự chỉ đạo của Thầy, Thiền viện Linh Chiếu được thành lập. Nhân duyên hội đủ, tôi mặc áo tràng lênh quỳ trước Thầy xin được xuất gia tu học.

Vậy là tôi được chính tay Thầy cạo tóc, cho xuất gia tu học, nhập chung Thiền viện Linh Chiếu. Từ ngày ấy đến nay đã hơn bốn mươi năm sống trong đạo, thấm nhuần nếp sống Thiền môn và chịu sự giáo dưỡng nghiêm khắc của Người. Thầy dạy tôi rằng: “Con hãy tự đứng trên đôi chân của chính mình, không được nương tựa và ỷ lại nơi Thầy. Đường lối giáo lý trong Tông môn rất rõ ràng, hãy theo đó mà tu tập. Những kiến thức ở bên ngoài chỉ là phương tiện, lúc cần mới sử dụng. Còn cái chân thật nhất là ở nơi tâm con. Hãy đào xới mảnh đất tâm của mình và sống cho được với thật tướng của chính mình.” Những lời dạy ấy mãi còn vang vọng bên tai.

Hổ phụ sinh hổ tử, “con nhà tông không giống lông cũng giống cánh”. Một lần nữa con xin hứa với Thầy: Con sẽ làm được những lời Thầy dạy và mong mỏi nơi con. Thầy tôi là như thế ấy. ■

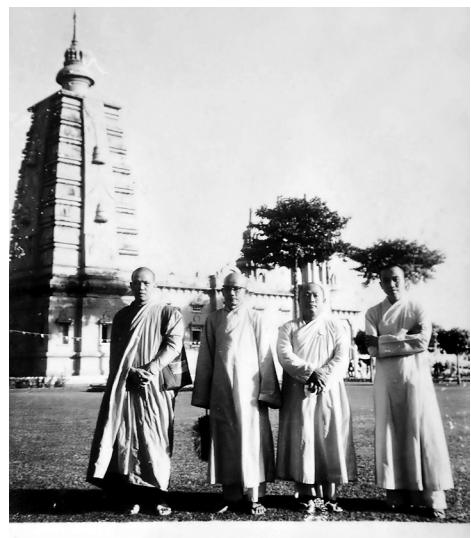
HÌNH ẢNH HÒA THƯỢNG TÔNG CHỦ
TRƯỚC KHI LÊN NÚI TƯƠNG KỲ
PHÁP LẠC THẤT

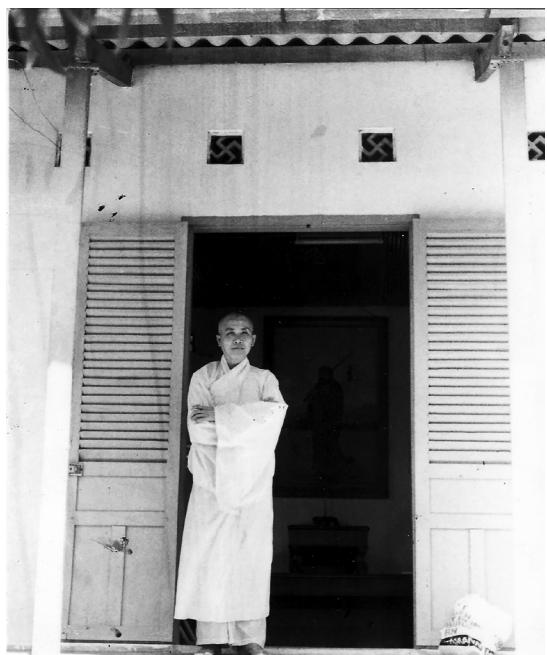


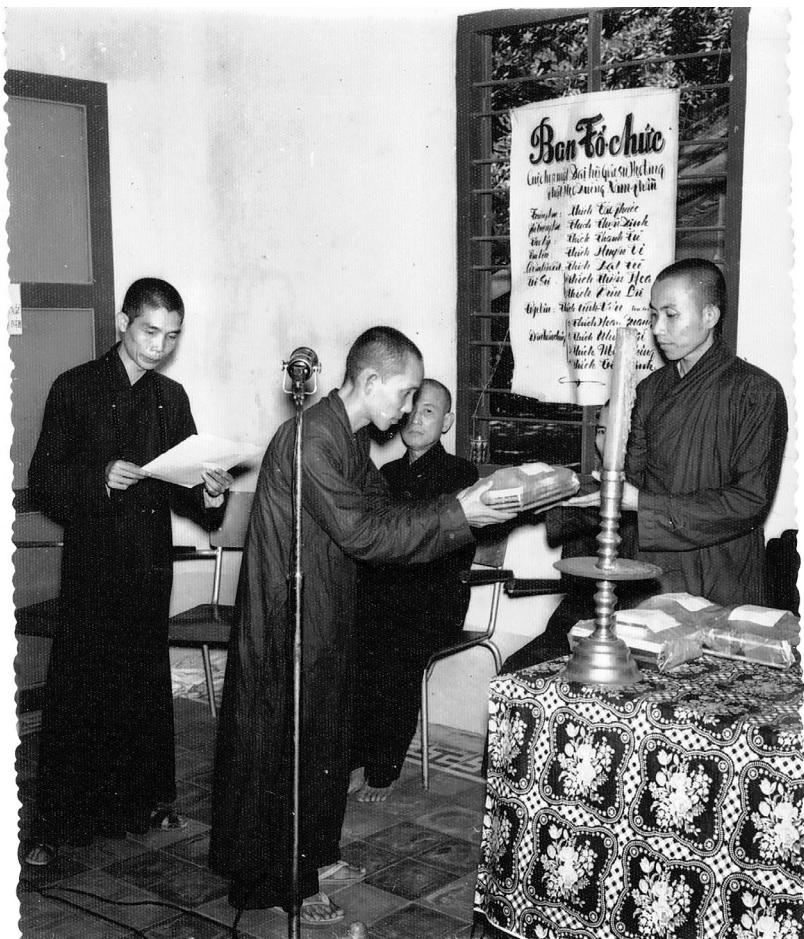




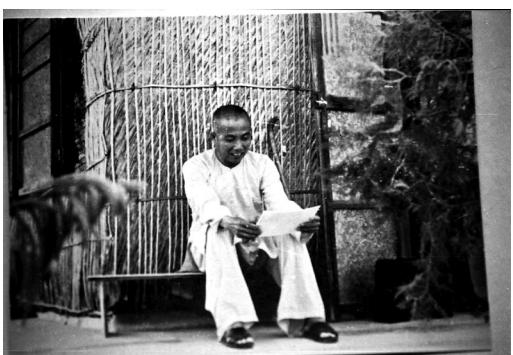
BAN GIÁM - ĐỐC KHÓA HUẤN - LUYỆN TRỰ - TRÌ NĂM ĐINH - DẬU - 1957.







HÌNH ẢNH HÒA THƯỢNG TÔNG CHỦ TẠI PHÁP LẠC THẤT



HÌNH ẢNH
HÒA THƯỢNG TÔNG CHỦ
SAU KHI RA THẤT





TỎA RẠNG
MUÔN NƠI

Cõi Thanh Tú

Thông Thiền

*Chơn Không vốn là tình thương hiểu biết
Là cội nguồn, là nguồn cội thường quen
Là cõi sáng tịch nhiên luôn thanh khiết
Đây trăng sao vầy hội giữa vô biên.*

*Chơn Không, chính là quê hương muôn thuở,
Là nơi mọi người đều từ đó ra đi,
Có người biết quay về và đang quay về.
Có người quay về nhưng nửa đường lại trở gót.
Có người chẳng chịu quay về. Biết nói sao đây?*

*Thôi thì!
Dù ai rong ruổi trong bụi hồng mờ mịt
hay sa lầy trong dục lạc tối tăm
Nhưng hãy cố gắng quay về đi!
vì đó là cõi tịch nhiên, trong lành, bát ngát.
vì đó là cõi THANH tịnh và TÙ bi!*

Nửa thế kỷ trôi qua,
Trải biết bao thăng trầm dâu bể,
Chơn Không vẫn đó.
Sừng sững uy nghi với đá dựng đồi cao,
U mặc trầm hùng với lâu chuông, chánh điện,
Thong dong, tiêu saí với đồi Tự Tại, nẻo Tiêu Dao.
Nhàn nhã, thanh thoái với đường Đại Mai, lối Thạch Đầu.
Tảng Bạch Hổ vẫn an nhiên cùng tuế nguyệt,
Hồ Giác Ngộ cứ bình thản trước sóng gió ba đào...

Nếu ai trực nhận Chơn Không vốn là tình thương,
là hiểu biết, là Phật đài, là hoa lá, lẵn trăng sao,
và:

Mến Chơn Không có non xanh biển cả
Có gió ngàn reo mãi khúc hoan ca
Có tiếng chiều đi khẽ khàng êm ả
Có trăng thanh vắng vặc sáng hiên nhà.
thì xin hãy nhẹ gót quay về!

Chùm Thơ Dâng Thầy

Thông Thiền

1.

*Thuở ấy Thầy nghiêm khắc lạnh lùng
Gân Thầy tim đập với chân run
Trải bao năm tháng nay gân lại
Chỉ thấy kính yêu chẳng ngại ngùng.*

2015

2.

*Con nhỏ khát khao kính ngưỡng Thầy,
Khi thấy áo vàng phất phới bay,
Dâng Thầy trên đất Chơn Không ấy,
Sừng sững như tung giữa gió mây.*

2016

3.

*Dù nay tuổi tác vào lão niên
Nhưng Thầy phong độ vẫn còn nguyên
Kính chúc ân sư sống muôn tuổi
Để thấy dàn con tiếp được thiền.*

2017

4.

*Mỗi tuần chúng con được gặp Thầy,
Trong lòng rộn rã những niềm vui
Chúng con mong muốn Thầy mạnh khỏe
Và được Thầy ban một nụ cười.*

2018

5.

Chúng con tụ lại cúng đường Thầy
Mỗi người mỗi thứ thật nhiều thay!
Riêng con cúng Thầy trái đù đủ
Kiến giải là con vốn đù đầy.

2019

6.

Mỗi tuần chúng con được gặp Thầy
Bậc Thầy khả kính tuổi cao niên
Nhớ thuở theo Thầy tu trên núi
Nương tựa tinh nghiên tỏ đạo huyền.
Nói làm sao hết những nỗi niềm
Mấy ai thấu hiểu nỗi chung riêng
Lớn tuổi gần Thầy càng thêm quý
Hạnh phúc đơn sơ ngát vị thiền.

2020

7.

Phật tử Chơn Không khát ngưỡng Thầy
Mong thấy áo vàng dưới bóng cây
Muốn gặp đạo nhân ngồi bệ đá
Cho lòng kính nhở được với đầy.

2021

MỪNG SINH NHẬT ÂN SƯ
lần thứ 100

Thầy nay tuổi hạc đã cao niên
Đạo phong ngồi sáng nét uy nghiêm
Mong Thầy sống thọ như Triệu lão
Để thấy đàn con tiếp đuốc thiền.

2022

NÉT ĐẸP TRONG VĂN HÓA THIỀN PHÁI TRÚC LÂM HIỆN NAY

TÔNG HUYỀN

I. MỞ ĐẦU

Có thể nói, Phật giáo đời Trần là thời kỳ hưng thịnh nhất trong lịch sử Phật giáo Việt nam. Phật giáo được coi là Quốc giáo - Phật giáo Nhất tông - Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Nền văn hóa thời nhà Trần phù hợp với thuần phong mỹ tục của người dân chân chất hiền thực nước Việt.

Với tư tưởng “*Lấy ý muôn của thiên hạ làm ý muôn của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình*” là lời nhăn nhú của một vị Thiền sư “Quốc sư Trúc Lâm”, đã hàn sâu vào tâm khảm của ông vua “Thiền sư Trần Thái Tông”. Đây cũng chính là “Tâm từ bi” - tinh thần chủ đạo Thiền phái Trúc Lâm xuyên suốt từ xưa cho đến ngày nay.

Thiền phái Trúc Lâm nhà Trần dần bị mai một. Cho đến cuối thế kỷ XX, Hòa thượng Thích Thanh Từ tu hành sáng đạo, khôi phục lại Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Từ đó đến nay, trải qua trên 54 năm (1968-2022), Thiền phái Trúc Lâm ngày càng phát triển. Mỗi người tự nhận ra hòn ngọc của chính mình!

Nét đẹp ban sơ không cần mài gọt, có sẵn từ bao giờ! Hành giả Trúc Lâm biết trở về với tánh sáng từ vô thủy, chỉ cần “trái mai dã chín” là đầy đủ gia tài của báu, không còn lang thang làm “chàng cùng tử”. Vượt lên đỗi

đãi nhì nguyên, vượt lên không gian thời gian, mỗi người hãy nhận lấy hòn ngọc trong chéo áo chính mình.

Từ đây, hình thành nên nét đẹp trong chốn Thiền môn, nét đẹp văn hóa của hành giả Thiền phái Trúc Lâm!

Có thể nói, nét đẹp văn hóa Thiền phái Trúc Lâm rất phù hợp với người dân nước Việt, bởi đó là nét đẹp truyền thống. Mỗi người Phật tử có tâm Phật, có Phật trong tâm nên sống hòa thuận hạnh phúc. Sự ảnh hưởng của Văn hóa Phật giáo góp phần tạo nên một xã hội an lạc bền vững, đáng được tôn trọng trân quý.

II. NỘI DUNG

1. Ban Quản trị Thiền phái

Trải qua bao biến động thăng trầm, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử rất hưng thịnh thời nhà Trần, Phật giáo là Quốc giáo. Theo quy luật tự nhiên thịnh rồi đến suy. Vào đầu thế kỷ XX, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử gần như mai một hoàn toàn.

Sau thời gian tu hành chứng đắc thiền định, Hòa thượng Thanh Từ đã phát tâm khôi phục lại Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử được khôi phục vào thập niên 1970. Từ đó đến nay, với tinh thần nhập thế, phù hợp xã hội Việt Nam, đã không ngừng phát triển về số lượng Tăng ni, Phật tử. Thiền viện được xây dựng khắp mọi miền. Hòa thượng thành lập ban Lãnh đạo, ban Quản trị Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, nhằm điều hành và lãnh đạo Thiền phái.

2. Tư tưởng

Trong sách “Ba vấn đề trọng đại trong đời tu của tôi” Hòa thượng Thanh Từ nói: “*Suốt chiều dài lịch sử ngót 18 thế kỷ, Phật giáo Việt Nam trải qua lăm phen thăng trầm. Ngày nay, chúng ta phải chọn một chặng nào thích ứng với hoàn cảnh hiện tại, tinh thần khế lý khế cơ giúp Tăng ni và Phật tử Việt Nam dễ thấy lối đi, tu hành thoát khổ được vui. Qua nhiều năm ưu tư, chúng*

tôi khẳng định lấy Phật giáo đời Trần làm cái mốc để xây dựng Phật giáo Việt Nam hiện thời”.

a. Tức Tâm tức Phật

Có thể nói tư tưởng “tức tâm tức Phật”, xuất phát từ Sơ tổ Bồ-đề-đạt ma “Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”. Cho đến Việt Nam, vào thời nhà Trần, trong “Thiền Tông Chỉ Nam” của Trần Thái Tông, ghi: Một hôm, vua quyết chí lui về chốn núi rừng, tìm học Phật pháp, đến gặp Quốc Sư Trúc Lâm trên núi Yên tử. Quốc sư bảo: “Trong núi vốn không có Phật, Phật vốn ở trong tâm. Tâm lặng mà biết gọi là chân Phật. Nay Bệ hạ nếu ngộ tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc tìm ngoài”.

Từ đây, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử lấy “Tâm” làm yếu chỉ tu hành. Sau này Sơ tổ Trúc Lâm Đại Đâu-dà Trần Nhân Tông, trong “Cử Trần Lạc Đạo Phù” có dạy: “Tịnh Độ là lòng trong sạch, chờ còn ngờ hỏi đến Tây phương. Di-dà là tính sáng soi, mựa phải nhọc tìm về Cực Lạc”.

Hòa thượng Thích Thanh Từ, với tâm Lão bà từ bi tha thiết, ngài đã trên 50 năm vì Phật tử, đã giảng dạy giáo lý Thiền tông khai mở cho biết bao nhiêu người thực hành giáo pháp đạt đến chốn hạnh phúc. Mỗi người hãy quay trở lại nhìn vào tâm mình, không nên nhìn ra bên ngoài “Phản quan tự kỷ bốn phận sự, bất từng tha đặc” như lời Tuệ Trung Thượng sĩ từng dạy.

b. Thiền Giáo đồng hành

Trong lịch sử Thiền tông Trung Hoa, chư vị Thiền sư chủ yếu khai thị những công án, thiền ngữ súc tích, phương pháp “gậy bỗng” giúp cho hành giả mở trí, khai tâm. Tuy nhiên, chủ trương của Thiền phái Trúc Lâm, ông tổ Việt Nam nhẹ nhàng thi vị hơn. Các Tổ sư đã kết hợp hài hòa giữa giáo và thiền, được Giáo thọ giảng dạy Kinh điển Đại thừa, các bộ ngữ lục cho người tu Thiền học hiểu.

Có thể nói, thời khóa tọa thiền tại các Thiền viện thuộc Thiền phái rất quan trọng. Trong suốt thời gian công phu thiền tọa, mỗi hành giả phản quán chính mình.

Đầu tiên pháp quán sổ tức, hít vào thở ra đều biết rõ từng hơi thở, không lẫn lộn số đếm. Sau đó là tùy tức, là theo dõi hơi thở. Hơi thở nhanh chậm nặng nhẹ đều biết rõ ràng. Đây là phương pháp điều thân điều tức để bổ trợ cho hành thiền. Sau thời gian thuần thục, tiếp đến hành giả mới thực hành pháp môn căn bản trọng yếu của Thiền.

Hòa thượng Thanh Từ đã giảng dạy pháp Biết vọng không theo “Tri Vọng” và pháp môn Trực chỉ “Biết có Chân Tâm”, nghĩa là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, rất phù hợp cho hành giả ngày nay.

Thời gian học giáo lý vào các buổi chiều trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7. Tất cả tăng ni, Phật tử ở trong các Thiền viện đều học kinh điển. Với yếu chỉ Thiền giáo song hành, là nét đặc trưng của Thiền phái Trúc Lâm xưa nay so với Thiền tông Trung Hoa.

c. *Tinh thần tùy duyên*

Phật giáo với tinh thần “vô ngã vị tha”, lý tưởng tối thượng là từ bi cứu khổ. Từ khi mới thành đạo, đức Phật đã dạy các đệ tử: “*Này các Tỳ-kheo, hãy lên đường vì hạnh phúc an lạc cho quần chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích hạnh phúc an lạc cho chư Thiên và loài Người*”. Mỗi một hành giả Thiền phái Trúc Lâm xưa và nay với tinh thần tùy duyên nhập thế, hòa nhập vào cuộc sống của quần chúng tùy theo hoàn cảnh thực tế mà làm lợi ích cho mọi người, mọi loài.

Trong “Cư Trần Lạc Đạo Phú”, Sơ tổ Trần Nhân Tông có kệ: “*Mình ngồi thành thị, nết dung sơn lâm...*”, “*dựng cầu đờ giồi chiền tháp, ngoại trang nghiêm sự tướng hãy tu*”. Có nghĩa là công phu tu hành có được phải hòa nhập vào sự nghiệp vì đất nước xã tắc.

Trên tinh thần giác ngộ giải thoát cho chính mình khỏi sự mê muội khổ đau, cũng chính là bối phận của người Phật tử Trúc Lâm đưa hạnh phúc an lạc đến cho tha nhân. Hòa thượng Thích Thanh Từ từng nói: “*Nếu tôi không thể làm một viên linh đơn cứu tất cả bệnh của chúng sanh, ít ra cũng là một viên thuốc bổ giúp cho người bớt khổ*”.

Tùy duyên tu tập, tùy duyên sống đạo, hòa hạnh phúc của mình vào với hạnh phúc của tất cả mọi người. Hãy cùng một nhịp đập của trái tim nhân hậu thương yêu hết thảy, vì tất cả chúng ta ai cũng có quyền sống, có quyền hạnh phúc bình đẳng.

Sơ tổ Trúc Lâm dạy:

“*Ở đời vui đạo hãy tùy duyên,
Đói đến thì ăn mệt ngủ liền.
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm,
Đối cảnh vô tâm chờ hỏi thiền*”.

Mỗi người hãy tùy duyên tự tại, sống thiền an lạc trong từng phút giây, ngay bây giờ và tại đây.

3. Pháp môn tu tập

a. Tu tập Tọa thiền

Trong lời giới thiệu của bản “Thanh quy”, Hòa thượng Thanh Từ viết: “*Phật dạy ba môn học là văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ... Nên biết, có văn, tư mà không tu thì chúng ta không khi nào hết khổ*”.

Trọng tâm của các Thiền viện hiện nay là tu thiền. Tất cả thiền sinh ở đây lấy Thiền làm mạng sống. Vì thế, trong bốn oai nghi Thiền sinh lúc nào cũng tĩnh giác, song thực hiện trọn vẹn hơn là những giờ tọa thiền.

Thời gian tọa thiền của đại chúng (Thiền sinh), các Thiền viện có sự linh hoạt, nhưng cơ bản là hai thời Công phu chính. Sáng từ 3h15

đến 5h. Tối từ 19h30 đến 21h. Có thể nói, đây là nét đẹp Văn hóa của người hành giả tu Thiền. Trong suốt thời khóa Tọa thiền, Hành giả ngồi yên lặng, hai chân xếp vào nhau (kiết già) mặt nhìn về phía trước, lưng thẳng tư thế nhẹ nhàng không cử động, dụng tâm theo phương pháp Hòa thượng đã chỉ dạy. Nên nhớ trong lúc ngồi thân, miệng, ý đều thanh tịnh vắng lặng.

b. Thời Sám hối sáu căn

Theo nghi khóa Thiền phái Trúc Lâm hiện nay, khóa lễ Sám hối sáu căn được thực hành vào buổi chiều tối, trong tất cả các Thiền viện. Hòa thượng Thanh Từ nói: “*Mỗi người ai cũng có thể lâm lõi, nhưng biết sám hối thì lâm lõi đó sẽ hết.*” Sám hối có công dụng giúp chúng ta tiêu trừ những nghiệp cũ, làm sạch những nghiệp mới. Vì thế sám hối là một điều rất thiết yếu” (*Khóa Hu Lục giảng giải*).

Đến thời khóa tụng kinh 5h45’, toàn chúng đều đắp Y hậu chỉnh tề. Thời tụng kinh (Sám hối sáu căn), thường lệ khoảng 1 giờ, nhằm giúp cho hành giả quay về với Chánh pháp, thanh tịnh. Cầu nguyện cho tất cả mọi loài đều được an vui hạnh phúc, giải thoát mọi khổ đau.

c. Học tập Kinh, Luận

Thời gian đại chúng học tập kinh luận, thường vào buổi chiều từ thứ 2 - thứ 7 trong tuần, thời gian học từ 14h đến 16h. Chương trình học chủ yếu là các bộ Kinh điển Đại thừa, Luận Ngũ lục Thiền tông. “kinh Thủ-lăng-nghiêm; bộ kinh Hoa Nghiêm, bộ kinh Đại Bát-nhã”... Các bộ “luận Đại Trí Độ; luận Đại Thừa Khởi Tín; Pháp Bảo Đàm kinh, Khóa Hu Lục (vua Trần Thái Tông), các tác phẩm của Sơ tổ Trúc Lâm.”

4. Đào tạo tăng tài, giảng kinh thuyết pháp

a. Đào tạo tăng tài

Hiện nay, tại Tổ đình Thiền viện Thường Chiếu đã thành lập Trường Thiền thời khóa học 3 năm. Lớp Thiền này gồm các thiền sinh trẻ đã học xong Trung học phổ thông. Thiền sinh học tại trường hoàn toàn nội trú suốt 3 năm. Theo Hòa thượng Nhật Quang (Hiệu trưởng trường Trung cấp Phật học Đồng Nai), sau khi học xong khóa học tiếp tục học chương trình Cao đẳng Thiền học chuyên sâu (3 năm) tại Thiền viện Trúc Lâm Trí Đức. Trừ những lý do đặc biệt như Cha mẹ mất, Thầy tổ viên tịch hoặc bị bệnh nặng Thiền sinh mới được phép ra ngoài...

b. Giảng kinh thuyết pháp

Phần giảng kinh thuyết pháp, chủ yếu là để tài giáo lý căn bản, giúp Phật tử dễ dàng lanh hội áp dụng trong tu tập hằng ngày. Đó là những bài pháp về “Tam quy Ngũ giới, Thập thiện”, giáo lý Nhân quả Nghiệp báo. Cũng có những bài pháp nói lên giáo lý cốt túy như “Tâm tức Phật, Phật tức tâm”. Với pháp môn tu tập phù hợp với mọi căn cơ của mọi người, đã giúp cho hành giả tu tập đạt được nhiều an lạc. Chỉ rõ con đường tu tập Bồ-tát hạnh, quả vị thánh hiền, giúp cho người Phật tử càng thêm tinh tấn.

Tóm lại, giảng kinh thuyết pháp giúp cho người nghe hiểu được giáo lý Phật dạy áp dụng thực hành, chính là đem lại hạnh phúc an vui cho chính mình và cho mọi người, mọi loài. Thiền giáo song hành là pháp tu căn bản của Thiền phái Trúc Lâm xưa cũng như nay, đem lại nhiều lợi ích tự lợi lợi tha.

5. Kiến trúc, thờ tự

a. Kiến trúc

Tuy tiếp nhận về tư tưởng, pháp môn tu tập theo Thiền phái Trúc Lâm thời nhà Trần, song về mặt kiến trúc Thiền phái Trúc Lâm ngày nay có nhiều sự sai khác. Hầu hết các Thiền viện đều có khu ngoại viện và nội

viện. Nội viện là nơi tu học sinh hoạt của Tăng chúng xuất gia. Khu Ngoại viện là nơi sinh hoạt của Phật tử, khách tham quan viếng cảnh chùa.

Lối kiến trúc, kết hợp cổ kim tạo nên sự hài hòa trong văn hoá Việt. Chánh điện Nhà tổ, Trai đường, Thiền đường theo lối trực diện chính.

Chánh điện, Nhà tổ là trung tâm của một ngôi Thiền viện, vì thế, ngôi Chánh điện được kiến thiết rộng lớn trang nghiêm. Ngôi Nhà tổ được kết nối với Chánh điện tạo nên một không gian thoáng rộng cho những buổi lễ lớn, như ngày lễ Giỗ tổ, lễ Khánh tuế của Hòa thượng Tôn sư.

Thiền đường, là nơi thiền sinh tọa thiền hằng đêm, nên thường được bố trí sâu vào bên trong Nội viện, vắng vẻ yên tĩnh, thoáng mát rất thích nghi cho việc Tọa thiền của đại chúng. Hằng đêm, vào buổi tối muộn và sáng sớm, tất cả Thiền sinh trong viện đều tập trung lên Thiền đường để tọa thiền.

Trai đường hay nhà ăn của chư tăng, nơi thọ trai hằng ngày của quý Sư. Phật tử có chỗ ăn riêng gọi là Hương Nhũ đường hay khu hành lang Trai đường.

Nhà khách ngay trong cổng tam quan rất thuận lợi cho việc tiếp các đoàn Phật tử đến học pháp tu tập, viếng chùa. Nhà khách cũng là nơi tập tu sinh hoạt dành cho các vị Phật tử theo nếp sống Thiền môn.

Giảng đường khang trang rộng lớn có thể dung chứa đến 500 -700 người nghe pháp. Xung quanh Giảng đường là các dãy ghế dưới các tàng cây mát mẻ giúp người ngồi nghe pháp, khách tham quan có nơi yên tĩnh lắng tâm, tinh thần thanh thản...

Tất cả quần thể Tùng lâm Thiền viện tạo nên một sự hoàn hảo trong không gian yên tĩnh phù hợp cho một nơi lý tưởng Tu tâm. Tất cả những ai đến đây một lần là nhớ mãi, với những an nhiên tịch tĩnh thoát khỏi chốn bụi trần.

b. Thờ tự

Việc thờ tự trong các Thiền viện Thiền phái Trúc Lâm xưa và nay cũng có sự sai khác. Chùa Thiền xưa mang tính truyền thống: Bàn thờ giữa Chánh điện là Tam thế Phật (Phật A-di-đà, Phật Thích-ca, Phật Dược Sư). Các vị Bồ-tát thường thờ là Quan Âm, Đại Thế Chí, Văn Thủ, Phổ Hiền; các vị Hộ pháp Phạm Thiên Đế Thích, Thiên Vương...

Ngày nay, ngôi Chánh điện Thiền phái chỉ thờ tượng đức Phật Thích-ca mâu-ni lớn tọa thiền kiết già “Niêm hoa vi tiếu”, tay phải cầm hoa sen ngay tại gian giữa. Phía bên tay phải đức Phật thờ tượng Bồ-tát Phổ Hiền, bên trái thờ tượng Bồ-tát Văn-thù.

Nhà Tổ phái Thiền thường thờ các vị Tổ sư Bồ-đề-đạt-ma... các vị Tổ thiền phái Trúc Lâm như Sơ tổ Trúc Lâm, Nhị tổ Pháp Loa, Tam tổ Huyền Quang.

Ngoài ra, tùy theo nhân duyên của mỗi Thiền viện mà còn có thêm một số công trình, như Khu tháp Liên hoa và tháp Tỉnh Hương thờ tượng Bồ-tát Địa Tạng Vương, là vị Vương chủ cõi Địa ngục. Ngài luôn khởi lòng từ bi cứu khổ giải thoát cho mọi loại chúng sanh bị đọa lạc trong cảnh giới vô minh tăm tối. Hoặc Thập bát La-hán đường, Điện Văn-thù, Hương tháp Hòa thượng Viện chủ...

III. KẾT LUẬN

Có thể nói, nền văn hóa của một đất nước là thước đo về văn minh bình đẳng, sự tự do dân chủ của một dân tộc. Đất nước có nền độc lập chủ quyền, kinh tế phát triển thì văn hóa chắc chắn đem lại nhiều an vui hạnh phúc cho người dân cả tinh thần lẫn vật chất.

Qua lịch sử, chúng ta thấy rất rõ thời đại nhà Trần, nền văn hóa Phật giáo của Thiền phái Trúc Lâm góp phần không nhỏ tạo nên những thành tựu trong văn hóa Đại Việt thời bấy giờ.

Ánh sáng Thiền Trúc Lâm một lần nữa được được thắp lên, chiếu khắp!

Từ ngày Sư ông tuyên bố “đã về nhà”, dòng Thiền khởi nguồn trên đỉnh Tương Kỳ - Chơn Không, đến Thường Chiếu, Phụng Hoàng vỗ cánh tung bay lên miền cao nguyên Đà Lạt, nguồn Thiền từ đây tuôn chảy. Trở về chốn Tổ Yên Tử chùa Đồng, “Niêm hoa vi tiếu” Tây Thiền vẫn còn in dấu. Ánh sáng Thiền “Phổ Chiếu” từ Bắc vào Nam, qua miền Trung “Hàm Rồng”, “Bạch Mã”... trở về cội nguồn Thanh Nguyên với ánh sáng “Viên Chiếu, Trí Đức” linh diệu “Linh Chiếu”... Thiền tuệ là không tỳ vết, nét đẹp tinh khôi thanh tịnh.

Nét đẹp văn hóa Thiền phái Trúc Lâm ngày nay là sự tổng hòa trong sự tu học sinh hoạt, hòa nhập vào xã hội. Từ cơ cấu tổ chức, tư tưởng chủ đạo đến thời khóa tu tập. Đặc biệt là các buổi giảng kinh thuyết pháp... tất cả đều hài hòa trong nét đẹp của truyền thống dân tộc Việt Nam.

Trên tất cả, đó chính là người Phật tử Thiền phái có tấm lòng nhân hậu, có đạo đức, tình thương của một vị Bồ-tát, thương người như thương chính mình. Bởi trong tâm của mỗi người đều là Phật, sẽ thành Phật.

Văn hóa của Phật giáo Thiền phái Trúc Lâm, cũng là nét đẹp truyền thống của người con dân tộc Việt Nam yêu quê hương đất nước, yêu chuộng hòa bình. Thiết nghĩ, nếu được hòa nhập với sự kết hợp chọn lọc những điều tốt đẹp trong xã hội ngày nay, hy vọng sẽ là đưa đến cho mọi người mọi loài niềm an vui hạnh phúc, an lạc miên viễn. ■

Tho Mừng
Khánh Tuế Sư Ông

Trí Hải

Nguõng bạch trên Sư ông chứng minh.

Con là Tỳ-kheo Thích Trí Hải, đệ tôn của Sư ông. Theo truyền thống của Thầy con, Trưởng tử của Sư ông, Viện chủ Thiền viện Sơn Thắng, năm nào cũng về mừng khánh tuế Sư ông để bày tỏ lòng hiếu kính. Khánh tuế Sư ông là ngày hội lớn trong Tông môn, con cháu quây quần về bên Sư ông để kính mừng và hân thường nguồn an lạc lan tỏa từ Sư ông, lấy đó làm động lực tu hành cho đến ngày viên mãn. Con tuy quê mùa, nhưng năm nào cũng muốn viết một bài thơ và được đọc cúng dường cho Sư ông nghe. Nay, mừng Đại thọ Sư ông trăm tuổi, con xin phép được ghi lại những bài thơ mừng Khánh tuế Sư ông. Nguõng mong Sư ông thùy từ chứng minh cho tấm lòng của chúng con.

KÍNH MỪNG SƯ ÔNG 93 TUỔI

*Khánh tué Sư ông, một món quà
Tâm lòng con cháu ở quê ra
Mừng Ông tuổi thọ ngày tăng trưởng
Xuân mãi tươi hồng xuân chín ba*

KÍNH MỪNG SƯ ÔNG 95 TUỔI

*Thanh giải nhiệt não
Tử tế chúng sanh
Cửu thập ngũ tué
Đại sự viên thành*

KÍNH MỪNG SƯ ÔNG 96 TUỔI

*Hôm nay mừng khánh tué Sư ông
Cháu con tè tựu thật là đông
Lòng đầy hoan hỷ khi trông thấy
Sắc diện Sư ông vẫn tươi hồng
Từ chốn quê xưa đất Vĩnh Long
Người đi hưng phục lại Thiền tông
“Quy khú lai hè” tâm bất động
Chín sáu xuân yên - sáng cõi lòng.*

KÍNH MỪNG SƯ ÔNG 97 TUỔI

*Về đây sum họp một nhà
Bên Sư ông, thấy thật là phúc duyên
Biết mình con cháu nhà Thiền
Quyết lòng sống với hiện tiền chân tâm.*

KÍNH MỪNG ĐẠI THỌ SƯ ÔNG 100 TUỔI

*Sư ông trăm tuổi
Con cháu thật đông
Trở về khánh tué
Cung kính một lòng.
Nhớ xưa!
Tử đất Vĩnh Long
Quyết chí Chơn Không
Bi tâm hóa độ
Hưng phục Thiền tông
Chúng con kính nguyễn Sư ông:
Thường trú chân tâm, lòng tự tại
Chiếu diệu quang minh, trí sáng ngời.*

TRĂM NĂM SÁNG NGỜI TINH ĐẦU

Minh Đạo

Cung kính đảnh lễ Sư ông Tông chủ Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam
đương đại.

Chúng con hàng môn hạ đệ tử Thiền viện Sơn Thắng, tỉnh Vĩnh Long,
là pháp tôn của Sư ông. Hôm nay, nhân ngày mừng khánh tuế bách niên,
Sư ông cửu trụ nơi cõi Ta-bà hóa độ chúng sanh, chúng con xin được cúi
đầu phủ phục gieo năm vóc chí thành đảnh lễ Sư ông, cúi xin ngài từ bi
thương tưởng cho tấm lòng hiếu kính của chúng con.

Kính bạch Sư ông!

Mặc dù không có nhân duyên được trực tiếp thọ nhận công đức pháp
hóa từ Sư ông, nhưng thật hạnh phúc thay, chúng con được cố Hòa thượng
bổn sư là Trưởng tử của Sư ông từ bi thế độ, nên mạch nguồn giáo pháp
thâm diệu của Sư ông chúng con đã được ân hưởng tận tường. Những
năm tháng cuối đời, Thầy chúng con còn để lại cho hàng đệ tử những lời
phú chúc chân tình: “... Tôi tu theo pháp thiền Thầy tôi dạy, Tôi thấy có
niềm vui, niềm hạnh phúc trong đời sống tu hành. Nguyện đời hành đạo
Bồ-tát, truyền bá chánh pháp của chư Phật - chư Tổ. Thân này là giả, có sinh,
có diệt; còn pháp thân bất sinh bất diệt có gì lo? Chúng sinh khờ dại có Niết-
bàn mà không biết sống, không biết hưởng mà cứ chạy tìm. Có hạt ngọc trong
túi mà không biết đem ra xài, thật đáng tiếc...” Cảm hoài sâu sắc những
pháp âm vi diệu của Sư ông đã làm nén hơi thở, mạch sống và pháp hành
cho Thầy chúng con. Để rồi hơn 50 mùa hạ lạp, Thầy chúng con lấy đó
làm Kim chỉ nam tu học và phụng sự nhân sinh.

Ngọn đèn chánh pháp sáng mãi không cùng, pháp đăng vô tận mười phương tỏa chiếu. Ngọn pháp đăng của đức Sơ tổ Trần Nhân Tông khởi nguồn hơn 700 năm trước đã làm ngọn hải đăng soi sáng cho hệ thống tư tưởng thiền học Việt Nam. Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử ra đời, một dòng thiền mang những nét đặc trưng riêng của dân tộc, nhưng vẫn không rời các tư tưởng giáo lý của đức Phật Thích-ca-mâu-ni. Trải qua bao biến thiên của thời cuộc, vận nước vận đạo có những lúc thăng trầm, nhưng ngọn pháp đăng vô tận ấy vẫn lặng lẽ chiếu soi vào từng ngõ ngách của thế gian, vẫn được nối đuôi truyền đăng đến thế kỷ XX, Sư ông đã làm rực sáng trở lại ngọn đèn của chư Tổ, khiến ánh sáng lan tỏa khắp muôn nơi. Thiền viện, thiền tự, đạo tràng ở trong nước và ở hải ngoại được kiến khai rộng khắp, tăng ni Phật tử hữu duyên được thọ học không sao xiết kể.

Tròn một trăm năm, ngôi sao Bắc đầu rực sáng ở vùng trời đất Việt, suốt cả cuộc đời học đạo, hành đạo và hoằng đạo thủy chung viên mãn thành tựu. Cuộc thế có vô thường biến đổi, bậc đạo sư Tông chủ vẫn an nhiên tĩnh tại, sống trọn vẹn trong pháp thực chứng “Chân Tâm Vô Niệm” mà ngài đã dày công tu tập. Tán dương công đức và đạo hạnh của một bậc Thầy trí sáng tâm thông, tri hành hợp nhất, chúng con dù có dùng hết ngôn ngữ của thế gian vẫn không sao nói lên tường tận. Chỉ xin phát nguyện dốc chí tu hành và hoằng dương giáo pháp mà Sư ông đã chỉ dạy để ngọn pháp đăng của Sư ông được tiếp nối đến vô cùng.

Mừng ngày khánh thọ thứ 100 của Sư ông, chúng con hàng pháp tử, pháp tôn của ngài, cùng đế huề bên nhau, thắp sáng ngọn Pháp đăng vô tận, trước cúng dường lên Tam bảo, dâng lên cúng dường Sư ông Tông chủ Thiền phái Trúc Lâm, nguyện ngài luôn tú đại nhu hòa, thân thể kiện khương, luôn là ánh quang minh soi sáng cho chúng con và chúng sinh nương tựa tu tập.

Kính nguyện tông môn Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam quang huy tỏa chiếu như nhật nguyệt, pháp âm của Hòa thượng Tông chủ vang vọng đến vô cùng, đạo mạch mãi trường lưu vạn cổ. ■

KHO BÁU NHÀ MÌNH CHẮNG ĐOÁI HOÀI

Thông Phổ

Vào năm 1999, tại Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt, có một người Pháp tuổi độ chừng chưa đầy 40, đến xin tập tu 15 ngày. Đây là một trường hợp hiếm có, vì lâu nay người nước ngoài đến xin tập tu thường là 3 ngày hoặc tuần lê. Họ nặng về nghiên cứu tìm hiểu hơn là công phu thực hành, vì thời khoá ngồi thiền 2 tiếng đồng hồ đối với họ là quá khó khăn. Riêng người Pháp này lại chịu thực hành, xin xuống Thiền đường ngồi chung với đại chúng.

Ngay buổi đầu, thầy hương đăng (thầy Thông Lưu) nguyên trước là thầy dạy Pháp văn, nên đã tận tình chỉ dẫn phương pháp tu thiền, còn phải vất vả nhờ ban may may gấp cho anh ta một cái bồ đoàn đúng cỡ. Đầu tiên thầy tuân tự hướng dẫn cho anh cách ngồi xếp bằng thôi, chứ kéo chân bán già cũng chưa được vì cái chân quá to. Có điều rất quý, tuy ngồi chùng 30 phút là anh nhăn mặt đau đớn, thay đổi tư thế liên tục, nhưng vẫn không bỏ cuộc, ngồi đủ giờ và không dám động chúng.

Hai ngày sau, cổ chân của anh bị sưng vù, Thầy hương đăng khuyên anh nên nghỉ hoặc giảm bớt một thời, vì người nước ngoài không được nghỉ đêm tại Thiền viện nên tối đa chỉ ngồi được hai thời, nhưng anh ta nhất định không chịu nghỉ và bảo rằng đã uống thuốc giảm đau rồi.

Và cứ như thế lần lượt ngày qua ngày, sau cùng anh đã chiến thắng, hoàn tất được thời hạn xin tập tu.

Thật lòng mà nói, ban đầu chúng tôi không tin rằng anh ta chịu nổi hết tuần. Vì đã có nhiều người khi bước đến Thiền đường, quả quyết phán khởi, phát nguyện sâu xa, nhưng chỉ vài thời ngồi thiền thì đã lặng lẽ biến mất. Cho nên khi anh ta hoàn tất được thời hạn, cho dù chất lượng chưa phải là mỹ mãn, nhưng ý chí kiên trì thật đáng khâm phục. Người phương Tây rất trọng kinh nghiệm thực tiễn, chứ không phải chỉ trên lý thuyết sách vở, xét lại mình thì hình như có điều trái ngược.

Nhờ những ngày đồng tu với nhau, nên dần dà đại chúng đã biết được nguyên nhân người Pháp này đến với Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt.

Tại nước Pháp, phương pháp tập Thiền đang được mở rộng. Anh có duyên đọc qua những quyển sách của phương Đông, nên từ đó dần dần đi qua các nước Ấn Độ, Tây Tạng, Nhật Bản, Thái Lan... để tìm hiểu về Thiền. Riêng đối với Việt Nam, thì anh chưa có cơ hội, nhờ có lần anh nghiên cứu về sử thế giới, phát hiện lịch sử Việt Nam rất sáng chóe về những công cuộc chống ngoại xâm, trong đó ba lần đánh thắng quân Nguyên Mông là đề tài được thế giới tìm hiểu nghiên cứu rất nhiều. Người ta so sánh và ngạc nhiên, tại sao người Việt Nam lại có thể chiến thắng được quân Mông Cổ khi tương quan lực lượng lại không cân xứng. Một chi tiết khiến anh rất quan tâm, chính là sự có mặt của Thiền phái Trúc Lâm.

Anh quyết tâm đến Việt Nam để tìm hiểu về Thiền phái Trúc Lâm. Qua sự tưởng tượng, anh nghĩ rằng mọi người dân Việt Nam đều biết tu Thiền, và sẽ dễ dàng tìm ra nơi chốn để tập Thiền, vì Thiền đã có mặt trong trang sử vàng son của đất nước, không lý gì người dân chẳng biết.

Anh đáp chuyến bay đến Hà Nội tham quan một vài di tích trên núi Yên Tử. Sau đó anh vào Thành phố Hồ Chí Minh tìm hiểu một vài nơi. Cuối cùng, trước tấm lòng tha thiết, anh được giới thiệu đến Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt.

Đến đây, chủ tăng đã hỏi đùa anh:

- Böyle giờ anh được hả dạ chưa?

Anh trả lời:

- Rất là ấn tượng, chuyến đi Việt Nam này không uổng phí, thật là cao quý nhưng cũng thật là đau đớn!

- Khi bị đau chân, sao anh không nghỉ?

- Đã hứa thì phải làm, hơn nữa quý vị nhỏ người mà ngồi được, chẳng lẽ tôi to khoẻ như vậy mà ngồi không được sao? Tôi đã hiểu ra, tại sao người Việt Nam lại có thể đánh thắng quân Mông Cổ hùng mạnh!

Ai cũng ngạc nhiên, chờ đợi anh bật mí.

- Ngôi thiền đau như thế này mà quý vị chịu đựng được, thì lần tên mũi đạn có nghĩa lý gì? Cho nên người Việt Nam rất là can đảm! Chiến thắng quân thù là tất nhiên.

Mọi người ô lèn thật bất ngờ, vì lâu nay nghe thầy tổ dạy ngôi thiền để chiến thắng cái đau, thì mai nay mình mới chiến thắng được lúc tứ đại phân ly, làm chủ sinh tử. Đâu ngờ hôm nay lại có người phát kiến là chiến thắng quân ngoại xâm.

Chúng tôi cùng hoan hỷ chia sẻ với anh, nhưng ngẫm lại thấy khâm phục lòng tự trọng của họ.

Buổi chiều hôm anh về, Hòa thượng xuống thiền đường nhắc nhở đại chúng:

- “Các chú thấy không! Nếu chúng ta không kịp khôi phục lại tinh thần Thiền phái Trúc Lâm thì hôm nay đã mang nỗi nhục với người nước ngoài.

Vì từ khi khoa học kỹ thuật phát minh tiến bộ thì phần lớn các ngành nghề chúng ta đều phải đi học ở nước ngoài. Có người thân tượng nước ngoài là thiên đường, còn mình lạc hậu quá mức, chẳng có gì hay, nên du nhập về nước đủ các thứ. Hôm nay sự thật đã rõ, trước những cuộc khủng hoảng của phương Tây, họ tìm về phương Đông, tìm đến Việt Nam để học những cái hay của cha ông mình, mình là con cháu kế thừa mà lại chẳng biết gì thì thật là hổ thẹn.

Tôi đã cố gắng hết sức mình để khôi phục lại tinh thần Thiền phái Trúc Lâm, nhưng có phát huy được hay không chính là trách nhiệm của mấy chú. Mình phải quyết tâm tu hành có kết quả để xứng đáng làm thầy của người, còn không quả là cô phụ tổ tiên mình, thật là đáng trách.”

Nhờ lời dạy này mà huynh đệ chúng tôi được trưởng thành trong trách nhiệm. Quyết tâm cùng với mọi người phát huy tinh thần Thiền phái Trúc Lâm trong giai đoạn đất nước hội nhập với năm châu. Đây không phải là trách nhiệm của riêng ai hay tổ chức nào, mà là niềm tự hào chung của dân tộc, là kho tàng văn hóa quý báu của người Việt Nam, là bài học sáng giá của nhân loại. Nhất là trong thế kỷ XXI này, trước những cuộc khủng hoảng trầm trọng vì bể trái của nền khoa học phát triển, thì đạo Phật được đánh giá là điểm tựa xứng đáng cho toàn cầu trên con đường xây dựng hòa bình và an vui cho thế giới. ■

ÂN THẦY SOI SÁNG ĐỜI CON

Thông Giải

Gia đình tôi đạo Phật, thế nên từ thuở nhỏ, tôi thường theo mẹ đi chùa. Duyên lành đã đến khi tôi được quý Ni sư cho phép đi theo ra Thiền viện Thường Chiếu năm 1978. Lần đầu tiên được diện kiến Hoà thượng, chúng tôi không sao quên được. Thầy trò gần gũi như đã có duyên từ thuở nào. Chúng tôi được ngài truyền Tam quy và Ngũ giới tại Thiền viện Chơn Không, Vũng Tàu năm 1980.

Hàng tháng, từ Thiền viện Chơn Không Hoà thượng về Thường Chiếu giảng dạy cho tăng ni và Phật tử. Qua những buổi giảng, những bài kinh chúng tôi được nghe trực tiếp từ Hoà thượng hoặc từ băng cassette đã dần dần thấm sâu vào tâm khảm. Từ đó cuộc sống chúng tôi ngày một thay đổi, những phiền muộn đời thường như trút nhẹ, đèn trí tuệ bật sáng, bóng vô minh lui dần.

Năm 1981 chúng tôi rời Việt Nam, sang định cư tại Hoa Kỳ. Thế giới văn minh, mới lạ, đầy cảm dỗ, luôn cuốn hút, nhưng tự thân biết sự tinh quay về. Nếu không có Phật pháp, nếu không gặp Hoà thượng, không biết giờ đây đời tôi trôi nổi đi đâu?

Năm 1991, sau một thời gian tu tập, chúng tôi trở về Việt Nam, được Hoà thượng cho phép xuất gia. Từ đó cuộc đời tôi đã được đổi mới. Hàng năm tôi lại về Thiền viện Thường Chiếu nhập hạ. Được Hoà thượng chỉ dạy và quý thầy dìu dắt chúng tôi mới có được ngày hôm nay. Ôi, ân đức ấy biết nói sao cho hết. Dù có lấy cây rừng làm bút, lấy nước đại dương làm mực, dùng đất trong cõi đại thiên này làm giấy cũng không sao tả hết thâm ân giáo dưỡng của thầy tổ. Duy chỉ có tu hành nghiêm mật mới mong đền đáp công ơn trong muôn một.

Giờ đây, nhìn lại đoạn đường đã qua, chúng tôi thấy chỉ có nương nhờ từ lực giác tri của Tam bảo, của đại chúng thì con đường tu hành của mình mới vững chãi thêm lên.

Kính lạy Hòa thượng Ân sư, con rất vui mừng, nhờ ơn trên hộ trì và ân đức của Thầy đã giúp con vượt qua những cảm dỗ của vật chất phù hoa tại một quốc gia văn minh nhất hành tinh này... Con nguyện nỗ lực tu hành tinh tấn không thối chuyển, ngõ hầu tự lợi, lợi tha và không có phụ công ơn giáo dưỡng của Hoà thượng, quý thầy cùng toàn thể đại chúng. ■

KÍNH MỪNG TÔN SƯ 100 TUỔI

Quảng Ánh

*Tuổi thọ bảy mươi xưa nay hiếm
Sống thọ trăm năm nào dễ tìm
Người sống trăm năm không thông pháp
Trăm năm thông pháp bể mò kim.*

Phật nói: Người dẫu sống trăm năm không biết chánh pháp, không bằng người sống một ngày mà biết được chánh pháp. Nay Tôn sư sống thọ trăm tuổi đã làm chánh pháp thịnh hưng. Dòng thiền đất Việt ngàn xưa lại bừng dậy, thổi tan si mê bao kiếp mê lầm. Thật hy hữu thay! Hy hữu thay! Ôi thật may mắn cho hàng đệ tử chúng con, tuy sinh thời mạt pháp nhưng được phúc lành thọ ân pháp nhũ từ Tôn sư. Nay hàng tử chúng khắp nơi luôn hướng về tổ đình Thường Chiếu mừng thọ Tôn sư bách niên thọ trường. Con ngồi nhớ lại quá khứ khi còn là một tăng sinh học trường TCPH tỉnh Đồng Nai. Khi rảnh rỗi thường đạp xe từ chùa Pháp Hoa về thiền viện Thường Chiếu chỉ để nhìn thấy chư tăng trong Thiền viện làm việc, ngắm nhìn quang cảnh của Thiền viện nơi đây. Tham quan và nghỉ ngơi xong đạp xe về trường. Lúc đó con chưa biết gì về đời sống tu tập và hành thiền của chư tăng, chưa nghe được bài giảng nào của Sư ông. Nhưng chỉ nghe nói chư tăng thiền viện Thường Chiếu có Hòa thượng Thanh Từ hướng dẫn tu thiền là một lòng ái mộ và tự tin rằng mình cũng có thể tu thiền được. Trong tâm nghĩ là người xuất gia phải tu thiền, nên từ đây khi nghe quý thầy ở thiền viện Thường Chiếu tu thiền, tọa thiền là tâm sinh hoan hỷ.

Cái duyên con được đến với Sư ông qua hình ảnh của Hòa thượng Nhật Quang hiệu trưởng trường CBPH Đồng Nai (năm 1992,1993). Cứ mỗi lần thấy huynh đệ chúng con là Thầy nói chuyện vài câu khen ngợi các chú Quảng... là đệ tử của thầy Quang Đạo. Những lúc đó Thầy về thăm trường CBPH, thường có quà mang theo cho chư tăng. Món quà con thích nhất khi thấy cuốn sách Thiên Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX, Thầy đem tặng cho vài thầy lớn tổ đình Long Thiền. Huynh đệ chúng con tranh thủ mượn và đọc nhanh. Năm 1992 chúng con tập nhập hạ ở tổ đình chùa Long Thiền được ngồi nghe băng giảng của Sư ông khi ra thất và ấn tượng nhất bài thơ Tặng Bạn. Hình ảnh ấn tượng đầu tiên chúng con cảm mến là hình tướng đạo mạo, từ ái và trang nghiêm, bước đi oai nghi chậm rãi thông thả của Thầy hiệu trưởng. Nhìn Thầy cười tươi, ánh mắt từ bi và tiếng nói nhỏ nhẹ sâu lắng, là ấn tượng cho con đến bây giờ. Sau này hội đủ duyên lành con được nhập chúng vào thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt tu tập dưới sự dạy dỗ của Tôn sư.

Con thường kể chuyện với sư đệ Tịnh Nghiêm về những giấc mơ thường gặp Hòa thượng Nhật Quang và nói rằng mình tu ở Trúc Lâm. Đó là những kỷ niệm khi chúng con là thiền sinh cùng tu tập trong thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt. Quý thầy cùng chư huynh đệ của con cùng ngồi thiền trong thiền đường Trúc Lâm Đà Lạt giờ đã là trụ trì các thiền viện ở nhiều nơi và cùng chung tâm nguyện làm cho Phật pháp thịnh hưng và nhiều người biết đến học thiền. Có khi nào ta nghĩ, trên trần thế này nếu không có ánh sáng mặt trời thì trần thế là tối tăm. Nếu không có bậc giác ngộ xuất hiện thế gian thì cuộc sống mê lầm khổ đau không? Nay con gặp được chánh pháp gặp được Tôn sư cùng chư tôn đức con cảm nhận mình như giọt nước từ bầu trời rơi xuống. Có nhiều giọt nước rơi vào hố trũng, ao tù hoặc có giọt nước rơi vào các vũng chân trâu. Chúng con gặp được chánh pháp và gặp Tôn sư, mình thật may mắn như những giọt nước rơi vào giòng sông trong. Từ đây nước xuôi theo dòng đạo chơi, hòa nhập vào đại hải, ra biển cả bao la, bốc hơi thành mây làm tươi mát thế gian vậy: Như là giọt nước nhỏ từ đám mây

mù kia rơi vào dòng sông xanh tươi mát trong ngắn. Vui trên sông đùa chơi bao ghềnh thác. Hòa vào đại dương rộng lớn bao la ... Giọt nước khi ra đến biển cả rộng lớn bao la đã phải trải qua bao nhiêu ghềnh thác đi qua nhiều khúc quanh co uốn lượn rồi hòa nhập vào đại dương.

Những huynh đệ chúng con cũng như vậy khi vào thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt thực tập sống theo Thanh quy, trải qua năm tháng rèn luyện công phu chấp tác, sám hối tọa thiền, nghe pháp và tu tập thiện pháp. Tập nghiệp chúng sinh nhiều đời từ đây lắng dịu và dần chuyển hóa. Đến hôm nay dù đã trưởng thành tuổi đời và tuổi hạ thêm lớn, nhưng nghĩ mình vẫn là thiền sinh ngày nào của thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt. Người xuất gia nếu không gặp được minh sư chỉ dạy cho con đường thực tế minh tâm kiến tánh, tin vào tự tâm mình, mà theo hư danh hoặc cầu việc bên ngoài, lầm nhận kiến thức thì mãi mãi như kẻ đếm cát biển rồi tự nhọc thân. Như ngài Vĩnh Gia Huyền Giác bậc bác học đa văn khi liêng ngộ đã thốt lên rằng: “Ta đã nhiều năm thích tham học vấn. Viết nhiều sớ sao nghiên tầm kinh luận. Phân biệt danh tướng chưa từng thôi. Vào biển đếm cát thêm mệt nhọc. Lại bị Như Lai nói lời trách. Đếm báu cho người có ích gì? Từ đây rõ biết dụng công suông. Nhiều năm uổng làm khách phong trần...” Không gặp Tôn sư giáo hóa, có lẽ chúng con chỉ là kẻ đếm báu cho người, lầm tưởng là mình đã thành công, nhưng cuối cùng chỉ là luống uổng thời gian vô ích.

Chúng sinh nhiều đời chấp thủ vào thân ngũ uẩn cho là ta, tham cầu ngũ dục cho là tự ngã của ta nên sống chết khổ đau đã đành. Người xuất gia nếu không được bậc thầy dẫn dắt, khai sáng mà chấp vào huyền danh huyền tướng thì nào có khác gì người phàm thế gian. Đức Phật dạy: Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng... Bài thơ Cuộc Đời Qua Mắt Tôi, Tôn sư dạy: “Chiếc thân tú đại khói, sinh hoạt thế gian mây. Thành công khói nước đá...” Nên Tôn sư thường nói “Gá thân mộng. Dạo cảnh mộng...” Ngài đã vận dụng tâm lão bà đưa ra Thanh quy để tuyển dụng

và hướng dẫn chúng tăng. Dùng thiền bảng để thức tỉnh thiền tăng phá mê khai ngộ. Từ đây chúng con đã có hướng đi chánh đạo mà đức Phật đã trao truyền đến chư vị tổ sư. Ngọn đèn thiền tông được sáng mãi và trao truyền đến hôm nay.

Từng ngày sống tu tập ở Trúc Lâm Đà Lạt. Cứ mỗi buổi sáng Hòa thượng chống gậy ghé thăm tăng chúng, đâu gây của ngài chỉ đến đâu là mọi việc gọn gàng đến đó. Đến hôm nay tuy không còn được ở gần bên Tôn sư như trước nhưng những hình ảnh ngày xưa ở Trúc Lâm Đà Lạt vẫn mãi còn in trong tâm trí của chúng con. Lần cuối khi nhập thất ở Trúc Lâm Đà Lạt, khi ra thất, Sư ông chỉ nói gọn trong bốn chữ Chơn Tâm Vô Niệm. Chư tăng chọn được một trụ đá đặt vào vị trí trước ngôi thất của Sư ông, con được giao việc khắc lên trụ đá này bốn chữ chơn tâm vô niệm. Sư ông đứng một bên xem và nói: “Chú làm nhưng phải luôn giữ tâm vô niệm”, rồi Sư ông chống gậy đi vào thất. Những tiếng nói ấy huynh đệ chúng con vẫn còn nhớ mãi, lời khai thị thiêng liêng cao quý làm rung động tự tâm của mỗi hành giả Trúc Lâm. Chơn Tâm Vô Niệm lời khai thị cuối cùng. Là tiếng hét vang xa vô tận giúp các hành giả như chúng con thấy rõ lối về. Luôn vững tâm an định trước những chướng duyên nghịch cảnh của cuộc đời tu hành và hoằng pháp.

Chúng con thật hạnh phúc khi Sư ông tròn trăm tuổi cho tứ chúng gần xa còn có dịp hướng về đảnh lễ viếng thăm và được bên Sư ông cảm nhận sâu sắc về chơn tâm vô niệm. Được nghe chư tôn đức sách tấn nhau trở về cội nguồn an lạc tự tại trí giác sáng ngời. Ôi! Công ơn Tôn sư, ngôn từ nào có thể nói hết. Chỉ có tâm thành kính tri ân của người con hiếu kính, hăng khắc ghi và cảm xúc không thể không viết thành lời. Nay nhân dịp Sư ông tròn trăm tuổi con xin kính dâng bài thơ Ơn Thầy Tổ cúng dường ngài.

Như là hạt nước nhỏ từ đám mây mù kia,
Rơi vào sông xanh, tươi mát trong ngân.
Vui trên sông đùa chơi bao ghềnh thác,
Hòa vào đại dương rộng lớn bao la.
Lạy ta cha mẹ người thân, nơi thế gian nhiều lưu luyến,
Tìm nguồn an vui mong ngời sáng nguồn tâm.
Thầy hiện thân đưa con vào đường sáng,
Từ bi yêu thương Thầy giáo dưỡng trọn đời.
Thầy như ánh trăng khuya đêm trường con thanh an,
Thầy như ánh nắng mai cho đời con vươn lên.
Con hôm nay đem niềm vui khắp chốn,
Thầy khổ nhọc bao năm mớm sữa đợi chờ.
Thầy ơi! Ân giáo dưỡng chưa từng nguôi trong con,
Như trái tim không ngừng với yêu thương.
Thế gian này không Thầy không ánh sáng,
Kính trọng Thầy mới là hiền nhân.
Vũ trụ dày bao la luôn chứng biết,
Phận làm con nguyện nhớ mãi ơn Thầy.
Vũ trụ dày bao la luôn chứng biết,
Phận làm con nguyện nhớ ơn báo đền!

Con thiền sinh Trúc Lâm kính nguyện cầu Sư ông tuổi thọ miên trường, trí giác vô biên. Chúng sinh gần xa hướng về nương tựa. Ngọn đèn thiền tông Phật tổ sáng mãi không cùng soi sáng thế gian. Kính mong Tôn sư chứng minh cho lòng thành kính và biết ơn của hàng đệ tử chúng con! ■

PHÁP NGÀI SOI SÁNG TÂM CON

Tắc Tấn

Ngày Hòa thượng Tông chủ liêu ngộ lý sắc không, mở cửa Pháp Lạc thất trong niềm hân hoan của tăng ni Phật tử, con còn trôi lăn trong ba nẻo sáu đường.

Sau 21 năm kể từ ngày Hòa thượng chuyển bánh xe pháp, khơi nguồn dòng chảy Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, con mới bắt đầu được nghe băng giảng của Người. Tuy mục đích nghe băng giảng các bài pháp của Hòa thượng lúc đó là để mở rộng kiến thức Phật pháp nhằm đáp ứng tốt việc học tập ở trường Phật học Đại Tòng Lâm, nhưng Phật pháp qua bài giảng của Người đã thấm nhuần trong con tự lúc nào không rõ. Khi nghe đến “Khuyến phát Bồ-đề tâm” cuộn băng thứ hai con đã chấn động cả thân tâm, niềm tin biến thành lẽ sống. Con quyết định tu thiền. Bởi khi trước con đọc kinh điển Đại thừa phần nhiều là không hiểu. Chẳng hạn kinh Pháp Hoa có đoạn:

“Lúc đó, Long nữ có một hột châu báu, giá trị bằng cõi tam thiền đại thiền đem dâng lên đức Phật. Phật liền nhận lấy. Long nữ nói với Trí Tích Bồ-tát cùng Tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

- Tôi hiến châu báu, đức Thế Tôn nạp thọ, việc đó có mau chăng?

Đáp: - Rất mau.

Long nữ nói: - Lấy sức thần của các ông xem tôi thành Phật lại mau hơn việc đó.”

Con nghe mà ngẩn ngơ. Lần khác được nghe Người dạy: “Nếu biết tu thì dễ ợt chứ có gì đâu, phải không?” Con cảm thấy vời vợi, xa xăm đâu đó. Nhưng khi nghe “Khuyến phát Bồ-đề tâm” đến cuộn băng cassette thứ hai con bừng tỉnh, vui lên. Tất cả cái hiểu, cái nhìn của con trước đây đều bị thay đổi. Chẳng qua là do con không chịu nhận, không dám nhận, chứ nó có vắng mặt bao giờ. Những cái hay suy nghĩ lảng xăng chỉ cần không chấp nhận, không đuổi theo, không kiềm chế, không đè nén, thản nhiên thì cái chân thật sờ sờ.

Từ đó, ngày ngày tu tập theo sự hướng dẫn của Hòa thượng qua băng giảng mà con đã nghe được. Khi có thời gian, con nhập thất chuyên tu. Sau thời gian thực hành và nhiều lần nhập thất chuyên tu, con ngày càng tỏ rõ nguồn tâm vô biên sẵn có nơi chính mình.

Hạnh phúc nào hơn!

Chim kêu, gà gáy, gió thổi, hoa tỏa hương...

Kinh viết: “Dù dem của báu đây dãy cả tam thiên đại thiên thế giới, cũng không thể sánh được ...” Quả vậy, giờ đây con hiểu được rất nhiều điều, thấu triệt lý nhân quả, thấu hiểu niềm vui, nỗi sầu của tha nhân và chỉ ra được chốn bình an cho họ, chỉ cho họ con đường an vui chân thật..., niềm tin xác quyết, lòng biết ơn vô hạn không thể tả bày...

Trải qua chín lần phẫu thuật không thành công, hai mắt mờ dần rồi chìm vào bóng tối. Con không lo âu sợ hãi mà vẫn an trú trong lạc pháp, vẫn thiền hành trong niềm tin bất thối chuyển.

Hạnh phúc thay! Đứa con lang thang được trở về quê nhà.

Hạnh phúc thay! Bát Nhã được gia nhập thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Hạnh phúc thay! Đạo tràng Trúc Lâm Bảo Đức được nương theo lời chỉ dạy của chư Tôn đức trong Tông môn.

Hạnh phúc thay! Mỗi mùa an cư chúng con được trở về Tổ đình đảnh lễ Hòa thượng, được nương ánh sáng trí tuệ và đức hạnh từ bi của Người.

Sự hiện hữu tôn dung của Hòa thượng nơi Tổ đường, Thiên đường tại Bát Nhã cùng những bài pháp thoại qua băng đĩa của Người luôn là sự sách tấn lớn lao cho tăng, ni nơi đây trong tu học.

Nương nơi từ lực của Hòa thượng, chúng con quyết chí nỗ lực tiến tu. Công đức có được xin dâng lên cúng dường Hòa thượng. Nguyện Hòa thượng sống lâu nơi đời, để chúng con được nương nơi từ lực và trí tuệ của Người trên bước đường tu học, được kết duyên sâu dày với Người trên con đường giác ngộ giải thoát. ■

Thắng Duyên

Tung Chí

Kiếp này được gặp Sư ông
Như thuyền thuận gió, qua sông gặp đò
Đèn Thiền dẫn lối giúp cho
Con mau thấy rõ Tâm chơn trở về.
Trong thời mạt pháp chướng mê
Tu sai lầm lạc lầm bê gian nan
Đức Sơn, Pháp Đạt, Huệ Nam
Thắng duyên chẳng hội nhãm quang đâu bày?
Chỉ vì mắc kẹt “ngón tay”
Qua suông một kiếp phí ngay nhiều đời.
Gương xưa còn đó ai ơi!
Học đạo tìm Thầy mới rốt đến nơi.
Tông sư Pháp bảo quý thời,
Như bệnh gặp thuốc thoát đời khổ đau.
Môn phong khôi phục nhiệm mầu,
Hiện thân cứu độ ân sâu đá vàng.
Thiền tông đốn ngộ rõ ràng,
Bao nhiêu vọng tưởng sạch tan tức thì.
“Không tâm là ĐÀO” hết nghi,
“Tức tâm là Phật” tìm chi bên ngoài.
Đôi lời cẩn bút dâng Ngài,
Công ơn pháp hóa con hoài khắc ghi.

Ba chặng đường

Tâm Thuần

Chơn Không xuất phát chính tông thiền
Thường Chiếu hoảng khai lý đốn viên
Hoài bão Trúc Lâm bông trái trổ
Truyền đăng tục diệm sáng tâm điền.

Viên Mân

Thể Nguyên

Đương đại Trúc Lâm đã phục hưng,
Ngàn xưa Phật Tổ thể tương ứng.
Tùy duyên pháp hóa người người sáng,
Rõ rõ tâm tông tự có phần.
Nối đuốc mỗi đèn soi chiếu khắp,
Chân tâm tỏ rạng đạo long hưng.
Dòng thiền nước Việt lưu truyền mãi,
Bản nguyện Sư ông mãn thập phần.

Núi Phụng Hoàng

Khả Kiến

Phụng Hoàng tung cánh giữa trời không,
Truyền bá dòng Thiền khắp tây đông.
Thanh âm vang dội rền như sấm,
Tù bi cam lộ mát cõi lòng.

THẦY TÔI

Thông Tánh

Năm 2000, lần đầu tiên tôi được gặp Thầy và lần gặp gỡ đó đã làm thay đổi cuộc đời tôi.

Tôi được sinh ra trong một gia đình có truyền thống Phật giáo. Mẹ tôi đi tụng kinh hằng đêm và tôi thường leo đẽo theo mẹ khi còn tấm bé. Các cô, các bác thường gọi nhau là đạo hữu. Đã 70 năm qua, tôi vẫn như còn nghe văng vẳng tiếng các cô, các bác gọi nhau đi Tịnh độ mỗi khi đêm về.

Đường đời trôi về muôn lối, tôi cũng theo gia đình sống gần như trải dài từ miền Trung đến miền Nam. Đến đâu tôi cũng được sinh hoạt trong các chùa, được quý thầy hướng dẫn tu học, sinh hoạt gia đình Phật tử. Và như thế, anh em tôi được nuôi dưỡng và lớn lên trong suối nguồn Phật pháp. Mặc dầu luôn có ước vọng xuất gia, nhưng từ năm 1964 đến năm 1967 tôi đã bỏ lỡ hai cơ hội trong đời. Cuộc sống đầy đưa với biết bao thăng trầm nhưng gia đình tôi, anh em tôi luôn là những Phật tử thuần thành. Xuôi theo dòng đời, gia đình tôi trôi giạt về Cà Mau, nơi vùng sông nước hiền hòa, vùng đất cuối cùng của đất nước. Chính nơi đây, cuộc đời tôi đã thay đổi.

Tôi được gặp Thầy ngày vía Bồ-tát Quán Thế Âm 19 tháng Hai năm Canh Thìn (2000).

Vì thường xuyên sinh hoạt tại Quan Âm cổ tự, Phật tử địa phương thường gọi là chùa Phật Tổ, tôi được thông tin là HT Thích Thanh Từ sẽ về thuyết giảng tại đây hai ngày.

Đêm đầu tiên, Phật tử Cà Mau lũ lượt kéo nhau về chùa đông như trẩy hội. Mọi người đều náo nức được diện kiến một vị Hòa thượng đạo cao

đúc trọng. Hơn 1000 chiếc ghế nhựa đã được ngồi kín, chờ đợi giây phút được gặp gỡ ngài.

Nhưng vì Hòa thượng mới di chuyển một đoạn đường dài nên cần được nghỉ ngơi và giao cho thầy Kiến Nguyệt thuyết giảng buổi đầu tiên. Mọi người cố gắng lắng nghe trong thấp thỏm đợi chờ sự xuất hiện của Hòa thượng.

Khi nghe thông báo chính thức là Hòa thượng đang mệt nên không gặp đại chúng tối nay thì mọi người đều vô cùng thất vọng và đồng loạt phản ứng, mong được gặp Hòa thượng. Trước sự tha thiết mong cầu của Phật tử, Ban tổ chức phải tức tốc trình lại Hòa thượng và cuối cùng, không để mọi người thất vọng, dù rất mệt sau một hành trình dài, ngài cũng đã xuất hiện cho mọi người diện kiến.

Với giọng nói chậm rãi, trầm ấm Hòa thượng đã thăm hỏi và động viên tăng ni Phật tử Cà Mau. Mặc dầu chỉ vài phút ngắn ngủi với những lời nói mộc mạc, chân thành, đại chúng đã vô cùng hoan hỷ vì sự trân trọng và lòng thương yêu của người đối với mọi người.

Sáng hôm sau tại Văn phòng Ban Trị sự tỉnh, tôi được vào đánh lễ Thầy lần đầu tiên. Danh tiếng của Thầy đã lan tỏa khắp nơi trong và ngoài nước, nhưng cho đến lúc ấy tôi vẫn mù tịt, không biết gì về Thầy.

Tối hôm đó, mọi người đổ xô về chùa Phật Tổ để được nghe pháp âm của một vị Tông sư, lượng người còn đông hơn hôm trước! Tôi còn nhớ như in bài thuyết giảng của Thầy: “Đi chùa là để cầu xin hay tu học theo Phật”. Giọng nói hiền hòa, chậm rãi đậm chất Nam Bộ như rót vào lòng người đang chăm chú lắng nghe.

Sau lần gặp gỡ này tôi đã tìm hiểu và nghe lại những bài giảng của Thầy. Nhờ những bài giảng ấy đã giải tỏa cho tôi thoát khỏi những ưu tư trăn trở.

Tôi đã biết về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, được biết thêm về vua Trần Nhân Tông mà trước đây tôi chưa biết. Như đại đa số người Việt Nam, tôi

chỉ biết ngài là một vị vua anh hùng của dân tộc mà không hề biết ngài là một thiền sư chứng đạo, khai sáng một dòng Thiền: dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử!

Tôi là một huynh trưởng GĐPT, đã luôn tăm minh trong suối nguồn Phật pháp, vẫn ôm ấp chí nguyện xuất gia sau hai lần bị bỏ lỡ. Tôi luôn trăn trở về việc tu tập của mình. Tu như thế nào mới đúng!

Từ khi được gặp Thầy, được nghe Thầy giảng giải, tôi biết rằng từ nay tôi đã tìm được cho mình một vị thầy đích thực. Nếu không gặp được Thầy tôi sẽ vẫn như một người đi trong mông muội, bế tắc mặc dầu tôi vẫn luôn ăn chay, niệm Phật, tụng kinh...

Tôi và những người con Phật ở Cà Mau luôn biết ơn hai Phật tử Chánh Huệ Tâm và Mân Hiền Thiện, những người Cà Mau đầu tiên quy y với Hòa thượng, đã bỏ biết bao tâm huyết để có thể thỉnh mời Hòa thượng và chư tăng Trúc Lâm đặt chân đến vùng đất Mũi, vùng biên địa xa xôi này.

Sự hiện diện của Hòa thượng và chư tăng như một hồi chuông cảnh tỉnh những người con Phật tại nơi này, báo hiệu cho những đổi thay to lớn trong cách nhìn của mọi người đối với đạo Phật.

Cùng với hai Phật tử Chánh Huệ Tâm và Mân Hiền Thiện, chúng tôi đã thành lập một đạo tràng tu tập theo đường lối của Thiền phái Trúc Lâm do Hòa thượng chỉ dạy với số lượng khiêm tốn lúc ban đầu là 30 huynh đệ.

Được Hòa thượng đặt tên là “Tịnh Tảo”, huynh đệ chúng tôi quây quần tu tập dưới mái chùa Quan Âm - chùa Phật Tổ, dưới sự bảo bọc của Sư cô Diệu Chánh, trưởng ban Hoằng pháp của Giáo hội tỉnh.

Do sự thỉnh cầu của ban huynh trưởng, Đạo tràng thường xuyên được quý thầy quý cô trong các Thiền viện về tận Cà Mau để thuyết giảng và hướng dẫn tu tập. Những dịp như thế, chùa Phật Tổ đều như những ngày hội vì không chỉ có huynh đệ chúng tôi mà có cả các Phật tử đạo tràng Pháp Hoa và rất nhiều Phật tử các nơi về nghe giảng.

Phật tử Cà Mau đã được nghe những điều chưa từng nghe, được học thêm những điều mới mẻ.

Từ đó huynh đệ chúng tôi trong Đạo tràng Tịnh Tẩn thường xuyên về Trúc Lâm Đà Lạt tu tập, khi thì năm ba ngày, khi thì mươi ngày, nửa tháng...

Rồi việc gì đến sẽ phải đến, sau lễ Vu-lan năm 2002 trong dịp đến Trúc Lâm tu tập, tôi lên thắt đảnh lễ Thầy xin được xuất gia. Hạnh phúc dâng trào khi tôi được Thầy hứa khả và yêu cầu tôi thu xếp việc gia đình và phải có sự đồng thuận của người bạn đời...

Mùng 08 tháng 12 năm Nhâm Ngọ (10/01/2003), tôi cùng 79 huynh đệ được Thầy làm lễ thế phật xuất gia.

Kính lạy Thầy, con tri ân Thầy đã cứu vớt cuộc đời con. Nếu không gặp Thầy con chỉ là một người Phật tử bình thường như muôn ngàn người khác không biết đi đâu, về đâu, không biết đã trôi giạt về đâu trong kiếp nhân sinh này!

Cuộc đời tôi đã bước sang một trang mới. Tôi như người được tái sinh trong hình hài cũ!

Hai mươi năm đã trôi qua, Thầy đã tròn trăm tuổi. Tôi viết những dòng này trong tâm thái xúc động vô cùng. Tôi biết ơn Thầy đã là ngọn đuốc soi sáng cuộc đời tôi, là hồi chuông cảnh tỉnh giúp tôi ra khỏi mê lầm.

Ơn Thầy cao cả thật khó đáp đèn trong muôn một, con chỉ nguyện gắng công tu tập làm lợi ích cho chúng sinh như lời Thầy thường dạy bảo: “Đèn ơn chư Phật là ơn chẳng đèn, giáo hóa chúng sinh là đèn ơn Phật!” ■

PHÁP NHŨ THÂM ÂN

Thái Hỷ

Chúng con xin hướng vọng về tổ đình Thường Chiếu, thành tâm đảnh lễ cảm niệm thâm ân Hòa thượng Tôn sư. Sư ông một đời dày công tu tập, âm thầm vượt qua bao gian khó để phục hưng Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam. Ngày nay, vô vàn chúng sinh trong đó có chúng con mới có đủ phúc duyên lành được gội nhuần trong suối nguồn ấy. Từ đó, ai nấy đều được pháp hỷ lợi lạc, nội tâm thức tỉnh, chuyển mê khai ngộ, pháp thân huệ mạng từ đây mà thành.

MÂM BỒ-ĐỀ NẤY CHỒI, CHÍ XUẤT TRẦN PHÁT KHỎI

Cõi thế vô thường. Muôn sự muôn vật do duyên hợp thành, hợp rồi lại tan như mây đầu núi. Kiếp người mong manh, sống nay chết mai nào ai lường trước. Ấy vậy mà tâm tưởng con người lại xoay vần ngược xuôi không dừng. Ngài Tuệ Trung thượng sĩ nói: “Cuộc mưu sinh, con rồi kéo lôi. Hăng ngày đưa, đưa tay bắt bóng.” Vì cuộc sống mưu sinh tạo tác đủ thứ quên cả chính mình... Nhưng những thứ chúng ta theo đuổi đó chỉ như cái bóng, không thật, qua rồi mất. May ai nhìn ra sự thật này? Đến khi tử thần gõ cửa mới thấy mọi thứ trong đời được mất, bại thành, nhục vinh, vui khổ... đều trở nên vô nghĩa, mất hết giá trị; phải theo nghiệp thọ sanh, luân hồi trong ba cõi.

Nhờ chúng duyên tu hành đã khiến mỗi người chúng con thấy ra một cách sâu sắc nỗi khổ của kiếp nhân sinh. Tự thân muốn tìm con đường vượt thoát vươn lên. Rồi duyên lành cho chúng con biết đến pháp môn tu Thiền Sư ông chỉ dạy. Chúng con như nắng hạn gặp mưa, vỡ òa trong niềm vui ngập tràn vì đã sáng tỏ được nhiều vấn đề. Thì ra lâu nay chúng con cũng như bao chúng sanh bô sót tự tánh, con người chân thật nơi chính mình, lâm nhận vọng duyên làm kế sống cho nên các khổ từ đây có ra. Muốn được an vui thực sự, chúng con phải quay lại cái gốc chính mình, hăng sống với tự tánh. Chỉ có năng lực tự tánh mới có đủ định lực, tuệ lực, vô biên lực giúp

cho chúng con vượt thoát tất cả, không bị vô thường chi phổi, được tự tại và mãi an vui. Thế là từ đây mầm Bồ-đề đâm chồi, chí nguyện xuất gia phát khởi, thúc giục chúng con tìm đường xuất gia, quyết chí tu đạo giải thoát.

Huynh đệ chúng con đến với đạo tràng Trúc Lâm Bạch Mã từ nhiều địa phương. Gia cảnh, môi trường sống, sự huân tập của mỗi người khác nhau nên động lực xuất gia cũng không đồng. Tuy nhiên, tất cả chúng con cùng chung một nhân duyên, đó là nhân duyên nhiều đời đã tu tập, có duyên với Thiền tông và đã được làm con cháu dự trong pháp hội Sư ông.

GIA PHONG, NẾP NHÀ

Duyên thầy trò hội ngộ, chúng con đã được xuất gia, tu học tại Thiền viện Trúc Lâm Bạch Mã dưới sự hướng dẫn của thầy chúng con. Thiền viện tọa lạc trên một bán đảo rợp cây xanh, nằm gối đầu vào dãy núi Bạch Mã sừng sững uy nghiêm, bao quanh là hồ nước trong xanh. Cảnh non xanh nước biếc, đất trời thênh thang khiến người hữu duyên mới đến thấy thanh thoát, nhẹ nhàng. Cõi lòng như được rũ bỏ bao lo toan muộn phiền. Với hành giả đang trên đường tu tập, chốn thâm sơn cùng cốc, tách biệt xóm làng, thanh vắng như Bạch Mã quả thật là nơi lý tưởng trợ duyên đắc lực cho việc hạ thủ công phu tu thiền. Như lời Cổ đức nói: “*Thâm sơn tịch mịch đạo tâm sanh*” (Ở nơi núi sâu rùng vắng thì tâm đạo dễ sanh).

Do cách trở về mặt địa lý, chúng con không được sống gần Sư ông. Tuy nhiên, chúng con có nhân lành được nương trên thầy chúng con; người có duyên được gần gũi tu hành và làm việc bên Sư ông nhiều năm nên Thầy thấm nhuần lời Sư ông chỉ dạy, nắm vững đường hướng chủ trương của Tông môn. Chúng con cũng nhờ đó mà được thầy hướng dẫn tu học rất cẩn kẽ kỹ lưỡng.

VỀ MẶT TỔ CHỨC:

Huynh đệ chúng con sống theo tinh thần lục hòa, không giữ tiền riêng, không dùng điện thoại, không tiếp khách, không xem báo đài hay tiếp cận bất kỳ thông tin gì bên ngoài.. Tất cả công việc trong tự viện từ may vá, bữa

củi, nấu cơm, trồng rau, làm vườn, bảo trì máy móc... đều do thiền sinh tự làm, hạn chế nhờ người bên ngoài.

Trong tự viện có Ngoại viện dành riêng cho khách đến tham quan, lễ Phật, nghiên cứu tham học. Riêng khu Nội viện tách biệt với thế giới bên ngoài, tạo điều kiện cho đại chúng yên tu. Ngoài ra có khu thiền thất dành cho thiền sinh thay phiên nhau nhập thất. Trước khi vào thất, chúng con được thầy chỉ dạy công phu rất kỹ, tùy theo căn cơ từng người để chúng được tu tiến, không bị trở ngại. Nhập thất là duyên lành quý báu để chúng con tập đối diện, thấy rõ chính mình hơn. Sức sống thiền hiển hiện giúp chúng con thể hội sâu sắc, suốt thông diệu chỉ Phật tổ qua lời dạy của Sư ông, chư vị Tôn đức và của thầy chúng con. Nhập thất ra thất đều đặn giúp chúng con hàm dưỡng nội lực công phu, có sự làm chủ trong đời sống. Nhờ đó ngoại duyên bớt chi phối dù trong cảnh động hay tĩnh.

Những điều lệ trở thành nếp sống quy củ thiền môn. Bất cứ thiền sinh nào muốn sống yên ổn tu tiến, nhất nhất đều phải tuân theo nội quy của Thiền viện. Như lời Sư ông dạy: “*Nội quy không phải ép buộc thiền sinh sống trong cảnh cơ cực vô lý, mà do thiền sinh tự nguyện ép mình trong khuôn khổ để phù hợp với đạo giải thoát. Nói đúng hơn nội quy là hộ pháp đặc lực để giúp thiền sinh chóng đạt được sở nguyện của chính mình.*”

VỀ MẶT ĐÀO TẠO

Thiền sinh vào thiền viện dốc lòng tu học theo lời Sư ông chỉ dạy “*Lao động như ăn cơm, học như uống nước và tu như hít thở*”. Một con người muốn tồn tại được thì cần phải hội đủ ba điều kiện: ăn, uống và hít thở. Thiền sinh cũng vậy, phải có đầy đủ ba điều kiện: lao động, học hiểu và tu tập; điều này đã trở thành kim chỉ nam cho thiền sinh tu tập trong các thiền viện. Tại Bạch Mã, chúng con được thầy chúng con triển khai ba điều trên thành chương trình đào tạo cụ thể.

Với việc học: thầy chúng con sắp xếp cho đại chúng học giáo trình từ căn bản đến nâng cao và chuyên sâu. Có lịch học rõ ràng, trong đó có những buổi

chúng con được nghe băng giảng của Sư ông, chư vị Tôn đức trong tông môn về kinh, luận, ngũ lục, hành trạng thiền sư... Ngoài ra có những buổi học do Thầy chúng con trực tiếp giảng dạy cho đại chúng. Trọng tâm việc học nhằm hướng đến chỗ phát minh sáng tạo, không dừng trên văn tự chữ nghĩa, mỗi mỗi xoay lại tự tánh chính mình, suốt thông diệu chỉ của Phật tổ, nắm vững phương pháp hành trì của Thiền phái. Việc học giúp chúng con hoàn bị chính mình, công phu không bị sai lệch, có phương tiện để giúp cho người hữu duyên về sau. Sau cùng việc học phải nhằm đạt đến đích Thuyết thông.

Với việc tu: Theo chủ trương của Sư ông, thiền sinh vào thiền viện lấy thiền làm mạng sống, lấy tọa thiền làm chính. Ngoài ra, trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi hăng tỉnh giác, xoay lại chính mình. Trong sự tu hành, Thiền sinh phải có đủ ba đức tính: quả cảm, kiên quyết và trưởng viễn.

Đối với con đường Thiên tông, có hai cách thâm nhập: Một là, hành giả lợi căn ngay một cơ một cảnh liền đó đốn ngộ tự tâm không qua phương tiện thứ lớp. Hai là hành giả chưa ngộ phải dụng công đúng pháp: áp sát, hướng thẳng tự tánh tu tập; khéo mât hút tất cả tướng, không một vết mê, lặng lẽ sáng biết; ngay đó chân tâm hiện tiền. Rốt ráo sau cùng, sự tu tập giúp chúng con đạt đến Tông thông.

Với lao động (rèn luyện): là lúc chúng con vận dụng công phu tu tập vào thực tiễn cuộc sống sinh hoạt. Mục đích chính của lao động (rèn luyện) giúp chúng con điều hòa sức khỏe, trang nghiêm thiền môn, tu tạo công đức lành để dễ bề tu tiến. Điều quan trọng hơn cả thông qua lao động giúp chúng con mài luyện thân tâm, dẹp trừ ngã chấp, vượt thoát phàm tình hai bên: nóng - lạnh, đúng - sai, phải - quấy... khiến thiền sinh chúng con như được hoán cốt đổi hình, đạt đến Dụng thông.

Tóm lại, chương trình đào tạo chính Tu - Học - Lao động trong tự viện đúng theo tinh thần nhà thiền. Nhờ có học đạt đến thuyết thông, nhờ có tu đạt đến tâm thông, nhờ lao động đạt đến dụng thông. Người mà tâm thông, thuyết thông (đủ khả năng chống đỡ tông thừa) có nanh vuốt hướng thượng, tùy thời nhổ đinh tháo chốt, đích thực là giáo hóa độ sanh.

THIỀN DUYỆT, PHÁP HÝ

Có sống trong môi trường thực học chuyên tu, chúng con mới thấy giá trị thiết thực của việc tu thiền như Sư ông từng khẳng định: “Thiền dạy người tu một cách thực tế, tìm lại “bản lai diệu mục của mình”. Bởi quá thực tế cho nên người ta không hiểu nổi. Con người là hướng ngoại, con người là cầu xin, con người là ý lại. Ở đây, thiền đập tan ba tập tính ươn hèn ấy. Ba tập tính ấy đã chôn vùi chúng ta từ vô lượng kiếp. Chúng ta phải kiên quyết quả cảm đập nát chúng, để rồi chúng ta tìm lại cái mặt thật của chúng ta, chúng ta là chủ nhân ông của chúng ta từ vô lượng kiếp. Chúng ta phải khôi phục lại quyền năng của ông chủ bản hữu nơi chính mình. Đó là chúng ta tu Thiền.” Tu tập Thiền giúp chúng con gầy dựng niềm tin có khả năng thành Phật, hướng thẳng tự tánh công phu; ngộ tánh, sống lại con người chân thật nơi chính mình. Không phải tìm cầu bên ngoài, không phải cầu xin hay ý lại vào thế lực nào đó làm thay cho mình được. Ngay cả Phật tổ, thiện tri thức cũng chỉ kích phát, còn việc tu có tiến hay không là do sự nỗ lực công phu nơi chính mỗi người.

Bất cứ việc gì dù đơn giản như quét nhà, nấu cơm cũng cần có phải dốc tâm để ý mới thành tựu. Huống nữa việc tu hành, làm Phật tác Tổ há lại dễ dàng hay sao? Ngài Hoàng Bá nói: “*Vượt thoát trần lao việc chẳng thường, Năm chặt đầu dây giữ lập trường. Chẳng phải một phen xương lạnh buốt, Hoa mai đâu dẽ ngửi mùi hương.*” Dù gặp chướng duyên nào chúng con cũng giữ vững lập trường tu hành.

Thực tế cho thấy, nhờ nương trên phúc trí và ân đức pháp hóa của Sư ông, cùng sự chỉ dạy của Thầy, huynh đệ chúng con cố gắng tu nên hầu hết đều có kết quả khả quan. Với những huynh đệ mới đến, buổi đầu còn gặp khó khăn trong lúc tọa thiền: như bị đau chân nhức mỏi, hôn trầm, vọng tưởng nhiều... nhưng nhờ tinh tấn công phu nên vẫn có niềm an lạc trong sự tu tiến. Có vị lấy thiền duyệt làm vui, ham tu dù có mệt cách mấy cũng ráng tranh thủ nghiệp tâm tọa thiền khi rảnh. Có người lại ham học, luôn để tâm nghe pháp, đọc học kinh điển, tư duy bài đã học, tìm được niềm vui trong

pháp lạc. Có huynh đệ bạn công việc được giao, tuy vất vả vẫn lặng lẽ công phu, sức sống thiêng rạng ngời! Có vị thẩm nhận ra con người bất tử mà Sư ông đã chỉ thẳng cho chúng con. Tùy theo hoàn cảnh mà mỗi người khéo uyển chuyển hòa nhập vào sự tu tập chung của đại chúng, tạo nên sinh khí tu tập phấn khởi vui vẻ lạ thường!

ÂN LỚN KHÓ ĐỀN

*“Ôn giáo dưỡng một đời nên huệ mạng
Nghĩa ân sư muôn kiếp khó đáp đền.”*

Thật là ngàn may, vạn may! Chúng con được trên ân đức Sư ông, thầy tổ mở đường dẫn lối, soi sáng tâm Thiền, cho chúng con liền đó thân tâm hoát nhiên bừng tỉnh thông thống, thôi làm gã cùng tử “chấp bóng quên đầu”, dừng bước lang thang, nhanh chân ráo bước về nhà, có gì vui hơn!

Như không khí trùm khắp muôn nơi, nhưng phải nhờ có quạt mới mát. Cũng vậy, chân tâm Phật tánh vốn sẵn đủ nơi mọi người, song nhờ thiện tri thức chỉ dạy mới hiển lộ, nhận ra. Có nếm được mới nhận ra hết giá trị, không phải qua lý thuyết. Có tu tập thực sự mới nhận ra diệu chỉ của Phật tổ hấy còn đây, bây giờ, chưa từng thiếu vắng. Càng tu tập tiến bộ, chúng con càng cảm bội niệm ân sâu sắc trên Sư ông...

Nhớ lời Sư ông chỉ dạy: “*Người tu cần đem hết khả năng, nghị lực để thực hiện cho được điều chúng ta nhăm đến, tìm cho ra kho báu nhà mình. Như vậy mới đền được những công ơn to lớn.*” Chúng con nguyện xin khắc cốt ghi tâm, làm tròn bổn phận của mình; tinh tấn tu hành, nối nǎm mặng mạch Phật pháp, gìn giữ tông phong, lợi đạo ích đời. Có như vậy, chúng con mới đền đáp được phần nào công ơn đối với Sư ông trong muôn một. Xin cho chúng con được làm con cháu trong nhà Thiền, làm con cháu Sư ông cho đến ngày tu hành viên mãn.

Chúng con nguyện ơn trên Tam bảo gia hộ Sư ông được tú đại nhu hòa, thân tâm thường lạc, pháp thể khinh an, phúc trí vô biên, sống lâu nơi đời cho chúng con nương về tu hành được tiến bộ, viên mãn. ■

SỰ TRẢI NGHIỆM QUA PHÁP MÔN THIỀN TÔNG

Tâm Đạt

Nhân dịp khánh tuế Hòa thượng tôn sư, vị Trưởng lão tôn kính, vị thiền sư cuối thế kỷ XX, thượng Thanh hạ Từ tròn bách niên đại lão. Con là đệ tôn thuộc hàng hậu học, có đủ duyên lành nương theo pháp môn thiền tông đời Trần mang đậm tinh thần bản sắc dân tộc Việt Nam. Hòa thượng đã dày công nghiên cứu tìm kiếm tư liệu nhằm khôi phục, xiển dương, phát triển và làm sống lại Thiền tông đời Trần qua quyển “Thiền Tông Việt Nam cuối thế kỷ XX”. Nay con chí tâm chí thành chí kính, đê đầu hạ bút viết đôi dòng về sự trải nghiệm trên bước đường tu của bản thân con nương theo đúng chánh pháp của Như Lai qua tam tạng kinh điển, đồng thời y hướng về pháp môn Thiền tông do Hòa thượng Ân sư, thiền sư thượng Thanh hạ Từ - Tông chủ Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam xiển dương và chỉ dạy.

Vào khoảng tháng 06 năm 2009, lần đầu tiên được người bạn đồng môn hướng dẫn đến Thiền viện Thường Chiếu để thính pháp do Hòa thượng Trúc Lâm Đà Lạt thuyết giảng, vào mỗi dịp chủ nhật cuối tháng thường kỳ. Đây là thời điểm khắc ghi trong tâm trí của con một dấu ấn khó phai mà con không bao giờ quên được. Khi vào pháp đường, đứng chắp tay cung nghinh Hòa thượng thăng tòa thuyết pháp. Bỗng vừa diện kiến với Hòa thượng thì trong con xuất hiện một nguồn cảm xúc dâng trào, không sao kềm chế được. Khi đó con chỉ nhớ một câu nói “Vui sao nước mắt lại trào”. Người bạn thắc mắc nhưng con không thể lý giải được, cho đến một hôm con mở đĩa nghe Hòa thượng giảng pháp. Khi ấy con mới hiểu ra rằng giữa Thầy và con trong vô lượng kiếp đã gặp nhau rồi. Nay hội đủ duyên lành thầy trò lại hội ngộ nên niềm cảm xúc phát khởi dâng trào.

*Thầy trò hữu duyên trong tiền kiếp.
Nhân duyên hội ngộ lệ dâng trào*

*Duyên lành gặp lại minh sư cũ
Quyết chí y thiền nhất tâm tu.*

Nhân duyên lành lại đến, vào năm 2009 con được làm lễ quy y Tam bảo thọ ngũ giới với pháp danh “Chánh Phúc Hiệp”. Đến năm 2013 con phát Bồ-đề tâm kiên cố quyết chí xuất gia. Được thầy Trụ trì Thiền viện Chơn Không là Thượng tọa thượng Thông hạ Nhẫn chấp thuận cho con thể phát xuất gia với pháp hiệu: “Thích Chơn Không Tâm Đạt”. Phát nguyện tinh tấn tu hành chí thành chí cốt tại Thiền viện Chơn Không. Đến năm 2016 hội đủ duyên lành con được thọ giới Cụ túc. Trong quá trình tu học tại Thiền viện con quyết tâm chí thành y theo pháp môn Thiền tông với sự chỉ dạy, giáo dưỡng của thầy trụ trì Thiền viện.

Một lần theo chân thầy cùng huynh đệ về Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt để thăm viếng và đánh lě Sư ông. Khi chuẩn bị bước vào cổng phuong truong, bỗng con nhìn thấy trên tảng đá lớn dựng đứng có khắc chữ “BUÔNG”. Lúc đó con thoảng nghĩ tu thì phải biết BUÔNG.

Một hôm trong giờ lao tác, vì mãi làm cho xong phần việc được giao, nhìn lại đã 10h30, giờ chuẩn bị thọ trai. Con vào rửa tay chân, thay quần áo, khoác hậu, lên trai đường thọ trai. Tuy thân có nóng nực, con nhờ một thầy đứng gần bật quạt điện giùm. Vì lý do sức khỏe nên thầy không bật. Ngay khi đó con không bận tâm nữa. Sau khi thọ trai được một lúc, bỗng con có một cảm giác toàn thân mát dịu lạ thường. Ngay đó con ngộ ra một điều:

- Khi ta không dính mắc vào cái nóng của thân
- Không chấp vào cảnh duyên là cây quạt
- Tâm lúc đó thật sự BUÔNG thì thân tâm đều thanh tịnh
- Cái nóng và cái chấp thân đều rơi rụng thì thân tâm an lạc
- Sự an nhiên của thân và sự tĩnh lặng sáng suốt của tâm hiển lộ.

Qua trạng thái chuyển biến vừa rồi, con ngộ ra một điều khi tâm thật sự BUÔNG không chấp trước, không dính mắc thì ngay đó thân tâm được an lạc, thanh tịnh rõ ràng thường biết trùm khắp. Sự nhẹ nhàng và mát dịu của

thân với niềm an lạc sáng suốt của tâm sẽ hiển lộ cùng một lúc - rất là vi diệu. Qua đó con ngộ ra một điều giữa thân và tâm không tách rời. Khi ta còn gá nương vào thân từ đại này như nương bè qua sông thì thân tâm luôn gắn kết trong suốt quá trình tu hành. Quá trình công phu đến giai đoạn đi sâu vào thiền định, thì trí tuệ được khai mở, trí vô sự sẽ hiển lộ. Bỗng hoát nhiên một lần: thân tâm đều tan biến, một sự thanh tịnh rỗng lặng và rõ biết trùm khắp. Như khi Lục tổ khai thị cho ngài Huệ Minh:

- Không nghĩ thiện không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thương tọa Minh ?

Ngay đó ngài ngộ và quỳ sụp xuống đảnh lễ.

*"Chấp dính làm chi mãi nhọc lòng
Tham sân khổ não theo vật kéo
Trầm luân sinh tử mãi không cùng
Một lần BUÔNG xuống, trỗi lệng gió
Sanh tử ra vào mãi thong dong
Rỗng rang rõ biết trùm pháp giới."*

Nhân niên khánh tuế của vị Tôn sư kính yêu tròn bách niên đại lão, đỗi trước Tam bảo trong ba đời con chí tâm - chí thành - chí tôn - chí kính nguyện cầu hồng ân Tam bảo gia hộ cho tứ đại Ngài luôn điêu hòa, thân tâm thường an lạc, tâm trí luôn sáng suốt tinh lặng, rõ biết trùm khắp. Ngài luôn là một bóng cây đại thụ mãi trụ nơi cõi ta-bà cho chúng con nương bóng.

Nguyện cầu hồng ân Tam bảo gia hộ cho chúng con cùng mười phương khắp pháp giới chúng sanh luôn:

- Một niềm tin sâu vào Tam bảo.
- Phát Bồ-đề tâm kiên cố.
- Tinh tấn tu hành nương theo đúng chánh pháp của Như Lai và pháp môn Thiền tông, khiến cho thân an - tâm lạc - trí tuệ sáng suốt - đạo quả được viên thành, cho tròn bản nguyên. ■

NƠI ƯƠM MẦM GIÁC NGỘ

Trường Thiền Trúc Lâm

Kính bạch trên Sư cụ Trúc Lâm!

Không biết nhiêu đời trước chúng con đã gieo trồng nhân lành gì, mà ngày nay ra đời cùng nhau gặp được Sư cụ, Sư ông, được nương noli pháp hội của Người. Bởi lẽ chúng con biết rằng, sinh ra mà được thân người đã là rất khó, được nghe Phật pháp lại càng khó hơn. Nhưng hi hữu hơn, từ bé chúng con đã đầy đủ phước duyên được gặp được Sư cụ, Sư ông và sống trong vòng tay bảo bọc của quý ngài - những bậc minh sư dẫn lối cho chúng con trên con đường trở về quê cũ, kế thừa và tiếp nối mạng mạch Thiền tông Việt Nam.

Ngẫm lại một chút về nhân duyên thành lập La Vân Tuệ Uyển, ban đầu chỉ có vón vẹn bốn chú điệu. Sư cụ không cho Sư ông nhận nuôi, vì sợ rằng các huynh đệ còn quá nhỏ, khó có thể chịu và theo được quy chế, thời khóa của viện. Nhưng sau, vì lòng từ bi, thương những ánh mắt hồn nhiên, ngây ngô nhưng có tâm tu và ham ở chùa, Sư cụ đã chấp nhận cho Sư ông nhận nuôi mấy huynh đệ, nhưng không cho ở chung với chúng mà có nơi sinh hoạt và thời khóa riêng. Lúc này chưa có tên La Vân, mà Sư ông và quý thầy gọi là Ban Rãy, vì mấy huynh đệ ở chung với thầy Thọ Minh, thầy phụ trách khu rãy, chuyên trồng rau cải cho Thiền viện, kiêm luôn việc “trồng” bốn huynh đệ này, cho nên sau này tự con hay gọi thầy là “ông Tổ” của La Vân. Rồi sau đó, các mầm non không biết từ đâu xuất hiện liên tục, càng ngày càng nhiều, nên Sư ông hạ lệnh chính thức thành lập cơ sở tọa lạc ngay trên nền đất của Ban Rãy. Khu vườn trồng hoa quả giờ đây đã trở thành khu vườn gieo trồng hạt giống trí tuệ, ươm mầm cho Phật pháp mai sau, cho nên nơi này được Sư cụ đặt tên là “La Vân Tuệ Uyển”. Một lần Sư cụ hỏi: “Mấy chú có biết ý nghĩa của hai chữ La Vân là gì không?” Huynh đệ nhanh

nhau thưa Sư cụ: “Mô Phật, bạch Sư cụ! La Vân là tên của tôn giả La-hầu-la ạ!” Sư cụ cười rồi dạy chúng con: “Tôn giả La Hầu La là Mật hạnh Đệ nhất. Các con được xưng tên của Tôn giả thì cũng phải học và hành như hạnh của Tôn giả. Còn nhỏ tuổi, nhưng khi đức Phật dạy điều gì thì Tôn giả đều nghe và thực hành theo.” Lời nói của Sư cụ vô cùng giản dị và thân thuộc, nhưng đó là một trong những bài học đầu tiên khắc sâu trong tâm hồn các chú điệu La Vân từ thuở ấy. Không ai sống mà không mắc phải lỗi lầm, nhất là lứa tuổi hồn nhiên trẻ thơ chưa biết chi về cuộc đời, nhưng quan trọng nhất là phải biết sửa chữa, không được dẽ duỗi mà phải tự khắc, tự hứa cố gắng thay đổi, tu học theo những gì Sư cụ đã tận tâm chỉ dạy.

Tuy quân số đông đảo là thế, không ai giống ai, mỗi người một vẻ, nhưng phần lớn huynh đệ chúng con hầu như đều đến La Vân với một nhân duyên mà mình chưa bao giờ nghĩ đến, là ai tới rồi cũng như là mình đã có duyên sâu đời trước, thấy vui quá nên tự đứng xin ở lại, không lo toan, không nghĩ ngại, không tính trước, đâu ai biết rằng mình sẽ mãi gắn bó với nơi này. Tất cả đều có chung một ước vọng là được cùng tu, cùng học, sinh hoạt dưới mái nhà La Vân, hằng ngày được gặp Sư cụ, Sư ông, được nghe những điều hay, được thấy hình bóng của các Ngài bảo ban, chỉ dạy huynh đệ từng điều một, dù chỉ là những gì nhỏ nhặt nhất trong đời sống hằng ngày. Sư cụ thường hay dạy tụi con: “Các con chỉ cần im lặng, ngay ngắn, trang nghiêm xếp hàng đến trai đường thọ trai, hay là lên chánh điện tụng kinh là đã tu rồi.”

Chúng con nhớ mỗi dịp Sư cụ từ Thiền viện Trúc Lâm về Thường Chiếu, huynh đệ chúng con cũng được tham gia vào đội ngũ “hàng chào danh dự” đón Sư cụ cùng đại chúng. Chúng con được ưu tiên xếp thành hai hàng đứng tiên phong, háo hức mặc chiếc hậu vàng trang nghiêm như màu nắng sớm, trong lòng chỉ mong chờ thấy được bóng dáng hiền từ của Sư cụ. Vừa thấy Sư cụ thấp thoáng từ xa là chúng con cùng nhau la lớn: “Mô Phật! Chúng con kính chào Sư cụ!” rồi cùng nhau nối bước theo sau, đứa ném tay, người núi áo. Lần nào cũng thế nên câu hé tay này nghiêm nhiên trở thành khẩu hiệu của chúng điệu La Vân. Khi xếp hàng ăn cơm đi ngang qua thất Sư cụ, hay mỗi lần Sư cụ xuống La Vân thăm, chúng con đều đồng thanh la câu khẩu

hiệu này rân trời. Mỗi lần như vậy, Sư cụ đều vui vẻ cười và hay bảo tụi con: “Mấy chú không phải tiểu La Vân mà là tiểu “La Rân”!”. Những ngày này, khi sám hối về, chúng con được phép vào thất Sư cụ để đánh lẽ, cùng nhau hát cho Sư cụ nghe những bài mà chúng con tâm đắc và muốn cúng dường cho Người nhất, trong đó có một bài hát mà sau này đã trở thành “quốc ca”, đó là bài “Chú Tiểu Ngày Thơ”. Khi đánh lẽ, đứa nào cũng muốn nhìn thấy Sư cụ nên tranh nhau chen lên trước, đến khi lạy xuống thì chật ních, đầu đập xuống nền nhà kêu lộp cộp. Sư cụ thường hỏi chúng con: “Các con có học giỏi không? Các con có nghe lời quý thầy không? Có thương yêu, giúp đỡ nhau không?” chúng con đều mạnh mẽ đồng thanh trả lời “Mô Phật! Thưa Sư cụ, có ạ!” Nhưng đến câu này thì chẳng ai còn mạnh dạn trả lời: “Các con có đánh nhau không?” Câu hỏi này lần nào Sư cụ cũng nhắc đi nhắc lại và dặn dò chúng con kỹ lưỡng. Chắc có lẽ Sư cụ thấy chúng con còn nhỏ tuổi, chưa biết cách dùng ngôn từ diễn đạt, chỉ biết dùng tay chân để bày tỏ tình huynh nghĩa đệ, nên mới nhắc đi nhắc lại như thế. Những lời chỉ dạy của Người, chúng con sẽ mãi không bao giờ quên được: “Mấy con phải nghe lời Sư cụ chỉ dạy, ngoan hiền, huynh đệ phải sống hòa hợp, thương yêu với nhau. Không có được đánh nhau, đánh nhau là côn đồ. Người tu thì không được đánh nhau!”

Các chú điệu hồn nhiên, ngày ngô thuở ấy, giờ đây đã là những thiền sinh đang tu học trong Trường Phật Học Trúc Lâm (Trường thiền Trúc Lâm Việt Nam). Không còn nhút nhát, e dè như trước mà nay đã hiên ngang, khảng khái, dám tin vào pháp môn Thiền tông mà Sư cụ đã dày công phục hưng, tiếp nối. Càng ngày chúng con càng cảm thấu được lòng thương và kỳ vọng của Sư cụ, Sư ông đối với chúng con, cũng như trách nhiệm của chính mình đối với Tông môn và Thầy Tổ. Những điều khi xưa còn ngày dại chúng con chưa từng hiểu, bây giờ đã được suốt thông. Từ “Mật hạnh” Sư cụ đã dạy từ lâu, nhưng chúng con đến tận bây giờ mới nhận ra rằng, Mật hạnh không phải là cố làm một hạnh gì đó bí mật, cao xa, mà chỉ cần bình lặng, an nhiên, khép mình vào quy chế, hoà kính với huynh đệ, sống đời thiền tăng bình thường, giản dị, tu học theo lời Sư cụ và Sư ông, đó mới là Mật hạnh đệ nhất.

Quãng đời làm điệu ấy giống như đi qua một cơn mưa to, dù cho bị ướt sạch hết nhưng ai cũng muốn tắm lại thêm lần nữa. Dẫu biết rằng “quá khứ bất khả đắc”, nhưng chúng con vẫn muốn một lần trở về những tháng ngày... ; một lần lại được cùng đi dạo với Sư cụ, một lần xếp hàng ngang qua được Sư cụ cho từng chiếc bánh, cái kẹo; một lần được quây quần dưới vũng, nghe Sư cụ kể chuyện đạo lý; một lần lại được cùng nhau hát cho Sư cụ nghe... Chúng con mai này dù có lớn đến đâu, nhưng với Sư cụ, cũng chỉ là những chú tiểu nhỏ ngày thơ ngày nào. Lòng tôn kính của chúng con đối với Sư cụ từ trước đến nay chưa từng thay đổi như ánh mắt từ bi, bao dung của người nhìn đàm hậu học chúng con.

Thời gian này sắp đến dịp xuân về, một mùa Tết nữa sắp ghé qua, cũng là dịp hàng con cháu chúng con được mừng ngày bách tuế của Sư cụ. Nhưng mùa xuân kia chỉ là mùa xuân của đất trời, là sự chuyển biến đổi thay của vòng vô thường sanh diệt. Đối với chúng con, những lần được nhìn thấy Sư cụ, được quỳ dưới chân Sư cụ, những ngày còn ở trong pháp hội của Sư cụ, đó mới là những ngày xuân thật sự. Trong lòng chúng con cảm thấy buồn thẹn vì chưa làm được điều gì đáng kể để phần nào đáp đền công ơn pháp hóa của Sư cụ. Nhưng cũng tự thấy mình rất hạnh phúc và may mắn vì được sống trong ngôi nhà Chánh pháp, được chính Sư cụ, Sư ông và quý thầy thương tưởng, dẫn dắt. Chúng con biết rằng, dẫu có dùng hết những lời lẽ thế gian để tán dương ca ngợi đến đâu cũng không thể nào chạm đến được ân đức cao vời của Sư cụ, bởi những hình tượng ngữ ngôn không sao diễn bày được cái bao la vô lượng. Chúng con chỉ biết kính ngưỡng mong trên Tam Bảo hằng gia hộ cho Sư cụ cùng Sư ông được thật nhiều sức khỏe, mãi trụ thế nơi cõi đời này, là nơi nương tựa của Tông môn, là hình ảnh quy hướng của toàn thể Tăng Ni Phật tử, đem ánh sáng Thiền tông soi rọi khắp nhân gian. Chúng con nguyện hứa sẽ cố gắng, nỗ lực tu học để mai này tiếp nối mạng mạch Thiền tông Việt Nam, không cô phụ tấm lòng kỳ vọng, mong đợi của Sư cụ, Sư ông đối với những chồi xanh La Vân được ươm mầm trong khu vườn trí tuệ. ■

SƯ ÔNG TRÚC LÂM NGƯỜI ĐÃ SOI SÁNG CON ĐƯỜNG CHO CON

Hương Thiện

Cuộc đời của con cứ ngỡ sẽ êm đềm trôi qua như mặt nước hồ thu cho đến hết kiếp này. Dù được sinh ra trong một gia đình nông dân, nhưng từ nhỏ con được cho đi học đến khi trưởng thành và đi làm. Con chỉ có một đam mê là học tập. Con đeo đuổi những chuyên ngành mà mình đam mê. Có được nhiều bằng cấp cao ở hai, ba lĩnh vực nên rất nhiều cơ hội nghề nghiệp trong xã hội mở rộng chào đón con. Sau một thời gian làm hai công việc cùng một lúc, con chọn nghề giáo vì nhận thấy mình vốn không phải là người thích bon chen. Cuộc sống của một giáo viên hơi bận rộn, nhưng con cảm thấy rất hài lòng. Hàng năm, con đều vinh dự được xếp vào danh sách giáo viên xuất sắc. Sau những giờ vui cùng học trò trên lớp, con quay về nhà ở một làng quê yên bình để hưởng thụ những thú vui tao nhã: khi thì đọc sách trên chiếc võng đong đưa dưới tán cây, khi thì tự vác ba lô đi du lịch một mình. Cuộc sống của con không giàu sang tột bậc, nhưng con đã rất thỏa mãn với nó và không ít người xung quanh mơ ước có được một cuộc sống như thế. Cho đến một ngày, Sư Ông Trúc Lâm đã giúp con rẽ cuộc đời mình sang một hướng mới.

Nghe mọi người nói thiền giúp cân bằng cuộc sống, nên dù chưa biết nó là gì, con vẫn muốn học. Rồi tình cờ con biết được có một ngôi chùa mở khóa thiền khán thoại đầu. Con đến học thử một buổi rồi cảm thấy không có gì hứng thú. Con rút lui.

Một ngày nọ, con đến một ngôi chùa lễ Phật. Sau khi lễ Phật xong, con tham quan Phòng văn hóa phẩm Phật giáo của chùa và bắt gặp quyển *Phương pháp tọa thiền* của Sư ông. Nói thật, khi đó con cũng chưa kịp xem tác giả là ai nữa, nhưng không hiểu sao lúc đó trong con có một cảm giác vui sướng lạ lùng dù chưa đọc kỹ nội dung và thực hành được một phút giây nào. Con thỉnh ngay tức khắc mười mấy quyển. Đem về gấp ai con cũng khoe và ai thích con đều tặng. Con chỉ giữ lại một quyển để hàng ngày thực hành theo hướng dẫn trong đó. Khi có người xin, con cũng cho luôn, rồi lại đến chùa thỉnh quyển khác.

Con cứ theo hướng dẫn mà thực hành hằng ngày và cảm thấy cuộc sống của mình vốn tốt lại tốt hơn. Con bắt đầu quan tâm đến tác giả. Cứ mỗi lần đến chùa lễ Phật và ghé qua Phòng văn hóa phẩm Phật giáo là con thỉnh hết những quyển sách để tác giả là Hòa thượng Thích Thanh Từ đem về để dành đọc từ từ và cho những người xung quanh mượn đọc. Ai cũng khen sách của Sư ông viết phong cách rất giản dị và rất hay. Trong con lúc đó, Sư ông với hình ảnh của Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt trở nên rất quen thuộc dù con chưa một lần đến đó và được đánh lê Người.

Một ngày sau tết nguyên đán, con có dịp đi hành hương mười cảnh chùa ở tỉnh Lâm Đồng. Khi đến Thiền viện Trúc Lâm, con không đi ngắm hoa và chụp ảnh như những du khách khác. Sau khi lễ Phật xong, con đi vòng vòng cố tìm xem có gặp quý thầy nào không để hỏi thiền vì con cũng đã thực hành theo hướng dẫn trong sách được một thời gian. Kìa! Có một thầy đứng tuổi đang ngồi phơi nắng sau *Tham vấn đường*. Con đến gần chắp tay chào thầy và nhờ thầy hướng dẫn cách tập ngồi kiết già vì đã hơn nửa năm con vẫn chưa ngồi được kiết già. Sau khi được thầy hướng dẫn xong, con bày tỏ nguyện vọng là được xin ở thiền viện một tuần để học thiền. Thầy ân cần hướng dẫn con qua nhà khách gặp thầy Tri khách. Sau khi nghe con trình bày nguyện vọng, thầy Tri

khách bảo tháng giêng đồng người ở tập tu quá. Con xin Thầy răm tháng tư sẽ quay lại và được Thầy đồng ý.

Hàng ngày con vẫn giữ thói quen thức dậy vào lúc 4 giờ 30 sáng và tọa thiền cho đến 5 giờ 30. Con hoàn toàn không biết như thế nào là tiến bộ nữa. Con có đọc sách và thấy Sư ông kể có lần Sư ông bị cảm, sau khi tọa thiền thêm mười lăm phút, mồ hôi đổ ra. Khi xả thiền, Sư ông hết bệnh luôn. Có một lần đang dậy, con bỗng bị cảm lạnh. Khi về nhà, con nằm mê man suốt một đêm. Đến giờ tọa thiền, con dậy không nổi. Nhớ lời Sư ông, con gắng sức ngồi dậy tọa thiền. Ngồi được khoảng ba mươi phút, mồ hôi đổ ra ướt hết cả quần áo. Đến sáng, xả thiền xong, con hết cảm luôn. Ngay sáng hôm đó con vẫn có thể đi làm bình thường. Ô! Hay quá. Niềm tin trong con bắt đầu mạnh dần lên và siêng năng tọa thiền hơn. Có một lần tọa thiền, con bỗng rơi vào một trạng thái không còn hơi thở, không thấy còn thân luôn. Trạng thái đó đến quá bất ngờ đối với con. Nó qua rất nhanh, chưa đầy một phút rồi mất đi do con giựt mình. Lúc đó, con cũng không biết đó là gì vì trong quyển *Phương pháp tọa thiền* Sư ông đâu có nói đến. Và con cũng chưa thấy đề cập đến trạng thái đó trong sách nào của Sư ông. Con cũng không biết thưa hỏi ai. Chỉ biết là từ ngay hôm đó trở đi, con được cảm giác rất an vui trong các thời thiền. Tuy nhiên, cảm giác ấy không ổn định vì khi ra ngoài làm việc, con vẫn chưa biết cách dụng công như thế nào. Suốt ngày, tâm tha hồ gióng ruỗi thì khi về nhà ngồi thiền làm sao còn an cho được.

Thoáng một cái, tháng tư lại đến. Con quyết định xin nghỉ dạy một tuần. Con cụ bị cho mình hai bộ đồ lam và một chiếc áo tràng, đáp chuyến bay đến Đà Lạt. Vừa đặt chân đến thành phố Đà Lạt, một cơn mưa to phủ trắng cả thành phố mộng mơ. Chờ cơn mưa dứt hạt, con đón xe đến Thiền viện Trúc Lâm. Chiều mưa, cảnh vật nơi Thiền viện có chút trầm buồn, không có bước chân của bất

kỳ một du khách nào. Con vào chánh điện lê Phật và ra sau nhà Tổ lê Tổ. Con hơi hồi hộp vì không biết thầy Tri khách có còn nhớ lời hứa hay không, nhỡ bị thầy từ chối thì lại phải quay về vì nghe nói không phải ai cũng đủ duyên được cho ở lại tập tu. Lúc đó, con cũng không biết nhà Tổ ở Thiền viện thờ vị Tổ nào nữa. Con chỉ biết quỳ và tập trung ánh mắt vào tôn ảnh vị Tổ đeo cặp kính đen, gương mặt tròn đầy, trông rất phúc hậu mà sau này con mới biết đó là tổ Thiện Hoa và khấn: “Nếu con có duyên với thiền thì Tổ gia hộ cho con được ở lại đây học thiền.” Quả nhiên, khi lễ Tổ xong vào gặp thầy Tri khách xin, thầy đồng ý ngay.

Một tuần tập tu của con ở Thiền viện là một tuần hơi vất vả nhưng con đã có những trải nghiệm khá thú vị. Dù chưa quen với việc thức dậy vào lúc 3 giờ sáng, nhưng con chưa bao giờ bỏ một thời thiền nào. Quý thầy và các cư sĩ tập tu xuất gia đã quen với thời thiền hai tiếng đồng hồ, còn con trong vòng hai tiếng phái bỏ chân ra đến ba bốn lần. Ấy vậy mà, con vẫn cố gắng ngồi hết giờ. Điều làm con ấn tượng nhất là giờ tiểu thực và thọ trai: không khí rất trang nghiêm, ăn uống rất khoa học và rất vệ sinh (vì mỗi người đều ăn bằng muỗng riêng và đũa chỉ dùng để gấp thức ăn). Điều thú vị nữa là con đến tập tu vào đúng dịp rằm tháng tư nên có lẽ quy y Tam bảo, con đăng ký quy y luôn. Vậy là từ nay mình đã trở thành con cháu của thiền tông.

Một tuần tập tu rồi cũng trôi qua, con ra đèo Prenn đón xe ra sân bay Liên Khương để bay về nhà. Lúc đó, có hai sư cô từ Trúc Lâm Ni cũng đang đón xe đi đâu đó. Một cô hỏi con:

- Con tập tu trong Trúc Lâm ra à?
- Dạ! - Con đáp.
- Thế con có định xuất gia không?
- Dạ không. Con không đủ duyên đâu cô ơi.

- Đủ duyên hay không là do con đó.

Rồi cô nhìn chồng sách trên tay con vừa thỉnh từ Phòng phát hành trong Thiên viện ra và bảo:

- Con về đọc hết chồng sách đó là con đi đó.

Con cũng không mấy quan tâm đến lời phán của cô. Con về nhà và tiếp tục đi dạy bình thường. Dù thời gian tập tu ở Trúc Lâm chỉ có một tuần nhưng hình ảnh của Trúc Lâm với từng thời khóa tu học cứ mãi vấn vương trong con. Nhìn lại lá phái quy y, con tự nhủ là mình cần phải tu học cho nghiêm túc hơn nữa. Thế là vào mỗi buổi sáng chủ nhật, thay vì đi dạy để có thêm thu nhập cao hơn, con quyết định xin nghỉ để tìm nơi tu học. Lúc tập tu trên Trúc Lâm, con có gặp một anh huynh trưởng của một đạo tràng. Anh rủ khi nào về sang chõ anh sinh hoạt. Vậy là con lần theo địa chỉ anh cho, đến ngôi chùa nơi đạo tràng anh sinh hoạt trước ngày sinh hoạt mấy hôm để làm quen với đường sá. Đến nơi, con thấy chùa có tổ chức hoạt động cúng sao, giải hạn. Đây là một hoạt động con rất thích trước đây, nhưng từ khi đọc quyển *Mê tín, chánh tín* của Sư ông, con đã từ bỏ hẳn. Do đó, khi nhìn thấy hoạt động trên, con đã không đến tham gia sinh hoạt tu học cùng với đạo tràng vì con nghĩ rằng nơi này không tu theo đường lối của Sư ông. Sau đó thì con mới biết đạo tràng của anh chỉ mượn ngôi chùa trên để tổ chức tu học hàng tuần. Không đến được đạo tràng anh tham gia tu học, con đành phải tham gia tu học theo đạo tràng pháp môn Tịnh độ tại một ngôi chùa nổi tiếng gần chõ con dạy. Tham gia sinh hoạt tu học được khoảng hai tháng, con thấy cũng không có gì lý thú cho lắm. Thế là con nghỉ ở nhà và chỉ thực hành thiền theo hướng dẫn trong sách của Sư ông.

Mấy tháng sau, con tình cờ phát hiện có một ngôi thiền viện thuộc Thiền phái Trúc Lâm cách nhà con hơn 30 km. Dù hơi xa, con vẫn tìm đến để đến sinh hoạt tu học cùng với đạo tràng. Khi

đến tham gia sinh hoạt, con đã được bác huynh trưởng chào đón và hướng dẫn rất tận tình. Lần này, con mới có được cảm giác đạo tràng như gia đình của mình. Chính vì vậy, con đã gắn bó với đạo tràng cho đến ngày con đi xuất gia.

Tham gia sinh hoạt tu học được một năm, nhân một kỳ nghỉ lễ dài ngày, thầy Trụ trì thiền viện (nay là Thầy bốn sư của con) tổ chức khóa tu Bát quan trai chín ngày với chủ đề “Phát Bồ-đề tâm”. Con nghe đến tu bát quan trai thì vô cùng phấn khởi vì con đã hằng mong ước được tham dự tu bát quan trai từ rất lâu. Cùng thời điểm đó, trường con đang dạy tổ chức cho những giáo viên xuất sắc một kỳ nghỉ 5 sao. Con bỏ việc hưởng thụ kỳ nghỉ đó để tham dự khóa tu. Sau khi khóa tu kết thúc, con vẫn cảm thấy mọi việc bình thường. Nhưng khi về đến nhà, con cảm thấy buồn buồn sao đó. Hằng ngày đi dạy mà sao không thấy được niềm vui như trước đây. Khi tự hỏi vì sao ta buồn thì không thể tìm ra nguyên nhân. Mỗi trường làm việc thì quá tốt. Minh, đồng nghiệp và học trò vẫn vui vẻ với nhau, không có vấn đề gì cả. Về nhà thì mình chỉ biết thư giãn, đọc sách, muốn cái gì thì có cái đó. Vậy sao ta buồn? Con hoàn toàn không biết vì sao. Ngày chủ nhật đến, con lại đi sinh hoạt đạo tràng. Đến nơi con gặp một huynh đệ đồng tu. Khi hai huynh đệ tâm sự với nhau, thì ra cả hai có cùng một tâm trạng. Sau khóa tu, huynh đệ đó đi làm hàng ngày mà tâm cứ vẩn vương mãi chuyện tu hành. Cuối buổi sinh hoạt, huynh đệ đó rủ con lên Trúc Lâm xin tập tu xuất gia. Con đồng ý ngay.

Hai huynh đệ chúng con đem ý định xuất gia thưa với bác huynh trưởng. Bác rất hoan hỷ và đã thuê xe đưa chúng con lên Trúc Lâm để xin tập tu. Lúc đó, Sư ông từ Thường Chiếu cũng về đó nghỉ ngơi nên chúng con được vào tận thất đánh lê Sư ông và được Sư ông hứa khả. Sau khi đánh lê thầy Trụ trì Trúc Lâm, thầy cũng hứa khả cho hai huynh đệ chúng con ở tập tu xuất gia.

Ngôi thiền gần hai năm, nhưng con không thể nào ngồi được tư thế kiết già dù chỉ năm phút. Ấy vậy mà sau ba tháng tập tu trên Trúc Lâm, hai huynh đệ chúng con ngồi được gần hai tiếng. Ba tháng sau, thầy Tri khäch chỉ dạy hai huynh đệ chúng con mời cha mẹ đến gặp thầy Trụ trì để Thầy trao đổi về việc xuất gia của chúng con. Lúc ấy, vì quá nhớ đạo tràng và nhớ công ơn của Thầy con, người đã tổ chức khóa tu chín ngày, nên con mới có thể dōng mānh phát tâm xuất gia, nên con xin về với Thầy. Khi đến chào thầy Tri khäch ra về, con có hứa sẽ luôn tinh tấn tu học để sau này có thể đóng góp một phần công sức bé nhỏ của mình cho tông môn. Lời hứa đó con vẫn ghi nhớ mãi trong lòng cho đến ngày nay.

Xuất gia được khoảng gần bốn năm, Thầy con lại chỉ dạy đi học để có thêm phương tiện đóng góp cho Phật pháp sau này. Biết rằng việc học sẽ ảnh hưởng đến việc tu tập vì mình còn sơ cơ, nhưng con không còn cách nào khác là phải tuân theo lời Thầy quay lại giảng đường. Vì mỗi trường học tập không phải ở Học viện Phật giáo, nên con phải tự lo chỗ ở. Nếu ở nhờ thiền viện của tông môn nằm trên cùng địa bàn Thành phố nơi trường tọa lạc thì phải đi học quá xa. Cũng may lúc đó có một Phật tử cho mượn một căn phòng để trống nằm trên tầng cuối cùng của tòa nhà cách trường không xa, kế bên lại có một gian thờ Phật. Thế là con có nơi ở tu học rất thuận duyên. Dù xa Thầy và đại chúng, con chưa bao giờ lơ là trong công phu. Thời khóa tu học vẫn nghiêm túc.

Việc học giúp con phát hiện ra mình có một sự thay đổi. Vẫn với một thái độ học hành rất nghiêm túc và rất chăm chỉ, nhưng con không cảm thấy mê đắm nó như thời chưa xuất gia. Phải chăng trước đây con đi học là với tâm tham cầu. Con đã nhận thấy rõ ràng điều đó.

Nhân thời gian nghỉ giữa học kỳ, con không về với chúng ngay mà xin Thầy cho ở lại căn phòng trên để nhập thất lỏng trong vòng

một tháng. Thầy con hứa khả và ân cần chỉ dạy một số điều trong công phu. Con đóng cửa phòng, tự túc lo chuyện ăn uống và tập trung công phu. Đến ngày thứ tám, chín giờ đó, con cảm thấy hơi mệt. Vì vậy, con nằm xuống chiếc ghế dài, đầu kê trên bô đoàn định nghỉ ngơi trong chốc lát. Trong lúc đang nằm, tâm con bỗng nhiên rơi vào trạng thái rỗng lặng. Trạng thái đó kéo dài gần cả tiếng đồng hồ. Đến thời khóa sáu giờ sau đó, khi tụng đến câu “*Sát sanh hại vật thân gây tạo, Thương tổn sanh linh để lợi mình*”, con đã bật khóc đến mức không thể nào tiếp tục được nữa. Buổi thọ trai trưa hôm đó, con đã ăn cơm trong nước mắt. Sang ngày hôm sau, tâm con tiếp tục lại rơi vào trạng thái rỗng lặng như thế. Lần này, trạng thái rỗng lặng kéo dài lâu hơn. Thời thiền tối hôm đó là một thời thiền ngồi như không ngồi. Mọi cái rất an và rất tự nhiên. Đến thời thiền sáng sớm hôm sau, khi vừa kéo chân, thân đã bất động như tường thành, tâm rỗng suốt. Ngoài kia mọi thứ náo nhiệt còn trong này nó im phẳng phắc. Tiếng còi xe inh ỏi ngoài đường, tiếng rộn rã của buổi họp chợ khuya của một cái chợ gần đó không có gì liên quan đến nó, không thể làm mất đi sự tĩnh lặng của nó. Nước mắt con trào ra và con đã bật khóc thành tiếng một lần nữa trong căn phòng chỉ có một mình. Lúc đó, con nhớ đến công ơn của Sư Ông vì nếu không có Người thì không biết đến kiếp nào con mới biết rằng mình có một bản tâm thanh tịnh như thế.

Thầy con chỉ dạy đó chỉ mới là bước khởi đầu. Vâng, đường về lại quê nhà con vẫn đang tiếp tục bước, nhưng niềm tin mình có một quê hương yên bình muôn thuở là rất mạnh mẽ, nó không chỉ còn là niềm tin do đọc được từ sách vở. Đến bây giờ con mới thấy mình đã bỏ đi những thứ mà nhiều người ở thế gian mơ ước là vô cùng xứng đáng. Nếu không có Sư Ông thì con cứ mãi sống ở cái quê hương yên bình trong sinh diệt và thỏa mãn với cuộc sống an nhàn giả tạm ở đó. Con nguyện đời đời kiếp kiếp được đứng trong pháp hội của Sư Ông và tu hành cho đến ngày giác ngộ viên mãn. ■

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THIỀN PHÁI TRÚC LÂM VIỆT NAM TẠI MIỀN BẮC

Trúc Lâm Chính Pháp

I. DẪN NHẬP

Đạo Phật được xem là phát triển đỉnh cao ở Việt Nam dưới triều đại Lý - Trần. Đặc biệt dưới thời nhà Trần, Phật hoàng Trần Nhân Tông đã thành lập một tông phái thiền mang tinh thần của người Việt, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Đó là niềm tự hào của cả dân tộc vì Thiền phái đã không chỉ gop phần gìn giữ mà còn làm phong phú thêm đời sống văn hóa của đất nước¹.

Tuy nhiên, thời kỳ hưng thịnh của Thiền phái không kéo dài, chỉ đến sau thời Tam tổ Huyền Quang². Cho đến thế kỷ XVII-XVIII, Thiền sư Hương Hải cùng với Thiền sư Chân Nguyên đã khôi phục lại Thiền phái trên, nhưng sau đó nó vẫn không thể tồn tại và phát triển theo thời gian. Khi nghiên cứu về những đóng góp của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử trong lịch sử với tâm trạng hoài cổ, nhà nghiên cứu Phật học Minh Chi đã chỉ ra hai việc mà Phật giáo Việt Nam cần thiết phải làm³: (1) cung cấp cho người Việt những yếu tố tư tưởng để giúp họ siêu việt lên trên những giá trị thế tục tầm thường như tiền tài, danh vọng, sắc đẹp v.v... và (2) giúp cho mọi người thấy và khẳng định bản thân mình là Phật. Từ đó cho thấy việc làm sống dậy tinh thần của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là một nhu cầu có thật.

Vào những năm cuối thế kỷ XX, Hòa thượng Thiền sư Thích Thanh Từ (Hòa thượng) đã khôi phục lại Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử với một hoài

bão: “*Nâng cao giá trị người tu Phật hiện nay, dẹp tan những kẻ hiểu lầm đánh giá đạo Phật quá thấp. Đồng thời vạch ra những giá trị cốt hữu của đạo Phật, khiến mọi người hiểu rõ, nếu cần đem ứng dụng vào cuộc sống thì thật sự được an vui hạnh phúc. Cảnh giác những hiện tượng sai lầm đưa đạo Phật vào chỗ huyền bí vô nghĩa, khiến chánh pháp phải lu mờ, trả Phật giáo trở về với giá trị bản hữu của nó. Việc làm của chúng tôi mang tính cách khơi sáng ngọn đèn Phật giáo Việt Nam để những người có trách nhiệm trong Phật giáo thấy rõ lối đi cho nhịp nhàng với hoàn cảnh hiện tại của đất nước. Chúng tôi không ước mong gì khác hơn là được đóng góp một hòn gạch, một viên đá để xây dựng lại ngôi nhà Phật giáo Việt Nam.*”⁴ Ngày nay, công cuộc khôi phục và xây dựng lại Thiền phái của Hòa thượng đã được xã hội thừa nhận. Như tác giả Nguyễn Đức Quỳnh đã nhận xét: “... Hệ thống thiền viện Trúc Lâm đã được xây dựng và phát triển nhiều nơi trong nước và ở nước ngoài như: Pháp, Mỹ, Canada, Úc, Ý... cho thấy sức sống mãnh liệt của Thiền phái khi đã đạt đến đỉnh cao giá trị văn hóa, khi đã hòa nhập với đời sống tinh thần của nhân loại.”⁵

Ở miền Bắc, cái nôi của Phật giáo nói chung và của Thiền phái Trúc Lâm nói riêng, do hậu quả của thời kỳ khủng hoảng Phật giáo nơi đây còn để lại, nhận thức của người Phật tử về đạo Phật còn hạn chế, nhiều cơ sở thờ tự của Phật giáo còn gặp nhiều khó khăn⁶ thì yếu tố nào để Thiền phái Trúc Lâm tồn tại và phát triển là cần phải được xem xét. Do đó, bằng phương pháp phân tích tài liệu, khảo sát điều tra xã hội học, phỏng vấn sâu đối với thanh thiếu niên và Phật tử ở một số đạo tràng, và ghi chép nhật ký, bài viết sê phân tích hai yếu tố cơ bản giúp cho Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam phát triển ở một số tỉnh thành phía Bắc. Hy vọng bài viết có thể đóng góp thêm cơ sở cho các thế hệ tiếp nối công cuộc xây dựng Thiền phái rút ra bài học kinh nghiệm cho mình.

II. HAI YẾU TỐ CƠ BẢN

Chắc chắn có nhiều yếu tố để làm cho Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam ở một số tỉnh thành phía Bắc được phát triển cho đến hôm nay. Tuy nhiên,

trong phạm vi bài viết này, hai yếu tố cơ bản sau được xem xét, đó là con người và việc đáp ứng được nguyện vọng của xã hội.

1. Yếu tố con người

Yếu tố then chốt đầu tiên đó là con người. Như Hòa thượng đã khẳng định “Ngày mai Phật pháp còn được hưng thịnh chính là nhờ sự tu của Tăng Ni”⁷. Kể từ khi thiền viện đầu tiên đánh dấu sự khôi phục Thiền phái Trúc Lâm trên đất Bắc, Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, vào năm 2002, cho đến nay Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam đã có thêm 13 thiền viện được hình thành: Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên (tỉnh Vĩnh Phúc), Thiền viện Trúc Lâm Sùng Phúc (thành phố Hà Nội), Thiền viện Trúc Lâm Giác Tâm (tỉnh Quảng Ninh), Thiền viện Trúc Lâm An Tâm (tỉnh Vĩnh Phúc), Thiền viện Trúc Lâm Tuệ Đức (tỉnh Vĩnh Phúc), Thiền viện Trúc Lâm Hàm Rồng (tỉnh Thanh Hóa), Thiền viện Trúc Lâm Phượng Hoàng (tỉnh Bắc Giang), Thiền viện Trúc Lâm Hồng Linh (tỉnh Hà Tĩnh), Thiền viện Trúc Lâm Yên Thành (tỉnh Nghệ An), Thiền viện Trúc Lâm Đại Giác (tỉnh Lào Cai), Thiền viện Trúc Lâm Tây Trúc (tỉnh Thái Nguyên), Thiền viện Trúc Lâm Chính Pháp (tỉnh Tuyên Quang) và Thiền viện Trúc Lâm Yên Lộ (tỉnh Thanh Hóa). Đây là kết quả nỗ lực không ngừng của tăng ni và Phật tử, trong đó phải kể đến là chư tăng ni đã được Hòa thượng trực tiếp đào tạo.

Trải qua 20 năm, để có 13 ngôi thiền viện được xây dựng làm nơi tu học cho tăng ni và Phật tử, quý vị nhận trọng trách Phật sự từ Hòa thượng đã vượt qua nhiều thử thách và chính điều này lại minh chứng cho hiệu quả đào tạo và sự quyết tâm của người thầy. Hòa thượng đã từng chia sẻ với tăng ni rằng:

Có nhiều vị hỏi tôi: “Chư tăng, chư ni vào Thiền viện tu bao lâu thì ra?” Tôi nói: “Chừng nào có ai sáng đạo, đủ lòng tin đối với Tam bảo và có khả năng làm lợi ích chúng sanh, tôi sẽ cho ra. Trừ những trường hợp bất thường, có người xin rút lui vì không chịu đựng nổi khuôn phép Thiền viện, hay bệnh hoạn không thể trị hết thì ra lúc nào cũng được. Nếu tôi

thấy xứng đáng lãnh trách nhiệm ở đâu, cho ra làm Phật sự là kết quả tốt, còn hai trường hợp kia là kết quả xấu.”⁸

Có một vị đã từng là lãnh đạo cấp cao về lĩnh vực tôn giáo nhận xét rằng: “Các thầy là đệ tử của cụ Thanh Từ ai cũng hiền hết, như thầy TT, thầy KN.”⁹ “Hiền” ở đây là thể hiện của đạo lực tu hành. Nhờ đạo lực tu hành nên cư xử hiền hòa với mọi người. Và chính sự hiền hòa lại nhận được sự ủng hộ của Phật tử nói riêng và của xã hội nói chung. Chẳng hạn như việc xây dựng Thiền viện Trúc Lâm Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa được thành tựu, qua lời kể của Thượng tọa Thích Kiến Nguyệt, trước hết là nhờ sự giúp đỡ của các cấp chính quyền đối với việc giải quyết các vướng mắc về thủ tục đất đai¹⁰. Nếu một vị nhận lấy trách nhiệm Phật sự không hiền để hài hòa tất cả thì làm sao có được sự giúp đỡ quan trọng nêu trên. Sự hiền hòa có được cũng là kết quả đào tạo của bậc ân sư. Hòa thượng đã từng dạy:

Chư tăng phải ráng thực hiện cho được hai điều. Thứ nhất, phải thực hiện nếp sống lục hòa. Tôi thường nói với mọi người, Tăng mà thiếu lục hòa thì không còn ý nghĩa Tăng. Vì vậy nên Thiền viện Trúc Lâm lấy lục hòa làm nền tảng đạo đức. Thứ hai là phải tu làm sao đối với đạo mình đủ lòng tin, thấy rõ ràng không còn ngờ vực.¹¹

Bên cạnh đó, tính nhẫn耐 của quý vị cũng là chất liệu giúp cho công việc phát triển thiền phái được thành tựu. Tính nhẫn耐 cũng đã từng được Hòa thượng giáo huấn:

Chúng ta phải chuẩn bị trước rằng, khi quyết tâm làm Phật sự, chúng ta sẽ gặp nhiều trở ngại khó khăn và những điều bất như ý. Chúng ta phải chấp nhận, dù khó khăn gian khổ mấy vẫn phải vượt qua, cương quyết đem thân này phụng thờ chánh pháp.¹²

Buổi đầu xây dựng các Thiền viện bao giờ cũng gặp nhiều thử thách, mỗi Thiền viện có những khó khăn riêng. Nhưng với tính nhẫn耐, cộng thêm nhiều nhân duyên khác, cuối cùng cũng được thành tựu như nguyện.

Một yếu tố khác giúp cho công việc Phật sự được thành công chính là tinh thần đoàn kết. Hòa thượng đã từng nhắc nhở đệ tử của mình rằng: “*Khôi phục Thiền tông của đất nước không phải là chuyện một cá nhân làm được, mà phải có sự đóng góp của nhiều bàn tay, nhiều công sức mới thực hiện được.*”¹³ Nếu chỉ tính riêng Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiền, nó đã có sức lan tỏa và làm tiền đề để hình thành các thiền viện khác như Thiền viện Trúc Lâm Hàm Rồng (tỉnh Thanh Hóa), Thiền viện Trúc Lâm Phượng Hoàng (tỉnh Bắc Giang), Thiền viện Trúc Lâm Tây Trúc (tỉnh Thái Nguyên), Thiền viện Trúc Lâm Chính Pháp (tỉnh Tuyên Quang). Nhưng hợp lực cùng với Thượng tọa Trụ trì Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiền chính là những vị đồng tu, cùng được Hòa thượng trực tiếp đào tạo. Trong một lần trả lời phỏng vấn về nhân duyên đến Tuyên Quang xây dựng thiền viện Trúc Lâm Chính Pháp, Thượng tọa Thích Trúc Thông Phổ đã cho biết:

Thực ra ban đầu không phải chúng tôi có nguyện vọng về đây [...], tỉnh Tuyên Quang có nguyện vọng thỉnh mời thầy Kiến Nguyệt xây dựng Thiền viện Trúc Lâm tại tỉnh Tuyên Quang. Nhân duyên đầu tiên là chúng tôi được đi trong phái đoàn cùng với thầy Kiến Nguyệt để qua đây xem đất. Khi xem đất, lúc bấy giờ chúng tôi giữ vai trò là Phó trụ trì Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiền nên mình đi có tính cách là đóng góp ý kiến với quý thầy trong phái đoàn. Nhưng sau khi chính quyền hướng dẫn mình đi các nơi để chọn đất và đã được mảnh đất mình vừa ý rồi thì sau đó tiến đến việc bàn giao. Lúc đó, thầy Kiến Nguyệt dự kiến mời một số quý thầy đảm trách công việc ở tại đây, nhưng cái duyên không thuận nên sau cùng các thầy không thể đến để nhận trách nhiệm được. Trước một tình cảnh như vậy, thường hay gắn bó công việc với thầy Kiến Nguyệt, chúng tôi cũng biết đây là một nỗi ưu tư của Thầy vì chưa có làm xong việc nên sau đó chúng tôi xin nhận.¹⁴

Nếu không có tinh thần lục hòa thì không có sự chia sẻ khó khăn để hoàn thành công việc Phật sự chung của tông môn.

Có thể ở quý vị là đệ tử được Hòa thượng trực tiếp đào tạo, đang đảm trách công việc Phật sự ở các tỉnh thành phía Bắc còn nhiều tính cách tốt đẹp khác, nhưng tính nhẫn nại, sống hài hòa và đoàn kết lân nhau đã góp phần vô cùng quan trọng trong quá trình quý vị phát triển Thiền phái.

2. *Đáp ứng được nhu cầu của xã hội*

Sự phục hồi và phát triển của Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam ngay trên mảnh đất được xem là chiếc nôi của nó bởi không chỉ nhờ vào yếu tố con người như đã phân tích ở trên, mà còn là do nó đã đáp ứng được một số nhu cầu xã hội đương đại đặt ra.

a. *Thiền viện là môi trường giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ*

Không phải cho đến ngày nay, các thiền viện thuộc Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam ở các tỉnh phía Bắc (các thiền viện) mới năm bắt được nhu cầu là cùng chung tay với xã hội chăm lo giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ. Từ thế kỷ trước, Hòa thượng đã nhận định rằng đạo Phật là “đạo của tuổi thanh xuân” vì “thật tánh của đạo Phật rất thích hợp với tuổi hoa niên” ở những đặc tính thanh tịnh, chân thật, từ bi, tinh tấn, và trí tuệ¹⁵. Đào tạo thế hệ tăng tài cho Giáo hội nói riêng và đất nước nói chung, Hòa thượng không mong muốn những học trò của mình sống tu hành khép kín mà Người đã ân cần nhắc nhở:

“Hiện giờ khoa học tiến quá nhanh mà đạo đức con người theo không kịp. Bước vào thế kỷ XXI như vậy là tai họa về sau... Chúng ta phải ý thức điều đó, phải cố gắng nâng đỡ đạo đức cho tiến nhanh theo kịp, sao cho đến thế kỷ XXI đạo đức, khoa học và kỹ thuật quân bình thì đó là kế lâu dài.”¹⁶

Trong những năm gần đây, đạo đức của một bộ phận giới trẻ xuống cấp nghiêm trọng. Đó không chỉ là kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học xã hội¹⁷ mà đó còn là nhận định trong văn kiện của quý vị có trách nhiệm. Vì vậy, nâng cao đạo đức xã hội trong đó có đạo đức của giới trẻ là một trong những nhu cầu cấp bách của nhân loại. Việc giáo dục đạo đức cho giới trẻ

đòi hỏi phải có sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội¹⁸, trong đó bao gồm các tự viện Phật giáo nói chung và các thiền viện nói riêng.

Trong thời gian qua, các thiền viện đã nỗ lực thực hiện nhiệm vụ trên. Tùy vào điều kiện của mình, các thiền viện đã tổ chức giáo dục đạo đức cho giới trẻ bằng nhiều hình thức như khóa tu mùa hè, khóa tu mùa xuân, sinh hoạt tu học hàng tuần v.v... Năm 2018 có 7.780 thanh thiếu niên tham dự các khóa tu mùa hè tại các thiền viện. Con số này đã tăng lên 9.735 trong năm 2019¹⁹.

Về chiều sâu, công việc trên của các thiền viện đã gặt hái được một số kết quả tích cực. Nhóm thiền sinh thực hiện nghiên cứu đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi đối với hai nhóm thanh thiếu niên (TTN) trong độ tuổi 12-18, tham gia sinh hoạt tu học tại Thiền viện Trúc Lâm Chính Pháp và Thiền viện Trúc Lâm Hòn Rồng: nhóm tham gia sinh hoạt tu học vào mỗi chủ nhật hàng tuần (gọi là nhóm A, tổng số: 54 đoàn sinh) và nhóm đến hai thiền viện trên tham dự khóa tu mùa hè lần đầu tiên (gọi là nhóm B, tổng mẫu: 81 thiền sinh). Việc khảo sát tập trung vào mức độ thực hiện các hành vi thuộc dạng trái chuẩn tắc xã hội như: nói dối vì động cơ không tốt, đánh nhau, nói tục chửi thề, trộm cắp, chửi nhau, và có lời nói hoặc hành động gây tổn thương cho ông bà, cha mẹ. Thang đo mức độ thường xuyên thực hiện hành vi do Giáo sư Hing Keung Ma xây dựng gồm 7 mức độ (1: Không có thực hiện hành vi, 2: Một đến hai lần/năm, 3: Ba đến bốn lần/năm, 4: Năm đến sáu lần/năm, 5: Bảy đến tám lần/năm, 6: Chín đến mười lần/năm, 7: Hơn 10 lần/năm)²⁰. Kết quả phân tích số liệu bằng kiểm định Sudent's t-test (Phần mềm SPSS) thể hiện nhóm A thực hiện các hành vi trên ít thường xuyên hơn ($M = 2,45$, $SD = 1,01$ so với $M = 2,86$, $SD = 1,20$, $p = 0,04$). Một Đoàn sinh nữ, 18 tuổi đã chia sẻ:

Trước khi đi thiền viện, con cũng không biết luật Nhân quả. Lúc đi thiền viện, con được nghe pháp, con hiểu ra được một chút. Gieo nhân nào gặp quả đấy, dù nó không đến với mình luôn, nhưng đến một thời điểm nào

đấy nó sẽ đến với mình à. Những lúc con dự tính làm một điều gì đấy thì nó (luật Nhân quả) bảo dừng lại đi, thế là con dừng lại. Trước khi đi thiền viện, con không có sự cân nhắc khi làm một việc gì đấy đâu à. Từ khi biết đến Phật pháp, luật Nhân quả, mỗi một hành động con làm nó đều nhắc nhở con.

Như vậy, nhờ tham gia sinh hoạt tu học tại thiền viện, TTN được học giáo lý và từ đó biết áp dụng điều chỉnh hành vi của mình. Mỗi trường tu học tại các thiền viện đã thu hút được một bộ phận TTN. Một Đoàn sinh nam, 14 tuổi kể:

Bây giờ con ngủ dậy sớm, kể cả không hẹn giờ con cũng tự thức dậy kể cả ngày đi sinh hoạt là vì cái ý muốn là mình phải đi sinh hoạt, mình phải học hỏi điều hay từ đạo Phật, mình còn rất nhiều điều chưa biết, mình phải tu cho nó tốt hơn. Trước đây đến ngày thứ bảy thì “a chủ nhật này ngủ nướng đấy”.

Kết quả khảo sát Phật tử đạo tràng tại năm thiền viện ở các tỉnh thành phía Bắc (được trình bày chi tiết ở phần sau) cho thấy độ tuổi của Phật tử đạo tràng có xu hướng già (*Biểu đồ 1*). Từ đó cho thấy việc tổ chức sinh hoạt tu học cho TTN của các thiền viện không chỉ góp phần cùng với xã hội chăm lo đời sống đạo đức cho thế hệ trẻ mà còn có khả năng tạo ra một thế hệ Phật tử trẻ kế thừa.

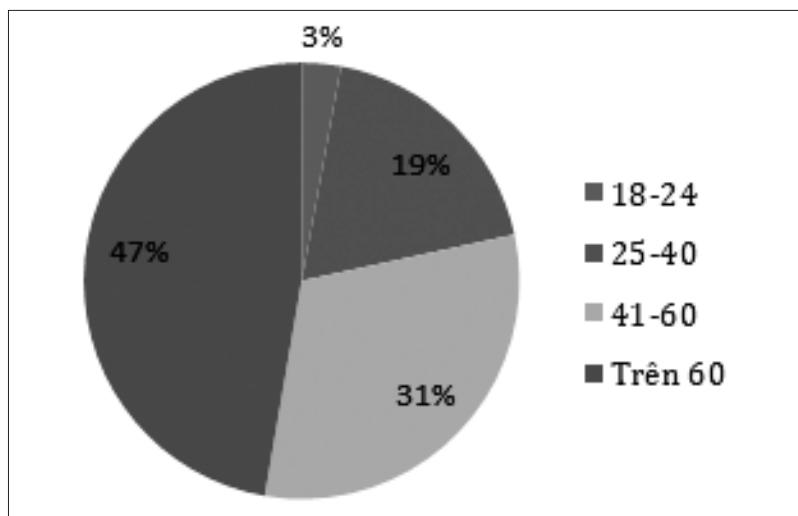
Qua phân tích một số nội dung trên cho thấy một số thiền viện ở các tỉnh thành phía Bắc trong thời gian vừa qua đã nỗ lực cùng với xã hội chăm lo giáo dục thế hệ trẻ và bước đầu đã đạt được một số kết quả tích cực.

b. Thiền viện là nơi hướng dẫn Phật tử tu tập đúng chánh pháp

Tác phẩm *Việt Nam phong tục* của tác giả Phan Kế Bính và *Hà Nội văn hóa và phong tục* của tác giả Lý Khắc Cung cho thấy một số phong tục tập quán của người Việt đã chịu ảnh hưởng tiêu cực từ Trung Hoa: đốt vàng mã, xem bói, phong thủy, dâng sao giải hạn, v.v...²¹ Những hiện tượng mê tín này đã làm biến dạng Phật giáo Việt Nam. Việc giúp cho người dân nói

chung và người Phật tử nói riêng có niềm tin chân chính là rất cần thiết. Đó cũng là mong mỏi của những nhà quản lý xã hội. Năm 2011, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Thông tư 04/2011/TT-BVHTTDL quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội²². Theo đó, những tệ nạn mê tín dị đoan và việc sử dụng vàng mã bị nghiêm cấm. Tuy nhiên, thực tế một bộ phận không nhỏ người dân và kể cả Phật tử vẫn thực hiện những điều cấm đoán nêu trên. Vì vậy, các thiền viện phải có trách nhiệm hướng dẫn trước hết là Phật tử đạo tràng xây dựng cho mình đời sống chánh tín.

Việc giúp cho người dân vượt qua mê tín đã là một chủ trương có từ thời Sơ tổ Trúc Lâm. Năm 1304, Phật hoàng Trần Nhân Tông xuống núi và đi khắp trong dân để khuyên họ phá bỏ các miếu thờ thần không chính đáng²³. Tiếp nối tinh thần này, Hòa thượng đã giảng giải thật chi tiết để không chỉ giúp Phật tử nắm bắt tu tập theo đúng chánh pháp mà còn để



*Biểu đồ 1: Cơ cấu tuổi của Phật tử đạo tràng qua kết quả khảo sát
(Theo cách phân chia của tác giả Trương Thị Khánh Hà²⁷)*

cho đệ tử hiểu và hướng dẫn cho người khác tu tập vì nếu “người truyền đạo không thông lý đạo”, có thể sẽ “ghép những tập tục thế gian vào trong đạo”, và vì vậy “khiến người ta hiểu lầm đạo Phật mê tín”²⁴. Trong quyển *Mê tín chánh tín*²⁵, Hòa thượng đã dạy người Phật tử các hành vi như đồng cốt, dâng sao giải hạn, xem bói, đốt vàng mã là mê tín. Trong quyển *Chúng ta đi chùa là để cầu xin hay tu theo Phật*, Hòa thượng cũng dạy người Phật tử phải tin sâu nhân quả và thực hành Năm giới để có được cuộc sống an vui thay vì phải làm một việc không thiết thực là cầu xin Phật ban cho²⁶. Lời dạy của Hòa thượng được các thiền viện truyền đạt cho Phật tử trong quá trình tu học bằng phương pháp thuyết giảng kết hợp cung cấp tài liệu Phật pháp để Phật tử nghiên cứu áp dụng.

Qua khảo sát năm nhóm Phật tử đang tham gia tu học tại năm thiền viện: Yên Tử, Tuệ Đức, Tây Thiên, Chính Pháp và Hàm Rồng (tổng số Phật tử tham gia khảo sát là 359), kết quả phân tích số liệu cho thấy Phật tử có sự chuyển hóa rất tích cực sau một thời gian tham gia tu học (*Biểu đồ 2*). Trước khi biết đến thiền viện để tham gia tu học, tỷ lệ Phật tử có thực hiện các hành vi mê tín chiếm tỷ lệ khá cao: dâng sao giải hạn (48,7%), đi xem bói (51,2%), đốt vàng mã (64,6%), và đi chùa lễ Phật cầu xin những điều may mắn như tiền tài, thi cử, địa vị v.v... (66,3%). Sau khi tham gia tu học ở các thiền viện, tỷ lệ Phật tử còn thực hiện các hành vi trên giảm đáng kể: dâng sao giải hạn (7,8%), đi xem bói (6,4%), đốt vàng mã (14,3%), và đi chùa lễ Phật cầu xin những điều may mắn như tiền tài, thi cử, địa vị v.v... (23,1%). Như vậy, các thiền viện có khả năng không chỉ giúp cho Phật tử xây dựng đời sống chánh tín theo đúng với tinh thần Phật pháp nói chung và theo đường lối tu học của Hòa thượng vạch ra nói riêng mà còn góp phần cùng với xã hội xây dựng nếp sống văn minh.

Một nữ Phật tử đang tham gia tu học tại Thiền viện Trúc Lâm Chính Pháp chia sẻ:

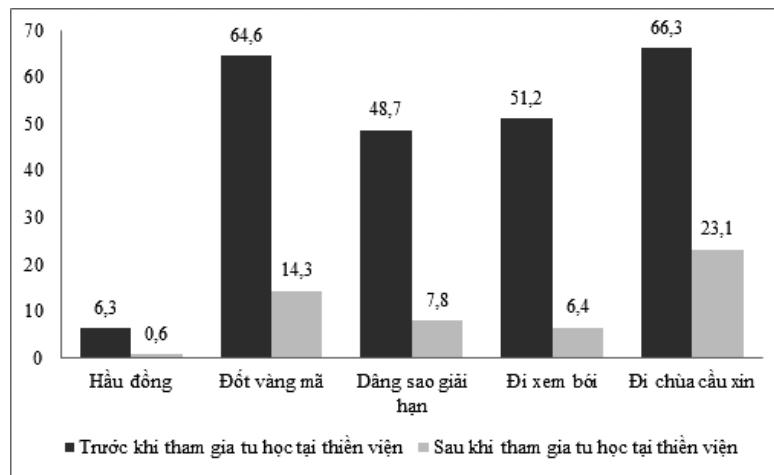
Từ ngày Thầy về đây giảng giải cho các bà hiểu, chứ trước đi mua tiền giả, mỗi cái răm tháng bảy nhà bà phải bốn năm trăm nghìn, tiền thật đi

mua cái đồ tế lễ về để cúng cho những người đã khuất. Từ ngày nghe Thầy giảng pháp như thế, nhà bà tuyệt đối không. Xung quanh đây Phật tử đi chùa đều không cúng vàng mã. Những người xung quanh nhà bà cũng thế, bà bảo người ta, người ta cũng nghe theo. Đám hiếu cũng thế, cũng không dùng vàng mã nữa [...] Từ ngày có thiền viện, nhà bà thay đổi. Ngày xưa, giao thừa thì phải con gà, đĩa xôi, phải thế này phải thế kia. Bây giờ bà vẫn thắp hương ngoài trời, nhưng mà chỉ đĩa hoa quả thôi với lại bánh kẹo.

Nhờ nghe pháp, thực hành nên Phật tử chấm dứt được hành vi mê tín. Không những thế, sự hiểu biết của Phật tử còn có khả năng ảnh hưởng tích cực đến những người xung quanh.

Tiến xa hơn nữa, Phật tử cảm nhận được niềm vui trong tu tập. Một nữ Phật tử tu học tại đạo tràng Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên kể về việc tu tập và lợi ích của việc tu tập như sau:

Mình cứ theo Sư ông giảng và Thầy chỉ dạy cho là mình tu mọi lúc mọi nơi, mình áp dụng trong cuộc sống, mình cứ lân lân tập theo, tâm mình rất an lạc. Buổi sáng thì 4 giờ mình dậy, đến 4 giờ 30 lên lề Phật và ngồi thiền khoảng độ một tiếng. [...] Đến tối khoảng 7 giờ hoặc 7 giờ 30 mình sám



Biểu đồ 2: Sự chuyển hóa của Phật tử sau một thời gian tham gia tu học tại các thiền viện (%)

hối ba nghiệp và ngồi thiền, làm sao đến 9 giờ hoặc 9 giờ 30 là mình nghỉ ngơi. [...]. Khi mình hiểu được giáo lý của Phật, về nhà mình hành trì, cái tâm mình nó an, tất cả mọi cái tham sân nó giảm đi và gia đình mình bắt đầu hòa thuận. Trong cuộc sống, mình thấy nó an lạc từng phút từng giây.

Việc tu học tinh tấn của Phật tử không chỉ mang lại niềm vui cho bản thân mà còn cho những người thân trong gia đình. Kết quả phân tích số liệu từ việc khảo sát cũng thể hiện tỷ lệ 91,4% Phật tử thường có được niềm an vui khi tu học tại các thiền viện.

Như vậy, các thiền viện không chỉ giúp cho người Phật tử xây dựng cho mình niềm tin chân chính mà còn từng bước hướng dẫn họ tu học có kết quả, góp phần xây dựng xã hội hạnh phúc.

III. KẾT LUẬN

Để Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam có thể phát triển ở các tỉnh thành phía Bắc như trong thời gian qua, át hẳn có rất nhiều yếu tố. Nhưng chung quy lại yếu tố con người là yếu tố then chốt. Những con người mang trọng trách của thiền phái cũng có rất nhiều tố chất, trong đó tính nhẫn nại, biết cư xử hài hòa và biết đoàn kết với nhau là những chất liệu không thể thiếu được. Những chất liệu đó có được nhờ công phu tu tập và chắc chắn vai trò của người thầy là rất quan trọng.

Yếu tố thứ hai là đáp ứng được nhu cầu xã hội. Nếu không làm gì có ích cho xã hội, chắc chắn xã hội không thể chấp nhận và thiền phái không thể tồn tại được. Thực tế, trong thời gian qua các thiền viện thuộc Thiền phái Trúc Lâm ở các tỉnh thành phía Bắc đã nỗ lực đóng góp cho xã hội trên một số mặt, trong đó có giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ và hướng dẫn cho Phật tử tu tập theo đúng chánh pháp. Điều này đáp ứng được nhu cầu cấp thiết của xã hội nói chung và của những nhà quản lý xã hội nói riêng. Những việc làm của các thiền viện đều đi theo đường lối chủ trương của Hòa thượng và là sự tiếp bước sự nghiệp khôi phục Thiền phái của Hòa thượng tông chủ. ■

1. Phạm Xuân Nam (2008). *Thâu hóa Phật giáo Ấn Độ và Phật giáo Trung Hoa, sáng tạo Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử của Đại Việt*. Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử 3: 3-12.
- Hoàng Minh Đô (2009). *Những đóng góp của Tam tổ Trúc Lâm cho sự phát triển của Phật giáo thời Trần và lịch sử tư tưởng Việt Nam*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo 6: 15-19.
- Nguyễn Công Lý (2017). *Thiền học Lý - Trần với bản sắc dân tộc*. Tạp chí nghiên cứu Phật học 1: 20-23.
2. Nguyễn Lang (2012). *Việt Nam Phật giáo sử luận*. Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Phương Đông, tr. 279.
3. Minh Chi (2005). *Phật giáo Việt Nam hiện nay học tập và tiếp thu được gì ở Phật giáo đời Trần*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo 1: 31-35.
4. HT. Thích Thanh Từ (2003). *Ba vấn đề trọng đại trong đời tu của tôi*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo, tr. 83.
5. Nguyễn Đức Quỳnh (2019). *Bảo tồn và phát huy di sản Phật giáo Trúc Lâm trong thời kỳ hội nhập*. Tạp chí nghiên cứu Phật học 2(155): 2-5.
6. Hoàng Thu Hương (2006), “*Động cơ đi lê chùa của người dân đô thị hiện nay*”, Tạp chí Tâm lý học 3(84), tr. 25-28.
- Nguyễn Thị Thanh (2016), “*Tác động của Phật giáo tới phụ nữ một số tỉnh phía Bắc Việt Nam hiện nay*” Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo 1(151), tr. 72-85.
- Nguyễn Thị Minh Ngọc (2017), *Vai trò của tôn giáo trong xây dựng niềm tin xã hội*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
- Đồng Văn Thu (2017). *Thực trạng về hoạt động của Phật tử và cơ sở thờ tự ở các tỉnh vùng núi phía Bắc nước ta*. Trong *Đào tạo Tôn giáo học ở Việt Nam qua trình hình thành và phát triển*, Bộ môn Tôn giáo học, 559 -572 Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.
7. HT. Thích Thanh Từ (2009). *Phụng Hoàng cảnh sách*, tập 2. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo, tr. 43.
8. HT. Thích Thanh Từ (2003). *Phụng Hoàng cảnh sách*, tập 1. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo, tr. 19-20
9. Nhật ký nghiên cứu
10. TT. Thích Kiến Nguyệt (2020). “*Duyên khởi*”. Trong *Kỷ yếu Thiền viện Trúc Lâm Hàm Rồng*, tr. 15-25. Tài liệu lưu hành nội bộ.
11. Sđd, tr. 50
12. HT. Thích Thanh Từ (2005). *Phụng Hoàng cảnh sách*, tập 4. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo, tr. 26.
13. HT. Thích Thanh Từ (2009). *Phụng Hoàng cảnh sách*, tập 3. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo, tr. 69.

14. Phỏng vấn đối với TT. Thích Trúc Thông Phổ do nhóm làm phim Ban Văn hóa Thường Chiếu thực hiện.
15. HT. Thích Thanh Tù (2015). Đạo Phật với tuổi trẻ. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo, tr. 7-10.
16. HT. Thích Thanh Tù (2009). Phụng Hoàng cảnh sách, tập 3. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo, tr.68-69.
17. Nguyễn Thị Như Trang (2017), Bạo lực học đường từ góc nhìn của người trong cuộc: Một số vấn đề thực tiễn và lý luận, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- Dỗ Ngọc Khanh (2019), “Lạm dụng chất gây nghiện và các nguy cơ nghiện chất ở học sinh trung học phổ thông”, Tạp chí Tâm lý học 2(239), tr. 67-79.
- Nguyễn Thị Nhân Ái, Phạm Thị Diệu Thúy (2019), “Thực trạng hành vi gây hấn của thanh thiếu niên Việt Nam trong bối cảnh học đường”, Tạp chí Tâm lý học 1(238), tr. 50-62.
18. Nguyễn Thị Ngọc Liên (2019), “Mối quan hệ gia đình, nhà trường và cộng đồng trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh - phân tích từ lí thuyết của Joyce Epstein”, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam 16, tr. 67-72.
19. Số liệu thu thập từ Ban Quản trị Thiền phái Trúc Lâm khu vực phía Bắc.
20. Ma, H. K. (2015). Adolescent Behavior Questionnaire (ABQ): An Introduction. Unpublished manuscript, Hong Kong Baptist University, Hong Kong, China.
21. Phan Kế Bình (2005), Việt Nam phong tục, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- Lý Khắc Cung (2004), Hà Nội văn hóa và phong tục, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, tr. 143-149.
22. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011), Thông tư 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 Quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.
23. HT. Thích Thanh Tù (1995), Tam tạng Trúc Lâm giảng giải, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.35.
24. HT. Thích Thanh Tù (2013). Mê tín chánh tín. Hà Nội: Nxb. Văn hóa-Văn nghệ, tr.35.
25. HT. Thích Thanh Tù (2013). Mê tín chánh tín. Hà Nội: Nxb. Văn hóa-Văn nghệ, tr.8-22.
26. HT. Thích Thanh Tù (2013). Chúng ta đi chùa là để cầu xin hay tu theo Phật. Hà Nội: Nxb. Văn hóa-Văn nghệ, tr.22-23.
27. Trương Thị Khánh Hà (2013). Giáo trình Tâm lý học phát triển. Hà Nội: Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 67.

Tàng Cây Đại Thọ

Thông Quang

Tàng cây Đại Thọ

Tàng cây Đại Thọ.

Che mát chúng sinh.

Gây dựng tông phong
thuở trước một mình.

Quá sức người kham nổi.

Mỗi đèn nối lửa từ bóng tối.

Quyết một lòng
nối lại chí người xưa.

Diệu lý sắc - không đâu thể hững hờ.

Từ tấm lòng “định nguồn xét cội”.

Hình thành rồi pháp âm vang dội.

Người người về quây quần,

Như gắp gỡ tình thân.

Bây giờ ngồi nhìn lại,

Năm mươi năm

âm thầm cháy mãi,

Với một người
cầm đuốc suốt đêm thâu.

Dòng thuận nghịch dù có đến đâu.

Dẫu trong cảnh thuyền to gió lớn.

Mà ánh lửa Từ bi vô tận

Soi sáng con đường niềm tin,

Cho con cháu

vững bước vào cửa thiền.

Tất cả đều vô ngại,

Từ đây và mãi mãi

Đến ngàn sau.

Thắp đốm sáng trên núi,

Đồng bằng bình minh nhanh.

Trong ngoài bày rõ lối,

Rực rỡ đóa sen thanh.

Mạch Thiên Ca

Thiền Tuệ Thanh

Yên Tử, Ngoại Vân lẩn trong mây,
Thấp thoáng Thiên nhân,
dáng hạc gầy.

Vách cỏ lân sương tìm lối đến,
A ha! Am chủ đã hiện bày.
Anh có thấy?

Trúc Lâm đại Sĩ,
Đến cõi Ta-bà.
Đuổi dẹp quân ma,
Chỉ bày Phật trí.
Pháp Loa khế chỉ,
Trên Ngoại Vân Phong.
Tâm thông giáo thông,
Thiền tông rực sáng.

Huyền Quang tiếp nối,
Xướng khúc tông phong.
Diệu chỉ Phản Quan,
Càng thêm sáng rõ.

Lặng...

Trời non Yên,
Nước non Yên.
Chim muông buồn lưu luyến,
Chờ ngày sáng Hoa Yên.

Ngày lại sáng,
Tương Kỳ hiện Pháp Lạc.
Dáng Thiền tăng,
 Tay gậy bước thong dong.
Thoát mình một thoáng Chân Không,
Dậy nguồn Thiền pháp, tiếp đèn Tổ tông.

Trời mênh mông, đất mênh mông,
Trời đất mênh mông, pháp giới thông.
Thường Chiếu đất cằn, gấp chí lẫm,
Gậy Ông chạm đến hóa hư không.

Kì Phụng Hoàng, sải cánh rộng,
Chở đàn Thiền tử dạo cảnh không.
Cánh không không cảnh, mặc tiêu sái,
Ô! Lá vẫn xanh, hoa vẫn hồng.

Mới hay!
Đàn vốn không dây, hòa âm điệu,
Sáo chǎng có lỗ, thổi khúc tiêu.
Phụ đàn tử địch cùng nhau xướng,
Vọng lại trong con khúc miên trường.

CẨM TRỌNG ÂN SÂU

Hoằng Hiền

Đất Văn Lang từ thuở dựng xây đến nay đã trải qua hơn bốn ngàn năm văn hiến, lịch sử đất nước đã trải qua những giai đoạn biến đổi thăng trầm. Biết bao bậc vĩ nhân đã đến với trần gian cũng như đến với đất nước này. Các ngài đã tìm ra con đường tươi sáng để đưa con người ra khỏi bóng tối của những giai đoạn lịch sử khó khăn. Trải qua khoảng thời gian như thế, bao nền văn minh sáng chói rọi lại lụi tàn, cứ thế bao lớp người đi qua rồi để lại cho sử sách ghi danh vang tiếng mãi đến muôn đời.

*Đỉnh non Yên phiêu bồng cùng mây thẳm,
Chốn rừng già hoa trúc thoáng phất hương.
Đất sơn lâm dấu đường nơi chốn tổ,
Khơi mạch thiền tuôn chảy mãi ngàn năm.*

Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là dòng thiền do vua Trần Nhân Tông sau khi xây dựng đất nước yên bình, ấm no cho muôn dân, ngài đã bỏ ngai vàng lên núi Yên Tử ẩn tu, sống hạnh đâu-dà cho đến khi sáng đạo, ngài đã lập nên và tạo ra một thời vang danh về nền Phật giáo nước nhà nói riêng và cho nền Phật giáo nói chung. Trải qua những biến đổi của lịch sử, theo dòng vô thường, thiền phái này tưởng chừng như chìm vào quên lãng. Cho đến cuối thế kỷ XX, dòng Thiền Trúc Lâm bừng sống dậy qua công đức phục hưng của Hòa thượng Trúc Lâm thượng Thanh hạ Từ. Cũng từ sự tu tập sáng đạo ngài đã chấn hưng, khôi phục lại Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Ngài đã mang giáo lý đốn ngộ đem lại lợi lạc cho con người. Với thành

quả tốt đẹp như thế, tất cả cứ mãi tiếp tục với chiều hướng phát triển rạng rỡ cho đến nay.

Là một tăng sĩ, ai cũng nâng niu áp ú đời tu của mình với hy vọng sẽ đạt đến an vui mãi mãi. Nhưng theo sự sói mòn của năm tháng thì những mơ ước khát khao cháy bỏng nguội dần. Hoặc như khi khoác lên mình màu áo tăng sĩ mà chẳng rõ biết mình đang là ai và hướng tu tập phải như thế nào mới là đúng.

Sự kiện sáng đạo của Hòa thượng đã dựng xây và củng cố lại niềm tin cho tất cả. Từ nơi Hòa thượng, ta đã rõ được đạo Phật với giá trị giác ngộ, đưa đến an lạc giải thoát. “Niêm hoa vi tiếu”, câu chuyện năm xưa trên hội Linh sơn Phật truyền tâm ấn cho tổ Ca-diếp rồi cứ thế tổ tống truyền làm cho đạo pháp được lưu giữ, tỏa sáng từ ngàn xưa đến nay và mãi mãi về sau. Nhắc đến Phật giáo Việt Nam là nhắc đến Phật hoàng Trần Nhân Tông. Với tinh thần “Phản quan tự kỷ” đã làm nên phượng châm cho Phật giáo thiền nhà Trần, tuy ở trong đời nhưng không vướng mắc, tự tại ngời sáng và giải thoát.

Hình ảnh của Hòa thượng Trúc Lâm là một vị thiền sư với nếp sống bình dị, giản đơn, từ bi nhưng uy nghiêm, vời vợi và cao cả. Một đời tu hành mẫu mực của Hòa thượng đã trở thành biểu tượng sáng chói cho hành giả tu tập, cho nền Phật giáo nói chung ở thế kỷ này. May mắn và hạnh phúc cho những ai được thừa hưởng tu tập và đạt kết quả từ nơi pháp môn Hòa thượng đã chỉ dạy.

Nếu như trong tất cả chúng ta, những ai với tâm tha thiết, mong mỏi tu hành cảm thấy mình bất hạnh vì không đủ phước duyên sanh vào thời có Phật để trực tiếp nghe lời chỉ dạy từ ngài; hoặc không được sống vào thời của Sơ tổ Trúc Lâm để sống và tu trong nền quốc giáo thì ngày nay chúng ta vẫn còn niềm hạnh phúc lớn lao được bù đắp từ Hòa thượng Tông phái Trúc Lâm. Với lòng nhiệt huyết, thương yêu và mong mỏi cho tất cả, vì chúng sanh, vì mạng mạch Phật pháp, Hòa thượng đã chỉ bày ra diệu chỉ của Phật tổ, cốt túy

của đạo Phật để người tu tập biết được lối tu rõ ràng đúng với chánh pháp và làm nguồn tư liệu quý giá cho những ai muốn nghiên cứu tìm hiểu về Phật giáo để có một cái nhìn đúng đắn.

*Người là ánh nắng ban mai
Xua tan băng giá đêm dày lạnh căm.
Người là một ánh trăng rằm,
Soi đường đêm tối xa xăm ai vè.
Đưa đời ra khỏi chốn mê,
Chân tâm chói sáng khắp bể nhân gian,
Thiên tông mạch sống chảy tràn,
Công ơn Hòa thượng ngút ngàn trời xanh.*

Ơn cha mẹ, ơn thầy tổ, ơn đất nước, ơn đà-na là tú trọng ân mà người tu Phật đã được học ngay từ khi mới vào đạo. Đức Phật sau khi thành đạo, ngài đã lặng im nhìn cây tất-bát-la trong bảy ngày để tỏ lòng biết ơn vì đã che mưa che nắng cho ngài trong suốt thời gian tu tập. Đó là bài học đầu tiên mà đức Phật đã chỉ dạy cho chúng ta, bài học về lòng biết ơn.

Chúng ta quý kính, tôn vinh và biết ơn những bậc thánh triết, các vị thiênen hữu tri thức vì đức độ và sự hy sinh của các ngài đối với chúng sanh. Cuộc đời này nếu không có những vị ấy xuất hiện để lưu truyền chánh pháp cao siêu, những lời dạy bằng thân chứng tuyệt vời thì thế gian sẽ chìm vào đêm tối, những bước chân lầm lỗi sẽ không biết néo quay về. Và ở đây chúng ta đã gặp được một bậc minh sư tuyệt vời như thế. Bao cảm xúc tôn kính dâng trào khi nghĩ đến công hạnh của Hòa thượng. Chúng con biết ơn vì những gian lao khổ nhọc của ngài trong thời gian đầu, chỉ riêng người đi tìm lại đạo Phật đúng nghĩa như thuở ban sơ. Hình ảnh của Hòa thượng đã làm cho chúng con nhớ đến việc thái tử Tất-đạt-đa học đạo mà không thầy chỉ dạy. Những gian truân của các ngài đã để lại kết quả tốt đẹp cho chúng con thừa hưởng. Công lao to lớn như thế biết đền đáp sao cho vừa.

Chúng con biết ơn vì nhờ Hòa thượng nói ra mà mình đã biết và lấy làm tự hào vì được sinh ra trong đất nước với truyền thống hào hùng dân tộc, đất nước có những vị vua tu hành sáng đạo. Các ngài đã xây dựng nên nét đẹp Phật giáo nước Việt với tinh thần nhập thế đạo đời không tách rời. Phật giáo đồng hành cùng dân tộc.

Chúng con biết ơn vì từ nơi giáo lý uyên thâm ngài chỉ dạy mà mình nhận ra được biết bao điều mới lạ. Trí tuệ khai mở, chúng con biết xóa bỏ dần những tâm chấp ngã, tham lam và hận thù, nhỏ nhọt và ích kỷ. Chúng con biết sống đời thanh bai chan hòa, lễ nghĩa, sống để đem lại lợi ích cho cuộc đời này. Và một hạnh phúc lớn lao không thể diễn tả bằng lời khi chúng con hiểu qua lời dạy của Hòa thượng rằng, hạnh phúc đích thực không phải là những niềm vui nhỏ nhặt ở thế gian mà hạnh phúc miên viễn chính là khi rũ lòng xuống, buông bỏ tất cả để thể nhập vào pháp giới bao la, ngay khi ấy hạnh phúc chân thật hiện tiền.

Ngày nay chúng con là những mầm non của Phật pháp, những sứ giả của Nhu Lai ở mai sau được dự vào pháp hội Thiền tông do Sư ông Trúc Lâm đã dày công khôi phục và gây dựng. Sư ông là người đi trước mở mang đường lối, Sư phụ là người tiếp bước xây dựng, chư tôn đức tông môn ra sức truyền đạt lại tất cả những yếu diệu của Phật pháp, tất cả kinh nghiệm tu tập vô giá của quý ngài cho chúng con, những thế hệ nối tiếp. Trên dưới đồng lòng, tôn kính nề nếp, hòa thuận ấm êm, êm đẽp như mạch thiền không bao giờ vơi cạn. Những mầm xanh của chúng con được tưới tắm, nuôi dưỡng, uốn nắn trong vườn thiền của Sư ông đến mai kia sẽ cao lớn lan tỏa bóng râm, đem lại sự tươi mát cho muôn loài. Chúng con xin được dâng lên lòng biết ơn vô hạn, xin được dâng lên Sư ông những gì tốt đẹp nhất. Chúng con nguyện sẽ phấn đấu tu học cho đến khi thành Phật mới vừa lòng như Sư ông đã từng chỉ dạy. ■

TRÚC LÂM TRÊN ĐẤT THẦN KINH

Bảo Pháp

Trên pháp hội Linh Sơn, Thế Tôn niêm hoa, Ca-diếp mỉm cười, mở bày kho tàng chánh pháp, Phật truyền tâm ấn. Một vầng nhật nguyệt soi sáng trời Tây. Suối nguồn Thiền tông tuôn chảy, rạng ngời ánh đạo vàng. Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, nhiều đời chư vị Tổ sư trao truyền tâm ấn này, soi rọi chốn nhân gian. Mở bày phương tiện, khai thị chỉ thăng, phá tan mê mờ u tối. Thời vàng son chánh đạo, chốn nhân thiên mở sáng một con đường, chúng sanh thừa tư lợi lạc mãi đến ngàn sau.

Cứ thế dòng Thiền chảy mãi, đổ về Đông Độ. Trên ngọn Tung Sơn, Đạt-ma bích quán, Thần Quang xuất hiện, tấu khúc an tâm, ánh chớp lóe sáng đất trời, đỉnh Tung Sơn đất bằng dậy sóng. Nối nǎm ngọn đèn Phật tổ, làm hưng thịnh, phát triển thành nhiều dòng Thiền, tỏa ngát muôn ngàn hương sắc, đồng về trong một nguồn chơn.

Mở lối nước Nam, tụ hội tại non thiêng Yên Tử, với sự ra đời của một bậc minh quân tài ba kiệt xuất, Phật hoàng Trần Nhân Tông. Ngài học đạo với Tuệ Trung thượng sĩ có lối vào. Xuất gia, tu hành, chứng ngộ sâu thiền túy. Từ trí tuệ chứng ngộ, ngài dung nghiệp các dòng Thiền hiện thời, từ đó sáng lập ra một dòng Thiền thuần Việt - thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, khế hợp căn cơ và bối cảnh xã hội lúc bấy giờ. Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử được phát huy rực rỡ, đưa Phật giáo lên đỉnh cao, đó là Quốc giáo. Huy chấn tông phong, tỏa sáng một vùng trời Nam.

Dòng đời đổi thay, qua bao cuộc thịnh suy, dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử một thời vang bóng rồi như lại ngủ yên theo dòng lịch sử. Mãi đến hôm nay, người người bất ngờ thấy rõ hương thiền Trúc Lâm vẫn còn, chưa từng thiểu vắng. Tiếp nối Tổ đặng, khơi mạch nguồn Thiền tổ, suối nguồn Trúc Lâm Yên Tử tuôn trào. Hòa thượng Tôn sư đã làm sống dậy tinh thần thiền

phái Trúc Lâm Yên Tử, khơi dậy sức sống thiền trong lòng người con đất Việt, thắp sáng ngọn đèn Thiền tông Việt Nam, lan tỏa khắp năm châu bốn biển.

Một vầng tinh tú, bốn phương tụ hội. Khí sắc nhà Thiền nuôi lớn chí xuất trần cho bao người con tìm về trong hương vị giải thoát. Thật là diêm phúc và túc duyên sâu dày nên hàng hậu học con cháu chúng con được sống và tu tập trong pháp hội của Người. Được tắm gội trong suối nguồn trong mát, nếm được pháp lạc hương thiền của dòng chảy Trúc Lâm lan tỏa trên mảnh đất Thanh Kinh.

Cõi thế vô thường, mạng sống mong manh. Cuộc đời tạm bợ, công danh phú quý như màn sương khói, nay được mai mất. Tất cả như một sự lay tỉnh, nhắc thức, thúc đẩy, đưa chúng con đến với đạo Phật, với thiền. Chí nguyện cao cả, vì lý tưởng tìm đường giác ngộ giải thoát cho mình và cho bất cứ ai có cùng tâm nguyện.

“Mình là ai?” Phải chăng đây là một dấu hỏi lớn mà bất kỳ ai cũng muốn khám phá, là sinh lộ mà ai cũng phải đi qua để tìm lại quê hương chân thật chính mình. Sự khắc khoải về nghi vấn này như một nhân duyên lớn đưa chúng con đến với Thiền.

Con đường thiền thênh thang rộng mở, chào đón chúng con dưới ánh bình minh rực sáng phía chân trời. Tại một vùng trời sông núi hữu tình, Bạch Mã hiển hiện trầm hùng, kỳ vĩ mà ôn hòa như mang theo cái mát lành của cao nguyên Đà Lạt về trên xứ Huế. Hồn thiêng Yên Tử, suối nguồn Trúc Lâm như đang hòa quyện, làm khơi dậy sức sống thiền nơi đây. Núi biếc một màu, trời xanh thăm thẳm, tọa lạc tại chân núi Bạch Mã, Thiền viện Trúc Lâm Bạch Mã hiện lên giữa lòng hồ Tịnh Giác, như một đóa hoa gói đầu vào núi rừng, trải dài đến vút mắt. Bên trong ngõ lối quanh co, đá dựng chập chùng gỗ ghề hiềm trở. Tuy nhiên hành giả luôn phấn đấu, quyết bước đến chỗ sơn cùng thủy tận, chỗ tốt cùng của mọi quanh co khó khổ. Ẩn hiện sau những ngọn cây cao vút là hình ảnh những con người thăm lặng làm việc bẩn phận, rất mực bình dị, ẩn mình trong nếp sống tùng lâm, với ý chí cao vút của bậc xuất trần thượng sĩ.

Thừa hưởng đường hướng Sư ông hướng dẫn, sống trong nội viện Thiền viện Trúc Lâm Bạch Mã, chúng con được trên Thầy chúng con hướng dẫn tu học miên mật. Chúng con ra đời muộn hơn nên không được Sư ông trực tiếp hướng dẫn. Bằng sự nỗ lực, quyết tâm của chính bản thân mà chúng con cảm nhận được Phật tổ không có phụ người quyết tâm. Với chánh pháp Nhẫn Tạng chúng con cũng tự thấy có phần. Chúng con không thấy thiệt thòi bởi pháp âm của Sư ông vẫn còn trong sách vở, trong các băng giảng của Sư ông được ghi hình lại. Đường hướng chủ trương của Sư ông vẫn còn đó nơi Thầy chúng con truyền đạt lại. Qua lời chỉ dạy của Thầy chúng con, hình ảnh Sư ông như hiện ra trước mắt. Từ chõ không có gì, Người đã âm thầm trong khó khăn vất vả phục hưng, gầy dựng cơ đồ, khơi mạch nguồn thiền phái Trúc Lâm Yên Tử ngủ yên bấy lâu. Thiền tông Việt Nam lại có mặt trong ngôi nhà Phật giáo Việt Nam như bản vị lịch sử của nó. Đèn Thiền tỏa sáng nơi nơi, người người cộng lạc trong pháp vị giác ngộ giải thoát Phật tổ đã trao truyền. Một lần nữa, dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử lại sáng rõ, vang dội đất trời.

Sư ông đã đem kinh nghiệm sống thực trong đời tu của mình để chỉ dạy cho hàng hậu học. Những kinh nghiệm quý báu này mãi là ngọn đuốc soi đường cho nhiều thế hệ mai sau. Hình ảnh vị Thiền sư dung dị, đầy ắp từ tâm đã in sâu vào tâm thức chúng con, chan hòa vào nếp sống thiền môn.

Trong môi trường thực học, chuyên tu, chúng con nhận ra những gì Sư ông chỉ dạy có ngay nơi sự nỗ lực hạ thủ công phu của chính mỗi người. Sư ông đã thắp sáng lên ngọn đuốc niềm tin chánh pháp trong chúng con. Bừng sáng ngọn lửa của sự quyết tâm, quyết chí. Và Thầy của chúng con đã tiếp nối, lãnh nhận trách nhiệm và sứ mạng của Sư ông giao phó. Thầy luôn là người truyền lửa cho chúng con để nó hừng hực cháy mãi, không để lui tàn hay yếu đi chút nào. Chúng con luôn được Thầy chúng con nhắc nhở, sách tấn trong việc học, việc tu. Học, mỗi mỗi phải xoay lại chính mình, không dừng trên văn tự chữ nghĩa mà phải đạt đến phát minh, sáng tạo. Tu, tin tâm mình có Phật tánh, có khả năng sáng đạo ngay đời này. Quyết chí hạ thủ công phu đến sáng đạo, thành Phật. Không dừng giữa đường, được ít cho là đủ. Học phải đạt đến Thuyết thông, tu phải đạt đến Tông thông thì mới có khả năng chống đỡ Tông thừa, truyền trì mạng mạch Phật tổ, đủ tư cách gánh vác trọng trách thầy

tổ giao phó. Ngoài học và tu, chúng con còn được rèn luyện thân tâm trong các công tác chung cùng đại chúng. Đây là lúc kiểm xét công phu, vượt qua sự nóng lạnh của bản thân, hay đối duyên xúc cảnh tạo ra. Tu học phải miên mật, không được gián đoạn. Luôn hăng giác trên mọi sinh hoạt, sáng biết rõ ràng trong tất cả oai nghi, nói nín, động tĩnh. Được như vậy thì công phu mới đắc lực, khế hợp tự tánh, mới có ngày bừng ngộ. Làm được như trên mới xứng đáng là con cháu nhà Thiền, không cô phụ hoài bão, tâm huyết một đời của Sư ông.

Trải thời gian tu học cùng đại chúng, hội đủ duyên lành, chúng con được trên Thầy chúng con cho phép luân phiên nhau nhập thất. Việc nhập thất như là một nhân duyên lớn nên Thiền sinh nào cũng trân quý. Lòng đã quyết, tâm dồn về một mối, chỉ còn một việc là quyết chí hạ thủ công phu. Trong thời gian này, cái gì là chân thật chính mình hiển bày rõ ràng hơn, không qua ngôn ngữ văn tự bên ngoài. Sức sống chân thật trong đây khiến chúng con thấy rõ những gì đã được học, lời Phật lời Tổ, lời Sư ông, lời Thầy chúng con dạy như bày ra trước mắt, như thanh kiếm bén đốn thẳng nguồn tâm. Mỗi mỗi sáng lên từ nơi ánh sáng trí tuệ tự tâm chính mình. Đến đây rồi, chỉ bằng sức công phu, sự thể nghiệm chứng thực nơi chính mình mới thấy rõ việc tu, không qua học hỏi, suy luận mà có được. Khéo dụng công, bắt hết dấu vết, mất hút các tướng, không một vết mè thì tánh thể hiện tiền. Sống thẳng ngay đó là tu hành. Nhân duyên thời tiết chín muồi thì tánh này tự bừng ngộ. Càng nhiều lần nhập thất thì chúng con càng rõ việc bốn phận mình hơn. Vững chãi, an lòng, thẳng bước tiến lên trên đại lộ Giác Ngộ mà chư Phật chư tổ đã qua.

Tuy ra đời sau, không được trực tiếp gặp Sư ông chỉ bày, kích phát, thẳng đó ngộ nhập như chư Tôn đức. Nhưng trong mỗi chúng con tự thấy ra rằng, nếu đêm ngày tâm niệm miên mật với những gì Sư ông chỉ dạy thì diệu chỉ Phật tổ, yếu diệu Sư ông trao lại cho chúng con là có thật, đang hiện tiền. Như thế, tuy không được thường xuyên trực tiếp đảnh lễ Sư ông, nhưng chúng con cũng không thấy mình xa cách.

Càng học, càng tu theo đường hướng mà Sư ông đã chỉ dạy, chúng con càng thấy rõ mình thật may mắn được làm con cháu của Sư ông, luôn tự hào vì được

sống trong mình dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử. Nếu không đủ phúc duyên được dự trong pháp hội của Sư ông, chúng con giờ này vẫn là những chàng Cửng Tử nghèo đói với chánh pháp, lang thang không định hướng giữa dòng đời ngược xuôi. Có huynh đệ mới xuất gia, ngôi thiền còn đau chân, nhức mỏi nhưng vẫn tinh tấn và có niềm vui trong đời sống tu học. Có huynh đệ đào sâu nghiên tầm nội điển, công phu miên mật nếm được thiền duyệt pháp hỷ nhất định. Có vị gặp trở ngại trong công phu, được nghe lại lời dạy Sư ông liền khơi thông, phán phát. Có vị đọc sách Sư ông viết, chợt có chấn động, thầm nhận ra con người chân thật xưa nay mà Sư ông đã chỉ thảng. Dưới nguồn pháp nhũ, dưới ánh sáng Thiền soi rọi của Sư ông, mỗi huynh đệ chúng con đều có những tiến bộ riêng, nhưng tất cả đều có chung một cảm khái “không ngờ”. Sự hoan hỷ trong thượng vị chánh pháp, thiền duyệt đến không ngờ.

Qua lời dạy của Thầy chúng con, hình ảnh của Sư ông thật oai nghiêm, nhưng từ hòa, bình dị và gần gũi. Nhất cử nhất động của ngài luôn toát lên đạo phong rạng ngời, tỏa sáng. Trên đỉnh Phụng Hoàng, suối nguồn Trúc Lâm - dòng chảy do ngài khơi lại lan tỏa bùa khắp nơi nơi, tưới tắm cho bao người con đất Việt. Dòng chảy ấy đã cuốn phăng đi những mê mờ tình chấp. Lúc thì êm đềm, nhẹ nhàng như dùi dắt, đưa hàng hậu học vượt qua những khó khăn thử thách trong việc tu học và Phật sự, tiến thẳng trên con đường giác ngộ, giải thoát. Nhưng có lúc lại chảy xiết, cuộn trào dữ dội như muôn nhấn chìm, cuốn trôi tất cả kiến giải, tình chấp, đẩy hành giả đến chỗ tận cùng, vực thẳm buông tay. Ánh chớp xé trời, bất chợt hoác toang, chân trời giác sáng hiện tiền. Linh thông sáng rõ, đất trời thênh thang, tiêu sái, tự tại. Lúc này mới cảm nhận hết tâm lão bà của Sư ông đã hết lòng vì cháu con.

Có nếm được mới nhận ra hết giá trị. Có tu tập thực sự mới thấy ra diệu chỉ Phật tổ chỉ bày. Càng tu tập tiến bộ, chúng con càng cảm trọng niêm ân sâu sắc trên Sư ông. Người đã gieo mầm hạt giống Phật, niềm tin chánh pháp, mở lối Thiền, dẫn đường đưa chúng con về trong ngôi nhà giác ngộ. Người chẳng những cứu chúng con trong một đời mà còn trong muôn kiếp. Chúng con ước nguyện được đời đời là con cháu trong nhà Thiền, làm con cháu Sư ông, quyết chí tiến tu cho đến ngày viên mãn, nối nǎm ngọn đèn Thiền tông sáng mãi ngàn đời. ■

Một Đoá Hoa

Định Phương - Nhã Uyên

Lắng lòng nghe kể chuyện Thầy tôi
Chuyện đã xa xôi ngẫm bồi hồi
Pháp lữ muôn phương đồng quy hội
Nhất lòng ca tụng mãi không thôi.

Thuở ấy Trà Ôn người thị hiện
Thế gian giả tạm khổ triền miên
Thế phát xuất gia vì đại nguyện
Kinh sử đêm ngày mài bút nghiên.

Chớ phải thánh hiên, chớ phải tiên
Làm sao tránh khỏi nghiệp trần duyên
Chiến tranh binh biến nương Phước Hậu
N痨 về Bảo Sở thấp lửa thiêng.

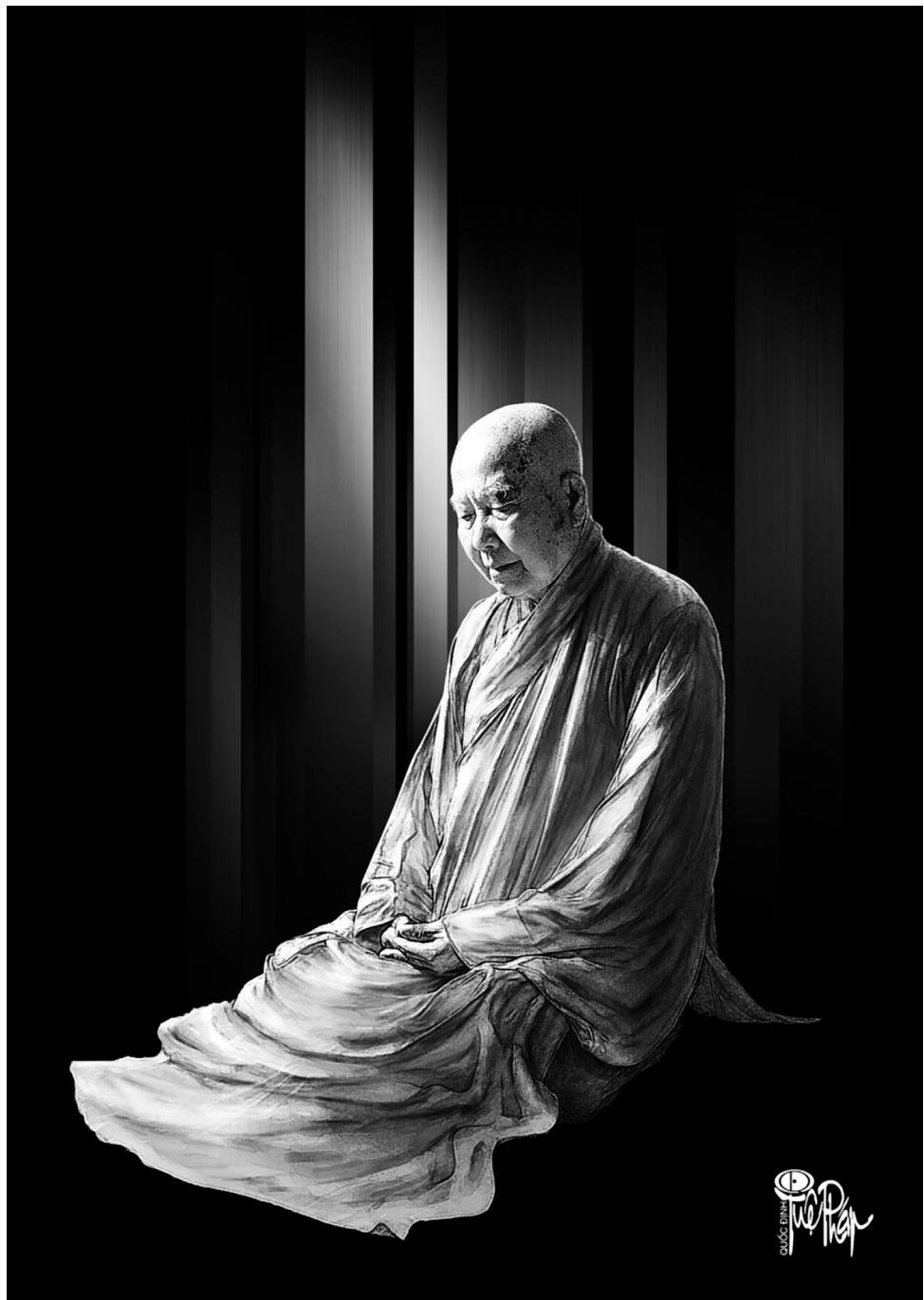
Chí vũng lòng kiên hướng núi non
Tương Kỳ khai đạo dạ chẳng mòn
Mở lối thiền môn tâm nhẫn耐
Pháp Lạc sáng bừng hạnh Như Lai.

Kiến đạo khai tâm vô quái ngại
Bình trắc không không lòng tự tại
Biết rõ nơi mình chẳng cầu ai
Thiền tông sống lại sáng tương lai.

Chẳng sợ chông gai mở lối ra
Tu vì nhân loại đâu chỉ ta
Lão bà tâm thương khai tánh ngộ
Đời người cõi mộng chốc thoảng qua.

Trăm năm nhân thế một đoá hoa
Ngát toả hương thơm chốn Ta-bà
Thanh âm pháp diệu vang thiên hạ
Từ tâm hoá độ khắp Ta-bà.

Công đức bao la kể sao thông
Nhất niệm tri ân cả tấm lòng
Cúi mong đại thụ giang tán rộng
Ngàn năm phủ mát khắp thiền tông.



THẦY VỀ PHỐ CỔ HỘI AN

Giải Thiện

Tôi từ Hội An vào Nam học đạo và đã gặp được minh sư năm 1974 tại Vũng Tàu. Lúc đó, Hòa thượng Tôn sư đang dạy thiền và mở khóa hai, thu nhận những thiền sinh trẻ, có lẽ nhân duyên nhiều đời đã khiến tôi gặp Thầy để khai sáng tâm tôi. Từ đó, tôi theo học dưới trướng của Thầy tại Tu viện Bát Nhã Vũng Tàu, bên cạnh Tu viện Chơn Không của chư tăng. Đến năm 1975, Thầy đưa chúng tôi xuống Long Thành và lập ra Thiền viện Viên Chiếu.

Chúng tôi lúc đó ở Viên Chiếu được Thầy mỗi tuần vào dạy học Kinh, Luật, Luận suốt mấy chục năm như vậy. Lời Người:

“Tu là hơi thở, không thể thiếu, thiếu là chết.

Học như uống nước, không thể nhịn khát quá lâu, lâu quá cũng chết.

Lao động như ăn cơm, có thể nhịn ăn vài ngày không sao.”

Chúng tôi cứ thế theo những lời dạy này hằng ngày miệt mài công phu tu học và lao động. Để rồi từ một ngôi rừng hoang sơ biến thành ngôi phạm vũ như ngày hôm nay, Thiền viện Viên Chiếu, chất ngất biết bao lời dạy của Thầy.

Rồi đến năm 2000, nhân duyên đưa đẩy tôi về lại Hội An, sống tại mảnh đất nhỏ của hai Sư bà chùa Bảo Thắng cho, ở phường Cẩm Châu, lúc đó còn khó khăn nhiều mặt. Tại đó, với mảnh đất hơn hai ngàn mét vuông, tôi cùng vài đệ tử âm thầm tu học, thiền tập và đặt tên là Thiền tự Bảo Châu. Đến năm 2002, Phật sự có phần hanh thông, mọi sự có phần dễ dãi hơn, và duyên lành đầy đủ, có một vị Phật tử phát tâm tài trợ tài chính cùng tôi

đi đánh lě Chư tôn đức Giáo hội xin quý ngài cung thỉnh Hòa thượng Tôn sư về phố cổ Hội An thuyết pháp nhân dịp đi du lịch tham quan phố cổ.

*Năm nao phố cổ reo ngày hạ
Chờ người về suối ấm lối đi xưa.*

Thế là vào mùa an cư tháng 05 năm 2002, Thầy đã về với phố cổ Hội An, có thầy Thái Bảo và Ni sư Hạnh Diệu làm thị giả, giảng tại chùa Pháp Bảo, trung tâm Phật giáo phố cổ, người nghe đông nghẹt cả sân chùa. Rồi Thầy được thỉnh giảng tại Trường hạ chư tăng ở Tổ đình Vạn Đức, và dạy cho chư ni tại chùa Bảo Thắng. Làm lễ quy y ở Thiền tự Bảo Châu cho hơn 200 Phật tử.

Sau đó Thầy ngồi trên xích lô chúng tôi đưa người dạo quanh phố cổ. Như một luồng gió mát thổi về Hội An, hào quang của Thầy đã chiếu đến mảnh đất nhỏ của chúng tôi đang tu học, Thiền tự Bảo Châu.

Đến nay đã hai mươi năm trôi qua rồi nhưng hình bóng Thầy:

*Vẫn đứng đó từ vạn kỷ
Nào ai biết, nào ai hay nhỉ,
Cú lang thang giong ruối kiếm tìm
Chợt lá đổ trùng phùng đại hỷ
Đào hoa Linh Vân nở độ nào
Hồng hồng đáo đáo còn tươi nhụy
Thơm lừng đến tận hội Linh Sơn
Cành sen vi tiếu hiển như thị.*

Chúng con ở phố cổ Hội An, hướng về Thầy kính lě, vô lượng vô lượng lě bái tri ân. ■

NHỚ ƠN THẦY

Huệ Thanh

Thiền viện Quang Chiếu được thành hình là do một nhóm Phật tử ở Dallas Fort Worth, Texas nghe băng giảng, đọc sách của Thầy, phát tâm muốn mang thiền tông Việt Nam cũng như đường lối tu hành dưới sự chỉ dạy của Thầy ra nước ngoài.

Năm 2000, quý Phật tử trong Ban sáng lập chung góp công sức và tài chánh mua đất sửa sang các căn nhà cũ biến thành thiền viện để cho những Phật tử hâm mộ thiền có chỗ tu học. Khuôn viên thiền viện Quang Chiếu rộng khoảng hơn mươi mẫu, nằm trên một ngọn đồi thoai thoải nhìn xuống mặt đường. Quanh thiền viện được bao bọc bởi rừng cây sồi lớn nhỏ, tạo nên một khung cảnh êm đềm tĩnh mịch như chốn tòng lâm.

Đây là thiền viện đầu tiên theo dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử được Thầy nhận sự hỷ cúng của Phật tử hải ngoại. Thầy đã giao cho Trúc Lâm Ni quản lý và điều hành thiền viện Quang Chiếu. Và dạy con với Thuần Đạo, Thuần Châu về đây tu hành để phụ giúp công việc với chư ni được Thầy đưa sang đây làm Phật sự. Thầy chỉ định chị Thuần Đạo làm thư ký và con làm thủ bốn, Quang Chiếu đã trở thành quê hương gắn bó với con kể từ đó cho đến nay.

Vì là thiền viện mới, tất cả đều chỉ mới bắt đầu, Thầy dạy chư Ni phải thường xuyên thay nhau giảng dạy Phật pháp và hướng dẫn thiền tập cho Phật tử người Việt và cả người nước ngoài. Lo cho những người trẻ sanh ra ở xứ người sẽ quên đi cội nguồn của mình, Thầy bảo chúng con tổ chức những lớp dạy tiếng Việt cho các cháu. Nhờ sự đóng góp hết sức hết mình của đội ngũ giáo viên Phật tử và sự cố gắng học tập của các cháu mà giờ đây đã có nhiều cháu biết đọc, biết viết và nói được tiếng Việt. Chúng con thầm kín phục sự nhìn xa trông rộng của Thầy giúp cho những người con xa xứ có ngôi nhà tâm linh để tu tập để trở về cội nguồn của mình.

Từ đó dòng thiền Việt Nam đã chính thức có mặt ở nơi đất Mỹ. Thời gian đầu, để mọi việc được thuận buồm xuôi gió, chính Thầy đã đảm nhận chức vụ trụ trì Thiền viện Quang Chiếu và cử Ni sư Hạnh Diệu làm phó trụ trì. Đây là món quà tinh thần quý báu và vô giá, là một vinh dự mà Thầy đã dành cho chúng con, những đứa con bơ vơ và lạc lõng nơi xứ người. Chúng con cúi đầu cảm niệm ân đức này.

Thiền viện Quang Chiếu được Thầy nhận và làm lễ khánh thành sơ bộ vào ngày 15 tháng 10 năm 2000. Ba năm sau đó, có hai vợ chồng Phật tử Diệu Mỹ, Nguyên Lương phát tâm cúng dường xây cất chánh điện mới, cùng với sự đóng góp hỷ cúng tịnh tài và công sức của tất cả quý Phật tử gần xa. Thầy thương chúng con nên đã cắt cử Ni sư Hạnh Diệu sang chỉ đạo việc xây cất ngôi Đại hùng bảo điện, với quy mô diện tích khoảng 400m². Sau khi hoàn tất công trình, Thầy đã cho quý Hòa thượng và quý Ni trưởng trong tông môn sang tổ chức Lễ khánh thành vào ngày 14 tháng 12 năm 2003. Chúng con đã hân hoan cung đón chư Tôn đức tăng ni về dự lễ chia sẻ niềm vui thành tựu với chúng con.

Con còn nhớ rất rõ, lần đầu tiên được theo Thầy và Ni trưởng Trúc Lâm ni đến Thiền viện Quang Chiếu, khoảng 10 giờ đêm ngày thứ Sáu. Vì từ Việt Nam bay đến Phi trường Los Angeles California khoảng 03 giờ trưa, sau khi làm thủ tục hải quan khai hành lý, lấy ra rồi phải chuyển sang hãng United Airline để đến phi trường Dallas Fort Worth TX. Chờ lấy tất cả hành lý rồi Phật tử mới đón Thầy đến Quang Chiếu, khoảng trên 10 giờ đêm. Vậy mà Phật tử vẫn chờ đợi, đứng hai bên đường để cung nghinh Thầy. Thầy đi qua, mọi người xá chào, trên mặt đều hiện nét vui mừng rạng rỡ và an lành. Một vị Phật tử đại diện choàng vòng hoa cho Thầy và Ni sư Trúc Lâm. Một mởi vì một cuộc hành trình dài nửa vòng trái đất mà Thầy vẫn tự tại, an nhiên tươi cười nhìn từng Phật tử. Con như cảm nhận được trong đó có bao nhiêu chất ngọt vi diệu làm cho mỗi người được an vui và quên hết những mệt nhọc vì chờ đợi Thầy. Họ hạnh phúc vì chỉ nhớ có Thầy đang ở đây và mình được gần bên Thầy. Trời đã khuya, Thầy vào thiền đường lê Phật và về phòng an nghỉ, để sáng hôm sau còn phải sắp xếp bao nhiêu là việc.

Hai ngày sau, nhầm ngày Chủ nhật, buổi Lễ khánh thành và An vị Phật tại thiền viện Quang Chiếu được diễn ra rất long trọng và trang nghiêm. Chiếu hôm đó, Thầy giảng một thời pháp như trận mưa lớn ban bố trên những mảnh đất khô cằn nhiều năm tháng, mọi người đều được thấm nhuần lợi lạc.

Những ngày kế tiếp Thầy làm Lễ quy y cho Phật tử và thuyết pháp. Có nhiều nơi thỉnh mời Thầy thuyết giảng, nhưng Thầy phải từ chối bớt vì không đủ thời gian.

Buổi giảng ở Houston, Phật tử thuê hội trường, có đến 700-800 người đến nghe pháp. Thầy Minh Ấn trụ trì chùa Bảo Quang ở San Antonio cũng thỉnh Thầy đến chùa giảng. Thầy Minh Ấn và bác sĩ Thụy (hội trưởng của chùa) sắp đặt chương trình buổi giảng. Lúc gần đến chùa thì có người chạy ra cho hay là bên trong treo cờ tú tung và cãi nhau dữ dội. Thầy nói với Ban tổ chức nếu giảng mà có lăm điêu rầy rà thì sẽ không có kết quả nên Thầy từ chối không giảng. Bác sĩ Thụy buồn ra mặt nhưng không nói được lời nào, Thầy về lại Houston. Đây là duyên không thuận, nhưng sự việc đó với Thầy chỉ là một hạt cát trong đại dương thôi, không làm Thầy có chút nao lòng.

Cũng ngày hôm đó, Hòa thượng Nguyên Hạnh ở chùa Việt Nam, Houston thỉnh Thầy thuyết giảng, có trên 500 người nghe. Sau khi Thầy thuyết giảng xong, Phật tử đứng sắp hàng dài để được vào đánh lê Thầy. Trong một ngày mà phải giảng liên tục, tuy rất mệt nhọc nhưng Thầy tiếp Phật tử rất ân cần và luôn mỉm cười nhẹ nhàng.

Cuộc vui nào rồi cũng có lúc tàn, Thầy cùng phái đoàn từ giã Quang Chiếu lên đường đi Georgia, đến tu viện Kim Cang của Hòa thượng Hạnh Đạt. Hôm đó giảng tại hội trường cũng có khoảng 500 thính giả, sau buổi giảng Thầy làm Lễ quy y cho các Phật tử. Sau đó, Hòa thượng Thánh Nghiêm mời Thầy lên New York giảng thiền cho Phật tử nghe, trong đó có nhiều người Mỹ đến tham dự nên Thầy giảng và có người thông dịch. Mọi người hoan hỷ lắng nghe như đang uống cạn từng giọt nước pháp.

Tiếp tục hành trình, phái đoàn về Virginia đến chùa Hoa Nghiêm, ở đây Thầy giảng ở hội trường lớn, cũng có một số người chống đối biểu tình. Vì giữ an ninh, Ban tổ chức phải nhờ cảnh sát bảo vệ. Trong bối cảnh dầu sôi ấy, Thầy vẫn ung dung tự tại ra vào không chút bận lòng. Còn chúng con thì thắc thỏm lo lắng.

Có nhiều lời phê phán không căn cứ gán ghép cho Thầy nhưng Thầy vẫn thản nhiên, không đính chính, không phản trần. Lúc đó có một vị làm việc ở đài truyền hình Mỹ tại Washington, D.C nghe chuyện bất bình nên xin đến phỏng vấn Thầy. Sau khi phỏng vấn, ông đưa bài về California Little Saigon. Như vậy mới thấy người tu hành chân chánh và thanh tịnh luôn có những vị Hộ pháp xuất hiện ra tay tương trợ.

Sau đó phái đoàn về thiền tự Ngọc Chiếu, California. Có một ông trong nhóm tin tức toàn cầu đến xin phỏng vấn. Thầy đã thổ lộ nguyện vọng của mình: Muốn duy trì Chánh pháp lâu dài không phải bằng lý thuyết mà phải thực hành, tăng ni phải tu, tu phải chứng đạo. Người muốn hiểu Thầy phải biết rõ tâm tư, mục tiêu của đời Thầy:

1- Học cho hiểu.

2- Tu cho được.

3- Đem kinh nghiệm tu để giảng dạy cho người.

Vì theo chiều dài lịch sử từ Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam... Phật giáo được lưu truyền và phát triển là do sự tu chứng của chư tăng ni. Như ở Ấn Độ, thời đó không ai biết đạo Phật là gì, khi Phật tu chứng mới truyền bá được đạo. Tựu trung muốn duy trì và bảo vệ Phật pháp là phải tu, vì vậy mà mọi tổ chức bên ngoài Thầy không quan tâm, Thầy chủ trương làm sao cho tăng ni tu được. Thầy lập thiền viện ở nơi nào đều đặt nặng việc tăng ni phải tu hành sáng đạo. Nên muốn hiểu Thầy phải thấy rõ mục tiêu của Thầy.

Rời Ngọc Chiếu, Thầy đi Sacramento, rồi đi Seattle viếng chùa Việt Nam và giảng tại đó. Sau đó Thầy về lại Việt Nam.

Trong chuyến đi này, Thầy đã di chuyển rất nhiều nơi, giảng pháp liên tục và làm Lễ quy y cho rất nhiều Phật tử. Trừ một vài sự cố đáng tiếc, Thầy đi đến chỗ nào mọi người đều vui mừng và hoan hỷ như những đứa con xa xứ lâu ngày được gặp mẹ hiền, được uống no dòng sữa pháp ngọt ngào, để có chút tu lương cho cuộc đời mình.

Đi trong bão táp mà vẫn được bình yên và có cơ hội để nói lên nguyện vọng và tâm tư của mình cho mọi người hiểu, trong cái không thuận duyên mà lại có kết quả tốt đẹp. Vậy mới thấy đức độ của Thầy thật lớn, đã hóa nguy thành an, hóa dữ thành lành. Sống dưới bóng Thầy chúng con luôn nhận được sự che chở bình an như vậy đó.

Cái duyên của con ở Quang Chiếu cũng nhiều lận đận. Khi mới nhận công việc Thầy giao phó, lúc đầu chưa quen cũng chưa có kinh nghiệm khi tiếp xúc với mọi người, con thấy mình khá vụng về trong cách ứng xử nên có ý định bỏ cuộc trở về Trúc Lâm tu, để sống những ngày êm đềm bình thản không vướng bận, lo toan. Khi về thăm Thầy con đã thưa: “Thầy ơi con làm đâu nhiều người quá, con không muốn làm nữa.” Thầy ngó con cười, rồi nói: “Con làm đâu có một chút mà đã than rồi, Thầy làm đâu cả trăm ngàn họ, còn không nói gì. Thôi ráng đi con!” Từ đó con đã ý thức trách nhiệm của mình và nương theo lời dạy của Thầy con đã vượt qua mọi khó khăn, để được vững vàng cho đến ngày nay.

Con sanh ở Trúc Lâm nhưng trưởng thành ở Quang Chiếu, ơn Thầy bao la không lời gì có thể diễn tả được. Dù cuộc đời có bao thay đổi, Trúc Lâm và Quang Chiếu vẫn là quê hương, là nơi con luôn hướng về. Thân con ở nơi đất nước xa xôi nhưng lòng con lúc nào cũng nhớ về Thầy. Thầy đã luôn bao dung nhẫn nhở, che chở và tin tưởng con nên con đã cố gắng hết sức làm tròn bổn phận của mình, không dám lơ là nhiệm vụ để phần nào đền đáp ơn Thầy.

Sợ con ham vui quên tu nên khi có dịp Thầy thường nhắc khéo: “Con phải lo tự tu, nếu không Thầy không thể cứu con được. Gìn giữ của Tam bảo con phải cẩn thận khi chi thu.” Nghe Thầy nói, con lại có tinh.

Dù ở xa Thầy nhưng lúc nào con cũng cảm nhận trong tâm con có một chỗ để quay về. Ni chúng và Phật tử Quang Chiếu đã được nuôi lớn bằng dòng sữa pháp của Thầy nên luôn tri ân và hướng về Thầy.

Quang Chiếu trải qua bao thăng trầm rồi cũng dần trưởng thành theo từng năm tháng. Khi mọi việc đi vào nề nếp ổn định, Thầy đã giao hẳn cho Ni sư Hạnh Diệu trụ trì để Thầy được nghỉ ngơi thanh thơi lo việc của mình. Chúng con được sống bình an nơi ngôi già-lam thanh tịnh này trong thời gian dài từ ngày thành lập đến nay, đã nhận ơn pháp nhũ đầy lòng từ bi của Thầy, cũng như được sự quan tâm ủng hộ từ sự của Phật tử nên được an ổn tu tập, để mỗi ngày mỗi thấm nhuần đạo lý, biết được con đường về nhà. Công ơn Thầy làm sao con nói hết đây!

*Cúi đầu đánh lễ Thầy
Ân Người tợ trời cao
Cố đem lời chân thật
Cốt chỉ ra +chân tâm
Muốn vào được trong ấy
Trước phải có niềm tin
Bên bỉ và gắng công
Tam bảo thường gia hộ
Thầy nghe hiện toàn thân
Cửa báu ở trong nhà
Thầy rồi được an lạc
Ôi trời xanh! Trời xanh!*

Bạch Thầy, viết những dòng chữ này, con muốn nói lên lời tri ân, cảm niệm những gì con nhận được ở Thầy, con đã biết tu theo lời chỉ dạy của Thầy và biết được mình có ông Phật. Con nguyện đời đời luôn thờ Phật, thờ Thầy không bao giờ thổi chuyển. ■

ÂN ĐỨC CAO CẢ

Ni chúng Bạch Mã

*Mạng sống con người ngắn ngủi - tạm bợ!
Hạnh phúc thế gian dễ vỡ - mong manh!*

Chúng duyên tu hành đã khiến chúng con thấy ra điều đó một cách sâu sắc. Nó khiến chúng con không cam tâm mãi chìm đắm trong khổ đau mê tối. Không đành lòng đem những thứ quý giá nhất đời mình, thời gian, sức khỏe, trí tuệ để đeo đuổi những thú vui phù phiếm, hư ảo. Không cam lòng sống một đời vô nghĩa như con rối bị nghiệp lực giựt dây để rồi khi đối diện với cái chết lại hối tiếc hoảng sợ, hoang mang đến cùng cực. Cũng chính chúng duyên tu hành đã cho chúng con có được niềm tin hy hữu: rằng sự giác ngộ là điều có thật, rằng những bậc chân sư vẫn đang hiện diện trên đời, rằng niềm tin miên viễn - hạnh phúc chân thật - sự an ổn thực sự là điều hoàn toàn có thể đạt được chứ không phải là mơ ước hão huyền. Nó thôi thúc chúng con đi tìm giác ngộ - giải thoát. Để rồi một ngày hạnh phúc vỡ òa khi chúng con được gặp chánh pháp, minh sư; được xuất gia tu tập trong Thiền viện thuộc Thiền phái Trúc Lâm¹; được tu theo Thiền tông Việt Nam do Sư ông tiếp nối phục hưng.

*“Thuyền lẻ cùng qua sông còn có duyên đời trước
Ba tháng hạ chung ở, đâu không duyên nhiều đời.”*

(Thiền sư Huệ Nam Hoàng Long)

Quả vậy, chúng con từ nhiều phương, xuất phát từ nhiều hoàn cảnh nên động lực đến với đạo cũng khác. Nhưng khi cùng nhau tụ hội về đây chúng con đều có chung một cảm nhận ấm áp, thân quen như được trở về nhà. Chắc hẳn không phải chỉ hôm nay mà nhiều đời về trước chúng con đã từng được gieo trồng cẩn lành nơi chánh pháp, nơi Thiền tông, nơi Thầy chúng con, nơi pháp hội của Sư ông.

Dù hiếm khi có cơ hội được gần Sư ông, nhưng mỗi lần nghe nhắc đến ngài, trong lòng chúng con lại trào dâng niềm kính thương vô hạn. Qua những câu chuyện về Sư ông mà Thầy chúng con hay kể, qua những bài giảng của Sư ông mà chúng con đã được nghe lại trên băng, chúng con thầm cảm nhận một cách sâu sắc tấm lòng và sự hy sinh thầm lặng của Sư ông cho chúng sanh, cho đạo pháp, cho hàng hậu học. Sư ông đã từng kể “*Từ buổi ban sơ, tôi lên Núi Lớn - Vũng Tàu cất một cái thất lá, để tên là Pháp Lạc thất. Một mình tôi vạch ra lối tu, tự cố gắng nỗ lực công phu, không có bạn, không có người cùng chí hướng. Việc làm đơn độc của tôi cay đắng vô cùng, đã mấy lần khóc trước Phật...*”. Sư ông đã tự mình cố gắng nỗ lực, âm thầm vượt qua muôn vàn đắng cay mới có thể khôi phục lại nền đạo pháp, gầy dựng lại Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam. Băng cái nhìn sâu sắc, Sư ông nói: “*Phật giáo còn là do sự tu chứng của tăng ni. Có tu chứng thì mới truyền bá được đạo. Nếu không tu ra gì mà giữ đạo thì giữ băng cách nào? Cho nên phải tu cho đạt đạo thì mới giữ được mối đạo.*”² Thật vậy, Sư ông đã dồn hết tâm huyết, dành trọn thời gian, vất kiệt sức lực cho việc dịch giảng kinh sách, đào tạo tăng ni, ngõ hầu tìm ra những hạt giống để ươm mầm, tưới tắm chăm sóc thành những cây đại thụ làm trụ cột cho Thiền phái Trúc Lâm - những con người giác ngộ. Để rồi dưới sự dùu dắt của một bậc Thầy “*Tông thuyết gồm thông, nhìn rõ căn cơ, trao đuốc tuệ*”, hàng môn hạ đệ tử của ngài có rất nhiều vị đạt đến “*Học - tu chẳng lệch,*

ngộ sâu yếu chỉ nối tâm thiền”. Để hôm nay hàng hậu học chúng con có phúc duyên được vị Thầy như thế dẫn đường, được gội nhuần trong suối nguồn đang không ngừng tuôn chảy.

Là người được cận kề bên Sư ông, được Sư ông trực tiếp chỉ bày, với quyết tâm thực hiện cho được hoài bão một đời mà Sư ông ấp úng là: thắp lên thật nhiều những ngọn đèn giác ngộ, để cho ánh sáng Thiền được lan tỏa khắp nơi, cho thế gian bớt vô minh mê tối, để người hết khổ được vui. Thầy chúng con³ đã tổ chức đời sống tu học tại Thiền viện Trúc Lâm Bạch Mã theo hướng thực học - chuyên tu, hướng đến sự giác ngộ chứ không dừng trên hình thức chữ nghĩa đúng với đường lối mà Sư ông đã chủ trương hướng dẫn. Cụ thể:

Có ngoại viện riêng cho khách tham quan nghiên cứu lẽ Phật. Đại chúng được sống trong nội viện chuyên tu. Có nội viện riêng biệt với thế giới bên ngoài. Đã tạo điều kiện cho đại chúng tu hành nghiêm mật. Không giữ tiền riêng, điện thoại, không đọc sách báo bên ngoài như Thanh quy Sư ông đề ra. Có lịch học cố định theo đúng tinh thần “Thiền giáo song hành” mà Sư ông đã chỉ dạy. Có Thiền thất thay phiên nhau nhập thất, chúng con được nhập thất chuyên tu. Khi nhập thất, chúng con có cơ hội đóng cửa hẳn với các duyên bên ngoài, chỉ một bể hạ thủ công phu, tự kiểm chứng lại công phu của chính mình để thực sự hành trì nghiêm mật hơn, để thực sự nếm được pháp lạc, thiền duyệt.

Có trải qua vô thường đau khổ, mới biết giá trị của sự an yên. Có trải qua quá trình học tập, rèn luyện, hạ thủ công phu quyết liệt trong môi trường chuyên tu nghiêm mật mới thấy rõ giá trị của sự tinh giác, mới biết quý trọng những tháng ngày thực học - thực tu. Mới thấy ra đường lối tu hành mà Sư ông đã hướng dẫn là con đường thẳng tắt, là những

chuẩn mực, những chân lý mà chỉ một mực “Y giáo phụng hành” thì việc tu tập mới có tiến bộ, đời sống tu hành mới có niềm vui, mới vững lòng tin vào con đường mình chọn, mới có thể đạt đến mục tiêu giác ngộ mà mỗi người tu đều mong mỏi, hướng về. Đúng như lời Sư ông từng nói: “*Vì muốn cho quý vị có lòng tin mà tiến tu để trở thành người hữu dụng, nên tôi không ngại rụng hết lông mày vì quý vị mà chỉ thảng.*”⁴

Ân đức của Người cao như trời biển. Những dòng pháp của ngài tuôn chảy như dòng suối Tào Khê xoa dịu cho bao con người lầm đường lạc lối trở về cõi hương muôn thuở chính mình. Người dẫn dắt chúng con ra khỏi những ngõ ngách lầm mê của cuộc đời, thức tỉnh chúng con tìm lại con người chân thật của chính mỗi người. Khi chúng con đã có sự vui thích trong việc học và tu thì nó sẽ xóa đi tất cả, nó như giải quyết bao khúc quanh mà đời tu ai cũng phải nếm trải qua. Nếu chúng con không có phước duyên gặp Sư ông, không được đưa đường chỉ lối thì biết đến bao giờ mới tỏ được cội nguồn của sanh tử, cũng vậy hàng triệu trái tim u tối sẽ trôi lăn trong sanh tử, không biết đến bao giờ mới thoát ra được. Phật dạy: “*Cái khổ địa ngục chưa gọi là khổ, cái khổ của loài ngựa quỷ chưa gọi là khổ, cái khổ của loài ngựa kéo xe cũng chưa gọi là khổ, chỉ có cái khổ của những kẻ vô minh, không biết lối đi mới thật là khổ nhất.*”

Thật hạnh phúc thay, hy hữu thay cho chúng con đã gặp được chánh pháp, được làm con cháu trong Tông môn. Ai ai trong chúng con cũng cảm nhận ít nhiều từ những bài pháp của ngài. Những vị mới đến thì còn khó khăn trong tọa thiền như đau chân, đau lưng... nhưng vẫn có niềm vui trong đời sống tu học. Có những huynh đệ giỏi học, siêng tu nên có những niềm vui thênh thang, sâu lắng. Có vị thâm nhận ra con người bất tử mà Sư ông đã chỉ thảng cho chúng con. Tuy mỗi huynh đệ còn đó

những giới hạn, nhưng dưới nguồn pháp nhũ của Sư ông, chúng con vẫn có những tiến bộ riêng, tất cả cùng chung một niềm pháp hỷ, thiền duyệt đến “không ngờ”.

“Không chìm nơi cạn hẹp liền thành cao xa”. Hạt mầm bé nhỏ, yếu mềm, không có phụ công người tưới tẩm chăm bón đã tự mình cố gắng xuyên thủng lớp đất dày để ngoi lên, tìm đến với ánh sáng, hướng về phía mặt trời. Trong bão táp, mưa sa... vẫn không ngừng phát triển, không ngừng vươn lên, đơm hoa kết trái, dâng cho đời quả ngọt hương thơm. Để rồi từ hạt của nó sẽ có thêm nhiều cây mới được mọc lên, dòng giống của nó nhờ đó mà không bị dứt tuyệt. Có lẽ chư Tôn đức trong tông môn cũng từ những thiền sinh ban đầu còn bỡ ngỡ với thiền, có những khó khăn nhất định buổi đầu đến với con đường giác ngộ, nhưng đã không cô phụ ân giáo dưỡng của Sư ông, đã tự mình nỗ lực hạ thủ công phu, vượt khỏi phàm mê, vươn tới chân trời giác ngộ. Trong nghịch cảnh, chông gai... vẫn đứng vững, trở thành người nối truyền Tông phong mạng mạch Thiền tông Việt Nam, thắp sáng ngọn đèn thiền, dẫn dắt những người đang đau khổ vì lạc lối về tới bến đỗ bình an muôn thuở của chính mình. Để rồi, ánh sáng từ ngọn đèn ấy cứ được mồi ra mãi. Chánh pháp nhờ đó vẫn được lưu truyền, dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử nhờ đó mà không bị mai một. Đúng như những gì Sư ông đã kỳ vọng giao phó: “Con đường tôi chuẩn bị cho quý vị đi là con đường rất xa, rất dài. Tăng ni phải cố gắng sao cho đủ nghị lực, đủ khả năng để tiến lên. Không được để cho sự nghiệp thầy tổ gây dựng mai một. Không được để cho cỏ mọc rêu phủ khiến con đường Thiền tông bị mọi người lãng quên. Đó là trách nhiệm. Tôi mong tất cả tăng ni phải hiểu, nắm vững và thực hành cho bằng được, đừng lơ là như trước đây nữa. Khi trao trách nhiệm lớn cho quý vị, tôi đã chuẩn bị tinh thần cho tăng ni trước. Quý vị không được ý lại, không trông chờ ai, mà mỗi vị phải tự

thấy bốn phận của mình, cùng chung đứng ra gách vác việc lớn. Đó là chỗ tôi mong tất cả tăng ni phải ý thức chuẩn bị, để ngày mai, quý vị là người Lãnh đạo tăng, Lãnh đạo ni đúng như những gì tôi đã chỉ dạy, đã vạch ra. Có thể thì Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam mới hy vọng cứu trụ nơi đời, đem lợi lạc đến cho muôn người.”⁵ Nhờ đó mà hôm nay, tuy không được Sư ông trực tiếp hướng dẫn giảng dạy, nhưng chúng con không cảm thấy thiệt thòi vì ở trong môi trường Thiền viện, chúng con vẫn đang được thừa hưởng trọn vẹn tất cả những gì Sư ông đã trao truyền cho con cháu của ngài: chánh pháp; minh sư; đại chúng hòa hợp, môi trường tu hành thanh tịnh - trang nghiêm; pháp tu cụ thể - rõ ràng theo đúng tông chỉ Thiền phái Trúc Lâm.

Có đi mới đến, có hành trì mới biết được, nếm được, mới nhận ra hết mọi giá trị, không phải qua người khác kể. Có tu tập hành trì, thực sự có sống thực mới nhận ra hết diệu chỉ của Phật tổ hãy còn tại đây, bây giờ, ngay đây chưa từng thiếu vắng. Càng tu tập tiến bộ, chúng con càng cảm bội niệm ân sâu sắc trên Sư ông, quý Hòa thượng và đặc biệt là sự dùi dắt, chỉ bảo chu đáo, tận tình từ pháp học đến pháp hành của thầy Trụ trì - người đã trực tiếp kế thừa pháp âm của Sư ông.

Chúng con hôm nay thực sự đã tận hưởng được chút vị ngọt của Thiền. Dù chỉ một chút thôi, nó cũng đem lại cho chúng con rất nhiều điều mà trước đây không có được: niềm tin, sự vững vàng trên con đường mình chọn và niềm lạc quan vui sống. Những điều đó được thầy tổ chúng con... đã khổ nhọc giúp chúng con nhận ra. Chúng con phải cố gắng nỗ lực tu tập để góp phần vào việc đưa Thiền tông đến với mọi người như lời thầy Trụ trì thường nhắc nhở: “Ăn quả phải nhớ người sau chưa được ăn”. Sư ông làm được, quý Hòa thượng, chư Tôn đức tăng ni trong tông môn cũng

làm được. Chúng con nguyện lấy đó làm tấm gương sáng, làm kim chỉ nam, làm hành trang, làm sự sách tấn trong suốt cuộc hành trình đi đến giác ngộ - giải thoát.

Phước duyên này, nhân duyên này không dễ gì có được - được làm con cháu của Sư ông, được làm đệ tử của bậc minh sư, chúng con luôn trân quý và tự hào về những gì mình đang có. Chúng con xin thầm hứa sẽ quyết chí, nỗ lực công phu cho đến ngày sáng đạo để không phụ công ơn của thầy tổ. Nguyệt Tam bảo hộ cho Sư ông cửu trụ nơi đời, để một ngày khi có thêm những đóa hoa tâm bừng nở, chúng con diêm phúc được nhìn thấy Sư ông mỉm cười hài lòng khi biết rằng con cháu ngài đã thực sự trưởng thành.

Xin cho chúng con đời đời làm con cháu trong nhà Thiền, làm con cháu Sư ông cho đến ngày tu hành viên mãn. ■

-
1. *Nội viện Ni - Thiền viện Trúc Lâm Bạch Mã.*
 2. *Trích Thiền Tông Việt Nam Trên Con Đường Hoằng Hóa.*
 3. *Quý Ni sư Nội viện ni Bạch Mã.*
 4. *Trên Con Đường Thiền Tông.*
 5. *Lời huấn từ của Hòa thượng Tôn sư - mùa xuân năm Nhâm Ngọ năm 2002.*

Mừng Sinh Nhật Thầy

Hạnh Huệ

Thầy không là dòng sông, nhưng Thầy là nước trùng dương,
Ôm đàn con vào lòng, dù con đến từ muôn phương.
Thầy không là đèn trăng, nhưng Thầy là vầng thái dương,
Soi tâm con một vùng, ngàn xưa vẫn hằng tăm tối.
Thầy không là bóng cây, nhưng Thầy mãi là bóng mây,
Che mát con một đời, giúp con vượt nhiều chông gai.
Thầy không là trời cao, nhưng Thầy chính là đất sâu,
Ủ mầm con đâm chồi, ươm bao mầm non xanh mau.
Lời Thầy như lửa thiêng, đem mỗi vào từng trái tim,
Ban cho con hùng lực, cho con tròn đầy bi trí.
Lời Thầy như mưa rơi, bao nhiêu chồi xanh muốt tươi,
Thành bách tùng voi voi, và thành ngàn hoa tinh khôi.
Con luôn nhớ ơn Thầy, Thầy dạy con hằng buông.
Con luôn kính yêu Thầy, Thầy dạy con nguồn tâm.

*Con mừng sinh nhật Thầy dù Thầy không hề sinh,
Con mừng sinh nhật Thầy dù Thầy luôn là không.
Thầy đến đây vì chúng con.
Con luôn ngắm gương Thầy, và càng sâu lòng tin.
Con luôn biết muôn điều, không ngoài nhân và duyên.
Con nguyên theo học Thầy và lo vun bồi nhân,
Con cầu duyên thật lành, Thầy luôn là Thầy con,
Để nhắc con đừng quên tâm.*

*Chúng con đến bên Thầy, cùng mừng ngày Thầy sinh.
Hân hoan trong thân tình, bên nhau toàn đệ huynh.
Mừng Thầy kính yêu của con.
Tình thiền Trúc Lâm trường viên.*

*Bao la lòng Thầy biển rộng
Trí Thầy soi sáng tâm con
Bóng Thầy che mát đời con
Tâm Thầy đất ướm nhiệm mầu
Lời Thầy lửa thiêng nung nấu
Đời Thầy mưa pháp thảm lâu
Chúng con vô cùng, vô cùng cảm bội ân sâu của Thầy.*

THẦY - NHỮNG CÂU CHUYỆN VÀ LỜI DẠY

Thuần Tuệ

Như những con chim, khi đủ lông cánh rời tổ bay đi, chúng con ngày nay, một số cũng đã xa Thầy tùy phương làm Phật sự. Tuy đã bước chân ra, nhưng tâm tư thì luôn ở bên Thầy. Bao nhiêu tháng năm, bao nhiêu đổi dời, hình vóc Thầy từ trẻ nay đã già, chúng con từ thơ bé nay đã dường như khôn lớn, nhưng Thầy thì vẫn luôn đó trong chúng con không hề đổi, sừng sững uy nghiêm, an lành che chở, một đời chỉ dạy không mỏi mệt, một lòng trông nom coi sóc đàn con...

Nay Thầy còn ngồi đó, yên tĩnh nhìn bốn chúng, tu hành, làm việc, không một lời, không một bảo ban. Chúng con về bên Thầy, đảnh lễ, thầm lặng ngắm nhìn Thầy. Dù có lúc nước mắt lặng thầm chảy vào trong, chúng con vẫn cảm nhận được tấm lòng Thầy bao la vô tận. Thầy ngồi đó, bao năm yên lặng, nhìn từng lớp đàn con đến đi, xem bao biến đổi, người còn người mất... Vẫn lặng lẽ không lời. Thầy vẫn đó, chờ đàn con lớn rõ biết đường về.

Đường về, vắng thưa, hay vẫn không thiếu những bước chân quen? Những đứa con khôn lớn, dù ở đâu cũng đang trên đường về Thầy ơi! Thầy vẫn ngồi đó, chờ những đứa con. Đứa nào cũng là con của Thầy, cũng trong sự mong đợi của Thầy.

Đường về và quê nhà! Chí nguyện một đời tu! Thầy vẫn còn ngồi đó!

Đọc lại những câu chuyện nhỏ của hơn mười năm trước, khi Thầy còn

khỏe, khi vẫn ngày hai lần chống gậy qua Nội viện Trúc Lâm Tăng và Ni, khi hằng tháng vẫn về các Chiếu giảng dạy, để thấy Thầy luôn vẫn rất gân, chúng con vẫn luôn được bên Thầy tu tập.

Chỉ ray rức một điếu, sao để Thầy trông chờ lâu quá mà mình vẫn còn chưa về lại quê nhà!

Thầyơi! Hôm nay, ngày sau, đời sau, cho đến khi thành Phật, chúng con luôn vẫn là đàn con đi theo bước chân Thầy!

2001

* Thầy nhìn hai Phật tử công quả, cười hỏi:

- Sao, mấy con có còn nhớ xuất gia có mấy hạng không?
- Dạ bạch Sư Ông, con nhớ. Có ba hạng: Một là muốn xuất gia. Hai là quyết chí xuất gia. Ba là liều chết xuất gia.
- Ủ, mấy đứa con thuộc hạng nào? Chắc là hạng thứ hai phải không? Còn chú này - Thầy chỉ sang Phật tử thứ hai - có dám ở luôn không, hay là muốn trở về?
- Dạ, bạch Sư Ông, con xin ở luôn!

Thầy cười quay sang cánh bên trái, toàn là quý cô đã ở lâu tại Trúc Lâm:

- Còn mấy đứa, thuộc hạng thứ mấy?
- Dạ, thưa Thầy chắc là... thứ nhất! (cười cười gãi đầu)

Thầy chợt nghiêm trang:

- Mấy đứa con là phải thuộc hạng thứ ba: liều chết xuất gia, nhất quyết không thay đổi tâm chí, không thay đổi hình thức, trong bất cứ trường hợp nào cũng quyết là người xuất gia!

* Hôm nay, Thầy bắt đầu bằng một câu hỏi:

- Mấy đứa đi tu có phải là hy sinh không?

Một vài người trả lời nhỏ:

- Dạ có!

Thầy cười:

- Đi tu là để cứu mình. Vì muốn mình thoát khỏi sanh tử trâm luân mà đi tu, như vậy là thương mình, muốn lo cho mình mà tu, có gì đâu là hy sinh?

Thông thường, ai cũng thấy đi tu là khổ, là bỏ cả một đời. Nhưng chịu khổ để tìm ra cái mình chân thật, không còn bị trói buộc, phiền não nữa thì có xứng đáng không? Khi thấy cái thật rồi, không theo cái đên đảo nữa, thì mới biết thương chúng sanh, mới tìm cách giúp họ cũng tinh thức như mình. Đó gọi là cứu độ chúng sanh.

Như vậy, muốn cứu người trước phải cứu mình, chứ mình còn trâm luân đên đảo thì không làm sao cứu người được. Mà cứu mình, lo cho mình thì có gọi là hy sinh không? Đâu có gì là hy sinh phải không?

Chỉ những người sống ở đời chạy theo đủ thứ hư dối rồi cuối cùng già bệnh, rồi chết vô ích, mới gọi là hy sinh một đời trong sự vô nghĩa. Còn người tu, chịu cực khổ, để cuối cùng tìm ra cái chân thật, giải thoát sanh tử, cứu mình, cứu người, thì đâu có gì là hy sinh!

Giả như có gia đình kia, nhà có viên ngọc quý, đem chôn giấu chõ kín, lại bỏ trong hũ, trên để đủ thứ tạp nhạp che giấu. Nay con cái muốn tìm kiếm viên ngọc, bèn ra sức đào bới để đem lên. Khi khổ nhọc đó có gọi là hy sinh không? Có gì đâu mà hy sinh! Vì mình ráng tìm cho ra thì có ngọc quý xài. Còn người lười biếng, không chịu đào xới, sợ nhọc mệt, thì cứ nghèo hoài, không có ngọc xài.

Như vậy, đi tu, ngày nay xem như khổ cực nhưng sau cứu được mình, cứu cho người, đó là một việc làm xứng đáng, chẳng phải là hy sinh như mọi người thường nghĩ.

2002

* Thầy kể:

Hồi ở Phật Quang, quý thầy cực lăm, không sung sướng như tại con bảy giờ. Khuya 03 giờ dậy đi công phu, xong đi tưới rẫy, trồng rau. Hồi đó đâu có tiền đi chợ như bây giờ, ráng trống để có thêm chút này chút kia ăn. Sáng sáng ăn ba hột, cơm có khi gạo ẩm, ăn nước tương Quảng Bình, là nước muối thêm ít nếp rang bỏ lơ thơ cho có vị, hôm nào có được miếng nước tương Tàu là quý lắm. Bảy giờ là học trò đến, chừng hai chục đứa, con nhà nghèo quanh vùng... Thầy ra cắt công việc cho mấy đứa nhỏ, quét sân, nhổ cỏ... 8g30 tất cả vào lớp, Thầy dạy tại nó học.

Buổi chiều quý thầy học, Sư ông dạy. Học vừa ra là đi tưới rẫy liền. 06 giờ vào sám hối Hồng Danh 108 lạy và Tịnh độ công phu tối. Sau đó mới đi học bài, có khi học tới khuya.

Bài Sư ông¹ bắt phải dò, tra chữ trước. Lên lớp phải đọc bài, xong cả rồi Sư ông mới giảng sau.

Hồi ở Phật Quang, tối còn đi giã gạo tối khuya, rồi xay lúa, lại còn bóc rơm làm nấm rơm bán, đâu có sẵn tiền.

Lên đến Ăn Quang, ở ngã ba Vườn Lài, không có nước máy, phải chờ đến 09-10 giờ tối dân chúng bớt lấy nước, mình mới ra lấy về xài. Vừa học, vừa làm công tác. Thầy học hai năm thì bắt đầu đi giảng, làm đủ thứ việc, nhưng ăn uống đâu có gì. Sáng một đĩa rau muống luộc chấm nước tương, có khi gạo ẩm cũng ráng nuốt. Chịu đựng một thời gian thì lao lực đưa đến đau phổi.

Lớp Thầy xưa ở Phật Quang chừng ba mươi mấy người, nay còn lại

chừng ba người. Còn lớp Ấm Quang, lớp Trung đẳng năm thứ hai chừng ba bốn chục người nay còn chừng năm sáu người. Đó là vì thiếu duyên phước, trên đường tu gấp chướng bị tuột xuống. Người đủ duyên phước thì càng tu càng tiến. Người phước nhiều làm việc không mong cầu mà có kết quả. Đừng nghĩ mình làm cho chúng là thiệt thòi, đó chính là cơ hội cho mình tạo phước, sau mới đủ duyên để tu.

* Thầy nhìn quanh, cười hỏi:

- Mấy đứa sao gọi là ráng tu?
- Là ngồi thiền đau chân, nhìn đồng hồ thấy còn mươi lăm phút nữa ráng chịu đựng phải không?

- Dạ!

- Có ai nói gì không vừa ý, ráng nhịn phải không?

- Dạ!

Thầy cười cười không nói gì. Chúng cũng im lặng. Một lúc sau chợt Thầy lên tiếng:

- Nhịn không có ráng!

- Có gì đâu mà phải ráng. Ai nói gì không đúng ý mình thì cười rồi bỏ qua. Có ai giống ai đâu, mỗi người mỗi ý. Làm sao bắt người ta giống như mình được. Trong chúng sáu mươi người là sáu mươi ý. Chỉ có hòa hợp nhường nhịn nhau mà sống thôi. Như mấy đứa thấy đó, cùng làm một công việc hai ba huynh đệ, nhưng người làm cách này, người làm cách kia. Một việc nhỏ còn mỗi người mỗi ý. Biết vậy rồi, ai nói gì làm gì khác ý mình cũng cười rồi bỏ qua thì đâu có chuyện gì xảy ra, phải không?

Chúng tôi im lặng. Lời Thầy dạy thẩm thía vô cùng. Nguồn tranh chấp của nhân loại bắt đầu từ những điều đơn giản như thế này.

* Hôm nào mấy đứa giả bộ sống không phải trái một ngày, xem thử ngày đó có khỏe không? Mấy đứa giả bộ một ngày thôi, thử xem!

Chỉ cần nhớ hai điều:

+ Phải trái không thật

+ Thân không thật

Thì không còn chuyện gì để phiền não, cãi lẫy nữa.

Hết phân phải trái, thì ai thân với mình, thế nào mình cũng bênh. Người kia bị xử thua tất sẽ buồn bức, phiền não. Cho nên hễ có phải trái là có phiền não.

Thầy thì hễ ai thưa kiện xin Thầy phân xử, Thầy bảo: “Hai bên thưa kiện thì quấy cả hai!” Vậy là xong!

* Sáng mai Thầy về Thường Chiếu để đi giảng ở Bà Rịa. Chiếu nay Hòa thượng sang thăm ni chúng. Thầy nói chuyện:

- Chiếu nay Thầy có tiếp mấy Phật tử ở Canada và ở Mỹ về. Trước đây họ chưa biết mặt Thầy, chỉ mới nghe tên. Mấy Phật tử đó hỏi Thầy một câu:

- Tụi con tánh nóng quá! Xin Thầy dạy tụi con làm sao cho hết?

Thầy dạy:

- Nóng không phải là tánh, chẳng qua là thói quen chấp ngã. Tánh thì không có đổi thay, lúc nào cũng vậy. Nếu ai nhỏ hơn mình mà nói trái tai, mình nổi nóng liền. Nếu người lớn hơn mình nói trái tai, mình có dám nổi nóng được không? Như công an, cảnh sát chẳng hạn ... Vậy, nóng là do coi mặt, không phải là tánh thật. Ví dụ con cháu mình nói quấy, mình la hét lại liền, còn người lớn nói mình đâu dám cãi. Đó là tánh hay không phải tánh? Nóng không thật, mà giữ nó đem khoe thiên hạ “Tôi nóng lắm à!”, đó là bảo vệ cái xấu của mình. Tụi con có nóng không? Nóng với ai?

- Dạ thưa Thầy, nóng với mấy đứa nhỏ!

- Vậy thì đúng là coi mặt người mà nổi nóng. Đó cũng do chấp ngã. Nó là giả tưởng, đâu có thật. Thầy vậy rồi cười thôi, không có gì quan trọng.

Một lát, Thầy dạy tiếp:

- Nếu mình lỡ làm xấu điều gì với ai, bất thần người đó đến cự lộn mình, thì mình phải nói: “Thưa chị, không biết em có làm gì quấy, em quên, chị cho em biết em xin lỗi.” Nếu người giận la mình rồi mình cự lại, là chồng thêm lỗi hơn nữa. Cứ thấy người ta la mình là mình cự lại, chứ không chịu tìm hiểu nguyên nhân! Đạo Phật là đạo nhân quả mà mình không chịu học theo. Người ta nói: “Oan gia nghi giải bất nghi kiết”, oan gia nên mở không nên buộc, mà tự con không mở, lại buộc không hà! Tu mà động tới la chó lói lên thì sao hà?

* Thầy hỏi:

- Mấy đứa con có biết vì sao người trẻ tuổi thường thấy cuộc đời là bi kịch, còn người già lại thấy đời là hài kịch không?

-

- Người trẻ lớn lên, có nhiều mộng ước tương lai, ai dè ra đời thường vấp phải những khó khăn, thất bại. Mọi việc trong đời không hoa mộng, dễ dàng như mình tưởng, nên thấy đời là bi kịch.

Còn người già sống năm bảy chục năm rồi nhìn lại, thấy rõ người giàu sang đẹp đẽ bao nhiêu rồi một ngày cũng là thây chết. Thất bại, nghèo cùng rồi cũng thành thây chết, như nhau. Vậy mà sống thì tranh giành hơn thua đủ thứ. Thấy như là hài kịch, nên cười thôi!

* Sáng nay chúng tôi được nghe Thầy giảng bài Phổ Khuyến Phát Bồ-đề Tâm (Rộng Khuyên Phát Tâm Bồ-đề) trong Khóa Hư Lục. Chiều, như thường lệ, Thầy chống gậy qua Ni viện:

- Hồi sáng học tui con thấy sao? Ngài Trần Thái Tông là một ông vua mà nói được như vậy, tui con có hổ thẹn không? Một người cư sĩ mà nói đạo lý hơn mình, mình phải tự hổ thẹn! Mấy đứa ráng, những gì người xưa thấy, hiểu, ghi chép lại, tui con nghe, học và nhận định cho chín chắn. Sở dĩ Thầy đem Phật giáo đời Trần dạy cho tui con vì Phật giáo đời Trần có những đặc điểm:

+ Các vua Trần là những vị cư sĩ mà hiểu đạo thấu đáo không thua gì các Thiền sư. Huống nữa chúng ta là người xuất gia, chẳng lẽ không ai được như các ngài? Biết đâu trong đạo tràng này - Thầy chỉ các Phật tử Đạo tràng Tịnh Tẩn ở Cà Mau - sau sẽ có người xuất cách! Vì vậy Thầy dạy cho tất cả cư sĩ và xuất gia tu, ai tu cũng được, cũng có thể có kết quả.

+ Điểm khác nữa, là một ông vua, mà ngài Trần Thái Tông nghiên cứu kinh điển thấu đáo. Còn tui con chỉ một bể lo tu và học thôi mà không kịp ai, như vậy có đáng trách không? Phải chi ngài là người xuất gia, mình không hổ thẹn; nay ngài là một ông vua, bận rộn rất nhiều việc, mà sự tu và nghiên cứu kinh điển ngài làm tròn hết. Mình chỉ có một việc thôi mà làm không tròn thì thật đáng hổ thẹn!

Nói vậy để tui con cố gắng, không trì hoãn, chậm lụt. Phải luôn luôn tỉnh sáng, đừng bỏ phí tuổi trẻ, sau này tu học không kịp ai. Uống đi một ngày, uống đi một đời!

2003

* Chiều 28 tết, Thầy chuẩn bị vào thất. Chư tăng ni các viện và Phật tử khắp nơi đổ về Trúc Lâm trong những ngày này. Chúng tôi rộn rã chờ đón Thầy qua Ni viện, biết rằng sẽ phải rất lâu không được nhìn thấy Thầy mỗi chiều.

- Tui con thấy Thầy đi đâu cũng đông vây thế này vui không? Tui con có thích như thế này không?

- Dạ thưa Thầy, thích!
- Tụi con có biết vì sao mà được thế này không?
- Thưa Sư ông, vì tâm Sư ông từ bi, nên chúng sanh thích đến gần.

Thầy cười:

- Người ta ưa đến gần mình vì tâm mình rộng rãi. Thầy ai thành công, sung sướng mình mừng giúp cho người ta. Luôn luôn mình mong cho người được mọi điều tốt đẹp. Như vậy thì ai cũng vui khi thấy mình.

Giả sử hôm nào tụi con đi đâu về trễ. Ở nhà chia phần bánh, ai cũng được hai cái, còn mình về trễ nên hết bánh. Vậy thì sao? Phàn nàn, bức bối, so bì với người ta? Thì làm sao ai ưa mình được! Lúc ấy phải vui vẻ thấy người ta có đủ bánh là tốt, còn mình thì kiếm gì đó ăn đỡ, cũng đâu có sao. Nếu mình cứ tật đố với người này người kia thì không ai thích gần mình cả.

Có hai điều khiến mọi người thích đến với mình.

+ Một là có tâm rộng rãi với tất cả mọi người.
+ Hai là thường làm lợi ích cho mọi người. Ai đến với mình cũng được lợi lạc nên người ta ưa gần.

Mấy đứa nhớ như vậy thì sau đi đâu cũng đông đảo bà con như Thầy!

* Mùa an cư 2009, trước ngày vào hạ, quý thầy cô từ các thiền viện lên Trúc Lâm đảnh lễ Thầy. Bên võng buổi chiều, quý cô ngồi quanh Hòa thượng. Nhìn xuống thấy ai nấy đều đã bạc, Thầy cười:

- Bây giờ mấy đứa là trụ trì, phó trụ trì... đều bạc cả rồi, mà Thầy cứ kêu là “mấy đứa”, nghe không ổn chút nào!

Sư Hạnh Huệ lẹ miệng:

- Chứ không lẽ bây giờ Thầy kêu tụi con là ‘mấy cô’?

- Thưa Thầy, kêu “mấy đứa”, tụi con được trè lại.
- Thưa Thầy, Thầy sống đến trăm tuổi, tụi con tám chục, đối với Thầy, tụi con vẫn là “mấy đứa” mà!

* Linh Hòa dâng Thầy phong bì:

- Thưa Sư ông, có chú thợ làm dưới cổng chùa cúng đường Sư ông, nhờ con chuyển giùm.

Hòa thượng cầm phong bì:

- Tôi nghiệp! Làm thợ đâu có nhiều tiền mà cúng!

Mở ra, trong có năm chục ngàn, Thầy cầm phong bì đưa lên, nhìn chúng tôi:

- Đây là đồng tiền mồ hôi nước mắt chứ không phải thường. Mấy đứa phải ráng mà tu!

* Buổi chiều bên vũng, một cô hỏi Thầy:

- Thưa Thầy, buổi tối Thầy ngủ có dễ không? Ngủ ngon giấc hay có giật mình dậy nửa đêm?

- Nằm xuống là ngủ liền. Ngủ một hơi tới khuya dậy ngồi thiền.

Cô khác chen vào:

- Thầy lớn tuổi mà ngủ dễ hay quá! Sao có người nằm hoài không ngủ được?

- Tại họ không biết ngủ!

* Thầy kể:

- Hồi trước Thầy ở chùa mười năm, không hề cãi vã với ai.

Sao hay vậy, thưa Thầy?

- Một đôi chút cao thấp, hơn thua có đáng gì đâu, nghĩ vậy rồi bỏ qua, có gì đâu mà cãi nhau. Ai muốn giành phần hơn thì để họ hơn, mình lo việc mình. Người ta có cho là mình ngu thì cũng đâu có sao, mình có vì vậy mà thành ngu đâu mà sợ!

* Thầy dạy:

Lâu lâu có ai đó chọc tức thử coi có nổi sân không. Nếu vẫn nổi sân là biết mình vẫn còn nuôi rắn độc trong nhà.

Chừng nào đuổi hết ba con rắn độc thì tu ít mà kết quả nhiều. Còn chưa ba con rắn độc là còn mầm luân hồi sanh tử. Muốn ra khỏi sanh tử thì phải đuổi nó ra.

* Ở đời, ai cũng thường khen người giỏi phân biệt tốt xấu rành rẽ, là người khôn ngoan. Nhưng đối với trong đạo, đó là người dại hay khôn? Càng giỏi phân biệt thì càng mất mình! Còn người mà ai nói gì cũng mặc, chỉ lo giữ một tâm an định sáng suốt bên trong, là người khôn hay dại? Đó mới thật là người khéo tu, chỉ lo nhìn lại nội tâm, giữ gìn sự tinh sáng nơi mình, không chạy theo các thứ bên ngoài. Chứ cứ nghe ai nói động tới mình là tìm cách bảo vệ, mà bảo vệ cái gì? Chỉ là một thân nhơ bẩn, một tâm điên đảo, tự cho là mình, thì đâu gọi là khôn!

* Người tu mà tham vẫn nuôi, sân vẫn giữ thì tu làm chi. Có nhiều người nói: “Câu đó đáng giận quá, không giận sao được?” Ngày xưa lúc Thầy ở Phương Bối am, có Phật tử ở các tỉnh gửi thư cho Thầy, kể chuyện bị người ta ăn hiếp, cuối cùng họ nói: “Thưa Thầy, người ấy làm như vậy thật là đáng giận.” Thầy gửi thư trả lời rằng: “Không có cái gì đáng giận cả, chỉ tại Phật tử nhẫn không được thôi.”

Chúng ta nhẫn không được rồi đổ thừa sự việc đáng giận, con người đáng giận để mà giận. Thật ra cái gì cũng có thể bỏ qua được hết, khi ta biết rõ nó không thật. Bởi không biết rõ nên càng nghĩ càng giận. Đáng giận hay dễ giận là câu nói thông thường để che đậy lỗi dễ sán của chúng ta. Tu như vậy làm sao phá được sân si? Chừng nào phá được sân si, ta mới có phần tự chủ, có tự chủ mới có tự do. Tự do là nhân, sẽ đưa đến quả giải thoát. Người tu cần phải chiêm nghiệm kỹ nội tâm của mình, chứ không phải đua nhau trên hình thức bên ngoài.

(trích *Nghiệp Thủ và Tánh Giác*)

2010

* Thầy uống sữa buổi chiều ở thất, một số ni chúng ngồi dưới chân quanh Thầy. Mặt kiếng của chiếc bàn Thầy ngồi phản chiếu các tấm hình treo trên vách. Một cô nghiêng đầu cố đọc hàng chữ trong tấm hình phản chiếu trong mặt kiếng bàn.

Thầy trông thấy cười:

- Thầy cái thực của nó chứ thấy bóng làm gì mất công!

* Có hai vợ chồng người Miến Điện đến viếng Trúc Lâm, thưa:

- Bạch Thầy, chúng ta phải làm sao đối với cái chết, của những người thân và của chính mình?

- Nên biết rằng cái chết không đến với riêng ai. Điều đó chung cho tất cả mọi người.

- Thưa vâng, nhưng tuy là biết vậy mà khi có một người thân nằm xuống, mình vẫn đau lòng. Vậy phải làm sao cho bớt buồn?

- Chỉ có ngồi thiền thì tâm tự thanh thản. Hễ tâm an thì cái buồn không còn.

* Ni chúng ra Tiếp Tân Đindh chơi, Thầy dạy:

Phật pháp tại thế gian

Bất ly thế gian giác

Ly thế mê bồ-đề

Kháp tự tâm thoát giác.

Phật pháp ở tại thế gian này,
Không thể rời thế gian tìm Phật pháp,
Rời thế gian tìm Phật pháp cũng như tìm sừng thỏ,
Mấy con biết Phật pháp tại thế gian là tại chỗ nào?

Nếu muốn tu hạnh nhẫn nhục, thì phải đi đâu tu? Lên non lên núi tu hay là chính khi sống trong chúng, lâu lâu trong huynh đệ có hai ba người cự nhau, nhân chỗ đó mà tập hạnh nhẫn nhục? Nếu để cho nỗi sân là không nêu, trái đạo lý. Như vậy là ngay trong chúng mà biết tu, chứ lên núi thì tập nhẫn nhục với ai? Ở trong chúng, có kẻ nói này, người nói nọ, kẻ nói hơn, người nói thua, dù ai nói hơn mình, mình vẫn nhịn được, đó là tập hạnh nhẫn nhục. Như vậy ngay trong chỗ đông đảo huynh đệ mà mình khéo tu, đừng đợi ở riêng một mình mới gọi là tu. Ở riêng một mình, lâu lâu nhớ chuyện này chuyện kia đâu đâu tào lao, không hay ho gì cả.

Ở trong chúng có kẻ dở người hay, mình thấy cái dở biết để tránh, thấy cái hay thì học theo. Như vậy trong huynh đệ có đủ những cái hay cũng như cái dở cho mình thấy. Thấy được rồi mình mới biết, dễ tu, nếu không thấy không biết thì cứ tưởng như mình ngon lành lăm, không ngờ mình cũng có cái dở giống người ta.²

* Trong đời, có những người tự vẽ chân dung mình, gọi là tranh tự họa. Thầy cũng tự họa một hình ảnh chính mình qua những lời thơ giản dị:

HOA QUỲ DẠI

*Đây là hoa Quỳ dại
Mọc ở ven rừng hoang
Nép mình lề đường cái
Làm giàu chống kẻ gian.
Cuối thu nụ không sái
Đua nhau trổ rực vàng
Mặc người khinh rừng dại
Cốt tô điểm non sông.
Vui mục đồng thường hái
Chồn chuột luôn náu mình
Che chở cho muôn loại.*

Lời thơ có vẻ như quê mùa, không chải chuốt, như chính đời sống Thầy - giản dị, chân thật, làm tới đâu nói tới đó, không phô trương, chỉ chăm chỉ dốc lòng cho điều tâm nguyện.

Tâm nguyện một đời của Thầy: “*Hoài bão của Thầy đều gởi gắm hết vào sự nỗ lực tu tập của tựi con. Tăng ni tu có niềm vui, sáng được việc lớn, đó là biết thương tưởng đến Thầy. Bằng ngược lại thì thật là Thầy chưa đủ phước để được vui trước khi nhắm mắt. Bởi vì nguyện vọng khôi phục Thiền tông Việt Nam, đặc biệt là Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử đời Trần của Thầy chưa thành tựu.*”

Đốt nén hương lòng, con thành tâm cung kính đảnh lễ Thầy, Người đã sanh ra con trong Phật pháp, mở con mắt tuệ cho con. Một đời Thầy là ngọn hải đăng cho muôn loài đang chơi vơi trong biển lớn sanh tử. Con xin nguyện nối bước chân Thầy đi mãi trên con đường giác ngộ, cho đến ngày thành Phật. ■

1. Hòa thượng Viện trưởng Thích Thiện Hoa

2. Những đoạn chuyện ngắn được ghi lại từ Nội viện Ni Trúc Lâm.

Ngôi Thiền

Hạnh Duyệt

Thầy hỏi:

- Tụi con biết ngôi thiền để được cái gì nè, ai sáng suốt nói nghe coi?

Một thiền sinh: - Bạch Thầy! Trong tất cả đều không có chỗ được.

Thầy hỏi: - Vậy ngôi thiền để làm gì?

Thiền sinh đáp: - Dạ, để mấy chị trả lời.

Thầy và đại chúng cười ...

Thầy dạy: - Ngôi thiền để được cái gì thì đó là ngoại đạo, người biết tu thiền không mong cầu cái gì, vì ngôi thiền để giác ngộ, mà nếu cầu bên ngoài thì đâu phải của mình. Ngôi thiền là phương tiện để nhìn lại những tâm niệm lăng xăng, lăng lại những vọng động, vì đó là mầm mống sanh tử. Khi tâm lóng lặng thì sẽ nhận ra cái chân thật nơi mình.

Phật tử hỏi: - Bạch Thầy, thiền là gì?

Thầy đáp: - Thiên thì không có giải thích.

Trốn ở đâu

Thầy hỏi: - Người ta khi nghe giặc tới, sợ chết cho nên đào hầm để trốn. Còn cái chết đến, sanh tử đến thì mấy đứa trốn ở đâu?

Toàn chúng im lặng.

Thầy tiếp: - Thì mấy đứa trốn vào hầm vô sanh.

GẶP THẦY

Thuần Giới

Khi còn ở thiền viện Linh Chiếu, có lần chúng tôi được theo Thầy về Phước Hậu - Trà Ôn để dự lễ khánh thành chùa. Sau một ngày nhọc nhằn bận rộn giảng pháp, tiếp khách, buổi tối Thầy dạo ra bờ sông. Chúng tôi ráp theo cả đám đông ngồi vây quanh Thầy để nghe kể chuyện “ngày xưa”. Thầy ngả người trên ghế bối nhìn ra dòng sông ban đêm nước đen ngòm, trầm ngâm trở lui về quá khứ rồi bắt đầu: “Ngày xưa Thầy chèo đò trên sông, lúc đó Thầy còn trẻ...” Chúng tôi xích lại gần ngồi nghe say sưa, cảm động.

Các buổi chiều, Thầy từ Thường Chiếu chống gậy qua Linh Chiếu ngồi võng uống bột và chúng tôi được gần gũi bên võng Thầy. Đây là những lúc vui vẻ cởi mở mà ít ai trong chúng tôi bỏ qua. Thầy nghe chúng tôi kể lể hoặc thưa hỏi và Thầy tùy theo đó giảng dạy. Thời gian và những kỷ niệm thật khó quên. Năm tháng đầu được ở bên Thầy, nếu gặp duyên cớ bên ngoài, Thầy phải tiếp khách lâu, tôi cứ có cảm tưởng mình bị người khác giành mất Thầy. Nghĩ lại, thật là trẻ con.

Sau khoảng tám năm ở Linh Chiếu, tôi xin lên Trúc Lâm Đà Lạt. Thiền viện này được xây cất chu đáo và bên trong tổ chức chặt chẽ trang nghiêm hơn các thiền viện khác. Ngoài số thiền sinh ham tu ở các thiền viện nhà, Thầy còn tạo điều kiện cho các chùa, viện khác. Bất cứ ai hâm mộ Thiên tông, kham được điều kiện trong Thanh quy và được bốn sư gởi tới, Thầy đều thâu nhận. Do đó khi tôi được chuyển lên nhập chúng ở Thiền viện Trúc Lâm Ni Đà Lạt thì Đại chúng đã có đủ sắc màu: Thiền, Tịnh, Nguyên thủy, Khất sĩ. Tôi có thêm nhiều bạn đồng tu mới. Thầy cũng thường ân cần thăm hỏi các đệ tử mới nhập môn.

Thời gian này Thầy đi ra nước ngoài liên tục: châu Mỹ, châu Âu, châu Úc, các nước Đông Nam Á... Chúng tôi ở nhà lao đầu vào các thời khóa tu. Những chuyện đón chào và gần Thầy để thưa hỏi không còn làm tôi nôn nóng như trước nữa.

Năm tháng trôi nhanh, kết thúc mươi năm chuyên tu. Nhiều huynh đệ “xuống núi”, nhất là các thiền sinh từ các chùa viện bạn chia tay với chúng tôi vì các vị bốn sư ở xa nóng ruột trông mong đệ tử trở về. Tôi cũng được Hòa thượng Ân sư dạy ra thiền viện Trúc Lâm Yên Tử ở Quảng Ninh. Tại đây tôi làm tri khát bên Nhà khách nữ để tiếp đón chư ni và Phật tử nữ. Tôi vẫn tiếp tục cuộc đời tu hành: tọa thiền, nhập thất... Thỉnh thoảng có những đoàn Phật tử tham quan động đúc hoặc chư ni từ xa đến hay ở nước ngoài về xin trú ngũ; nhưng chủ yếu là các Phật tử đến đây để học đạo, tu thiền. Từ các học sinh chín, mười tuổi cho đến các bà ngoài sáu mươi vẫn hăng hái tới thiền viện. Ngoài việc giảng dạy những điều căn bản của Phật pháp, hướng dẫn tọa thiền, tôi hay khuyến khích Phật tử đặt câu hỏi.

Đôi khi có chút thì giờ rỗi tôi ngồi suy gẫm: Tất cả những khó khăn, trăn trở của Phật tử tôi chưa từng gặp, cũng chưa nghe ai giải đáp. Trong kinh Phật không ghi, lời Thầy dạy không có, nhưng tôi cứ nhẩn nha dần dắt Phật tử không bỏ sót câu nào và hầu như tất cả đều mãn nguyện. Sự hiểu biết này ở đâu ra? Có phải chư Phật, Bồ-tát và Thầy ở đâu đó trên tôi hay gần bên tôi. Hằng ngày tôi không có ngóng vọng Thầy như hồi xưa. Nhưng mỗi cử chỉ việc làm của tôi như có ý chỉ của Thầy trong đó.

Tôi cứ yên tu và sinh hoạt với các huynh đệ và Phật tử ở thiền viện Trúc Lâm Yên Tử trên đất Bắc như vậy, quên mất thời gian. Chợt một hôm tôi nhận ra chân mình bước đi hơi yếu, mắt mình chập choạng hơi mờ, cái già đến tự lúc nào không hay. Nhẩm tính lại, đã hơn mươi hai năm trôi qua rồi còn gì! Tôi lại xin trở về Trúc Lâm Đà Lạt. Núi đồi cao nguyên vẫn im lặng, khí hậu vẫn mát lạnh như ngày nào. Những lời thơ xưa còn vang vẳng đâu đây:

*“Non cao gió lạnh mưa bay
Gậy thiền đạo khắp đông tây Phụng Hoàng.”*

Đôi Phụng Hoàng vẫn mưa bay, gió lạnh nhưng “Gậy trúc thiền sư” đâu còn gõ vang trên lối cũ. Các gốc thông chưa thành cổ thụ, nhưng “Lão sư” đang an ổn trên ghế dưỡng già.

Thời gian này Thầy đang ở Thuờng Chiếu, tôi tiếp tục ở Trúc Lâm Đà Lạt. Không nhìn thấy cũng không vọng ngóng trông Thầy, sợ mất Thầy như ngày xưa. Vì trong tôi đã thấm sâu những dòng sữa pháp ngọt ngào. Đã nếm được ít nhiều hương vị thiền vi diệu. Không phải riêng tôi mà các huynh đệ tôi trong hàng tăng ni, kể cả một số Phật tử gần xa cũng đã thể hiện ra điều ấy. Chúng tôi đã có được dưỡng tố để nuôi thân huệ mạng, không những đời này mà cả những đời sau.

Thỉnh thoảng tôi mới có dịp đi thăm Thầy. Thầy ngồi lặng lẽ trên ghế nhìn ra, da mồi chân yếu của tuổi gần “bách niên”, nhưng đôi mắt vẫn an tuờng, hiền hậu nhìn đoàn tử tôn đồng đúc. Có khi chúng tôi đứng chắp tay nhìn Thầy ngồi trên xe đẩy đi qua. Tất cả không ai nói nồng kẽ lể rút như ngày xưa, nhưng tôi vẫn cảm thấy mình rất gần Thầy. Tôi muốn thưa thầm với Thầy: “Thầy ạ, cho đến ngày nào xác thân tú đại của Thầy, của con đều tan rã thành tro bụi và cả đời sau không gặp nhau trong cùng một quốc độ, con cũng cảm nhận rằng con vẫn gặp Thầy và gần Thầy mãi mãi.” ■

ÂN THẦY

Xa rồi bao kiếp lang thang,
Gót chân phiêu lảng lạnh băng cuối trời.
Chợt nghe hương ấm ngàn nơi,
Mắt Thầy tỏa xuống ngát đời thiền sinh.
Con nhanh chân, bước đăng trình,
Khoác y hoại sắc tập thiền sớm khuya.
Đệ huynh từng bữa sót chia,
Những bài kinh kệ xa xưa lạ lùng.
Thầy dùi từng bước chân non
Vạch màn sanh tử không còn lầm mê.
Chúng con biết lỗi quay về,
Quê nhà bốn xứ gần kề ngay đây.
Mở bày mắt tuệ xưa nay,
Dù chưa rốt ráo vẫn đầy niềm tin.
Trời thiền mở sáng quang minh,
Cạn lời không đủ nói lên ân Thầy.

CÓ NHỮNG THÁNG NGÀY

Thuần Châu

Bên Thầy những tháng ngày an tĩnh
Xa rồi, lại lao xao.
Biết bao giờ tìm được
Những tháng ngày bình ổn qua.
Thầy ơi, con vẫn là...
Người học trò ngu muội,
Si mê cái thân này
Ta, người thật lao đao
Thầy dạy kinh Bát-nhã
Trí tuệ ở nơi nào?
Còn, được, mất, hờn thua.
Tâm không hay tâm có?
Có không cũng chỉ là
Trăng, nước hiện duyên thôi!

Nhớ lại, có những tháng ngày, khi con về Trúc Lâm tập tu, mỗi sáng con quét lá trên đường, Thầy chợt đi ngang qua và hỏi: - Con đang làm gì đó?

Con đáp:

- Dạ, con đang chăn trâu.

Thầy mỉm cười đi tiếp.

Có những tháng ngày, con quỳ thưa:

- Cái thấy, nghe, hiểu, biết có phải là tâm của con không, thưa Thầy?

Thầy đáp:

- Đó chỉ là cái dụng, còn tâm thể thì ở đâu?

Con không đáp được và Thầy cũng không nói, chỉ bảo:

- Con về ráng tu tiếp.

Có những tháng ngày, vào những buổi chiều khi thời tọa thiền xong, Thầy qua thăm, chúng con ngồi quây quần bên Thầy để nghe Thầy hướng dẫn, chỉ dạy thêm những dính mắc thường gặp của thiền sinh mới tu, mới tập ngồi Thiền.

Có những tháng ngày, con định về thưa hỏi Thầy thật nhiều, nhưng khi ngồi bên Thầy, với lòng từ và sự an nhiên tự tại lan tỏa nơi Thầy, những thắc mắc của con đã tan biến trong hư không.

Tâm nguyện của những đứa con xa xứ như con, luôn ghi nhớ và theo lời Thầy dạy, đem chánh pháp thiền tông - Thiền tông đời Trần - mà tâm nguyện của Thầy muốn gầy dựng lại, con đã thành lập “Thiền đường Chánh Giác” tại Luân Đôn, dạy Phật tử tu thiền, vì ở Luân Đôn cũng như ở các nước Âu châu chưa đủ duyên có nơi tu tập. Tuy đạo lực chưa mạnh, con cũng muốn đóng góp xây dựng nền tảng Thiền, dạy Phật tử tọa thiền, tu tập theo nghi thức thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt, để hiện nay có mặt thiền viện Chân Không tại Vương quốc Anh tu theo truyền thống Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Lần Thầy qua Pháp, con cố gắng thỉnh mời Thầy qua Luân Đôn nhưng không đủ duyên. Cho đến bây giờ con qua Mỹ nhập chúng tại thiền viện Quang Chiếu, minh chứng lời Thầy dạy từ đầu là duyên của con ở đây. Khi Thầy nhận thiền viện Quang Chiếu do Phật tử dâng cúng vào tháng 03 năm 2000, con từ nước Anh bay qua hầu kính thăm Thầy. Nhìn Thầy tuổi hạc đã cao mà ai thỉnh Thầy đi giáo hóa bất cứ nơi đâu, Thầy cũng luôn hoan hỷ tùy thuận, con nghĩ đây chính là công hạnh từ bi mà chúng con cần noi gương. Công ơn pháp hóa của Thầy rộng lớn, xuyên suốt từ Việt Nam, Luân Đôn, Pháp và Mỹ quốc..., chúng con tuy lực kém nhưng luôn cố gắng duy trì nền tảng vững chắc và phát triển để Thiền tông Việt Nam có tiếng vang mạnh mẽ tại xứ người.

Từ lúc Thầy qua Âu châu và qua Mỹ, các Phật tử nghe băng giảng của Thầy càng vững niềm tin và tu tập theo Thiền tông ngày càng đông, kể cả những người Mỹ. Tất cả chúng con và những Phật tử tìm được niềm vui, lợi lạc khi nhận lại tâm chân thật của chính mình. Ân đức giáo hóa của Thầy quá rộng

lớn nên phước báu cũng nhiều như cát sông Hằng và chúng con đã thầm nhận được phước báu này từ nơi Thầy. Thầy đã từng dạy: “Các con cứ ráng lo tu tinh tấn thì không bao giờ sợ thiếu vật chất cả.” Bây giờ chúng con được thí chủ cũng dưỡng tú sự đầy đủ để yên tu là nương nhờ ân đức của Thầy. Chúng con quyết chí tu tập cho đến ngày viên mãn Bồ-đề để trước không có phụ công ơn chỉ dạy của Thầy, sau không phụ chí nguyện xuất gia của mình, cũng không phụ tấm lòng đàm-na tín thí.

Vậy là đã hơn 20 năm, con nhận ân sâu giáo dưỡng của Thầy, ân huệ mang biết sao đền đáp! Con biết mình còn thiếu sự tha thiết, thiếu lửa trong tâm, không nhớ vô thường như lửa cháy đầu... nên Thầy còn đó cho con không thổi chuyển, nguyện tu cho đến khi nào nhận ra tâm Phật và dụng được trí tuệ Bát-nhã, làm lợi ích cho mình và cho chúng sanh. Lời Thầy nói trong lần kết thúc buổi giảng: “Thầy mong sao cho các con tu tinh tấn và nhận ra tâm chân thật của mình.” Lời đó vẫn còn vang vọng bên tai con, là động lực giúp con tiến tu, tin mình có tâm chân thật, chỉ cần buông hết tham, sân, si thì ánh sáng trí tuệ sẽ hiện tiền.

Thầy vẫn nhọc nhằn chờ đợi đàm con, đợi cho đàm con vững mạnh rồi Thầy mới an lòng. Tâm lão bà của Thầy bao năm vẫn tròn đầy như vậy mà các con thì cứ tung tăng chạy nhảy trong nhà lửa. Con thành tâm sám hối và nguyện luôn hăng tỉnh sáng.

Nguưỡng nguyện chư Phật từ bi gia hộ cho Thầy pháp thể khinh an, tuệ đăng thường chiếu, trụ thế dài lâu và luôn là bóng cây che mát cho chúng con.

Chúng con mạo muội viết những lời thô thiển này, dâng lên Thầy với tâm:

*Không một vật mà dụng muôn phương,
Chiếu sáng mai, tùy duyên tiếp vật.
Thùng rỗng không nhưng trăng vẫn hiện,
Trăng nơi nào và ở nơi đâu???*

Con cung kính thành tâm đánh lễ Thầy, ngưỡng mong Thầy từ bi chứng minh cho con ở nơi xa được ân triêm công đức. ■

ÂN ĐỨC SÂU DÀY

Thuần Tín

Kính bạch Thầy:
Thầy là bậc thầy vĩ đại
Luôn luôn tinh tại uy nghiêm
Thể nhập thâm thâm Bát-nhã
Dày công khôi phục tông Thiền
Từ lâu lang thang tìm kiếm
Nhờ chút duyên lành thuở xưa
Gặp Thầy từ bi vô lượng
Khai tâm truyền pháp thượng thừa
Từ đây phong trần dừng bước
Mở mắt bừng tỉnh cơn mơ
Về lại vườn xưa chăm sóc
Chẳng còn lạc lối bơ vơ
Ân Thầy non cao biến rộng
Sữa pháp nhuần thấm tâm người
Chẳng nề nhọc nhằn gian khổ
Bồ-đề mãi mãi xanh tươi
Tào Khê mạch nguồn tuôn chảy
Niêm hoa ai đó mỉm cười
Dựng lập tông phong hưng thịnh
Bát-nhã tỏa sáng tâm người.

Kính bạch Thầy, ân cao đức trọng của Thầy đời đời con xin khắc cốt ghi tâm.

Mới đây mà đã 40 năm, con từ giã phố phường nhộn nhịp vào đây học đạo với Thầy. Trải qua nhiều năm xuất gia nhưng tâm con chưa nếm được

hương vị đạo nhiệm mâu giải thoát, cứ phân vân giữa ngã ba đường chưa chọn cho mình một hướng đi thích hợp. Rồi một ngày may mắn, bạn cho con mượn hai bộ băng Kim Cang, Pháp Bảo Đàn, Thầy giảng. Như người sực tỉnh cơn mê, té ra từ lâu con đã đọc hai bộ kinh này mà thời tiết nhân duyên chưa đến, nên tâm con chưa khai mở. Từng lời của Thầy mộc mạc, đơn giản, dễ hiểu, dễ đi vào lòng người. Bấy lâu nay tâm con như trâu hoang, ham quậy phá lúa mạ của người, như vượn khỉ leo trèo dính mắc tưởng chừng như gỡ không ra, lang thang làm khách phong trần mãi, ngày cách quê hương muôn dặm xa. Rất may mắn cho con, nếu như không gặp Thầy, cuộc đời tu của con bây giờ không biết sẽ ra sao.

Lần đầu tiên theo bạn về Chơn Không gặp Thầy, Thầy cho con quyền Yếu Chỉ Thiên Tông, giấy đen chữ đen thô thiển. Tuy nhiên trong đó chưa đựng bao nhiêu điều tinh yếu của đạo thiền mà từ lâu con hằng mơ ước và lập nguyện tu theo. Thầy là bậc thầy vĩ đại, đã khai sáng tâm cho rất nhiều người trên thế giới, sao ngày nay con mới đủ duyên gặp Thầy? Tuy nhiên, gặp muộn còn hơn không. Đã từ lâu con mất quyền tự chủ, qua lời khích lệ của Thầy giờ đây con quyết chí dành lại quyền tự chủ cho chính mình.

Thế là, đầu năm 1981, con vào Thường Chiếu theo Thầy nghe pháp. Thầy đi giảng pháp tới đâu là con xách gói tới đó nghe, nghe hoài rồi cũng hiểu, cũng vỡ òa là lâu nay mình ngu quá, khi nghe kinh Viên Giác ở giảng đường Thường Chiếu, con ngẫm nghĩ mình thuộc chủng tử bất định, gặp pháp nào cũng tu, may mà không tẩu hỏa nhập ma.

*Lời Thầy soi sáng tâm con
Từ đây nguyện rõ lối mòn phàm phu
Đời vô thường kiếp phù du
Tâm linh bừng sáng nhiệm mầu an tâm.*

Kính bạch Thầy, an tâm bằng lòng với những gì mình hiện có, vâng lời Thầy ở yên một chỗ, ngó chừng con trâu hoang của mình. Rồi lại phát tâm canh chừng nghé con thiên hạ, làm một chút Phật sự, một chút vị tha, mở ra cho mình một chân trời mới, chịu đựng và vượt qua thử thách chướng

ngại của cuộc đời. Tự nhủ Phật sự lợi tha như không hoa, như trăng đáy nước, tất cả đều là bóng, hơn thua với bóng chỉ nhọc nhằn mà thôi. Thế nhưng có lúc mê cung quên mình chạy theo cảnh, khi sực nhớ mới biết mình ngu. Lời Thầy dạy con không quên “Biết vọng không theo”, giành quyền làm chủ mọi nơi mọi lúc.

Mấy chục năm qua tu học trong pháp hội của Thầy, con cũng nếm được một chút thiền vị. Càng nghĩ đến ân đức của Thầy, lòng con trào dâng niềm cảm xúc và vô cùng trân trọng biết ơn. Cả cuộc đời Thầy đã dâng hiến cho đạo pháp và dân tộc. Cả cuộc đời Thầy làm việc vì mọi người không một chút nghỉ ngơi.

Thường Chiếu lúc đó còn hoang sơ, vùng đất phi nông nghiệp cỏ nhiều hơn người. Bấy giờ tăng ni trẻ đa số xuất thân từ nhà trường, không giỏi canh tác nên cứ thất mùa. Thầy dạy chúng con cuốc đất, tia đậu, trồng khoai, cấy lúa v.v... cách chăm sóc, tưới nước, bón phân để thu hoạch được kết quả. Tuy lao động rất nhọc nhằn, nhưng bù lại chúng con được nghe pháp trực tiếp nơi Thầy. Giảng đường Thường Chiếu lúc ấy vị trí ở nhà khách bây giờ, mái lá vách đất, nền đất. Buổi chiều, chúng con được nghe Thầy nhắc nhở tu hành tại nhà mát Linh Chiếu, pháp tòa của Thầy là chiếc võng đong đưa, chúng con quây quần bên Thầy, niềm hạnh phúc lớn lao không ngôn từ nào kể hết. Mỗi tháng một lần Thầy từ Chơn Không về Thường Chiếu dạy rồi Thầy lại trở về Chơn Không. Tuy quãng đường từ Thường Chiếu về Chơn Không không xa, nhưng xe cộ hiếm hoi, phương tiện đi lại trắc trở, khó khăn. Mỗi lần như thế chúng con tự hỏi không biết tháng sau Thầy có về lại Thường Chiếu nữa hay không?

Khoảng năm 1986, Chơn Không di dời, Thầy về Thường Chiếu ở luôn. Ngôi chánh điện nhỏ xíu được xây dựng từ vật tư của chánh điện Chơn Không đem về, chúng con lại được dịp công qua.

Chúng con được học trực tiếp nơi Thầy từ kinh Phật đến ngữ lục của chư Tổ. Số lượng tăng ni ít nên Thầy bắt trả bài, kể cả những lão ni. Những năm ấy, tất cả mọi sinh hoạt từ tu học, thiền nguyện, phổ

trà, chúc mừng năm mới, Tết trung thu,... đều có Thầy chứng dự. Con còn nhớ một lần dự Tết trung thu, chúng con đốt đèn vào thất thỉnh Thầy dưới cơn mưa lất phất đến hội trường. Thầy đưa ra một câu hỏi, vị nào trả lời đúng thì được ăn bánh và cả chúng được ăn theo. Đồng thời Thầy cũng giải thích ý nghĩa trung thu cho chúng con được biết. Thầy dạy Tết trung thu là của thiêng nhi chư không phải của người lớn, người lớn chỉ ăn theo. Hơn nữa chúng ta là người tu phải tập sống theo hạnh Anh Nhi, tập làm con nít sống hồn nhiên vô tư, không đa đoan tính toán đủ điều, tâm lúc nào cũng tươi trẻ, buông đi những khó khăn rắc rối của cuộc đời. Sau đó chúng con lại được mang lồng đèn tiễn Thầy về thất. Ôi hạnh phúc, không bút mực nào tả hết giây phút thiêng liêng, ấm áp khi được ở bên Thầy.

Năm 1990, Thầy đi du khảo miền Bắc để tìm tư liệu bổ sung cho những thiếu sót của quyển Thiền Sư Việt Nam. Chúng con đều duyên tháp tùng theo Thầy trong chuyến đi này. Thầy đi máy bay, chúng con đi xe. Con còn nhớ như in, 03 giờ khuya hôm ấy, chúng con vào thất xá chào Thầy để ra xe lên đường đi Bắc, Thầy gật đầu. Nhưng sau đó, Thầy ra đứng cạnh xe im lặng thật lâu, có lẽ Thầy gởi gắm chúng con cho Long thiên Hộ pháp che chở những bất trắc trên lộ trình từ Nam ra Bắc, rồi Thầy âm thầm đi vào phương trượng, chúng con cảm nhận lòng từ bi của Thầy.

Khi ra Bắc, trong thời gian 15 ngày, sáng nào chúng con cũng theo Thầy đi khảo cứu các chùa. Thầy tra từng khoa nghi để tìm tư liệu, công phu vô cùng. Quý cô đi theo thì chụp ảnh, ghi chép.

Ngày về Yên Tử lội qua 9 suối, xe suýt lọt bánh xuống dòng nước chảy xiết, ai cũng kinh hoàng nhưng không sao cả. Thầy lội suối băng rừng nhưng đi rất nhanh, chúng con không theo kịp. Ni sư thủ bốn Linh Chiếu tha thiết gọi vang “Sư phụ ơi chờ chúng con với, bị lạc đường rồi!”. Lúc đó Hòa thượng Đạo Huệ làm trưởng đoàn, thầy vẽ một mũi tên, viết dòng chữ

Đi Hướng Này. Chúng con lần theo dấu, cũng đến được chùa Giải Oan, xá thây ngồi tĩnh tại dùng bữa ngọ.

Đường lên Hoa Yên rất khó đi, quý Phật tử nam trợ giúp Thầy từng bước. Hai bên đường có hai hàng tùng 700 năm, Thầy đến dưới một cội tùng, sờ tay vào thân cây, tần ngần chưa đi, như chợt nhớ duyên xưa. Con lại vọng tưởng chắc Thầy là Phật hoàng Trần Nhân Tông tái thế chăng? Thầy cùng một số huynh đệ dừng lại chùa Hoa Yên nghỉ ngơi, một số tăng ni khỏe mạnh, vạch cây rừng tìm lối tiến lên chùa Đồng cho đến tối mịt mới về, lót dạ bằng chén cơm nhà xe cung đường. Đêm đó nghỉ tại Hoa Yên, nhìn Thầy ngồi dưới ánh đèn leo lét trong liêu phòng cũ kỹ, con lại chợt nhớ đến chư Tổ ngày xưa, quý ngài cũng ở núi non rừng vắng, thiêng tiện nghi, đạm bạc qua ngày mà quý ngài tu đắc đạo, mở đạo tràng độ chúng rất đông. Nhìn lại chúng ta thì sao, hãy tự trả lời câu hỏi??

Hôm sau cả đoàn xuống núi Thầy cũng đi trước chúng con, đến bãi cỏ dưới chân núi trời đã về chiều. Thầy ngồi nghỉ trên bãi cỏ. Đệ tử cũng ngồi xung quanh Thầy nghỉ một chút. Giữa núi rừng hoang vu tịch mịch, thầy trò được ở bên nhau vô cùng hạnh phúc. Sau đó mấy năm, Thầy có đi miền Bắc vài lần tìm dấu vết Tây Thiên và xây dựng chùa Lân thành thiền viện Trúc Lâm Yên Tử. Lần lượt các Thiền viện tăng, Thiền viện ni miền Bắc ra đời.

Để tăng ni có nơi chuyên tu, với tâm lão bà Thầy không nề hà học nhẫn gian khó, lên Đà Lạt xin đất xây dựng thiền viện. Những khó khăn ban đầu rồi cũng qua đi nhờ phúc trí của Thầy cảm nên.

Sau khi khánh thành Thiền viện Trúc lâm Phụng Hoàng, Thầy tìm tư liệu giảng dạy 12 quyển Thiền học đời Trần. Chúng con lại cùng nhau biên tập những lời Thầy giảng để in thành sách lưu hành.

Dòng chảy của Thiền tông không chỉ ở miền Nam mà lại chảy dài ra miền Bắc, rồi lan tỏa ra nước ngoài. Tăng ni Phật tử khắp nơi thấm nhuần ân giáo dưỡng của Thầy.

Cuối năm 2002, sau khi khánh thành Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, Thầy và đại chúng về miền Nam. Thường Chiếu tung bừng trang hoàng lộng lẫy chuẩn bị chúc mừng Lễ Thượng Thọ của Thầy. Nhưng hoa tươi khoe sắc, hoa lòng héo xàu, vì ai cũng lo khi vắng Thầy không người hướng dẫn, mất điểm tựa tinh thần vững chãi từ bấy lâu nay.

Rồi thời gian không mong cũng đến, Thầy tuyên bố nhập thất ba năm, mỗi năm đệ tử chỉ được thăm một lần. Cuối năm Ngọ, tăng ni không ăn Tết ở Thường Chiếu mà tất cả đều về Trúc Lâm Phụng Hoàng đón giao thừa để đưa Thầy vào thất.

*Tháng Giêng ngày mùng một
Quý Mùi hai lẻ ba (2003)
Non Phụng Hoàng chấn động
Mặt đất nở muôn hoa.*

Để đón những người con từ muôn phương về đây quỳ dưới chân Thầy, y giáo phụng hành, thừa đương việc lớn khi Thầy vắng mặt. Tuy vắng mặt Thầy, nhưng những Phật sự Thầy giao phó, huynh đệ chúng con vẫn cố gắng trôi tròn trách nhiệm.

Rồi chúng con cũng được ở bên Thầy, vô thường không bỏ sót một ai. Thầy có chút bệnh duyên về Thường Chiếu nghỉ dưỡng, chúng con lại được thăm Thầy mỗi sáng thứ ba.

*Thứ Ba huynh đệ sum vầy
Quây quần bên gối dâng Thầy câu thơ
Gá thân mộng đạo cảnh mơ
Tiếng chuông non đảnh bây giờ còn vang
Khiến người tỉnh giấc mơ màng
Quay về nhận lại kho tàng đã quên.*

Nhắc đến Ban Văn Hóa con chợt nhớ, lúc Thầy còn khỏe mạnh, chúng con được cùng Thầy lật từng trang Kinh của Phật, dòng Ngữ lục của Tổ để duyệt lại những chỗ thiếu sót trong khi Thầy giảng dạy. Bộ Toàn tập tạm hoàn chỉnh, chứa đựng tinh yếu cả cuộc đời giáo hóa, giảng giải, dịch thuật, trước tác của Thầy. Cứ mỗi lần huynh đệ gặp nhau để đọc lại những lời Thầy dạy được ghi trong bộ Toàn tập, chúng con vô cùng khâm phục ý chí kiên cường và tinh thần bền bỉ của Thầy. Thầy đa đoan Phật sự mà làm sao viết chừng ấy chữ nghĩa súc tích, rộng mà sâu thể hiện hết những yếu nghĩa mà đức Thế Tôn muốn trao lại cho nhân loại. Chúng con vô cùng may mắn được gặp Thầy, nguyện đời đời sanh ra ở đâu cũng được gặp Thầy mở sáng con mắt tuệ cho con, để con không mất thời gian hoay hoay chẳng biết lối đi như kiếp này.

Con nguyện chỉ tu theo thiền tông Đốn Ngộ, khi đủ duyên giáo hóa cũng chỉ đem một pháp thiền này truyền bá cho mọi người. Xin Phật tổ và Thầy chứng minh cho con.

Thiền tông đương đại phát triển bề mặt và chiều sâu. Cơ sở vật chất, mỗi tỉnh đều có thiền viện khang trang để tiếp độ người có duyên đến tu thiền. Thầy trụ trì Thường Chiếu và chư tăng nỗ lực hết mình để xây dựng trường thiền của tông môn, thu nhận Tăng sinh tu học theo đường lối của Thiền phái Trúc Lâm. Tất cả những Phật sự lớn nhỏ trôi tròn theo hạnh nguyện của Thầy. Chúng con mỗi người tự nguyện, hãy làm Phật sự dù nhỏ hay lớn, phát huy hai yếu tố trí và bi, thực hiện hai mặt tự lợi lợi tha đầy đủ, để không có phụ tú ân, ân giáo dưỡng của Thầy và ý chí xuất gia của mình.

Con xin thành tâm cầu nguyện mười phương chư Phật, lịch đại tổ sư gia hộ cho Thiền tông mỗi ngày mỗi phát triển, Hòa thượng Ân sư trụ thế lâu dài, làm tàng cây cổ thụ che mát cho quần sanh. ■

Thành Kinh Khánh Tuế Hoa Thương Ân Sứ

Thuần Tín

*Mừng Thầy tuổi thọ một trăm
Vô sự chứng ngộ uyên thâm lý Thiền
Biển trần sóng gió liên miên
Vững tay lèo lái con thuyền độ sanh
Tử bi ban rải pháp lành
Bao người thức tỉnh tu hành hết mê
Dù cho gian khó chẳng nể
Dù cho nghịch cảnh chẳng hề động tâm
Tuyên dương Phật pháp chánh chân
Đèn tâm thắp sáng tông phong rạng ngời
Áo vàng thị hiện khắp nơi
Nhà nhà hạnh phúc người người an vui
Gậy cầm tay bước thảnh thoái
Núi rừng sỏi đá thành ngôi đao tràng
Lục hòa xây dựng tăng đoàn
Song hành Thiền giáo vững vàng chuyển tâm
Nguồn Tào nghẽn mạch bao năm
Cuối hai mươi kỷ khơi dòng chảy tuôn
Thành tâm con kính chúc mừng
Chúc Thầy tuổi thọ ngang bằng Tổ Châu.⁽¹⁾
Đời còn lắm kẻ khổ đau
Cần dòng sữa pháp nhiệm mẫu An Tâm.*

(1) Thiền sư Triệu Châu thọ 120 tuổi

DUYÊN THÙ THẮNG

Bảo Hải

Ngưỡng nguyệt Sư ông Trúc Lâm thượng Thanh hạ Từ chứng minh.

Kính nguyệt Hòa thượng Trưởng ban Quản trị Thiền phái Trúc Lâm
chứng minh.

Đại chúng Bảo Hải chúng con kính dâng nỗi niềm tri ân đến công lao
pháp hóa của Sư ông Trúc Lâm.

Vạn vật xoay vần, thời tiết nhân duyên thay đều biến chuyển, xưa nay
thay khác, trong từng sát-na thay đổi không dừng. Có bao giờ chúng ta
hồi lại chính mình, có mặt đây, khi nào tạm biệt, bỏ thân này, gì sẽ theo
ta? Chết là hết, hay luôn được làm người mãi? Không chấp thường cũng
rơi vào chấp đoạn?

Thật là nhân duyên thù thắng cho chúng con, gặp được Chánh pháp,
hội ngộ Minh sư, giúp chúng con khai mở huệ tâm, biết rõ chân vọng,
không nhận lầm, tu trên nhân Phật trong mỗi người. Biết khách trần
phiền não đến rồi lại đi, riêng ông chủ nhà rành rành hiển lộ. Tự thấy tự
biết, tự dụng tu hành, tự thành Phật đạo. Cốt túy của chơn đạo, không dễ
dầu được hiểu và tin sâu, được học, tu và trải nghiệm chính mình, được
lao tác trong môi trường Tăng-già cộng trụ, sống cùng đại chúng, lớn lên
trưởng thành từ Đại chúng và Thầy tổ, được sự bảo hộ của Tông môn,

được ảnh hưởng âm đức của Hòa thượng Tông chủ thượng Thanh hạ Từ, với tiếng gọi tôn kính của Đại chúng Bảo Hải “Sư ông Trúc Lâm”.

Có được sự an lạc từ tự tâm trong cuộc sống tu hành bình dị chốn Thiền gia như hôm nay, thật sự có thầy (Ni sư Hạnh Bình), mới có chúng con. Sư phụ lại được sự pháp hóa từ Sư ông. Cả cuộc đời Người với tâm huyết khôi phục Thiền tông, làm sống dậy mạch ngầm, âm thầm chảy chậm từ chư Phật đến nay. Bước vào Thiền viện, chúng con có những tư liệu Thiền sử, được theo nếp “*Thiền giáo song hành*” như Sư ông đã từng dạy, được học được hiểu các hành trạng của người xưa, biết bao công lao khó nhọc của các bậc tiền bối. Chúng con thật hạnh phúc, tất cả đều đầy đủ từ vật chất đến tinh thần, chỉ thiếu chăng là chúng con thiếu tu. Cả cuộc đời Sư ông, tiếp Tăng độ chúng, không đi ngoài bản hoài của chư Phật, tâm tông và ý chỉ của chư vị Tổ sư, giúp chúng sanh nhận ra chân tánh bất sanh bất diệt, nơi thân tử đại bại hoại sanh diệt này.

*Hằng ngày con chũ vẫn theo tay
Lời Phật ý kinh sáng từng ngày
Dụng vào cuộc sống mầu nhiệm thay
Thể dụng chân tánh thảy hiển bày.*

Chúng con, hàng sơ cơ tu đạo quyết một lòng một dạ sắt son với chí nguyện xuất trần thượng sĩ. Chúng con tin rằng mọi thứ luôn thay đổi, hôm nay khác hôm qua, từ phàm phu qua thánh vị chỉ trong lăn tơ kẽ tóc, chăng được như những bậc thượng căn “*một nhảy vào liền đất Như Lai*”, chúng con lấy đốn ngộ là mục tiêu nhắm đến, nhưng tiệm tu trong cuộc sống thường nhật. Đi là đến, chỉ e là ta thối chí nản lòng, dừng lại là lùi. Trở về với cái chân thật của chính mình là điều tối yếu, rồi lợi lạc tha nhân, từ trường tu tập sẽ cảm đến môi trường xung quanh, y báo chánh báo song hành. Cuộc sống nhà Thiền thế ấy còn gì bằng, cần kiêm tìm hạnh phúc đâu xa xôi?

"Phật ở trong nhà, chẳng phải tìm xa, nhân quên gốc nên ta tìm Phật. Tu đến nơi, mới biết chỉ Phật là ngay nơi ta."

(Sơ tổ Trúc Lâm Phật hoàng Trần Nhân Tông)

Kính bạch chư bậc tiền bối, chúng con dẫu biết, ngôn ngữ sanh diệt làm sao có thể hiển bày cái không sanh diệt mà chúng con nhận được từ sự pháp hóa của thầy tổ, Tông môn? Nên tạm mượn ngôn ngữ hữu hạn này nói lên lòng tri ân vô hạn của Thiền sinh Bảo Hải về sự giáo dưỡng của thầy tổ và công ơn pháp hóa của Sư ông trong muôn một.

Sự thiết thực của biết ơn và đền ơn, chúng con tu tập an ổn trong từng phút giây, tiếp nối được mạng mạch Phật pháp, truyền đăng tục diệm, không để cho đoạn dứt, là có lỗi với Phật tổ, với Tông môn, với cả cuộc đời pháp hóa của Sư ông Trúc Lâm và bậc Ân sư khả kính nơi Thiền viện Bảo Hải này. Chúng con quyết một lòng một dạ chẳng đổi thay, kiên tâm bền chí tu hành, đến ngày thành Phật mới vừa lòng con, như lời Sư ông đã dạy. Hàng hậu bối chúng con tâm thành tri ân nhân duyên thù thắng. Nguyện đời đời kết duyên đốn giáo huân tu. ■

An Sư

Bảo Tuyền

*Mỗi chiều sau sám hối
Lễ Phật lễ Tổ xong
Con đánh lễ Sư ông
Với tâm thành kính ngưỡng.*

*Lòng từ bi vô lượng
Trí tuệ lớn vô biên
Ngài như ngọn đuốc thiêng
Đã vạch đường chỉ lối.*

*Dạy dỗ tận nguồn cội
Pháp nhũ biết bao lời
Chan rải khắp nơi nơi
Tâm lão bà tha thiết.*

*Một đời ngài tâm huyết
Không gì có thể ngăn
Dù thịt nát xương tan
Quyết mở con đường sáng.*

*Phục hưng và tiếp nối
Yên Tử Thiền Trúc Lâm
Của Phật hoàng Nhân Tông
Ngàn xưa đà sáng lập.*

An Giáo Đường

Bảo Tuyền

Trong tập sách phục hưng hoằng hoá
 Của Sư ông khơi lại dòng thiền
 Trúc Lâm Yên Tử núi thiêng
 Vua Trần khai sáng
 Phật hoàng Nhân Tông.

Con thật sự vô cùng kính ngưỡng
 Lê con rơi cảm xúc ngập tràn
 Bao nhiêu vất vả lo toan
 Sư ông ném trải muôn vàn khó khăn.

Nhung chí lớn không gì ngăn nổi
 Quyết một phen khai sáng thiền tông
 Cuối cùng ngộ lý sắc không
 Ngài đem chân lý chỉ mong cứu đời.

Bao mảnh đời chơi với khốn khổ
 Đến với ngài mong hết khổ đau
 Buông đi chớ có nắm vào
 Đời là giả tạm muôn màu sắc không.

Rồi từ đó ngài mang chánh pháp
 Độ chúng sanh giải thoát luân hồi
 Có vui có khổ con ơi
 Không vui không khổ
 một đời thanh thơi.

Còn nhiều nũa bao lời pháp nhũ
 Đã truyền trao đệ tử đệ tôn
 Tận tâm chỉ dạy hết lòng
 Thông đồng tịnh tại chẳng mong việc gì.

Nay kính chúc ngài trăm năm tuổi
 Con cúi đầu quỳ lạy ngưỡng mong
 Đời đời kiếp kiếp về sau
 Sư ông thị hiện truyền trao pháp Thiền.

An Sầu

Bảo Tuyễn

*Con luôn nhớ từng lời Sư ông dạy:
Đời vô thường con phải ráng buông đi
Tham sân si phiền não dính làm chi
Hãy quay lại giữ gìn tâm thanh tịnh.*

*Dưới chân ngài con cúi đầu quyỳ lạy
Hứa muôn đời mãi mãi khắc trong tim
Dù phong ba bão tố có nhận chìm
Thân túc đại có trả về túc đại.*

*Con vẫn giữ cái không hề tan hoai
Qua tháng ngày giảng giải của Sư ông
Vững niềm tin con bước thật thong dong
Từng nhịp thở từng phút giây an lạc.*

*Con phát nguyện từ đây thôi lang bạt
Quay trở về không đến cũng không đi
Không đợi chờ, không mong mỏi làm chi
Vì các pháp là hợp tan giả có.*

*Học thì giỏi nhưng sao hành quá khó
Nên luân hồi lên xuống mãi triền miên
Biết bao đời con chìm nổi đảo điên
Giờ tỉnh thức ôi thật là kỳ diệu.*

*Bạch Sư ông! Con khắc ghi lời dạy
Nguyện giữ gìn tâm thể thật tịnh thanh
Quên ngón tay chỉ còn thấy mặt trăng
Đang toả sáng trên bầu trời rỗng lặng.*

MỤC TIÊU VÀ TINH THẦN GIÁO DỤC CỦA HOÀ THƯỢNG TRÚC LÂM - THIỀN SƯ THÍCH THANH TỪ

Trần Thị Mai Hương

Tóm tắt:

Hoà thượng Thích Thanh Từ là người thắp lên ngọn lửa thiền cho Phật giáo Việt Nam vào cuối thế kỷ XX. Là một Thiền sư có tinh thần bi mẫn, biết đồng cảm và chia sẻ với những người dân nghèo. Luôn tinh tấn tu học và có trách nhiệm với vận mệnh của Phật giáo Việt Nam. Ngài đã mang tinh thần giáo dục của mình hoà với tinh thần khế lý khế cơ của Phật giáo, mở ra bước phát triển mới trên con đường hoằng pháp tự lợi, lợi tha, và trở thành một giảng sư có uy tín, được nhiều người yêu mến, kính trọng. Thông qua phân tích mục tiêu và tinh thần giáo dục của Hoà thượng Thích Thanh Từ, bài viết mong muốn truyền tải tinh thần giáo dục của Hoà thượng tới những thế hệ tăng ni, Phật tử Việt Nam, giúp họ soi chiếu lại bản thân mà giác ngộ trên con đường giải thoát. Mong muốn giúp họ thấu hiểu được cội nguồn Phật pháp, tinh tấn tu tập theo chánh pháp của đức Phật, để biết trân trọng, gìn giữ và phát huy mạng mạch của Thiền tông Việt Nam. Giúp họ có tinh thần giữ lửa cho ngọn đèn Thiền luôn rực sáng và trường tồn mãi cùng thời gian.

Từ khóa: Thiền phái Trúc Lâm, Hoà thượng Thích Thanh Từ, mục tiêu giáo dục, tinh thần giáo dục.

1. DẪN NHẬP

Phật giáo Thiền tông Việt Nam đã đồng hành với dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước. Trong quá trình hình thành và phát triển, Thiền tông đã cống hiến nhiều tinh hoa cho nhân loại. *Tuy nhiên, từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XX, Thiền tông đã vắng bóng trong ngôi nhà Phật giáo Việt Nam*¹. Lý do “*từ trên vua quan cho đến thứ dân, ai cũng an trí đạo Phật là ở sự cung cấp, cầu đảo, chứ không biết việc gì khác. Phần đông, họ chỉ trọng ông thầy ở danh vọng chức tước, mặc dù ông thầy ấy thiếu học, thiếu tu. Bởi tệ nạn ấy, làm cho Tăng đồ trong nước lần hồi sa vào con đường truy lạc.*”² Giữa lúc Phật giáo Việt Nam đang trong thời kỳ suy đồi và phân hoá dữ dội như vậy, Thiền sư Thích Thanh Từ xuất hiện như một ngọn đuốc sáng, giúp xoay chuyển nền Phật giáo nước nhà, khôi phục lại Thiền tông Việt Nam. Ngài đã “*thắp lên ngọn lửa Thiền trên núi Tương Kỳ vào hạ tuần tháng bảy nhuần, năm Mậu Thân, với mục đích đem Phật giáo Việt Nam trở về với cội nguồn uyên nguyên, đặt định đúng chỗ cho truyền thống Văn hóa Phật giáo Việt Nam*”.³ Ngài đã mang tinh thần giáo dục Phật giáo của mình hòa với tinh thần khế lý khế cơ, mở ra bước phát triển mới trên con đường hoằng pháp, trở thành một giảng sư nổi tiếng, có uy tín và được nhiều người nể trọng. Ngài cho rằng: mình là kẻ nợ của Tăng ni⁴, nên luôn mở lòng, nhiệt tình chỉ dạy cho những người quyết tâm muốn tu học. Mong muốn gieo vào lòng họ niềm tin sâu sắc vào giáo lý của đức Phật, giúp họ hiểu rõ về luật nhân quả, vô thường và vô ngã của đạo Phật. Từ đó soi chiếu lại bản thân mà tự giác ngộ trên con đường giải thoát, chứ không trông chờ từ nơi khác, theo đúng yếu chỉ của Thiền tông Việt Nam: “*Phản quan tự kỷ bốn phận sự, bất từng tha đặc*”. Niềm tin chính là kết quả từ giáo dục đạo đức, là liều thuốc bổ tăng sức mạnh cho tinh thần, giúp những đệ tử Phật vượt lên trên mọi cám dỗ cuộc đời, hướng đến một đời sống tươi đẹp, tự lợi - lợi tha.

Từ những phân tích trên, và dựa vào một số nguồn cứ liệu, bài viết đi sâu phân tích mục tiêu và tinh thần giáo dục của Hoà thượng -Thiền sư Thích Thanh Từ. Mong muốn giúp thế hệ tăng ni, Phật tử Việt Nam tiếp

nỗi tinh thần giáo dục của ngài, biết trân trọng, giữ gìn và phát huy mạng mạch Thiên tông. Giúp họ nêu cao tinh thần đoàn kết thắp lên ngọn lửa Thiên, quyết tâm giữ cho ngọn lửa ấy luôn rực cháy và trường tồn với thời gian. Đồng thời, giúp họ hiểu thấu đáo hơn về cội nguồn Phật pháp, từ đó biết tinh tấn tu tập theo chánh pháp để trở thành những vị chân sỹ, Phật tử có trí tuệ, biết tư duy, suy xét và áp dụng lời dạy của đức Phật vào phục vụ đời sống, mang lợi ích đến cho bản thân, gia đình và xã hội.

2. MỤC TIÊU GIÁO DỤC

Trong thời đại nhà Trần, đạo đức Phật giáo được cho là lý tưởng sống của tăng ni, Phật tử, bởi lối sống tích cực và đem lại lợi ích cho tha nhân. Tiếp nối lý tưởng đó, Hoà thượng Thích Thanh Từ cũng lấy đạo đức Phật giáo làm mục tiêu chính. Ngài cho rằng, chúng ta đang sống trong một xã hội yên bình, thịnh vượng và hạnh phúc. Đời sống vật chất và tinh thần được nâng cao, điều đó đồng nghĩa với truyền thống văn hoá, đạo đức trong xã hội cũng cần phải được cải thiện. Đặc biệt trong nếp sống của Thiền môn cần phải được quan tâm và kiện toàn một cách nghiêm túc. *Nếu người ở Thiền viện ai cũng biết lấy đạo đức làm nền tảng, làm chỗ quy hướng cho mình, thì Thiền viện sẽ là nơi lý tưởng nhất. Còn nếu chỉ biết nặng về hình thức, rồi tự hào cho đó là cùu cánh thì nó không bền, không tốt.*⁵

Để giúp tăng ni, Phật tử nâng cao tinh thần giáo dục, Hoà thượng đã soạn lập và ban hành ra bản Thanh quy để phục vụ ba môn học: văn huệ, tư huệ, tu huệ, nhằm tạo điều kiện cho các tăng, ni sinh sau khi có văn, tư rồi thực hiện tu để đạt kết quả tốt.⁶ Thanh quy là bản nội quy chuẩn mực trong hoạt động của Thiền viện, quy định rõ ràng từ nền tảng đạo đức đến đời sống tu tập hàng ngày, giúp tăng ni, Phật tử đạt đến tiến trình tự giác, giác tha. Như vậy, người tu học Phật nếu biết vận dụng từ sự nỗ lực và tu chứng của bản thân, chắc chắn sẽ dễ dàng đạt được sự giác ngộ, sẽ không còn vướng bận vào bất cứ thứ gì thuộc về thế gian: *cầu học tiến tu, mong đạt thấu chỗ thâm viễn trên đường tu Phật với tâm nguyện lợi mình ích người một cách viên mãn.*⁷

Hoà thượng nhận thấy tăng ni, Phật tử Việt Nam rất nặng lòng với công việc hoằng hoá, họ không còn thời gian để thực hành tu tập. Do thiếu sự huân tu nên họ dễ mắc sai lầm, dễ bị cảnh trấn lôi cuốn, sinh ra niềm đắm dục lạc và nảy sinh sân hận. Chính vì lẽ đó, Hòa thượng đã chỉ cho họ thực hành pháp môn: *Thiền giáo song hành*. Con người “*do tu Thiền mà hiểu được Giáo, do học Giáo mà tin được Thiền*”.⁸ Đây là mục tiêu quan trọng mà Hòa thượng muốn gửi đến những người tu học Phật, giúp họ giác ngộ dẹp trừ mọi phiền não, tiến tới một cuộc sống an lành, giải thoát.

Hoà thượng đã chỉ bày cho tăng ni, Phật tử cách sống với thể “*Chơn Không*”, để nhận ra chân lý của bản thể, từ đó không còn bị rơi vào vòng sinh tử luân hồi nữa: *Đối với thể Chơn Không là thể không sanh không diệt. Bởi không sanh không diệt nên khi chúng ta tu thể nhập được bản thể đó thì không còn bị sanh tử luân hồi nữa...* Ai tu muốn đạt đến mục đích giải thoát thì đều phải đi sâu, nhận chân được lý *Chơn Không*, sống được với cái thể *Chơn Không*, đó là giải thoát sanh tử.⁹ Nhận ra mọi thứ tồn tại trên trái đất là không sinh, không diệt, và hiểu được chân lý tối thượng của vạn vật, vũ trụ. Nên người tu học Phật dễ dàng đạt tới sự giác ngộ và giải thoát: “*Năm được rồi, nhìn lại chỉ tay không*”.¹⁰

Với suy nghĩ: “*Mình sống trên đất nước Việt Nam, là tu sĩ Việt Nam tức là mình có trách nhiệm với Phật giáo Việt Nam. Tụi con lành mạnh tốt đẹp là đem cái tốt đẹp lại cho Phật giáo Việt Nam. Tụi con bệnh hoạn, xấu dở là đem vết nhơ lại cho Phật giáo Việt Nam.*”¹¹ Cho nên Hòa thượng Trúc Lâm muốn người tu học Phật phải có niềm tin vững chắc vào giáo lý của đức Phật được ghi chép trong tam tạng kinh điển, phải hạ thủ công phu pháp môn: *Tức tâm túc Phật*. Người tu học Phật phải cố gắng bền chí, tinh tấn tu tập. Phải hiểu rõ chánh pháp và làm tròn bổn phận và trách nhiệm của mình. Có như vậy, cho dù gặp bất cứ khó khăn hay bất cứ chướng ngại nào xảy đến trong cuộc đời, cho dù ở thời kỳ mạt pháp hay chánh pháp, thì người tu học vẫn sẽ biết cách chuyển đổi được tâm thức. Biết buông bỏ và không bám chấp vào bất cứ thứ gì của sắc trần, chắc chắn tâm sẽ tỏa sáng khắp muôn nơi.

Như vậy, mục tiêu tối thượng của Thiền sư Thích Thanh Từ là tiếp tục tích cực phát triển sự nghiệp hoằng hoá giúp chúng sinh ngộ đạo, mong muốn đẩy nhanh “*con thuyền mộng*” đưa “*khách mộng*” dang “*dạo cảnh mộng*” nhanh chóng cập bến bờ: Mong muốn tăng ni, Phật tử liều ngộ được chân lý bản thể, nhận ra Phật tính của chính mình. Từ đó có trí tuệ và trách nhiệm gìn giữ, tiếp lửa cho ngọn đèn Thiền luôn rực sáng. Hoà thượng nhấn mạnh: “*Tôi muốn Phật pháp hay là con đường của Thiền tông, ngọn đuốc của nhà Thiền sẽ soi sáng, soi sáng mãi không dìung, không tắt. Chẳng những soi sáng một nơi mà soi sáng trùm hết.*”¹²

3. TINH THÂN GIÁO DỤC

3.1. Tinh thần truyền đăng tục diệm

Thời đức Phật còn tại thế, ngài dạy các đệ tử phải tự thắp đuốc lên mà đi. Thời nay, noi gương đức Phật, Hoà thượng Thích Thanh Từ cũng dạy những hàng đệ tử phái biết: “*Truyền đăng tục diệm*”, tức là nối đèn tiếp lửa: “*Tôi chỉ là một ngọn đèn mà thôi, tôi quý vị là trăm ngọn, ngàn ngọn, chứ không phải một ngọn như tôi nữa*”¹³. Mong muốn mỗi tăng ni, Phật tử phải tự thắp sáng ngọn đuốc, rồi mỗi ngọn đuốc sáng của mình cho người kế tiếp. Nếu ngọn đuốc này tắt sẽ có ngọn đuốc khác nối tiếp để thắp sáng. Ý thức được điều đó, nên từ thời đức Phật và qua bao nhiêu đời tổ sư, cho đến tận ngày nay luôn có những vị chân sư biết nối đèn tiếp lửa. Các ngài luôn thắp sáng lên ngọn đèn của chính mình, giữ cho ngọn đèn ấy luôn rực cháy đến mãi về sau. Ngọn đèn sáng đó chính là tâm của mỗi người. Tâm ngay thẳng, chân thật chắc chắn sẽ có Phật ngự trị trong đó. Khi tâm có Phật, cuộc sống sẽ trở nên tươi đẹp, trí tuệ khởi sinh. Khi có trí tuệ, con người sẽ nhận ra bản thể, đây là lúc con người biết quay về sống với cái tâm chân thật của mình, họ không còn bị mắc kẹt hay bám chấp vào bất cứ thứ gì của thế gian. Người có trí tuệ là người biết xoá bỏ vô minh, đạt đến sự giải thoát, biết thắp sáng và gìn giữ ngọn đuốc tâm của chính mình.

Tinh thần “*Truyền đăng tục diệm*” được cho là “*thành tựu bước đầu trong công cuộc mỗi đèn nối lửa của Hoà thượng Trúc Lâm, đã tạo được niềm tin*

yêu và quý kính pháp môn tu Thiền trong lòng tăng ni và Phật tử xa gần".¹⁴ Tuy nhiên, muốn cho Phật giáo nước nhà được phát triển và trường tồn cùng thời gian, tăng ni Phật tử Việt Nam phải hiểu rõ: *Tu là cái gốc để duy trì Phật pháp và bảo vệ Phật pháp¹⁵*, nên họ cần tinh tấn tu tập theo chánh pháp để có trí tuệ sáng suốt, biết trân trọng, gìn giữ và biết thắp sáng ngọn đèn truyền thống của tổ tiên mình bằng tinh thần "*Truyền dǎng tục diệm*".

3.2. Tinh thần giáo dục tự kỷ

Đức Phật khi còn tại thế, sau khi giác ngộ đã tìm ra nguyên nhân và nguồn gốc của khổ. Khổ xuất phát từ chính bản chất *tham sân si* của loài người. Tiếp nối tinh thần của đức Phật, Hoà thượng dạy các hàng đệ tử: "*Chúng ta thấy gốc đau khổ từ cái mê lầm là tham, sân, si... Cho nên chúng ta phải soi sáng để cho mọi người thức tỉnh. Dẹp bỏ được tham sân si, đó là cứu khổ cho chúng sanh.*"¹⁶ Nhưng muốn diệt trừ tận gốc tham sân si, trước tiên phải diệt trừ vô minh. Vô minh là mắt xích đứng đầu trong thuyết mười hai nhân duyên, là nguồn gốc sinh ra tham và sân. Khi con người bị bức màn vô minh che mờ thì si sẽ xuất hiện, khiến con người không biết phân biệt thật giả, phải trái. Vô minh dẫn họ đến con đường của mọi sự đau khổ. Do đó, Hoà thượng Trúc Lâm dạy chúng ta phải sống trong tỉnh thức để biết quan sát sự khổ. *Phải nhìn, phải xem xét cho tường tận nguyên nhân của nó là cái gì?*¹⁷ Phải biết *tự giáo dục và tha giáo dục là điều quan trọng*¹⁸. Khi đã quan sát một cách tường tận, nhận ra chân lý của khổ, lúc đó con người mới đạt tới sự giác ngộ và giải thoát.

Ngày nay, con người đang mải miết chạy theo lối sống hiện đại, vô tình họ đã đánh mất đi tự ngã. Chính điều này đôi khi khiến họ rơi vào trạng thái mất cân bằng trong cuộc sống. Sống trong tỉnh thức chính là liều thuốc chữa lành tâm hồn, giúp họ biết buông bỏ và thể nghiệm từng phút giây ở hiện tại, để nhận biết những gì diễn ra xung quanh. Hoà thượng nhấn mạnh: "*Những ai đang khao khát tìm lại chính mình, mong sống trọn niềm an lạc giữa cuộc tử sinh ba chìm bảy nổi, nếu biết nương duyên thắng pháp dùng bước phong trần, về với khung trời Thiền đơn bạc, sẽ bỗng chốc*

*nhanh ra quê hương muôn thuở là đây.*¹⁹ Càng sống trong tinh thức, chúng ta càng làm chủ được thân tâm, và nhanh chóng tiến tới sự giải thoát trong vòng sinh tử luân hồi: *Nếu thức tỉnh thì chuyện thoát ly sanh tử không khó. Nếu chúng ta mê hoài thì không biết chừng nào ra khỏi biển sanh tử. Cho nên thấy rõ thân này không phải thật ngã thì tự nhiên sẽ thoát ly sanh tử. Nếu thấy là thật ngã thì không bao giờ ra khỏi sanh tử, dù tu hạnh gì cũng thế.*²⁰ Vì thế, để được sống trong tinh thức, đòi hỏi người tu học phải kiên trì tập luyện, phải kiểm soát chặt chẽ những hành động và suy nghĩ của mình để tránh mắc sai lầm và mang tổn thương đến cho người khác: *Chúng ta cố gắng nỗ lực tu, từ cố gắng đó, nơi mình đây đủ công đức thì bên ngoài theo đó mà được.*²¹ Đây là yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của mỗi con người, đưa con người đến một cuộc sống an lạc, hạnh phúc và giải thoát.

Như vậy, tinh thần giáo dục tự kỷ của Hoà thượng Thích Thanh Từ khuyên con người phải biết sống trong tinh thức để: *trở về với con người chân thật của mình, phá màn vô minh, đưa đến con đường giải thoát.*²²

3.3. Tinh thần Lục Hoà

Sống hoà thuận là yếu tố quan trọng trong mọi mối quan hệ của cuộc sống. Nó giúp con người có cuộc sống an lành, hạnh phúc. Chính vì lẽ đó mà Hoà thượng Trúc Lâm đã nối tiếp tinh thần của đức Phật, tạo ra môi trường giáo dục cho chư tăng ni, Phật tử. Ngài khuyên: “*Tại con phải sống theo tinh thần Lục Hoà... tại con phải nhớ từ Lục Hoà để trở thành một người xuất gia, một tập thể tốt đẹp...*”²³ Mong muốn người tu phải có nếp sống đạo đức, phải hiểu rõ *Thân hoà cùng ở - Miệng hoà không tranh cãi - Ý hoà cùng vui - Giới hoà đồng tu - Kiến hoà đồng giải - Lợi hoà đồng chia.* Nên ngài lập ra bản Thanh quy, trong đó có giáo dục tinh thần Lục Hoà, để chư tăng ni, Phật tử trong Thiền viện thực hiện mọi sinh hoạt hàng ngày theo đúng nội quy được đề ra. Mong muốn họ khi sống trong một tập thể phải biết thương yêu, đùm bọc nhau, phải: *bằng lòng kiên trì nhẫn耐... dốc chí đồng lòng, cùng bảo ban chia sẻ, em ngã chị nâng, đồng lao cộng khổ.*²⁴ Phải luôn trân trọng, coi nhau như một gia đình, luôn giữ hoà khí, không tranh

cãi gây bất bình và thành kiến đố kỵ nhau. Ngài dạy: “*Tất cả chúng con đều đủ phước đủ duyên mới được sống chung với nhau một nơi tu hành thanh tịnh thì các con phải cố gắng giữ cho ba nghiệp được thanh tịnh... Ở bên trong phải dẹp ba con rắn độc tham sân si. Đối với huynh đệ thì phải sống đúng tinh thần Lục Hoà. Được vậy thì tựi con tu hành sẽ được tiến triển, còn thiếu những điều này thì tựi con tu có hình thức mà không tiến bộ... Ráng tu để khỏi uổng phí một đời.*”²⁵ Theo ngài: Nếu có bệnh mà không bắt trị để nó hoành hành đến lúc không kham trị nữa thì sẽ dẫn đến hậu quả đáng tiếc.²⁶ Hiểu rất rõ nghiệp lực và luật nhân quả, cho nên ngay từ khi bước chân vào sống trong Thiền viện, Hoà thượng đã bắt buộc các Thiền sinh phải tuân thủ và thực hành pháp Lục Hoà. Mong muốn họ hiểu rõ tính khí của nhau, biết tôn trọng, chấp nhận và đối đãi tử tế với nhau, tránh tạo nghiệp.

Như vậy, tinh thần Lục Hoà có thể coi: là chất keo gắn chặt lâu bền các Thiền sinh chung sống tại Thiền viện. Lục Hoà cũng là nền tảng vững chắc của đoàn thể tăng ni²⁷, là pháp tu của sự hoà hợp và tôn trọng lẫn nhau mà Hoà thượng Trúc Lâm muốn gửi tới tăng ni, Phật tử để ứng dụng vào trong đời sống, mang đến lợi ích cho bản thân và cộng đồng.

3.4. Tinh thần thiểu dục tri túc

Ngày nay, trong xã hội hiện đại huy hoàng, lộng lẫy nhưng cũng đầy cám dỗ. Người tu hành phải làm gì để giữ được đạo đức và nếp sống nơi Thiền môn? Trăn trở với điều này, noi theo gương đức Phật, Hoà thượng dạy các đệ tử sống theo tinh thần “Thiểu dục tri túc”. Từ thời xa xưa nếp sống “thiểu dục tri túc” đã ăn sâu vào nhận thức của mỗi đệ tử Phật, trở thành nét đặc trưng riêng của Thiền viện: *Cuộc sống thanh đạm là đời sống của Thiền sinh tại các Thiền viện*²⁸. Hiểu rõ hạnh của người tu sĩ là không được để các pháp sai khiến tâm trí, không để mình trở thành nô lệ của các pháp. Cho nên Hoà thượng Trúc Lâm đã: Ăn uống đạm bạc, giữ trọn nếp sống thanh bần thường lạc nơi Thiền thất²⁹, để tâm không còn tham cầu sắc dục và danh lợi của thế gian. Theo Hoà thượng, người nào dục vọng càng nhiều thì tội ác càng lớn; muốn ít, biết đủ chính là giữ gìn đạo hạnh, từ đó phát

triển trí tuệ. Ngài khuyên người tu học phải lấy trí tuệ làm sự nghiệp: “*Tu theo đạo Phật mà không đặt nặng văn đề giác ngộ, không đặt nặng mờ sáng con mắt trí tuệ thì chưa phải đạo Phật.*”³⁰ Xét cho cùng, chạy theo sắc dục là do sự vô minh của con người, sống tư lợi cá nhân nên bị sắc dục ngự trị và chi phối. Tuy đây đủ về vật chất, nhưng đau khổ vẫn còn ngự trị. Vì vậy, muốn thoát khỏi sự ràng buộc của sắc dục, con người cần phải tu học và thực hành theo pháp môn “*thiểu dục tri túc*”, mới mong xoá bỏ được vô minh và thoát khỏi những phiền não. Đời sống tu hành như những con mồi để những cám dỗ lao đến, cho nên Hoà thượng luôn nhắc nhở các đệ tử về sự nguy hiểm của cám dỗ, cần phải tinh táo giữ cho tâm thanh tịnh để tu hành. Phải thực hành giữ giới luật “*ngoài dứt các duyên, trong bất vọng tưởng*”, đây là tôn chỉ đặc trưng của Thiền phái Trúc Lâm. Người tu học Phật cần biết tiết chế ngũ dục, sống đời phạm hạnh, tu tập theo chánh pháp phòng hộ các căn an nhiên thanh tịnh: “*Đã nguyện tu theo hạnh giải thoát nên mới thọ giới... Vì vậy khi đắp lá y vào mình rồi thì chúng ta đang từng bước đi trên con đường giải thoát... Được xuất gia thọ giới để tu đúng hạnh giải thoát thì kể từ đây mãi về sau trên đường tu lúc nào cũng biết tham sân si là ba con rắn độc không nên dung chứa nó nữa. Vì còn tham sân si thì tội con còn điêu linh khổ não nên phải dẹp bỏ.*”³¹ Giữ giới luật cũng chính là tinh thần “*thiểu dục tri túc*”. Những gì con người nhận được đều là kết quả của những hành động mà mỗi người đã thực hiện trước đó, nếu tuân thủ giữ giới sẽ được phước báu, và có một cuộc sống hạnh phúc, an nhiên, tự tại. Còn không sẽ nhận lại sự đau khổ và mãi trôi lăn trong vòng sinh tử luân hồi.

Như vậy, nếu hiểu và thực hành đúng theo tinh thần “*Thiểu dục tri túc*” của Hoà thượng Thích Thanh Từ: ít muôn, biết đủ là chúng ta đã tìm được sự bình yên trong tâm hồn và ung dung, tự tại giữa dòng đời mà không còn bị ngũ dục chi phối, deo bám nữa. Chúng ta cương quyết tu là phải sáng, là phải giác ngộ. Như vậy thì còn tối tăm hay chỗ nào tối tăm, chúng ta phải phải thắp đèn, phải đốt đuốc để rọi cho sáng.³²

3.5. Tinh thần tinh tấn tu học, cần cù, siêng năng

Hoà thượng Trúc Lâm quan niệm: “có thực mới vực được đạo”. Cho nên mặc dù quê hương đang trong thời kỳ loạn lạc, chiến tranh tàn phá, kinh tế gặp nhiều khó khăn. Muốn đời sống tu hành được ổn định để tu học, Hòa thượng đã khuyên các Thiên sinh phải bắt tay vào tăng gia sản xuất. Phải “ném ít nhiều phong vị khổ hạnh của hành giả nuôi chí xuất trần”³³. Cho nên ngài chỉ dạy các đệ tử cách cấy lúa, trồng khoai, be bờ, tháo nước... Cùng đồng cam cộng khổ, lao tâm khổ tú với các Thiên sinh, mong sao có đủ lương thực để các Thiên sinh yên tâm tu học. *Mồ hôi Ngài đã đổ ra tưới khắp đất cằn, ruộng cạn cho ra hạt gạo củ khoai rau xanh trái ngọt. Thế nên dù nhà dột cột xiêu, hầm hút muối dưa, cơm độn qua ngày, mà chan chứa nghĩa tình huynh đệ, nồng ấm ân từ.*³⁴ Cho dù cuộc sống tu hành thiếu thốn trăm bề, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, nhưng các Thiên sinh vẫn: *ngày hai buổi, chẳng quản nắng mưa, ra sức phá rừng dọn đất như nông phu thực thụ. Mặc cho tay phồng chân rộp, bùn sinh lấm láp, lấy mồ hôi và cả nước mắt, tưới tắm cho đất khô cằn.*³⁵

Như vậy có thể hiểu, cuộc sống của người xuất gia rất gian nan, khổ cực. Vì thế, để trở thành một người tu hành đắc đạo, không thể một sớm một chiều mà đạt được. Cần phải có cả một quá trình dài để trải nghiệm, thực hành tu tập. Hòa thượng và các đệ tử phải mất rất nhiều tâm huyết và cả sự kiên trì không mệt mỏi: *kiên quyết vượt qua chướng ngại, thực hiện kỳ được giải thoát viên mãn*³⁶. Chính sự kiên quyết đó đã tạo nên sức mạnh và niềm tin để Hòa thượng và các đệ tử thực hiện được ước mơ dựng lại con đường Thiền trên chính quê hương mình. Với ngài: *không tu thì thôi, nếu đã tu thì phải tu đến nơi đến chốn để xứng đáng với sở nguyện của mình*³⁷. Và nếu chúng ta, những người tu học Phật, biết áp dụng tinh thần của ngài vào phục vụ cuộc sống, chắc chắn chúng ta sẽ có một tâm thái bình an, và luôn mỉm cười trước những nghịch cảnh của cuộc sống:

*Đến đây rồi hạnh phúc khó thua trình
Chỉ xem thấy, nụ cười luôn hé nở.*³⁸

3.6. Tinh thần bi mẫn

Sinh ra trong thời chiến tranh loạn lạc, sống trong cảnh bần hàn, cơ cực, Hoà thượng rất thấm thía và đau xót trước nỗi thống khổ của người dân. Ngài luôn mong muốn đất nước không còn chiến tranh, loạn lạc... không muốn mình bị lâm vào cảnh giết người³⁹, nên ngài xuất gia đi tu để mong giữ trọn hạnh nguyện, mong lập được một phỏng chấn trị Đông y miễn phí để giúp đỡ những người bệnh nghèo. Ngài tâm sự: “Đời tôi nếu không là viên linh đơn cứu tất cả bệnh cho chúng sanh, thì cũng xin làm viên thuốc bổ để giúp người bớt khổ”.⁴⁰ Với tinh thần bi mẫn, biết đồng cảm và sẻ chia với đồng loại, Hoà thượng Trúc Lâm đã gây ảnh hưởng lớn tới những thế hệ tăng ni, Phật tử. Cụ thể: Ngài đã quy tụ được số lượng lớn tăng, ni có trình độ nghiệp vụ tham gia phục vụ tại Tuệ Tĩnh đường Linh Chiếu⁴¹. Theo quan niệm của đạo Phật, tình thương yêu và sự sẻ chia xuất phát từ lòng từ bi của con người. Nhưng do tham sân si, ích kỷ và vô minh, con người vô tình đã để tâm thức của mình bị đóng băng, và trở nên vô cảm. Do đó, Hoà thượng luôn nhắc nhở hàng tăng ni, Phật tử phải lấy hạnh từ bi, kham nhẫn nuôi lớn tinh thần phụng sự tha nhân: *Ở đây chúng ta thể hiện lòng từ bi bằng cách giúp đỡ bệnh nhân. Bệnh nhân họ khổ đau bệnh tật, tựi con giúp đỡ cho họ hết bệnh, đó là thể hiện lòng từ bi.*⁴² Đây chính là pháp tu theo hạnh bổ thí, có khả năng nghiệp phục được tâm tham sân si, xoá bỏ sự vô minh, giúp tâm con người giải thoát khỏi sự đóng băng, nhường chỗ cho tình thương yêu, và sự sẻ chia với những hoàn cảnh kém may mắn.

Tinh thần bi mẫn cũng chính là tinh thần giáo dục đạo đức mà Hoà thượng Trúc Lâm muốn gửi tới các thế hệ tăng ni, Phật tử Việt Nam ngày nay. Mong muốn giúp họ thoát khỏi sự đóng băng của tâm, biết mở lòng để yêu thương, chia sẻ với tha nhân.

KẾT LUẬN

Qua những phân tích trên có thể nhận định, tinh thần giáo dục của Hoà thượng Trúc Lâm - Thiền sư Thích Thanh Từ đã và đang đồng hành

với xu hướng phát triển của thời đại. Với mong muốn Thiền tông Việt Nam tiếp tục lớn mạnh và trường tồn cùng thời đại, nên Hoà thượng đã rất tâm huyết chắt lọc những cái hay, cái tinh tuý trong giáo lý của đức Phật để chỉ dạy cho các thế hệ tăng ni, Phật tử Việt Nam thể nghiệm được chân lý của vạn vật, vũ trụ, từ đó biết cách tu tâm và tu theo đúng chánh pháp. Có trí tuệ để biết trân trọng, gìn giữ và nối tiếp mạng mạch Thiền tông Việt Nam. Đồng thời biết ứng dụng giáo lý của đức Phật vào phục vụ cuộc sống, để tim cho mình một lối đi riêng, đồng thời sáng suốt nhận ra con đường nào phù hợp nhất với xu hướng của thời đại để tự điều chỉnh và thực hành theo. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Thích Phước Hảo, *Dòng diễn biến Thiền tông Việt Nam, kỷ yếu 25 năm Thiền viện Thường Chiếu*.

HT. Thích Nhật Quang (2013), *Thiền tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá*, tr553.

Mật Thể (2004), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb. Tôn giáo.

Nguyễn Đăng Thực (1991), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam, tập 2*, Nxb. Tp.HCM.

HT. Thích Thanh Từ ((2001), *Những cảm hứng tuỳ cảnh*, Nxb. Tp.HCM.

Kỷ niệm 15 năm Linh Chiếu. Lời Thầy dạy khi Linh Chiếu tròn 15 tuổi.

HT. Thích Thanh Từ, *Nói chuyện cùng với Tăng Ni tại Thiền viện Trúc Lâm ngày 01/01/2000*.

Hoà thượng trả lời phỏng vấn của ông Frank R. Jamtson, Giáo sư Đại học Western Michigan, ngày 20/10/1994 tại chùa Vạn Hạnh, Hoa Kỳ.

Diễn văn khai mạc lễ khánh thành Thiền viện Trúc Lâm.

Trích trong buổi nói chuyện của Hòa thượng tại Nội viện Ni Thiền viện Trúc Lâm ngày 30/04/2003.

<https://thuvienhoasen.org/a27180/nhin-ro-le-that>

CHÚ THÍCH

1. Thích Phước Hảo, *Dòng diên biển Thiền tông Việt Nam*, kỷ yếu 25 năm Thiền viện Thường Chiếu, tr34
2. Mật Thẩy (2004), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb. Tôn giáo, tr229
3. HT. Thích Nhật Quang (2013), *Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá*, tr553
4. Sđd, *Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá*, tr213
5. Sđd, *Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá*, tr394
6. Sđd, *Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá*, tr557
7. Sđd, *Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá*, tr91
8. Sđd, *Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá*, tr214
9. HT. Thích Thanh Từ (2001), *Những cảm hứng tuỳ cảnh*, Nxb. Tp.HCM, tr175
10. Sđd, *Những cảm hứng tuỳ cảnh*, tr21
11. Kỷ niệm 15 năm Linh Chiếu. Lời Thầy dạy khi Linh Chiếu tròn 15 tuổi, tr 9-12.
12. Sđd, *Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá*, tr267
13. Sđd, *Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá*, tr263
14. Sđd, *Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá*, tr239
15. HT. Thích Thanh Từ, *Nói chuyện cùng với Tăng Ni tại Thiền viện Trúc Lâm ngày 1/1/2000*
16. Sđd, *Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá*, tr481
17. Sđd, *Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá*, tr475
18. Nguyễn Đăng Thực (1991), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, tập 2, Nxb. Tp.HCM.
19. Sđd, *Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá*, tr641

20. <https://thuvienhoasen.org/a27180/nhin-ro-le-that>
21. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr339
22. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr432
23. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr463
24. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr405
25. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr463
26. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr395
27. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr559
28. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr558
29. Trích trong buổi nói chuyện của Hoà Thượng tại Nội viện Ni Thiền viện Trúc Lâm ngày 30/4/2003
30. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr441
31. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr463
32. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr442
33. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr405
34. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr248
35. Kỷ yếu 25 năm Thiền viện Thường Chiếu, tr9
36. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr558
37. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr362
38. Sđd, Những cảm hứng từ cành, tr27
39. Hoà Thượng trả lời phỏng vấn của ông Frank R. Jamtson, Giáo sư Đại học Western Michigan, ngày 20/10/1994 tại chùa Vạn Hạnh, Hoa Kỳ.
40. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr387
41. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr388
42. Sđd, Thiền Tông Việt Nam trên đường phục hưng và hoằng hoá, tr392

SƯ ÔNG THIỀN SƯ VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XX

Chánh Huệ

Thẩm thoát Sư ông vừa được một trăm tuổi. Đối với một vị thiền sư thì một trăm năm chỉ là một chớp mắt trong hành trình hóa độ chúng sanh. Thế mà Sư ông đã làm rất nhiều việc chúng con không thể nghĩ hết được. Không có Sư ông, cá nhân con không có ngày hôm nay và cũng không biết rõ đường về nhà như bao nhiêu người khác trên thế giới. Không có Sư ông, Thiền tông đã bị chôn vùi và có thể mãi mãi sẽ bị chìm sâu trong lòng đất Việt. Không có Sư ông, người Việt chúng ta đã, đang và sẽ quên mất, thế giới cũng chẳng biết Việt Nam đã có một Thiền phái riêng biệt, đặc thù Việt Nam ngang tầm với Thiền tông Ấn Độ, Trung Hoa và Nhật Bản. Không có Sư ông, Phật tử chúng con chẳng biết rõ con đường trở về chính mình một cách đơn giản, thẳng và nhanh nhất.

1. BIẾT ƠN VÀ ĐÊM ƠN SƯ ÔNG

Nhắc đến Sư ông, cá nhân con chân thành tri ân Sư ông vô cùng mà ngôn từ không thể diễn tả hết sự chân thành tri ân của con. Trước khi gặp Sư ông, cá nhân con là một chúng sanh mang đầy đủ tất cả những tập khí phàm phu: nóng giận, ngã mạn, tham danh lợi, ích kỷ, sống nương vào vật chất để hưởng thụ, ăn thịt chúng sanh mà vui thích không một chút thương

xót. Lần đầu tiên con gặp Sư ông là hôm Sư ông giảng pháp tại chùa Xá Lợi. Khi đó con đang ngồi bên ngoài chánh điện Mai Thọ Truyền của chùa. Nhìn Sư ông bước ra khỏi xe hơi và đi từ bãi đậu xe vào chánh điện, qua bước đi của Sư ông con cảm nhận được sự khoan thai, nhẹ nhàng, thong dong và siêu thoát từ trong tâm của Sư ông. Lúc đó con tự quay lại chính con người của con, trong tâm của con sao mà rối ren, sầu não, nặng trịch như khối đá lớn bị buộc chặt vào những thứ ngoài đời. Con tự hỏi: Tại sao Ông Sư này là con người và con cũng là một con người mà lại có sự khác biệt lớn lao như vậy? Lúc đó con nhất quyết nghe xem Ông Sư này giảng cái gì để con có thể học và thực hành được nhằm giúp cho tâm mình được nhẹ nhàng phần nào chăng! Sau bài giảng pháp của Sư ông hôm đó, con chỉ hiểu được 30% nhưng con vẫn nhất quyết phải gặp được Sư ông để Sư ông giúp cho con với bớt phần nào sự nặng trĩu trong tâm.

Nhờ một gia đình Phật tử thuần thành biết rõ Sư ông, con đã được thân cận với Sư ông tại Thiền viện Thường Chiếu mỗi tháng một lần. Trong vài tháng gần đây, con cảm nhận Sư ông là vị Thầy con cần nương tựa để chuyển đổi tâm con. Con đã quyết định quy y với Sư ông ngày mùng 8 tháng Hai năm Canh Thân 1980. Sau khi quy y xong, con và một vài bạn đạo vào thất của Sư ông để cảm tạ và nghe Sư ông chỉ dạy thêm. Sư ông ngồi ở bàn, còn Phật tử ngồi trên sàn chung quanh Sư ông. Một người bạn thưa lên Sư ông: “Dạ thưa Thầy, Dương không chịu ăn chay!” Người bạn vừa dứt lời, Sư ông quay lại và nhìn xuống con với một nét từ bi vô cùng trên gương mặt và trong đôi mắt của Sư ông, cho đến bây giờ con chưa bao giờ quên được ánh mắt đó. Sư ông chỉ dạy: “Ở đời không có cái gì mà không làm được, ăn chay cũng vậy. Con không ăn chay được bởi vì cha mẹ con cho ăn thịt từ nhỏ, lưỡi của con đã quen mùi thịt. Hôm nay

con đã bắt đầu là người con Phật, nên tập ăn chay để phát lòng từ với chúng sanh. Ăn chay rồi từ từ sẽ quen!” Sư ông dạy con với giọng nói rất từ bi. Chính tâm từ bi của Sư ông đã chuyển được tâm thức của con và con đã quyết định bắt đầu ăn chay sau ngày hôm đó. Với sự sách tấn của Sư ông, con từng bước bắt đầu ăn chay từ 2 ngày mỗi tháng đến ăn trường chay trong vòng 3 năm.

Thưa Sư ông, sau này con mới hiểu lúc đó Sư ông đã biết con đang tự mãn với kiến thức khoa học và y học hạn hẹp của mình cho nên Sư ông phải sử dụng diệu thuật và lòng từ bi để hóa độ tâm tự mãn của con. Chính trí huệ và tâm từ bi của Sư ông đã chuyển hóa tâm con, độ cho con đến gần Sư ông. Con cảm thấy con được phước lớn vì con đã được nương vào phước trí của Sư ông để tu học; con đã học và thực tập thiền theo pháp môn của Sư ông. Con thật sự đã thay đổi rất nhiều từ khi theo Sư ông tu tập. Người trong gia đình con cũng cảm nhận được sự thay đổi này. Tuy vậy con vẫn còn nhiều tập khí phàm phu, cần thời gian để tiêu dung những tập khí này.

Sau đó con phải rời Việt Nam đi đoàn tụ với gia đình ở nước ngoài. Hai ngày trước khi đi nước ngoài, con ra Thiền viện Thường Chiếu để đánh lễ Sư ông. Con đã được Sư ông chỉ dạy riêng cho con để con có thêm tư lương khi sống ở nước ngoài, ít bị nhiễm trần cảnh và vẫn tiếp tục tu thiền. Sư ông đã chỉ dạy:

- Con luôn luôn nhớ, con là con của trưởng giả chứ không phải là kẻ cùng tử.
- Thầy trao hạt minh châu cho người tinh chứ không phải trao cho người mê.

Con đã nương vào lời dạy quý giá này để sống ở nước ngoài hơn ba thập niên mà ít bị danh lợi cột chặt, ít bị đắm chìm trong si mê vật chất và đang nhận lại gốc trưởng già của chính mình. Con tự nhắc nhở “tỉnh tỉnh” như Sư ông đã chỉ dạy để biết rằng con đang có hạt minh châu và cố gắng nhận lại hạt châu này. Chỉ có tu hành tinh tấn và miên mật, con mới có thể đền ơn của Sư ông. Nếu không có Sư ông, con chỉ là một kẻ cùng tử được khoác lên người chiếc áo mà xã hội ưu đãi và ca tụng như bao nhiêu người khác, nhưng đâu ai biết rằng: kẻ Cùng Tử vẫn là kẻ Cùng Tử.

2. THIỀN TÔNG VIỆT NAM (THIỀN PHÁI TRÚC LÂM YÊN TỬ)

Vua Trần Nhân Tông ở Việt Nam là một vị vua anh minh xuất sắc trong việc cai trị và bảo vệ quốc gia. Trong sáu năm ở cương vị Thái thượng hoàng, ngài đã rèn luyện cho con trai là Trần Anh Tông trở thành một vị vua anh minh. Vua Trần Nhân Tông ngộ đạo khi ngài còn là một cư sĩ, đã xuất gia để dựng lập tông phái thiền đặc thù Việt Nam và đã nhập thế để hóa độ chúng sanh. Anh minh, cao cả và thoát tục thay cho vị vua Việt Nam thế kỷ XIII. Chỉ có nước Ấn Độ và Việt Nam mới có một vị thái tử và một ông vua rời bỏ ngai vàng vì tâm giải thoát, thoát tục và hóa độ chúng sanh. Chính Sư ông là người đã chỉ rõ cho chúng ta biết sự siêu xuất và thoát tục của vua Trần Nhân Tông. Nếu không có Sư ông, con chỉ biết vua Trần Nhân Tông là vị vua giỏi, bảo vệ được non sông trước sự xâm lăng của quân Nguyên khi con học sử Việt Nam. Nhờ có Sư ông, con biết thêm về vua Trần Nhân Tông, một tấm gương sáng cho người Việt nói chung và Phật tử Việt Nam nói riêng. Con hân diện về nước Việt Nam, hân diện về đạo Phật và Thiền tông Việt Nam và nhất là con rất tự tin rằng: Nếu quyết

chí tu thì con sẽ giác ngộ bởi vì không ai bận rộn hơn một ông vua nhưng ngài đã có quyết tâm tu và đã giác ngộ. Ngoài ra Sư Ông có công rất lớn trong việc phục hưng Thiền phái Trúc Lâm trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Thiền phái Trúc lâm rất thích hợp cho thế hệ hiện nay (khoa học và công nghệ phát triển) và cuộc sống ở hải ngoại: Cư sĩ tại gia vẫn tu thiền được và có thể giác ngộ ngay đời này, vừa sống vừa tu và vừa giúp đời. Khi chưa giác ngộ vẫn có vốn liếng kinh điển để tu hành và hướng dẫn cho người khác trong khả năng của mình. Nếu không có Sư Ông, Thiền tông nói chung và Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử nói riêng có thể bị lãng quên hay bị vắng bóng trên đất nước Việt Nam.

3. CON ĐƯỜNG TRỞ VỀ CHÍNH MÌNH

Chúng sanh bị sanh tử luân hồi trong ba cõi sáu đường chỉ vì tạo nghiệp. Chúng sanh tạo nghiệp do quên mất hay bỏ sót Tự tánh sáng suốt mà khởi vọng niệm hoặc phan duyên theo các pháp bên ngoài, để rồi thấy biết và suy nghĩ cho các pháp đó là thật và tiếp tục tạo nghiệp. Sư Ông chỉ rõ vọng niệm và các pháp đều không thật có. Pháp tu của Sư Ông chỉ thẳng vào cội gốc sanh tử. Nếu thấy đúng như Sư Ông chỉ dạy thì trong tâm hoặc không có vọng niệm hoặc có vọng niệm nhưng nó tự lặng, chúng ta cũng không còn phan duyên theo các pháp bên ngoài. Ngay đây là con đường trở về chính mình: thật đơn giản (không thứ lớp), thẳng (trực chỉ) và nhanh nhất (không phương tiện). Còn nếu khéo nhận, thì rõ rõ như vậy và như vậy. Biết được vọng thật sự mới biết tu.

Tất cả chúng sanh đều có Tánh giác. Tánh giác luôn luôn hiện hữu qua sáu căn. Trở về thẳng Tánh giác là pháp tu đơn giản và ngắn nhất. Sư Ông chỉ dạy “Biết” là Chân tâm. Nếu

người có căn cơ thấp hay chưa thuần thực khi thấy, nghe, v.v... tự biết mình đang có chân tâm - bên trong vọng niệm tự lăng, bên ngoài không còn phan duyên theo trần cảnh. Ngay đây là con đường trở về chính mình nơi sáu căn. Người tu thuần thực thì ngay nơi thấy, nghe, v.v... biết là chân tâm, thì cứ sống an nhiên sáng suốt như thế và như thế. “Tri vọng” và “Biết là Chân tâm” không phải là hai pháp môn, cũng không phải là hai giai đoạn của một pháp môn. Không hai cũng không một mà là như vậy và như vậy. Người tu thuần thực và tinh giác không thấy “đồng và khác” giữa “tri vọng và biết là chân tâm”. Con thành tâm tri ân sư ông đã truyền dạy cho đời sau như chúng con pháp môn thượng thừa này để nhận lại chính mình.

Theo cá nhân con, có ba phước lớn trong đời này:

- Được làm người là phước lớn thứ nhất.
- Được biết và tu theo đạo Phật là phước lớn thứ hai.
- Được theo Hòa thượng Sư ông tu thiền là phước lớn thứ ba.

Cá nhân con chỉ muốn nói về hàng cư sĩ tại gia như chúng con, những người còn bị nhiều gia duyên ràng buộc nhưng lại được phước theo Sư ông tu tập, cần phải luôn tinh giác mà tinh tấn tu học không ngừng. Nếu không, thì uổng phí làm người trong kiếp hiện tại.

Con kính phát nguyện tinh tấn tu theo pháp môn Sư ông cho đến ngày thành Phật để không phụ ơn chỉ dạy của Sư ông.

Con kính hướng về tổ đình Thường Chiếu thành tâm đảnh lễ Sư ông. Ngườing nguyện mười phương chư Phật, chư Bồ-tát gia bị cho Sư ông từ đại điêu hòa, trụ thế lâu dài, là đại thụ che mát cho chúng con. ■

Thầy Tôn Kinh

Tuệ Nhật

Viết sao không trau chuốt?
Viết sao hết tấm lòng?
Đắng Từ Bi mộc mạc,
Bậc Đức Hạnh thanh lương
Hy hữu Trí Tuệ tốt,
Lại bình dị cho người
Vô thường cái chớp mắt
Đời nhẹ áng mây trời
Sư ông mới đã già
Sư ông không còn khỏe
Sư ông đến nơi đời
Sư ông rồi sẽ đi
Sư ông thật không già
Sư ông thật không bệnh
Sư ông chưa từng đến
Sư ông cũng chẳng đi
Hy hữu thay nơi đời,
Đóa Sen Vàng Vi Diệu!
Ba mươi năm về trước
Chàng trai mới ra trường
Mịt mù không định hướng
Tâm tư thiểu vắng gì?

Một phen băng nhựa giảng
Thầy khai chỉ Lăng-nghiêm:
Xưa nay chưa từng sanh!
Xưa nay chưa từng diệt!
Ngõ ngàng và vui sướng!
Vô úy thí Thầy ban
Bài học quý giá này
Bao năm rồi cắp sách
Sao chẳng ai một lần
Mở ra và chỉ rõ?
Thân con cha mẹ sanh
Trí con Thầy khơi dậy
Ân đức sao bày tỏ?
Lẽ bao nhiêu cho vừa?
Kính xin Thầy cửu trụ,
Cho chúng sinh nương nhở
Bóng mát kẻ lũ hành
Nước ngọt người đang khát
Ánh trăng rằm xoa dịu
Đuốc soi kẻ lạc lầm
Làm sao trả ơn Thầy?
Ôn chảng đèn sao trả?
Lạy Thầy con tiến bước
Xin Thầy hãy yên lòng
Con xin đi mãi mãi
Không đứng lại giữa đường
Khổ vui lá thu rụng
Đường con thật thong dong
Đường con không chối hướng
Cũng chẳng chối mong cầu.

THẦY

Chơn Thiện

Đang nghe lời Thầy giảng giữa một đêm không ngủ được, bất chợt giọng người trầm xuống, có một chút tự sự, một chút thiết tha: “Cây nhang thắp tỏa hương thơm là lúc nó sắp tàn, tiếng tăm Thầy vang rộng khắp nơi thì tuổi Thầy đã xế chiều, các con phải cố gắng tiến tu...”

Lời Thầy mộc mạc nhưng thấm đẫm tận tim con, khơi mào cho mọi cảm xúc vỡ òa từ đó...

*Không ngôn từ nào đủ tôn nghiêm và cao cả
Tĩnh lặng như mặt nước yên ả hổ thu
Ngọt mát như dòng suối chẳng cội nguồn
Pháp âm từ đỉnh núi Phụng Hoàng tuôn
Đồng vọng mãi như ngàn xưa Yên Tử
“Lý tưởng tối hậu” lời phán truyền cùng là chứng cứ.
Cho Trúc Lâm hiện hữu giữa ngàn thông
Thầy! Bậc Đạo sư làm sống lại Thiền tông
Vang danh mãi như Lý - Trần đời trước.
Nếu chiến sĩ quên mình vì non nước
Bậc chơn tu cũng giữ dạ sắt son
Hạ quyết tâm, thân chẳng ngại mất còn
“Phá chấp ngã, bất vọng tưởng, để chơn như hiển hiện”
Bước đột phá, người độc hành thẳng tiến
Tâm ẩn không, vạn pháp thảy đều không
Chỉ một lòng Thiền giáo làm tôn chỉ khai thông
“Người vô sự” tìm đường về nguồn cội.*

Mặc thế sự, lợi danh, hận thù chấn lỗi
Hoa vẫn mỉm cười soi bóng dưới trăng thanh
Một bát chợt lóe lên, minh chứng đanh rành
Hạnh phúc đó làm nụ cười luôn bất tận.
“Về đến nhà” thương đàn con lặn đận
Bước ly hương chẳng biết néo quay về
Năm tháng vút qua trải mấy độ sơn khê
Ngoảnh mặt lại tóc xanh giờ chớm bạc.
Thiền thắt lập nhanh lời Thầy ghi tạc
“Danh vang xa thời tuổi đã xế chiều...”
Thoảng trong đêm buồn vang vọng một tiếng tiêu
Khúc u uất làm trăng buồn ẩn mặt.
Nén buồn đau truớc tình Thầy sâu sắc
Lớp lớp đàn con cố gắng tiến tu,
Thiền thắt mỗi ngày ghi nhận tối công phu
Gương sáng đạo đèn ơ Thầy trong muôn một.
Ngày lại ngày, mặc thế gian tan hợp
Nội viên vẫn luôn luôn tịch tĩnh an bình
Để cuối mỗi năm báo cáo phúc trình
Nụ cười mỉm trên gương mặt Thầy rạng rõ.
Trăng sáng, trời trong, khóm hoa hé nở
Thầy trò nhìn trăng rồi soi rọi tâm mình
Niệm lặng xăng chìm lặng biển thanh bình
Cười tự tại hòa niềm vui viên mãn. ■

SƯ ÔNG ĐÃ CHO CON BẦU TRỜI TỰ DO

Bạch Tuyết

Dời đi hát của tôi, tôi may mắn được xác lập cho mình một thái độ. Bởi đơn giản, tận cùng và rốt ráo nhất, tôi đã được học và hiểu một chút ít về bài học Tự Do từ chính Thầy tôi, Hòa thượng Bổn sư Thích Thanh Từ.

Tự do để tôn trọng sự tự do của tha nhân. Như chính đức Thế Tôn tôn trọng mọi nỗi khổ đau, hạnh phúc của con người, là do chính mỗi người tự tạo. “Phật không có quyền can thiệp khổ vui của con người. Ngài chỉ hướng dẫn chỉ đường cho những ai muốn tránh khổ tìm vui. Ai muốn an vui thì trước phải đem sự an vui lại cho mọi người, ai chấp nhận đau khổ thì trước làm đau khổ mọi người. Chẳng có ai cầm cân nảy mực ban phước xuống tội cho chúng ta.” (Ba vấn đề trọng đại trong đời tu của tôi - Hòa thượng Thích Thanh Từ)

Và như Sư ông giảng dạy, để có được sự Tự Do ấy, con người phải vượt qua mọi cám dỗ, phải thăng chính những sắc danh tài lợi đầy quyền dụ kia, quán chiếu nội tâm mình để thật sự hiểu mình muốn gì, biết mình là ai, giải thoát mình khỏi mọi ràng níu, mê đắm. Đó là lúc mình tự do thật sự.

Và sáng tạo chỉ có thể thăng hoa một khi mình tự do. Tự do trong sáng tạo là đỉnh cao của nghệ thuật. Tự do để buông thả mọi thứ, nhân danh sự sáng tạo thì lại là một kiểu tự do hoang dã.

Cho nên, trong đời làm nghệ thuật của tôi, những tác phẩm Phật học, hành trình tu tập và giác ngộ của Sư ông là đề tài bất tận, luôn thúc đẩy tôi chiêm nghiệm, suy ngẫm và mày mò hiểu, tìm cách giới thiệu đến càng nhiều người nghe, xem để hạnh phúc trong sự minh triết mà Sư ông mang lại.

Công ơn cha mẹ sinh thành, dưỡng dục. Công lao Thầy Tổ khai thị cho mình những bài học làm người, học suốt đời, có khi còn chưa thuộc. Đời tôi, người thầy dạy hát là NSND Phùng Há, bậc ân sư dạy tôi cách sống tinh thức, chân như là Hòa thượng Thích Thanh Từ.

Hôm rồi, tôi có dịp ghé ngang Phương Bối. Loanh quanh đồi thông, vợ của thi nhân Nguyễn Đức Sơn chỉ tôi cây mai trước căn nhà gỗ, nói đây là nơi Sư ông Thanh Từ đã từng đến ở và tu tập. Hạnh ngộ trong một buổi chiều ở Phương Bối, tôi chắp tay thành kính đảnh lễ Sư ông. Căn nhà đơn sơ, hay thiền viện khang trang rộng rãi cũng chỉ là một trong muôn ngàn phương tiện mà Sư ông đã đi qua, tùy duyên sử dụng trên bước đường tu tập.

Theo thời gian và quy luật sinh tồn, hẳn rồi mọi thứ sẽ hoại diệt. Hoại diệt để rồi lại sinh thành. Nhưng pháp tu mà Sư ông chỉ dạy, hướng dẫn cho những người con Phật cứ chân truyền, lan tỏa, sinh sôi. Lòng biết ơn Thầy Tổ cũng theo đó mà dậy khắp cùng trời, lặn sâu vào đất, tự do tự tại mà ca hát, mà an vui cùng người, trả ơn người. ■

Điệu Khúc Trúc Lâm **Chân Bảo Thành**

*Chơn Không lồng lộng sấm vô thanh,
Tử âm trùm khắp vạn hương lành.
Tung cánh Phụng Hoàng siêu không sắc,
Thường Chiếu, Đại Đǎng vượt bại thành.
Biết có chân tâm ngời cương linh,
Phản quan tự kỷ sáng rõ ràng.
Huy chấn Trúc Lâm dòng thiền Việt,
Khảy đàm Yên Tử đạo vô sanh.*

Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử

*TRÚC thiêng hùng khí mãi còn vang,
LÂM Tuyền bài phú họa thi đàm.
YÊN loạn thăng trầm nào vương vấn,
TỬ sinh suy thịnh tự tiêu tan.
Đất vọng chuông vàng dòng Thiền Việt,
Sấm rền trống cổ nước Văn Lang.
Vạn nẻo sơn hà đồng nhất thể,
Chí Rồng vung kiếm vẽ Kim Cang.*

BUÔNG

Đỗ Hồng Ngọc

Tôi thỉnh thoảng có được những buổi trực tiếp gặp gỡ với riêng Thầy.

Được gặp Thầy một mình như vậy, được trò chuyện trực tiếp với Thầy như vậy, tôi không chỉ học được những kiến giải sâu sắc của Thầy mà quan trọng hơn, còn học được cái “thân giáo”: ân cần, niềm nở, hết sức từ tốn, chân thành... của một bậc chân tu.

Một lần gặp Thầy ở Vũng Tàu, Thiên viện Chơn Không. Vì có buổi Pháp thoại với Phật tử ngay sau buổi nghỉ trưa nên tôi rút lui sớm. Một lần khác đến thăm Thầy ở Bệnh viện 115. Bệnh viện không cho ai vào thăm nhưng tôi trong ngành nên được cho phép vào. Thầy vui, ân cần nắm lấy tay tôi. Tôi vẫn theo dõi tình hình sức khỏe Thầy qua các Thầy ở Thiên viện, đặc biệt với thầy Thích Thông Hạnh...

Nhưng lần thăm Thầy ấn tượng nhất với tôi là gặp Thầy tại Thiên viện Trúc Lâm Đà Lạt, cách đây gần 20 năm, cũng vào khoảng tháng này, trời hơi lạnh và có chút mưa. Tôi có hội thảo gì đó bên Y tế. Khi tôi đến Thiên viện thì cơn mưa vừa tạnh. Nắng vàng tỏa rực trên mặt Hồ Tuyền Lâm. Tôi không hẹn trước, chỉ đi cầu may. May thay tôi thật hưu duyên.

Người thị giả mở cổng tịnh xá nho nhỏ như một cái cốc, kiểu nhà sàn thấp, có một hòn đá rất lớn trước sân ghi bốn chữ: Chơn Tâm Vô Niệm. Một con chó trắng to đang nằm thiu thỉu ở bậc tam cấp. Chú thị giả nói chó hiền lăm bắc. Tôi bước vào chắp tay chào Thầy. Trông thấy Thầy khỏe, sắc mặt tươi vui. Thầy choàng thêm áo khoác và nói vừa ở Hà Nội về, ngoài đó lạnh quá. Tôi hỏi thăm Thầy về sức khỏe, về chuyện ăn ngủ các thứ... rồi quan sát chung quanh: góc phòng có cặp tạ nhỏ, nặng khoảng một ký, Thầy nói để tập tay; một đôi dép cỡ lớn, Thầy nói ngày ngày đi bộ một vòng quanh núi.

Dịp này tôi đang viết Gươm báu trao tay (về Kinh Kim Cang) nên được dịp hỏi Thầy cho rõ thêm vài chỗ như nghĩa của cụm từ “như như bất động” và chuyện “dĩ sắc, dĩ âm thanh” để thấy Như Lai có phải là... hành tà đạo?

Tôi hỏi tảng đá to trước sân của Thầy thấy viết “Chơn Tâm Vô Niệm”, trong khi Lục tổ Huệ Năng chỉ nói “Vô Niệm” là đủ? Thầy cười, Ngài là Tổ, nói tắt vậy, còn mình phải nói rõ chớ. Thầy rất cởi mở, vui vẻ, hỏi đâu đáp đó nhanh nhẹn dù Thầy lúc đó cũng đã ngoài 80. Tôi lại hỏi về các tác phẩm xưa của Thầy như “Lục diệu pháp môn” và “Ba vấn đề trọng đại trong đời tu của tôi”... Thầy nói “Lục diệu pháp môn” dịch hồi còn trẻ (xưa rồi!). Tôi đề nghị Thầy nên cho tái bản cuốn Ba Văn Đề... vì rất cần cho giới trẻ hôm nay. Thầy có vẻ rất quan tâm.

Đã gần cả tiếng đồng hồ ngồi bên Thầy, tôi đứng dậy xá Thầy và nói: Nay giờ học với Thầy nhiều quá rồi, giờ xin Thầy cho một chữ thõi trước khi ra về,

Thầy cười: “Buông”!

Tôi còn có được một bài học khác từ một bài thơ rất ngắn của Thầy: MỘNG.

Bài thơ này Thầy viết năm 1980, tại Thiền viện Chơn Không ở Vũng Tàu:

MỘNG

Gá thân mộng,
Đạo cảnh mộng.
Mộng tan rồi,
Cười vỡ mộng.
Ghi lời mộng,
Nhăn khách mộng.
Biết được mộng,
Tỉnh cơn mộng.
(Thiền viện Chơn Không, tháng 7 - 1980) ■

Kinh Mừng Khánh Tuế Sư Ông

Chơn Diệu Tựu

Trúc Lâm Yên Tử Thiền tông,
Khai sinh ra bởi Phật hoàng Nhân Tông.
Tông chỉ Thiền phái Trúc Lâm,
Đơn giản cốt yếu thăng vào chân tâm.

Quay về nhìn rõ bốn tâm,
Hành thiền tinh tấn để vào Không mõm.

Giác ngộ các pháp tánh không,
Ngay đây cảnh giới Niết-bàn an vui.

Thượng THANH hạ TÙ tôn sư,
Tu hành khổ hạnh biết bao thăng trầm.

Giác ngộ chánh pháp thâm sâu,
Giác tha bùa khắp pháp mẫu quần sanh.

Dốc lòng khôi phục Thiền tông,
Trúc Lâm Yên Tử quang huy rạng ngời.

Sư ông giản dị hiền hòa,
Qua những bài pháp chỉ bày chúng con.

Đạo Phật trí tuệ từ bi,
Dùng trí Bát-nhã chuyên tâm tu hành.

Ứng dụng chánh pháp vào đời,
Tu là chuyển nghiệp, thoát vòng tử sanh.

Đó là bài học đầu tiên,
Con đã thọ lãnh từ lời Sư ông.
Những bài thuyết pháp con nghe,
Giúp con thấy rõ mình cần phải tu.

Việc tu qua sự chỉ bày,
Sư ông dạy rõ thật là giản đơn.
Không: Vọng tưởng, thần thông, mê tín,
Tất cả dùng, buông hết là xong.

Con được khai trí khai tâm,
Vượt qua chướng ngại thông dong trong đời.
Tâm thế an lạc thảnh thoảng,
Thì ra do bởi thực hành Thiền tông.

Mừng ngày Bách tuế Sư ông,
Nguyễn xin Tam bảo mười phương hộ trì.
Sư ông sức khỏe thường luôn,
Sống vui an lạc bên đời chúng con.

Nguyễn xin Tam bảo thường gia hộ,
Sở hạnh nguyện Sư ông tròn đạo quả.
Chúng con nguyện tinh tấn tu hành,
Để đáp đền ân đức của Sư ông.

LỜI BẠT

Thuở trước non cao Đại Quy hùng vĩ, uy chấn một thời, chất ngất mây xanh khói biếc. Một hành giả áo nạp từ phương xa tìm đến, nhận ra ngài Linh Hựu là chủ nơi đây, từ đó non Quy dần thành chốn Tổ. Thời thịnh đạo tràng ba ngàn năm ngàn nạp tử thường xuyên đổ về vấn đạo. Bậc Thầy tuyên đạo độ đời, sừng sững uy nghiêm, Phật pháp hiện bày.

Một hôm, ngài Quy Sơn cùng chúng đi hái trà. Tổ bảo Huệ Tịch:

- Tịch con! Cả ngày nghe tiếng con mà không thấy hình con, hãy hiện hình cho ta xem.

Huệ Tịch liền đập cây trà. Quy Sơn bảo:

- Con chỉ được cái dụng của nó, chẳng được cái thể của nó.

Huệ Tịch thưa:

- Chưa biết Hòa thượng thế nào?

Quy Sơn im lặng. Huệ Tịch thưa:

- Thầy chỉ được cái thể của nó, không được cái dụng của nó.

Quy Sơn bảo:

- Cho con hai chục gậy.

Thực là một khúc tông phong hòa tấu vang lừng khắp nhân thiên, tới hôm nay vẫn còn vang dội.

Một lần khác, sau giờ chỉ tịch Huệ Tịch đến thăm, ngài Quy Sơn bảo:

- Ta vừa nằm một điềm chiêm bao, ngươi thử vì ta đem lại xem.

Huệ Tịch bước vào đem khăn nước dâng lên Thầy. Ngài Quy Sơn lau mặt xong, Hương Nghiêm đến. Hòa thượng liền nói:

- Ta vừa nằm một điềm chiêm bao, Huệ Tịch đã vì ta đem lại xong, ngươi thử đem lại xem.

Hương Nghiêm liền rót trà dâng lên. Tổ Quy Sơn uống trà xong, nói:

- Hai con thấy hiểu còn hơn tôn giả Xá-lợi-phất.

Thời kỳ đương đại, tại đạo tràng Chơn Không núi Tương Kỳ Vũng Tàu, nếu Thầy không cương quyết dựng Pháp Lạc thất, mở thiền đường Chơn Không thì hôm nay mạng mạch Phật pháp trông cậy vào đâu mà hiển bày? Thiền đồ nạp tử nương vào đâu để hỏi đạo hành thiền, gầy dựng Phật đạo. Các thiền viện, thiền tự và học chúng tu thiền, căn cứ vào đâu để hành trì? Thế sự thăng trầm, mọi thứ đổi thay liên tục không ngừng, ít ra người con Phật thời này cũng có một điểm tựa tương đối để tiến đạo nghiêm thân, thừa hành Phật sự.

Nhìn vào cái chung có thể nói rằng Phật giáo Việt Nam đương đại đã gầy dựng, đã nêu cao tinh thần đạo pháp phụng sự chúng sanh. Đây là một điểm sáng đáng tin cậy, đáng ghi nhận và khích lệ. Trong lãnh vực đó có những thuận ứng tốt, cũng có những điểm báo phải có con người trụ cột, giữ vững giềng mối đạo pháp. Đồng thời phải có bậc hộ pháp mạnh dạn cương quyết loại trừ hết những u nhọt độc hại.

Cuối thế kỷ XX Thiền phái Trúc Lâm được khôi phục. Buổi đầu Thầy có những ưu tư. Nếu bản thân mỗi chúng ta không đầy đủ ý chí, thì khó có thể vượt thoát. Chỉ những người mang tâm hồn lớn, sôi bầu nhiệt huyết mới chiến thắng nội tâm cũng như ngoại

cảnh. Vùng lên đứng vững, bình yên tu tập trong đạo tràng tự thân, cương quyết thành tựu.

Giai đoạn kế tiếp, người tu phải nuôi dưỡng công phu liên tục, tinh thần tinh sáng, kiên quyết làm nên. Phải chắp cánh bay cao. Đây là lúc cần có hùng tâm, hùng lực để tiến thẳng vào đất thật. Phật pháp không cô phụ người đại chí đại nguyện. Muốn là được, quyết là thành.

Làm nên chính là kiện toàn việc hành trì chánh pháp nơi tự thân. Đại nguyện là nền móng vững chắc cho hành trình tiến đạo. Người con Phật phải vững tin vào Phật tâm, vào chánh pháp, vào chính mình. Nơi không có Phật ta nguyện tới đó làm thuyền bè cứu vớt chúng sanh, gióng thuyền đại pháp rộng vì đời sau.

Lại một lần từ Thanh quy ở Chơn Không, Thầy chuyển thành Quy ước Thường Chiếu rồi Thanh quy Thiền phái Trúc Lâm, dẫn dắt tăng ni Phật tử học thiền, hành thiền. Những đoạn đường này cũng lầm ưu tư, nhiều gian khó! Việc mới người mới, thầy trò cùng lắng nghe, cộng sinh cộng trụ. Phật lực gia trì, tuy mới cũng thuần thành và dần dần như nguyện tiến bước tới ngày hôm nay. Để rồi ánh sáng mùa xuân, ấm áp chan hòa hoa tươi cỏ lạ, thơm ngát hương thiền.

Giờ đây nhìn lại những chặng đường Thầy cùng đại chúng đã đi qua. Chặng đầu, chặng giữa, chặng rốt sau, tất cả đều lập cước trên đại nguyện, thẳng đó mà vào, tùy thời không bỏ đại tâm. Tam bảo gia bị, vô lượng Bồ-tát thiện thần ứng hộ, thầy trò an lành vững tiến tu hành, mọi thứ duyên theo đó hiện thành, tâm bồ-đề rực sáng.

Bên lão Tương Kỳ, chúng đệ tử quây quần thưa hỏi:

- Thưa Thầy, chúng con được tu thiền không?

Thầy đáp:

- Thiền pháp không có cái riêng, ai tu cũng được, cốt tại lòng mình.
- Thưa Thầy, làm sao để chúng con được tu thiền?

Thầy đáp:

- Ai buông được mọi thứ lǎng xǎng điên đảo thì được tu thiền.
- Thưa Thầy, những gì là điên đảo?

Thầy đáp:

- Mọi thứ trước mắt đó, nó có nói gì đâu, chỉ mình ôm giữ không chịu buông. Buông được nó thì hết điên đảo.
- Thưa Thầy làm sao biết các thứ đó là vọng tưởng?

Thầy cười bảo:

- Không khó. Cái gì không thật là vọng tưởng. Cái gì tồn tại không lay chuyển bởi thời gian không gian là chân thật.

Nơi đây, xin nêu dẫn lời thơ của Phật tử Trúc Thiên:

... Đường đi lên có Trần triều Thái Tổ,
 Tay khiển trượng thiền tay vỏ câu,
 Thế đạo suy vi cường khấu ngặt,
 Ngàn xưa đuốc tuệ rạng ngàn sau.

Đường đi lên có Thích-ca Văn Phật,
 Pháp hội Linh Sơn mở đạo mâu,
 Một cánh hoa trao ngàn thuở ngát,
 Lời kinh vô tự vút từng câu...

Ý túc của lời thơ, xin trân trọng gởi đến nạp tử bốn phương.

Mục lục

LỜI DÂN	9
ĐÈN THIỀN SÁNG LẠI.....	13
• THẦY HIỆN TRONG CON - Nhật Quang.....	14
• CHƠN TÂM VÔ NIỆM - Đắc Huyền	21
• ĐÂY NGƯỜI CHỦ TRÚC LÂM - Thông Phương.....	24
• BUÔNG BỎ - Thông Phương	27
• ÁNH SAO BẮC ĐẦU THIỀN TÔNG - Tâm Thuần	28
• MÀU XUÂN TRONG ÁNH MẮT - Thông Thiền.....	29
• TRI HÀNH HỢP NHẤT - Thường Chiếu.....	32
• BIẾT VỌNG - LIỀN LÀ CHÂN - Trúc Lâm	45
• THIỀN TÔNG VIỆT NAM- Tâm Thuần	51
• NÔI THIỀN TÔNG- Tâm Thuần.....	51
• SUỐI NGUỒN BẤT TẬN - Trúc Lâm Bạch Mã	52
• BẬC TÔN SỰ KHẢ KÍNH - Thông Huệ	56
• CHUYỆN THƯỜNG NGÀY - Tâm Hạnh	67
• MỘT ĐỜI SỐNG ĐẠO - Tâm Hạnh.....	74
• CỘI TÙNG NƠI ĐẤT VIỆT - Khế Định	78
• BIẾT CÓ CHÂN TÂM - Thể Nguyên	89
• THỈNH PHẬT TRU THẾ - Đạo Tâm	101
• DUYÊN LÀNH VỚI SƯ ÔNG - Viên Diệu	106
• BIỂN TỪ BAO LA - Như Tịnh	109
• ÂN SƯ - Như Thành.....	117
• TRỎ VỀ - Như Thành.....	117
• ÂN THẦY - Thuần Nhất	118
• THIỀN VIÊN TRONG TÔI - Như Đức.....	122
• MỖI KHI THẦY VỀ - Hạnh Huệ.....	129
• MÙNG THẦY BÁCH TUẾ - Hạnh Huệ.....	129
• TRÍ VÔ SỰ SIÊU VIỆT - Thuần Giác	130
• THEO CHÂN THẦY - Hạnh Diệu	138
• ÁNH TRĂNG THANH - Hạnh Nguyên	148

• CON NUỐC RẠCH TRA - Hạnh Chiếu.....	152
• ÂN SÂU GIÁO HÓA - Chân Giác	155
• ĐƯỚC THIỀN CHIẾU SOI - Tịnh Chúng	160
• MẠCH NGẦM - Hạnh Huệ	164
• TRI ÂN THẦY - Liễu Đức	166
• NHỚ MÃI ÂN THẦY - Như Ánh	168
• KỶ NIỆM VỀ HÒA THUỢNG ÂN SỰ - Hạnh Nhã	170
• THẦY TÔI - Hạnh Bình	176
• HÌNH ẢNH HÒA THUỢNG TÔNG CHỦ TRƯỚC KHI LÊN NÚI TUƠNG KỲ PHÁP LẠC THẤT	177
• HÌNH ẢNH HÒA THUỢNG TÔNG CHỦ TẠI PHÁP LẠC THẤT	183
• HÌNH ẢNH HÒA THUỢNG TÔNG CHỦ SAU KHI RA THẤT	184
TÓA RẠNG MUÔN NƠI	185
• CỐI THANH TỪ - Thông Thiên	186
• CHÙM THƠ DÂNG THẦY - Thông Thiên.....	188
• NÉT ĐẸP TRONG VĂN HÓA THIỀN PHÁI TRÚC LÂM HIỆN NAY - Tòng Huyền.....	190
• THƠ MỪNG KHÁNH TUẾ SƯ ÔNG - Trí Hải.....	200
• TRĂM NĂM SÁNG NGỜI TINH ĐẦU - Minh Đạo	202
• KHO Báu NHÀ MÌNH CHẲNG ĐOÁI HOÀI - Thông Phổ.....	204
• ÂN THẦY SOI SÁNG ĐỜI CON - Thông Giải.....	207
• KÍNH MỪNG TÔN SƯ 100 TUỔI - Quang Ánh.....	208
• PHÁP NGÀI SOI SÁNG TÂM CON - Tắc Tấn.....	213
• THẮNG DUYÊN - Tung Chí.....	215
• BA CHẶNG ĐƯỜNG - Tâm Thuần	216
• VIÊN MÂN - Thể Nguyên.....	216
• NÚI PHỤNG HOÀNG - Khả Kiến.....	216
• THẦY TÔI - Thông Tánh	217
• PHÁP NHŨ THÂM ÂN - Thái Hỷ.....	221
• SỰ TRẢI NGHIỆM QUA PHÁP MÔN THIỀN TÔNG - Tâm Đạt	227

• NOI UƠM MẦM GIÁC NGÔ - Trưởng Thiền Trúc Lâm	230
• SƯ ÔNG TRÚC LÂM	
NGƯỜI ĐÃ SOI SÁNG CON ĐƯỜNG CHO CON - Hướng Thiện	234
• SỰ PHÁT TRIỂN CỦA	
THIỀN PHÁI TRÚC LÂM VIỆT NAM - Trúc Lâm Chính Pháp	242
• TÀNG CÂY ĐẠI THỌ - Thông Quảng	256
• MẠCH THIỀN CA - Mạch Thiên Ca.....	257
• CẨM TRỌNG ÂN SÂU - Hoằng Hiền.....	258
• TRÚC LÂM TRÊN ĐẤT THẦN KINH - Bảo Pháp	262
• MỘT ĐOÁ HOA - Định Phương - Nhã Uyên	267
• THẦY VỀ PHỐ CỔ HỘI AN - Giải Thiện	269
• NHỚ ƠN THẦY - Huệ Thanh	271
• ÂN ĐỨC CAO CẢ - Ni chúng Bạch Mã	277
• MỪNG SINH NHẬT THẦY - Hạnh Huệ	284
• THẦY - NHỮNG CÂU CHUYỆN VÀ LỜI DẠY - Thuần Tuệ.....	286
• NGỒI THIỀN - Hạnh Duyệt	300
• TRỐN Ở ĐÂU - Hạnh Duyệt.....	300
• GẶP THẦY - Thuần Giới.....	301
• CÓ NHỮNG THÁNG NGÀY - Thuần Châu	304
• ÂN ĐỨC SÂU DÀY - Thuần Tín	307
• THÀNH KÍNH KHÁNH TUẾ HÒA THƯỢNG ÂN SƯ - Thuần Tín	314
• DUYÊN THÙ THẮNG - Bảo Hải.....	315
• ÂN SƯ - Bảo Tuyền	318
• ÂN GIÁO DƯỠNG - Bảo Tuyền	319
• ÂN SÂU - Bảo Tuyền	320
• MỤC TIÊU VÀ TINH THẦN GIÁO DỤC	
CỦA HOÀ THƯỢNG TRÚC LÂM -	
THIỀN SƯ THÍCH THANH TỬ - Trần Thị Mai Hương.....	321
• SƯ ÔNG - THIỀN SƯ VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XX - Chánh Huệ	335
• THẦY TÔN KÍNH - Tuệ Nhật	341
• THẦY - Chơn Thiện.....	342
• SƯ ÔNG ĐÃ CHO CON BẦU TRỜI TỰ DO - Bạch Tuyết.....	344
• DIỆU KHỨC TRÚC LÂM - Chân Bảo Thành	346
• THIỀN PHÁI TRÚC LÂM YÊN TỬ - Chân Bảo Thành	346
• BUÔNG - Đỗ Hồng Ngọc	347
• KÍNH MỪNG KHÁNH TUẾ SƯ ÔNG - Chơn Diệu Tựu	349
LỜI BẠT	350

Tập Ký yếu có sử dụng tư liệu hình ảnh của các tác giả.

Xin chân thành tri ân quý vị.

Ban biên tập còn nhận được nhiều bài của chư Tăng Ni,

Phật tử và các học giả, nhà nghiên cứu...

Nhưng vì số trang Ký yếu có giới hạn nên không thể đăng tải hết.

Những bài này chúng tôi lưu giữ
làm tư liệu cho Thiên phái hoặc sẽ đăng tải
trong các tập ký yếu tiếp theo.

Xin chân thành tri ân sự nhiệt tình
tham gia viết bài và cáo lỗi cùng liệt quý vị.

BAN BIÊN TẬP

KHÁNH THỌ BÁCH TUẾ HÒA THƯỢNG TÔN SỰ

Chịu trách nhiệm xuất bản: xxxx

Chịu trách nhiệm nội dung: xxx

Biên tập: xxxxx

Thiết kế và trình bày: Quốc An. Design (Quoc An Co., LTD)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC, XXXXX.

EMAIL: XXXXX

Điện thoại: XXXXX Fax: XXXX

Thực hiện liên kết: Thiền viện Thường Chiếu

Số lượng in: 5000 cuốn, khổ: 18cmx24cm. xxxxxxxxxxxxxxx

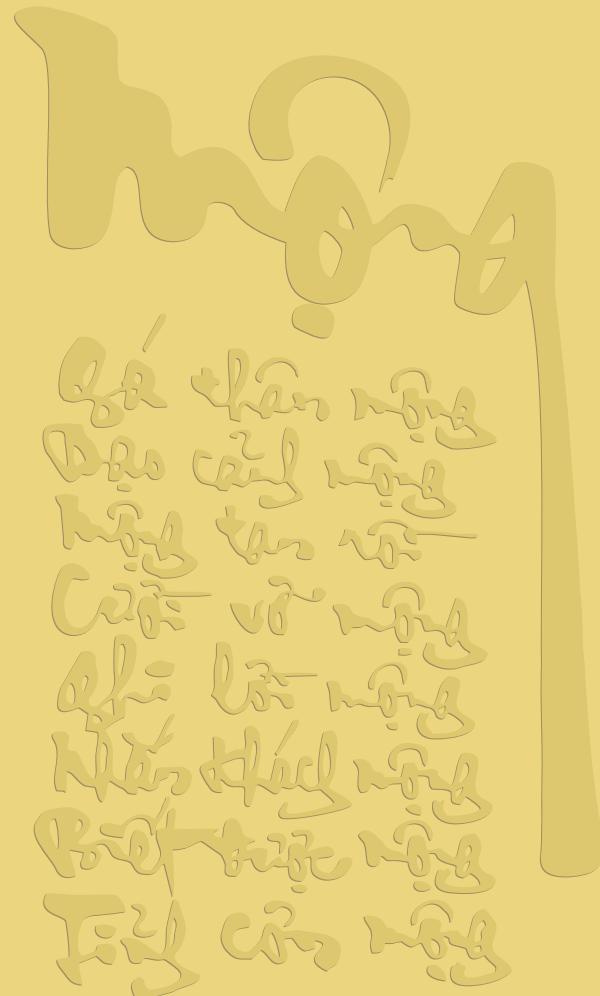
Địa chỉ: xxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxxx

XNĐKXB số: xxxx/CXBIPH/24-74/HĐ.

QĐXB số: xxxx/QĐ-NXBHD, ngày xx/xx/yyyy.

Mã ISBN:

In xong nộp lưu chiểu năm 2023.



BAN VĂN HÓA THƯỜNG CHIẾU
Thực hiện